



TRƯỜNG CAO ĐẲNG BẾN TRE

BÁO CÁO

**KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CƠ SỞ
GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP
NĂM 2019**

Bến Tre, tháng 03 năm 2019

MỤC LỤC

MỤC LỤC	1
DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT	3
PHẦN I. GIỚI THIỆU VỀ CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP	5
1. Thông tin chung về cơ sở giáo dục nghề nghiệp	5
2. Thông tin khái quát về lịch sử phát triển và thành tích nổi bật của cơ sở giáo dục nghề nghiệp	5
3. Cơ cấu tổ chức và nhân sự của cơ sở giáo dục nghề nghiệp	6
a. Cơ cấu tổ chức.....	6
b. Nhân sự	7
4. Nghề đào tạo và quy mô đào tạo.....	8
4.1. Ngành nghề đào tạo.....	8
4.2. Quy mô đào tạo.....	10
5. Cơ sở vật chất, thư viện, tài chính.....	10
PHẦN II. KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CỦA CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP.....	12
1. Đặt vấn đề.....	12
2. Tổng quan chung.....	13
2.1 Căn cứ tự đánh giá	13
2.2 Mục đích tự đánh giá.....	13
2.3 Yêu cầu tự đánh giá.....	13
2.4 Phương pháp tự đánh giá.....	14
2.5 Các bước tiến hành tự đánh giá	14
3. Tự đánh giá	14
3.1 Tổng hợp kết quả tự đánh giá ¹	14
3.2 Tự đánh giá theo từng tiêu chí, tiêu chuẩn	18
3.2.1. Tiêu chí 1- Mục tiêu, sứ mạng, tổ chức và quản lý.....	18
3.2.2. Tiêu chí 2 - Hoạt động đào tạo	37
3.2.3. Tiêu chí 3 - Nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động.....	54
3.2.4. Tiêu chí 4 - Chương trình, giáo trình	72
3.2.5. Tiêu chí 5 - Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện.....	91
3.2.6. Tiêu chí 6 – Nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và hợp tác quốc tế	111
3.2.7. Tiêu chí 7 - Quản lý tài chính	124
3.2.8. Tiêu chí 8 – Dịch vụ người học	135
3.2.9. Tiêu chí 9 - Giám sát, đánh giá chất lượng.....	147
PHẦN III. TỔNG HỢP KẾ HOẠCH NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP	153
PHẦN IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ	158

Đề xuất	158
Kiến nghị	158

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

CBGD	Cán bộ giảng dạy
CBQL	Cán bộ quản lý
CB-VC	Cán bộ - viên chức
CĐ	Cao đẳng
CĐBT	Cao đẳng Bến Tre
CNTT	Công nghệ thông tin
CTĐT	Chương trình đào tạo
ĐH	Đại học
GV	Giảng viên, giáo viên
GDTC	Giáo dục thể chất
GDQP	Giáo dục quốc phòng
HT	Hiệu trưởng
HSSV	Học sinh, sinh viên
KH&ĐT	Khoa học và Đào tạo
KH-CN	Khoa học – Công nghệ
KT-XH	Kinh tế - Xã hội
KTCN	Kỹ thuật - Công nghiệp
KTKT	Kinh tế kỹ thuật
KTV	Kỹ thuật viên
NCKH	Nghiên cứu khoa học
NV	Nhân viên
M1	Đề tài NCKH cấp trường
M2	Đề tài NCKH cấp tỉnh
ĐT	Phòng Đào tạo
QHQT	Quan hệ quốc tế
SKKN	Sáng kiến kinh nghiệm
SV	Sinh viên
TC	Trung cấp chuyên nghiệp

TDTT	Thể dục thể thao
THPT	Trung học phổ thông
TNCS	Thanh niên cộng sản (HCM)
TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
UBND	Ủy ban nhân dân

PHẦN I. GIỚI THIỆU VỀ CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP

1. Thông tin chung về cơ sở giáo dục nghề nghiệp

- 1.1. Tên Trường: TRƯỜNG CAO ĐẲNG BẾN TRE
- 1.2. Tên tiếng Anh: BEN TRE COLLEGE
- 1.3. Cơ quan chủ quản: Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre
- 1.4. Địa chỉ trường:
 - Trụ sở chính: Ấp 1 xã Sơn Đông, Thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre
 - Cơ sở 1: Số 78. đường Đoàn Hoàng Minh, phường 6. thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.
 - Cơ sở 2: Số 610A, đường Nguyễn Thị Định, phường Phú Khương, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.
- 1.5. Số điện thoại: 84.025.3822294
- 1.6. Số Fax: 84.025.3820103
- 1.7. Email: cdbtc56@gmail.com
- 1.8. Website: www.cdbt.edu.vn
- 1.9. Năm thành lập:

2. Thông tin khái quát về lịch sử phát triển và thành tích nổi bật của cơ sở giáo dục nghề nghiệp

- Tháng 11/2004 Trường CĐSP Bến Tre nhận quyết định số 4702/QĐ-GD&ĐT ngày 23 tháng 8 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo chính thức hợp nhất 3 Trường: CĐSP Bến Tre, Trung học Kỹ thuật - Công nghiệp Bến Tre và Trường Trung học Kinh tế - Kỹ thuật thành Trường Cao đẳng Bến Tre trực thuộc Ủy Ban nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Tháng 3/2018 Trường Cao đẳng Bến Tre nhận Quyết định số 345/QĐ-LĐTĐ ngày 29 tháng 3 năm 2018 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc sáp nhập Trường Trung cấp Văn hóa nghệ thuật Bến Tre và Trường Trung cấp Y tế Bến Tre vào Trường Cao đẳng Bến Tre.

- Cơ sở đào tạo:

+ Cơ sở 1 (cơ sở chính của trường): Đường tỉnh 884, ấp 1 xã Sơn Đông, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre, diện tích 81.507m²

+ Cơ sở 2: Số 78. đường Đoàn Hoàng Minh, phường 6. thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre, diện tích 21.073,3m²

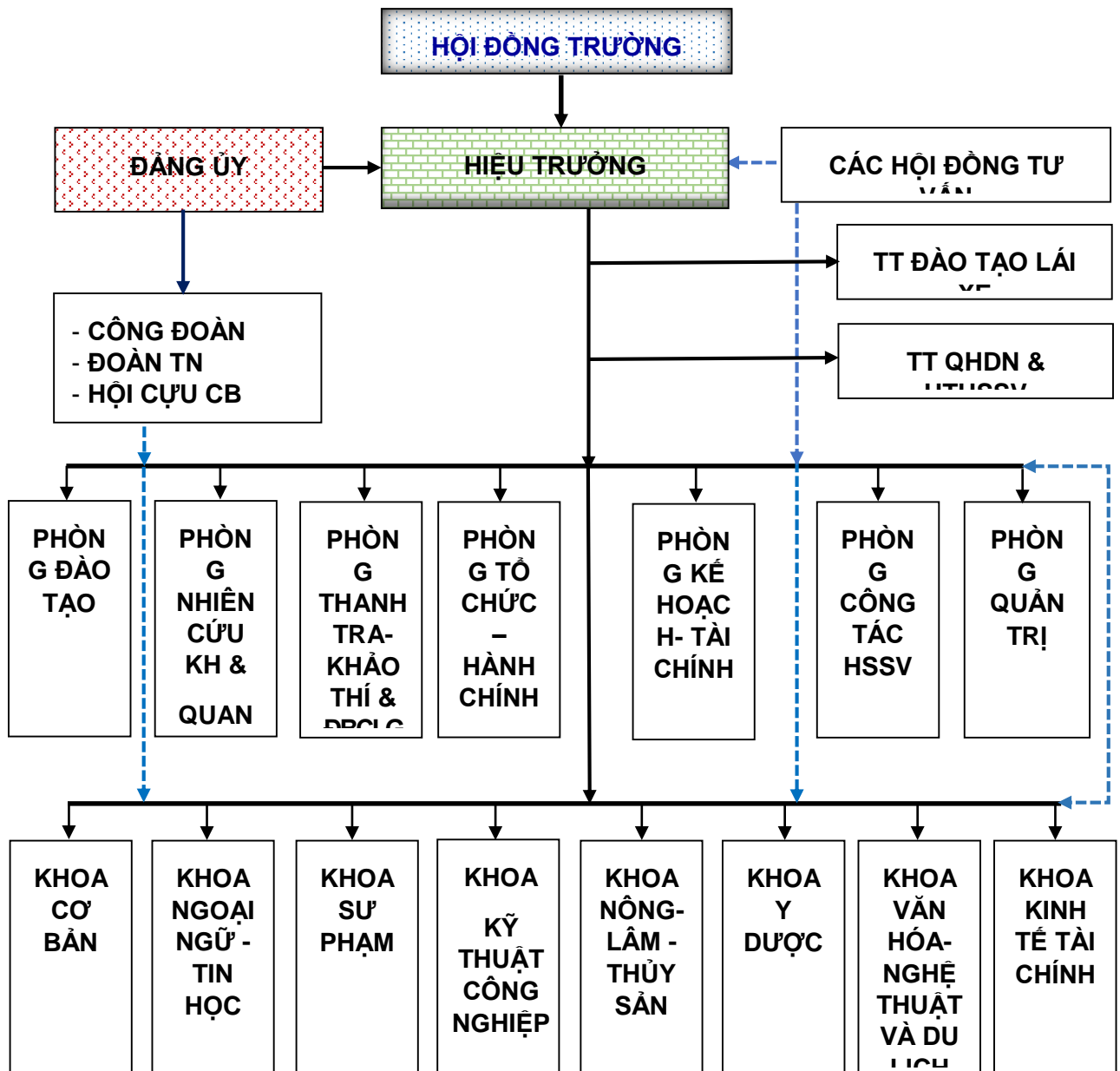
+ Cơ sở 3: Số 610A, đường Nguyễn Thị Định, phường Phú Khương, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre, diện tích 5.644,3m²

- Tổng diện tích chung của trường **108.224,6m²**,

3. Cơ cấu tổ chức và nhân sự của cơ sở giáo dục nghề nghiệp

a. Cơ cấu tổ chức

SƠ ĐỒ CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA TRƯỜNG CAO ĐẲNG BẾN TRE



b. Nhân sự

Các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học vị	Chức danh, chức vụ
1. Ban Giám hiệu				
	Nguyễn Văn Huân	28/08/1964	Tiến sĩ	Hiệu trưởng
	Trương Văn Quốc	20/10/1961	Thạc sĩ	P. Hiệu trưởng
	Võ Thành Phước	03/01/1964	Tiến sĩ	P. Hiệu trưởng
	Nguyễn Văn Hận	14/04/1960	Thạc sĩ	P. Hiệu trưởng
2. Các Tổ chức Đảng, Đoàn TN, Công đoàn				
Đảng ủy	Trương Văn Quốc	20/10/1961	Thạc sĩ	Bí thư
Công Đoàn	Lê Thị Mai	15/10/1966	Thạc sĩ	Chủ tịch
Đoàn TNCSHCM	Nguyễn Thị Kim Tho	15/05/1989	Thạc sĩ	Bí thư
Hội Cựu chiến binh	Văn Minh Vương	20/10/1980	Cử nhân	Chủ tịch
3. Các trưởng phòng chức năng				
Phòng TCHC	Lê Thị Mai	15/10/1966	Thạc sĩ	P.Trưởng phòng
Phòng ĐT	Phạm Văn Hòa	20/03/1977	Thạc sĩ	Q.Trưởng phòng
Phòng KH-TC	Trần Thị Bảo Minh	27/09/1980	Cử nhân	Trưởng phòng
Phòng Quản trị	Trần Thị Xuân Hồng	15/01/1979	Thạc sĩ	Q.Trưởng phòng
Phòng CTHSSV	Phan Anh Tuấn	02/02/1976	Cử nhân	Trưởng phòng
Phòng TT-KT&ĐBCLGD	Trần Thành Liễu	04/10/1963	Thạc sĩ	Trưởng phòng
Phòng NCKH&QHQT	Lê Du Tiệp	21/01/1961	Thạc sĩ	Trưởng phòng
4. Trưởng các khoa chuyên môn				
Khoa Sư phạm	Đỗ Xuân Thu	10/07/1965	Thạc sĩ	Trưởng khoa
Khoa Cơ bản	Nguyễn Thanh Sơn	27/06/1963	Thạc sĩ	Trưởng khoa
Khoa KT-CN	Nguyễn Thanh Phong	26/05/1966	Thạc sĩ	Trưởng khoa
Khoa KT-TC	Nguyễn Văn Hiếu	10/07/1966	Thạc sĩ	Trưởng khoa
Khoa N_L-Thủy sản	Đặng Minh Hiền	04/08/1979	Thạc sĩ	Trưởng khoa
Khoa NN-TH	Phan Thanh Sử	02/09/1964	Thạc sĩ	Trưởng khoa
Khoa VHNT&DL	Võ Thành Nguyên	16/01/1975	Thạc sĩ	Trưởng khoa
Khoa Y Dược	Nguyễn Thị Minh Hằng	30/07/1978	Thạc sĩ	Trưởng khoa
5. Trưởng các đơn vị trực thuộc				
TT ĐT lái xe	Phan Văn Ni	05/04/1970	Thạc sĩ	Quản lý TT
TTQHĐN&HTSSSV	Nguyễn Minh Thâm	19/12/1987	Thạc sĩ	Quản lý TT

+ Về số lượng:

Tổng số biên chế

Tổng số giảng viên, giáo viên giảng dạy tại trường, trong đó: 168

- Nam: 96 Nữ: 80

- Cơ hữu: 121 Thỉnh giảng: 6 Cán bộ quản lý tham gia giảng dạy: 41

Trình độ học vấn	Nam	Nữ	Tổng số
Tiến sĩ	4	0	4
Thạc sĩ	60	46	106
Đại học	20	34	54
Cao đẳng	1	0	1
Trung cấp	3		3
Trình độ khác	0		
	88	80	168

+ Về chất lượng:

+ Đạt chuẩn về trình độ chuyên môn: 168/168 người (tỷ lệ 100%).

+ Đạt chuẩn về nghiệp vụ sư phạm 168/168 người (tỷ lệ 100%).

+ Đạt chuẩn về trình độ ngoại ngữ: 168/168 người (tỷ lệ 100%).

+ Đạt chuẩn về trình độ tin học: 168/168 người (tỷ lệ 100%).

+ Đạt chuẩn về kỹ năng nghề: 00/00 người (tỷ lệ 00%).

+ Không đạt chuẩn về kỹ năng nghề: 168/168 người (tỷ lệ 100%).

4. Nghề đào tạo và quy mô đào tạo

Các nghề đào tạo và quy mô tuyển sinh của trường theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động dạy nghề, tính trong năm 2018-2019.

4.1. Ngành nghề đào tạo

Trường đang tổ chức đào tạo 13 ngành nghề trình độ cao đẳng; trình độ trung cấp 18 ngành nghề và 01 ngành nghề trình độ sơ cấp, Cụ thể:

+ Đào tạo trình độ cao đẳng: 13 ngành nghề

- Cao đẳng: Giáo dục Mầm non; Tiếng Anh; Việt Nam học; Tin học ứng dụng; Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử; Công nghệ kỹ thuật xây dựng; Công nghệ kỹ thuật ô tô; Kế toán; Quản trị kinh doanh; Quản trị văn phòng; Tài chính – Ngân hàng; Chế biến và bảo quản thủy sản; Nuôi trồng thủy sản.

<i>TT</i>	<i>Tên nghề đào tạo</i>	<i>Mã nghề</i>	<i>Quy mô tuyển sinh/ năm</i>	<i>Trình độ đào tạo</i>
1	Giáo dục mầm non	51140201	105	CĐ
2	Việt Nam học	6220103	30	CĐ
3	Tiếng Anh	6220206	50	CĐ
4	Quản trị kinh doanh	6340114	40	CĐ
5	Kế toán	6340301	40	CĐ
6	Tin học ứng dụng	6480206	35	CĐ
7	Quản trị văn phòng	6340403	40	CĐ
8	Công nghệ kỹ thuật xây dựng	6500103	30	CĐ
9	Công nghệ kỹ thuật ô tô	6510202	30	CĐ
10	CN kỹ thuật Điện, Điện tử	6510303	30	CĐ
11	Chế biến và bảo quản thủy sản	6620301	30	CĐ
12	Nuôi trồng thủy sản	6620302	30	CĐ
13	Tài chính ngân hàng	6340202	30	CĐ

+ Đào tạo trình độ cao đẳng: 18 ngành nghề

- Trung cấp: Công nghệ kỹ thuật phần cứng máy tính; Điện công nghiệp và dân dụng; Bảo trì và sửa chữa ô tô; Xây dựng dân dụng và công nghiệp; Điện tử công nghiệp và dân dụng; Công nghệ thực phẩm; Chăn nuôi – Thú y; Nuôi trồng thủy sản; Chế biến và bảo quản thủy sản; Bảo vệ thực vật; Kế toán doanh nghiệp; Quản lý và bán hàng siêu thị; Y sĩ; Điều dưỡng; Dược; Thanh nhạc; Hội họa; Quản lý văn hóa.

<i>TT</i>	<i>Tên nghề đào tạo</i>	<i>Mã nghề</i>	<i>Quy mô tuyển sinh/ năm</i>	<i>Trình độ đào tạo</i>
1	Điện công nghiệp và dân dụng	5520223	40	TC
2	Điện tử công nghiệp và dân dụng	5520222	30	TC
3	Xây dựng dân dụng và công nghiệp	5580202	30	TC
4	Bảo trì và sửa chữa ô tô	5520159	35	TC
5	Công nghệ kỹ thuật phần cứng máy tính	5480105	20	TC
6	Công nghệ thực phẩm	5540103	30	TC
7	Chăn nuôi thú y	5620119	30	TC
8	Nuôi trồng thủy sản	5620302	30	TC
9	Chế biến và bảo quản thủy sản	5620301	30	TC
10	Bảo vệ thực vật	5620116	30	TC
11	Điều dưỡng	5720301	35	TC
12	Dược sĩ	5720201	70	TC
13	Y sĩ	5720101	35	TC
14	Kế toán	6340302	30	TC
15	Quản lý bán hàng siêu thị	5340132	35	TC
16	Quản lý văn hóa	5220301	20	TC

17	Thanh nhạc	5210255	10	TC
18	Hội họa	5210103	10	TC

- Sơ cấp: Lái xe ô tô hạng B2: 510 chỉ tiêu.

4.2. Quy mô đào tạo

Công tác xác định chỉ tiêu năm 2019 cụ thể như sau:

Ngành Giáo dục Mầm non: Chỉ tiêu hệ chính quy 105 chỉ tiêu, hệ vừa làm vừa học 30% so với chỉ tiêu chính quy. Hoạt động Giáo dục nghề nghiệp: Cao đẳng 385 chỉ tiêu, Trung cấp 460 chỉ tiêu, Sơ cấp 510 chỉ tiêu.

+ Kết quả tuyển sinh so với quy mô tuyển sinh/năm được cấp trong giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp

Tổng số 855 người học (trình độ cao đẳng: 322 sinh viên; trình độ trung cấp: 113 học sinh; trình độ sơ cấp: 420 học sinh, đào tạo dưới 03 tháng: 00 học viên).

- Số ngành, nghề tuyển sinh đạt từ 0,1% đến dưới 20%: 00 ngành, nghề (trình độ cao đẳng: 00 ngành, nghề; trình độ trung cấp: 00 ngành, nghề; trình độ sơ cấp: 00 ngành).

- Số ngành, nghề tuyển sinh đạt từ 20% đến 50%: 02 ngành, nghề (trình độ cao đẳng: 00 ngành, nghề; trình độ trung cấp: 01 ngành, nghề; trình độ sơ cấp: 00 ngành).

- Số ngành, nghề tuyển sinh đạt từ 51% đến 109%: 12 ngành, nghề (trình độ cao đẳng: 08 ngành, nghề; trình độ trung cấp: 04 ngành, nghề; trình độ sơ cấp: 01 ngành).

- Số ngành, nghề tuyển sinh vượt từ 110% trở lên: 00 ngành, nghề (trình độ cao đẳng: 00 ngành, nghề; trình độ trung cấp: 00 ngành, nghề; trình độ sơ cấp: 00 ngành).

5. Cơ sở vật chất, thư viện, tài chính

5.1. Cơ sở vật chất chung

a) Tổng diện tích đất tối thiểu toàn trường: 87.173.033m².

b) Khu hiệu bộ và khu hành chính 7.354.280 m². Số người làm việc (Ban giám hiệu, cán bộ quản lý các phòng, khoa,...) 62 người, diện tích bình quân: 11.861 m²/người

c) Phòng học lý thuyết; phòng, xưởng thực hành, thực tập: 12.338m².

- Bảo đảm diện tích tối thiểu (5,5 m²/chỗ học) theo quy định:

+ Lớp học lý thuyết

- Số lớp học lý thuyết có từ 36 người trở lên: 08/51 lớp (trình độ cao đẳng: 06/51 lớp, trình độ sơ cấp: 02/51 lớp).

- Số lớp học lý thuyết có từ 35 người học trở xuống (trình độ cao đẳng: 26/51 lớp, trình độ trung cấp: 17/51 lớp).

+ Lớp học thực hành

- Số lớp học thực hành có từ 19 người trở lên: 04/49 lớp (trình độ cao đẳng: 02/51 lớp, trình độ sơ cấp: 02/51 lớp).

- Số lớp học thực hành có từ 18 người học trở xuống (trình độ cao đẳng: 21/51 lớp, trình độ trung cấp: 17/51 lớp).

d) Thư viện:

- Có thư viện: Diện tích 845 m².

đ) Khu giáo dục thể chất: 971 m²

- Có: Diện tích 971 m².

e) Ký túc xá học sinh, sinh viên:

- Có: Diện tích 1.557 m². Quy mô học sinh, sinh viên.

g) Phòng y tế:

- Có: Diện tích 75 m², số cán bộ y tế: 03 người.

5.2. Về thiết bị, dụng cụ đào tạo

a) Số ngành, nghề có đủ thiết bị, dụng cụ đào tạo: 12/28 ngành, nghề.

Tên ngành, nghề, trình độ đào tạo: Giáo dục Mầm non; Công nghệ Điện – điện tử; Tin học ứng dụng; Chăn nuôi - thú y, Kinh tế tài chính; Điều dưỡng; Thanh nhạc.

b) Số ngành, nghề không đủ thiết bị, dụng cụ đào tạo: 16/28 ngành, nghề

- Tên ngành, nghề, trình độ đào tạo: Tiếng Anh, Công nghệ kỹ thuật xây dựng, Công nghệ kỹ thuật ô tô, Công nghệ chế biến thủy sản, Nuôi trồng thủy sản, Việt Nam học, Xây dựng dân dụng và công nghiệp, Bảo trì và sửa chữa ô tô, Công nghệ thực phẩm, Nuôi trồng thủy sản, Chế biến và bảo quản thủy sản, Quản lý và bán hàng siêu thị, Y sĩ, Dược, Hội họa, Quản lý văn hóa.

PHẦN II. KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CỦA CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP

1. Đặt vấn đề

Chất lượng đào tạo luôn là một trong những vấn đề quan trọng quyết định đến sự tồn tại và phát triển của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp. Trong xu thế hội nhập khu vực và quốc tế thì yêu cầu ngày càng cao về nguồn nhân lực để đáp ứng sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, việc duy trì và nâng cao chất lượng là yêu cầu bức thiết đối với mọi cơ sở giáo dục và đào tạo hiện nay.

Trong những năm qua, Trường Cao đẳng Bến Tre luôn luôn phấn đấu để đạt được mục tiêu về chất lượng giáo dục nghề nghiệp. Mọi hoạt động đào tạo của nhà trường phải luôn được thực hiện phù hợp với chuẩn mực chung về giáo dục nghề nghiệp của cả nước theo từng giai đoạn cụ thể. Nhà trường coi công tác tự đánh giá chất lượng là hoạt động quan trọng để tự thấy được những mặt mạnh, những mặt còn tồn tại, từ đó xây dựng kế hoạch động cụ thể nhằm tiếp tục phát huy mặt mạnh, khắc phục mặt tồn tại, không ngừng cải tiến và nâng cao chất lượng đào tạo của nhà trường.

Trên tinh thần đó, năm 2019 nhà trường vẫn tiến hành công tác tự đánh giá chất lượng trường. Những năm trước 2017, nhà trường tự đánh giá chất lượng trường theo 10 tiêu chuẩn và 55 tiêu chí theo Quyết định số 66/2007/QĐ-BGDĐT ngày 01 tháng 11 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục trường cao đẳng. Từ năm 2017, Trường chuyển sang Bộ Lao động Thương binh và Xã hội, công tác tự đánh giá chất lượng giáo dục nghề nghiệp của trường càng được coi trọng, được thực hiện theo thông tư số 15/2017/TT-BLĐTBXH ngày 08/6/2017 Quy định tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp và thông tư số 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15/12/2017 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội.

Tự đánh giá chất lượng giáo dục nghề nghiệp không chỉ là công việc xác định cơ sở dữ liệu để tự kiểm định chất lượng trường mà còn thể hiện tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của nhà trường trong toàn bộ các hoạt động giáo dục nghề nghiệp phù hợp với sứ mạng và mục tiêu của nhà trường. Trường Cao đẳng Bến Tre đã ra quyết định thành lập Hội đồng, Ban thư ký và các Nhóm chuyên trách thực hiện công tác tự đánh giá chất lượng trường, thu thập, xử lý minh chứng, phân tích để thấy được các mặt mạnh, các mặt còn tồn tại và đánh giá điểm cho 100 tiêu chuẩn của 9 tiêu chí mà thông tư đã quy định.

2. Tổng quan chung

2.1 Căn cứ tự đánh giá

Căn cứ Thông tư số 15/2017/TT-BLĐTBXH ngày 08/6/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc ban hành Quy định về tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15/12/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Quy định hệ thống bảo đảm chất lượng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp;

Căn cứ Công văn số 23/TCGDNN-KĐCL ngày 26/01/2018 (ngày 25/3/2019 có Công văn thay thế số 453/TCGDNN-KĐCL) về việc Hướng dẫn đánh giá tiêu chuẩn kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp đối với trường Trung cấp, cao đẳng .

2.2 Mục đích tự đánh giá

- Nâng cao nhận thức của cán bộ, giảng viên, nhân viên và sinh viên trong toàn trường về tầm quan trọng của công tác **tự đánh giá** các điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục nghề nghiệp của nhà trường theo bộ tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng trường cao đẳng, qua đó huy động tất cả các đơn vị trong toàn trường cùng thực hiện công tác tự đánh giá.

- Thu thập và xử lý các minh chứng để chứng minh mức độ đạt chất lượng giáo dục nghề nghiệp tại nhà trường dựa trên cơ sở đối chiếu, so sánh với các yêu cầu trong hệ thống tiêu chí kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội ban hành.

- Xây dựng, thực hiện và duy trì tốt các tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng đã đạt, đồng thời khắc phục những tiêu chí, tiêu chuẩn chưa đạt qua đó giúp trường hoạch định chiến lược phát triển các nguồn lực trong từng giai đoạn, tiến tới xây dựng trường vững mạnh toàn diện, khẳng định uy tín và thương hiệu nhà trường.

- Xây dựng hệ thống bảo đảm chất lượng trong trường đáp ứng các nguyên tắc và yêu cầu do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định.

2.3 Yêu cầu tự đánh giá

- Thu thập thông tin, minh chứng về từng hoạt động và kết quả thực hiện chức năng, nhiệm vụ của đơn vị.

- Đánh giá, xác định mức độ đạt được theo từng chỉ số, tiêu chuẩn, tiêu chí kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp có liên quan; phân tích, chỉ rõ các điểm

mạnh, điểm yếu, nguyên nhân và đề xuất kế hoạch hành động nhằm nâng cao chất lượng hoạt động của đơn vị.

- Viết báo cáo kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục nghề nghiệp của đơn vị và gửi cơ quan có thẩm quyền.

- Tổ chức quản lý, duy trì cơ sở dữ liệu, thông tin, minh chứng về các hoạt động của đơn vị.

2.4 Phương pháp tự đánh giá

- Nghiên cứu báo cáo tự đánh giá chất lượng giáo dục nghề nghiệp của các đơn vị.

- Tổng hợp thông tin, minh chứng theo từng chỉ số, tiêu chuẩn, tiêu chí kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

- Kiểm tra thực tế, thu thập thêm thông tin, minh chứng theo từng chỉ số, tiêu chuẩn, tiêu chí kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp.

- Đối chiếu với hệ thống tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành, đánh giá, xác định mức độ đạt được của từng chỉ số, tiêu chuẩn, tiêu chí kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp; chỉ rõ các điểm mạnh, điểm yếu, nguyên nhân và đề xuất kế hoạch hành động nhằm nâng cao chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

- Viết dự thảo báo cáo tự đánh giá chất lượng giáo dục nghề nghiệp của trường, gửi các đơn vị trong trường để lấy ý kiến.

- Hoàn chỉnh báo cáo tự đánh giá chất lượng giáo dục nghề nghiệp của trường.

2.5 Các bước tiến hành tự đánh giá

Thực hiện Quy trình tự đánh giá định chất lượng giáo dục nghề nghiệp theo Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTBXH ban hành ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội, cụ thể như sau:

1. Thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng.

2. Thực hiện tự đánh giá chất lượng.

3. Thông qua và phê duyệt báo cáo tự đánh giá chất lượng.

4. Công bố báo cáo tự đánh giá định chất lượng và gửi cơ quan có thẩm quyền.

3. Tự đánh giá

3.1 Tổng hợp kết quả tự đánh giá

TỔNG HỢP KẾ HOẠCH NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP

Kết quả tự đánh giá

Qua quá trình phân tích, tự đánh giá kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp qua báo cáo các tiêu chí, tiêu chuẩn. Kết quả tự đánh giá được như sau:

Các mức đánh giá: Đ: Đạt C: Chưa đạt KĐG: Không đánh giá

Tiêu chí 1 - Mục tiêu, sứ mạng, tổ chức và quản lý (12/12)				2.7	Đ		
1.1	Đ			2.8	Đ		
1.2	Đ			2.9	Đ		
1.3	Đ			2.10	CD		
1.4	Đ			2.11	Đ		
1.5	Đ			2.12	Đ		
1.6	Đ			2.13	CD		
1.7	Đ			2.14	Đ		
1.8	Đ			2.15	Đ		
1.9	Đ			2.16	CD		
1.10	Đ			2.17	Đ		
1.11	Đ			Tiêu chí 3 - Nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động (14/15)			
1.12	Đ			3.1	Đ		
Tiêu chí 2 - Hoạt động đào tạo				3.2	Đ		
2.1	Đ			3.3	Đ		
2.2	Đ			3.4	Đ		
2.3	Đ			3.5	Đ		
2.4	Đ			3.6	Đ		
2.5	Đ			3.7	Đ		
2.6	Đ			3.8	Đ		

3.9	Đ				5.2	Đ		
3.10	CD				5.3	Đ		
3.11	Đ				5.4	Đ		
3.12	Đ				5.5	Đ		
3.13	Đ				5.6	Đ		
3.14	Đ				5.7	Đ		
3.15	Đ				5.8	Đ		
Tiêu chí 4 - Chương trình, giáo trình (12/15)					5.9	Đ		
4.1	Đ				5.10	CD		
4.2	Đ				5.11	Đ		
4.3	Đ				5.12	CD		
4.4	Đ				5.13	CD		
4.5	Đ				5.14	Đ		
4.6	Đ				5.15	Đ		
4.7	Đ				Tiêu chí 6 - Nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và hợp tác quốc tế (4/5)			
4.8	Đ				6.1	Đ		
4.9	CD				6.2	Đ		
4.10	Đ				6.3	Đ		
4.11	CD				6.4	Đ		
4.12	Đ				6.5	CD		
4.13	Đ				Tiêu chí 7 - Quản lý tài chính (6/6)			
4.14	Đ				7.1	Đ		
4.15	CD				7.2			
Tiêu chí 5 - Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện (12/15)					7.3	Đ		
5.1	Đ				7.4	Đ		

7.5	Đ				8.8	Đ		
7.6	Đ				8.9	CD		
Tiêu chí 8 - Dịch vụ người học (8/9)					Tiêu chí 9 - Giám sát, đánh giá chất lượng (4/6)			
8.1	Đ				9.1	Đ		
8.2	Đ				9.2	CD		
8.3	Đ				9.3	CD		
8.4	Đ				9.4	Đ		
8.5	Đ				9.5	Đ		
8.6	Đ				9.6	Đ		
8.7	Đ							

Tổng hợp:

Kết quả đánh giá	Đạt	Chưa đạt	Không đánh giá
Số tiêu chuẩn/tổng số	86/100	14/100	0/100

**ĐIỂM ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG
CƠ SỞ GIÁO DỤC**

Tiêu chí	Nội dung	Điểm chuẩn	Tự đánh giá
1	Mục tiêu, sứ mạng, tổ chức và quản lý	12	12
2	Hoạt động đào tạo	17	14
3	Nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động	15	14
4	Chương trình, giáo trình	15	12
5	Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện	15	12
6	Nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và hợp tác quốc tế	5	4
7	Quản lý tài chính	6	6
8	Dịch vụ người học	9	8
9	Giám sát, đánh giá chất lượng	6	4
		100	86

3.2 Tự đánh giá theo từng tiêu chí, tiêu chuẩn

3.2.1. Tiêu chí 1- Mục tiêu, sứ mạng, tổ chức và quản lý

Mở đầu

Trường Cao đẳng Bến Tre được thành lập Quyết định số 4702/QĐ-BGDĐT ngày 23 tháng 8 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Đến năm 2018, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Quyết định số 345/QĐ-LĐTBXH ngày 29 tháng 3 năm 2018 sáp nhập Trường Trung cấp Văn hóa, Nghệ thuật Bến Tre và Trường Trung cấp Y tế Bến Tre vào Trường Cao đẳng Bến Tre. Trường Cao đẳng Bến Tre là Trường Cao đẳng trọng điểm của tỉnh, nhiều hình thức đào tạo đa dạng phù hợp, đáp ứng nhu cầu sử dụng nhân lực của địa phương trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế. Trong quá trình hoạt động, Nhà trường đã xây dựng hệ thống các văn bản để tổ chức và hoạt động, đảm bảo đúng quy định và phù hợp thực tế Nhà trường. Trường Cao đẳng Bến Tre tiến hành xây dựng Kế hoạch thành lập Hội đồng trường. Ngoài ra, nhà trường còn có các Hội đồng tư vấn. Đảng bộ Trường Cao đẳng Bến Tre thành lập năm 2004 trên cơ sở hợp nhất 3 tổ chức cơ sở Đảng. Nhà trường đã ban hành các văn bản hướng dẫn thực hiện chế độ, chính sách ưu đãi đối với các đối tượng được thụ hưởng.

Những điểm mạnh

Sứ mạng của Nhà trường được xác định và công bố công khai rộng rãi trong CBVC, HSSV. Xác định được các ngành nghề trọng điểm và đầu tư cơ sở vật chất đang dần hoàn thiện. Nhà trường có đầy đủ hệ thống các văn bản để quản lý, điều hành, tổ chức các hoạt động. Các quy định, quy chế, Nhà trường tổ chức lấy ý kiến toàn thể CBVC và người lao động nhằm phát huy dân chủ. Cơ cấu nhà trường đảm bảo đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của Trường cao đẳng đào tạo đa ngành. Các Hội đồng phát huy vai trò tham mưu, giúp Lãnh đạo Trường giải quyết tốt các vấn đề theo chức năng, nhiệm vụ. Các phòng, khoa, trung tâm có trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ được giao. Tổ chức Đảng trong Trường Cao đẳng Bến Tre đã phát huy tốt vai trò lãnh đạo Nhà trường. Các đoàn thể, tổ chức xã hội trong Trường Cao đẳng Bến Tre đã duy trì tốt nền nếp sinh hoạt. Nhà trường đã tổ chức thực hiện các Nghị định, Thông tư, Luật theo quy định và theo hướng dẫn của các cấp.

Những tồn tại

Chiến lược phát triển Trường Cao đẳng Bến Tre giai đoạn 2011-2015 và tầm nhìn đến 2020” không tiếp tục thực hiện. Tuyển sinh chưa đạt chỉ tiêu đề ra. Liên kết đào tạo các cấp học còn ít. Do hạn chế nguồn kinh phí nên Nhà trường chỉ đảm bảo tự chủ một phần kinh phí trong hoạt động. Các đơn vị mới thành lập, nhân sự còn thiếu; kỹ năng quản lý, điều hành còn lúng túng. Công tác đảm bảo chất lượng, khoa học giáo dục của đội ngũ cán bộ tham gia trong hệ thống đảm bảo chất lượng vẫn chưa sâu; chưa biên soạn tài liệu hướng dẫn riêng về đảm bảo chất lượng trong nội bộ Trường. Đảng ủy chưa có những nghị quyết chuyên đề về một số lĩnh vực như: Cải thiện cảnh quan môi trường; cải thiện đời sống cán bộ, viên chức. Các đoàn thể trong Trường chưa chủ động nâng mình lên ngang tầm với yêu cầu thực tiễn. Việc khai thác các biểu mẫu theo quy định chưa đồng bộ; công tác theo dõi, quản lý việc chấp hành giờ giấc chưa nghiêm theo thời khóa biểu.

Kế hoạch nâng cao chất lượng

Nhà trường đang tiến hành xây dựng Chiến lược Phát triển Trường Cao đẳng Bến Tre giai đoạn 2020 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030. Tiếp tục ổn định công tác tổ chức; tăng cường chỉ đạo thanh tra, kiểm tra công tác quản lý chuyên môn, công tác giảng dạy của giảng viên. Tăng cường bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý và bố trí nhân sự cho đầy đủ, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ được phân công. Nhà trường tăng cường công tác đào tạo, liên kết đào tạo để tạo nguồn kinh phí ổn định, tiến đến lộ trình tự chủ theo quy định. Nhà trường sẽ hoàn chỉnh các thủ tục về thành lập Hội đồng trường. Nâng cao hơn nữa vai trò lãnh đạo toàn diện của tổ chức Đảng trong nhà trường.

Điểm đánh giá tiêu chí 1

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 1	12/12
Tiêu chuẩn 1	1
Tiêu chuẩn 2	1
Tiêu chuẩn 3	1
Tiêu chuẩn 4	1
Tiêu chuẩn 5	1
Tiêu chuẩn 6	1
Tiêu chuẩn 7	1
Tiêu chuẩn 8	1

Tiêu chuẩn 9	1
Tiêu chuẩn 10	1
Tiêu chuẩn 11	1
Tiêu chuẩn 12	1

Tiêu chuẩn 1.1: Mục tiêu và sứ mạng của Trường được xác định cụ thể, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, thể hiện được vai trò của Trường trong việc đáp ứng nhu cầu sử dụng nhân lực của địa phương, ngành và được công bố công khai

Mô tả

Trường Cao đẳng Bến Tre được thành lập Quyết định số 4702/QĐ-BGDĐT ngày 23 tháng 8 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Đến năm 2018, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Quyết định số 345/QĐ-LĐTBXH ngày 29 tháng 3 năm 2018 sáp nhập Trường Trung cấp Văn hóa, Nghệ thuật Bến Tre và Trường Trung cấp Y tế Bến Tre vào Trường Cao đẳng Bến Tre [1.1.01]

Sứ mạng của Trường Cao đẳng Bến Tre được xác định trong “Chiến lược phát triển Trường Cao đẳng Bến Tre giai đoạn 2011-2015, tầm nhìn đến năm 2020” và Đề án số 642/ĐA-BCĐ ngày 12 tháng 02 năm 2018 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc Tổ chức lại Trường Cao đẳng Bến Tre trên cơ sở sáp nhập Trường Trung cấp Văn hóa, Nghệ thuật Bến Tre và Trường Trung cấp Y tế Bến Tre [1.1.02] cụ thể: Đào tạo nhân lực ở các trình độ phục vụ sự phát triển kinh tế - xã hội, đáp ứng nhu cầu học tập đa dạng của nhân dân địa phương và khu vực; nghiên cứu và ứng dụng khoa học công nghệ; tổ chức và tham gia các hoạt động khác phục vụ cộng đồng, xứng đáng là trung tâm trí thức - văn hóa của Tỉnh và công khai trên trang web của Trường vào tháng 7/2010 và Cổng thông tin điện tử của UBND Tỉnh Bến Tre [1.2.03].

Với sứ mạng đó, Nhà trường xác định mục tiêu là phát triển một cách hợp lý quy mô đào tạo ở các trình độ, có chất lượng phù hợp, đáp ứng nhu cầu nhân lực của Tỉnh và vùng lân cận; đẩy mạnh nghiên cứu và ứng dụng khoa học công nghệ và các hoạt động phục vụ cộng đồng khác; trở thành trung tâm trí thức - văn hóa của địa phương; đảm bảo đầy đủ các điều kiện về đội ngũ cán bộ giáo viên và cơ sở vật chất đạt chuẩn của trường cao đẳng đa ngành.

Sứ mạng và mục tiêu trên phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của Trường: Đào tạo nguồn nhân lực các cấp có trình độ chuyên môn; bồi dưỡng nâng cao trình độ, kỹ

năng nghề; nghiên cứu, ứng dụng kỹ thuật - công nghệ nâng cao chất lượng, hiệu quả đào tạo; hợp tác liên kết tổ chức đào tạo.

Phân tích

Sứ mạng của Nhà trường được xác định và công bố công khai rộng rãi trong CBVC, HSSV; có nội dung rõ ràng; phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, với nguồn lực và định hướng phát triển của của Trường cao đẳng đa ngành, phù hợp với nhu cầu sử dụng nhân lực của địa phương.

Sau khi tổ chức lại Trường Cao đẳng Bến Tre trên cơ sở sáp nhập hai Trường thành viên, “Chiến lược phát triển Trường Cao đẳng Bến Tre giai đoạn 2011-2015 và tầm nhìn đến 2020” không tiếp tục thực hiện. Điều này ảnh hưởng đến việc định hướng phát triển trong các năm tiếp sau

Nhận định

Để định hướng phát triển bền vững trong những năm học tới, Nhà trường tiến hành xây dựng Chiến lược Phát triển Trường Cao đẳng Bến Tre giai đoạn 2020 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1, tiêu chí 1: 1 điểm – Đạt

Tiêu chuẩn 1.2: Trường thực hiện phân tích, đánh giá nhu cầu sử dụng nhân lực của địa phương hoặc ngành để xác định các ngành, nghề đào tạo và quy mô đào tạo phù hợp

Mô tả

Trường Cao đẳng Bến Tre là Trường Cao đẳng **đa ngành** của tỉnh, nhiều hình thức đào tạo đa dạng phù hợp, đáp ứng nhu cầu sử dụng nhân lực của địa phương trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế.

- Mỗi 06 tháng, 01 năm, Trung tâm Quan hệ doanh nghiệp và Hỗ trợ học sinh, sinh viên tiến hành khảo sát trực tiếp (qua điện thoại) đến từng học sinh, sinh viên để biết được tình hình việc làm của từng học sinh, sinh viên. [1.2.01]

- Mỗi năm học, giáo viên, giảng viên phải đi thực tế tại doanh nghiệp để kịp thời bổ sung kiến thức thực tiễn chuyên môn và nắm bắt nhu cầu tuyển dụng của doanh nghiệp [1.2.02)].

- Nhà trường đã xác định các ngành, nghề trọng điểm: Chăn nuôi thú y, Công nghệ kỹ thuật điện - điện tử, Chế biến và bảo quản thủy sản, Điều dưỡng và đang đầu tư trang thiết bị cho việc đào tạo các ngành, nghề trọng điểm.

- Phát triển một cách hợp lý quy mô đào tạo ở các trình độ, có chất lượng phù hợp, đáp ứng nhu cầu nhân lực của Tỉnh và vùng lân cận; đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng khoa học - công nghệ và các hoạt động phục vụ cộng đồng khác, trở thành trung tâm đào tạo nghề trọng điểm của Tỉnh.

Phân tích

Nhà trường xác định được các ngành nghề trọng điểm và đầu tư cơ sở vật chất đang dần hoàn thiện; khảo sát thường xuyên tình hình việc làm sau khi ra trường của học sinh, sinh viên, quy mô đào tạo đáp ứng được nhu cầu nguồn nhân lực trong tỉnh.

Công tác tuyển sinh chưa đạt chỉ tiêu đề ra, việc liên kết đào tạo còn ít.

Nhận định

Trung tâm quan hệ doanh nghiệp và Hỗ trợ học sinh, sinh viên tiếp tục gắn kết với doanh nghiệp, đồng thời đẩy mạnh việc hỗ trợ học sinh, sinh viên trong việc đào tạo kỹ năng tìm việc và giới thiệu việc làm sau khi ra trường.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2, tiêu chí 1: 1 điểm – Đạt

Tiêu chuẩn 1.3: Trường ban hành văn bản quy định về tổ chức và quản lý theo hướng đảm bảo quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị trong Trường theo quy định

Mô tả

Trường Cao đẳng Bến Tre được thành lập theo Quyết định số 4702/QĐ-BGDĐT ngày 23 tháng 8 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, là đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức, quản lý và hoạt động theo điều lệ trường cao đẳng. Từ năm 2017, Nhà trường đã chuyển sang hình thức đào tạo theo giáo dục nghề nghiệp, trực thuộc quản lý chuyên môn của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội. Trong quá trình hoạt động, Nhà trường đã xây dựng hệ thống các văn bản để tổ chức và hoạt động, đảm bảo đúng quy định và phù hợp thực tế Nhà trường: Quy chế tổ chức và hoạt động [1.3.01], Quy chế đào tạo hệ cao đẳng, trung cấp chính quy [1.3.02], Quy chế quản lý HSSV [1.3.03], Quy chế tuyển sinh [1.3.04], Quy chế quản lý tài sản công [1.3.05], Quy chế chi tiêu nội bộ [1.3.06].

Ngoài ra, Nhà trường cũng đang xây dựng Quy chế quản lý tài sản công, sẽ triển khai thực hiện trong thời gian tới.

Phân tích

Nhà trường có đầy đủ hệ thống các văn bản để quản lý, điều hành, tổ chức các hoạt động theo đúng chức năng, nhiệm vụ

Do hạn chế nguồn kinh phí nên Nhà trường chỉ đảm bảo tự chủ một phần kinh phí trong hoạt động.

Nhận định

Năm học 2019 - 2020 và các năm tiếp sau, Nhà trường tăng cường công tác đào tạo, liên kết đào tạo để tạo nguồn kinh phí ổn định, tiến đến lộ trình tự chủ theo quy định.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3, tiêu chí 1: 1 điểm – Đạt

Tiêu chuẩn 1.4: Hàng năm, các văn bản quy định về tổ chức và quản lý của Trường được rà soát, điều chỉnh thực hiện

Mô tả

Trên cơ sở hệ thống văn bản quy định về điều hành, tổ chức và hoạt động, hàng năm, Nhà trường tiến hành rà soát, cập nhật, bổ sung các văn bản, các quy chế, quy định cho phù hợp với quy định của Pháp luật và thực tế hoạt động của Nhà trường như Quy chế chi tiêu nội bộ [1.4.01].

Trong năm 2019 trường đã tiến hành rà soát, điều chỉnh các văn bản về tổ chức như: Quy chế tổ chức và hoạt động của [1.3.01]. hành Quy chế chi tiêu nội bộ và Quyết định số 601/QĐ-CĐBT ngày 01/10/2019 ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ (bổ sung, sửa đổi) [1.4.01].

Các quy chế về quản lý đào tạo và quản lý HSSV được điều chỉnh như: Quy chế đào tạo hệ cao đẳng, trung cấp chính quy [1.3.02], Quy chế tuyển sinh [1.3.04], Quy chế công tác HSSV [1.3.03]. Ngoài ra, Quy chế quản lý tài sản công cũng được điều chỉnh bổ sung [1.3.04].

Phân tích

Trước khi điều chỉnh, bổ sung các quy định, quy chế, Nhà trường tổ chức lấy ý kiến toàn thể CBVC và người lao động nhằm phát huy dân chủ, huy động trí tuệ của tập thể và thống nhất triển khai thực hiện.

Nhà trường ghi nhận chưa thấy hạn chế, tồn tại trong việc rà soát, điều chỉnh, bổ sung các văn bản

Nhận định

Năm học 2019 - 2020 và các năm tiếp theo, Nhà trường thường xuyên rà soát, điều chỉnh các văn bản khi văn bản pháp quy thay đổi.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4, tiêu chí 1: 1 điểm – Đạt

Tiêu chuẩn 1.5: Các Phòng, khoa, Trung tâm trực thuộc được phân công, phân cấp rõ ràng về chức năng, nhiệm vụ, phù hợp với cơ cấu ngành nghề, quy mô đào tạo và mục tiêu của Trường

Mô tả

- Tháng 5 năm 2018, UBND Tỉnh công bố Quyết định số 345/QĐ-LĐTBXH ngày 29 tháng 3 năm 2018 về việc sáp nhập Trường Trung cấp Văn hóa, Nghệ thuật Bến Tre và Trường Trung cấp Y tế Bến Tre vào Trường Cao đẳng Bến Tre. Sau khi sáp nhập, Nhà trường tổ chức lại bộ máy theo cơ cấu:

+ 07 phòng chức năng: Phòng Tổ chức - Hành chính (trên cơ sở sáp nhập phòng Tổ chức cán bộ và Hành chính - Tổng hợp), phòng Đào tạo (sáp nhập Khoa TCBD), phòng Công tác HSSV, phòng Quản trị, phòng Kế hoạch tài chính, phòng Nghiên cứu khoa học - Quan hệ quốc tế, phòng Thanh tra - Khảo thí & Đảm bảo chất lượng giáo dục (trên cơ sở sáp nhập phòng Thanh tra và phòng Khảo thí & Đảm bảo chất lượng giáo dục).

+ 08 khoa đào tạo: Khoa Sư phạm, Khoa Nông - Lâm - Thủy sản, Khoa Kỹ thuật - Công nghiệp, Khoa Kinh tế - Tài chính, Khoa Khoa học cơ bản (trên cơ sở sáp nhập Khoa Khoa học Tự nhiên, Khoa Giáo dục thể chất - Giáo dục quốc phòng, Khoa Lý luận chính trị), Khoa Y Dược và Khoa Văn hóa, Khoa Nghệ thuật và Du lịch và **Khoa Ngoại ngữ - Tin học.**

+ Tháng 4 năm 2019, Nhà trường thành lập Trung tâm Quan hệ doanh nghiệp và Hỗ trợ HSSV [5.1.01] trên cơ sở tách 01 chức năng từ Phòng Công tác Học sinh, sinh viên;

+ Tháng 7 năm 2019, Nhà trường thành lập Trung tâm đào tạo lái xe trên cơ sở tách 01 chức năng của Khoa Kỹ thuật - Công nghiệp [5.1.02].

Các phòng chức năng: Thực hiện tốt công tác tham mưu Lãnh đạo Trường trong việc quản lý, tổng hợp, đề xuất ý kiến, tổ chức thực hiện các công việc chủ yếu về các lĩnh vực: Đào tạo, tổ chức, hành chính, quản trị, nghiên cứu khoa học, quan hệ quốc tế, quản lý học sinh, quản lý tài chính, quản lý thiết bị và xây dựng cơ bản, kiểm định và bảo đảm chất lượng theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

Các Khoa, Trung tâm: Tổ chức thực hiện công tác đào tạo, kế hoạch giảng dạy và các hoạt động giáo dục khác theo chương trình, ngành nghề được Tổng cục giáo dục nghề nghiệp cấp phép [5.1.03]; hoạt động khoa học và công nghệ, gắn đào tạo với nghiên cứu khoa học ứng dụng, phát triển chương trình đào tạo, biên soạn giáo trình, tài liệu giảng dạy, ngân hàng câu hỏi thi... do Hiệu trưởng phân công, tổ chức nghiên cứu cải tiến phương pháp giảng dạy, học tập, đề xuất xây dựng kế hoạch bổ sung, bảo trì thiết bị dạy học, thực hành, thực tập.

Với nhiệm vụ chung nêu trên, Nhà trường đã quy định chức năng, nhiệm vụ cụ thể của mỗi phòng, khoa, trung tâm theo yêu cầu nhiệm vụ chuyên môn [5.1.04].

Phân tích

07 phòng chức năng, 08 khoa và 02 trung tâm trực thuộc Trường cơ cấu như trên đảm bảo đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của Trường cao đẳng đào tạo đa ngành. Trong năm qua, các phòng, khoa, trung tâm đã cố gắng phấn đấu, hoàn thành tốt chức năng, nhiệm vụ theo quy định; các đơn vị đạt danh hiệu Tập thể Lao động tiên tiến, Tập thể Lao động xuất sắc nhiều năm liền.

Một số đơn vị mới thành lập, nhân sự còn thiếu, kỹ năng quản lý, điều hành còn lúng túng.

Nhận định

Năm học 2019 - 2020, tiếp tục ổn định công tác tổ chức; tăng cường chỉ đạo thanh tra, kiểm tra công tác quản lý chuyên môn, công tác giảng dạy của giảng viên.

Tăng cường bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý và bố trí nhân sự cho đầy đủ, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ được phân công.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5, tiêu chí 1: 1 điểm – Đạt

Tiêu chuẩn 1.6: Hội đồng Trường hoặc Hội đồng quản trị, các hội đồng tư vấn, các phòng, khoa, trung tâm, bộ môn hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ theo quy định và có hiệu quả

Mô tả

Trường Cao đẳng Bến Tre là Trường cao đẳng công lập chịu sự quản lý về giáo dục nghề nghiệp của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội, chịu sự quản lý hành chính của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre; hoạt động giáo dục của Nhà trường tuân theo Luật giáo dục nghề nghiệp, các văn bản dưới Luật, phù hợp với điều kiện của địa phương và của Nhà trường.

Căn cứ Thông tư 46/2018/TT-BLĐTBXH ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội quy định Điều lệ trường cao đẳng, Trường Cao đẳng Bến Tre đã xây dựng Kế hoạch thành lập Hội đồng trường; theo đó thống nhất số lượng, thành phần, cơ cấu nhân sự của Hội đồng trường gồm 15 thành viên (trong đó có 01 thành viên đại diện cơ quan chủ quản). Sau khi hoàn chỉnh các bước thực hiện, Nhà trường tiến hành bầu chọn Chủ tịch và Thư ký Hội đồng; hoàn chỉnh các thủ tục hành chính và được Ủy ban nhân dân tỉnh ra Quyết định công nhận [1.6.01]

Ngoài Hội đồng Trường, Nhà trường còn có các Hội đồng tư vấn giúp Lãnh đạo Trường tổ chức thực hiện các công việc hiệu quả như: Hội đồng Thi đua - Khen thưởng, Hội đồng Khoa học và Đào tạo, Hội đồng tuyển sinh, Hội đồng tuyển dụng... Các Hội đồng hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được **quy định trong Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường.**

Phân tích

Căn cứ vào các Thông tư và hướng dẫn, Nhà trường đã cụ thể hóa để triển khai thực hiện cho phù hợp với thực tế Nhà trường.

Nhà trường hiện có 17 phòng, khoa, trung tâm trực thuộc. Các phòng, khoa, trung tâm căn cứ vào nhiệm vụ được phân công chủ động xây dựng quy chế để tổ chức hoạt động để đạt hiệu quả cao.

Nhận định

Thành viên Hội đồng có đủ năng lực, trình độ chuyên môn để tham mưu cho Hội đồng quyết định các vấn đề theo chức năng, nhiệm vụ.

Các Hội đồng làm theo đúng quy chế, đảm bảo tính công khai, dân chủ.

Các phòng, khoa, trung tâm có trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ được giao

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6, tiêu chí 1: 1 điểm – Đạt

Tiêu chuẩn 1.7: Trường xây dựng và vận hành hệ thống đảm bảo chất lượng theo quy định

Mô tả

Thực hiện theo Thông tư 15/2017/TT-BLĐTTXH ngày 08 tháng 6 năm 2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về Quy định tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp; Công văn số 23/TCGDNN-KĐCL ngày 26 tháng 01 năm 2018 của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp về việc Hướng dẫn đánh giá tiêu chuẩn kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp đối với trường trung cấp, trường cao

đăng năm 2018 và Công văn số 453/TCGDNN-KĐCL ngày 25 tháng 3 năm 2019 của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp về việc Hướng dẫn đánh giá tiêu chuẩn kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp đối với trường trung cấp, trường cao đẳng năm 2019; Thông tư 28/TT/2017BLĐTXXH ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về Quy định hệ thống bảo đảm chất lượng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

Nhận thức được tầm quan trọng của hệ thống đảm bảo chất lượng, Trường Cao đẳng Bến Tre đã nghiên cứu, tham khảo mô hình đảm bảo chất lượng của một số trường đại học, cao đẳng trong khu vực để xây dựng hệ thống đảm bảo chất lượng phù hợp nhằm đảm bảo sự vận hành hiệu quả, đạt được các mục tiêu chất lượng. Trường đã Quyết định thành lập Hội đồng Tự đánh giá chất lượng năm 2019 [1.7.01], Ban thư ký Hội đồng Tự đánh giá năm 2019 [1.7.02] và Nhóm Công tác Tự đánh giá năm 2019 [1.7.03]. Việc tổ chức vận hành hệ thống đảm bảo chất lượng có ý nghĩa rất quan trọng để đảm bảo hệ thống được vận hành thông suốt và đạt được các mục tiêu đề ra. Trường Cao đẳng Bến Tre đã hệ thống hóa thông qua các quy định của Trường và đảm bảo sự chỉ đạo nhất quán về các mục tiêu chất lượng mà lãnh đạo Nhà trường hướng đến.

Trường sớm đã thành lập phòng Thanh tra – Khảo thí & **Đảm bảo chất lượng giáo dục theo quyết định số 295/QĐ-CĐBT-TCCB ngày 16/5/2018** [1.7.04] là đơn vị chuyên trách có đủ năng lực triển khai nhiều hoạt động đảm bảo chất lượng giáo dục có hiệu quả, góp phần thiết thực vào việc nâng cao chất lượng các hoạt động của Nhà trường.

Hàng năm, Nhà trường đều có kế hoạch thực hiện đánh giá, kiểm định đảm bảo chất lượng giáo dục nghề nghiệp [1.7.05]. Trên cơ sở kế hoạch, Lãnh đạo trường Quyết định thành lập Hội đồng, Ban thư ký, nhóm công tác; các phòng, khoa tổ chức triển khai thực hiện.

Phân tích

Nhận thức về yêu cầu đảm bảo chất lượng trong đội ngũ cán bộ, viên chức của Trường đã có những chuyển biến rất tích cực. Các hoạt động của Trường luôn hướng đến mục tiêu nâng cao chất lượng đào tạo và cũng chính mục tiêu này đã thúc đẩy sự phát triển của công tác đảm bảo chất lượng. Sự thay đổi nhận thức đã tạo ra những thuận lợi cho quá trình triển khai thực hiện các kế hoạch đánh giá, giám sát chất lượng nội bộ,

nâng cao tính chuyên nghiệp, hiệu quả các hoạt động của Nhà trường. Có thể nói, sự vận hành của hệ thống đảm bảo chất lượng đã góp phần hình thành chất lượng ở Trường Cao đẳng Bến Tre.

Nhận định

Bên cạnh những kết quả đạt được, sự vận hành của hệ thống đảm bảo chất lượng vẫn cần tiếp tục cải tiến, hoàn thiện và nâng cao chất lượng hoạt động. Sự am hiểu về công tác đảm bảo chất lượng, khoa học giáo dục của đội ngũ cán bộ tham gia trong hệ thống đảm bảo chất lượng vẫn chưa sâu, không được đào tạo chuyên nghiệp; vai trò của một số đơn vị chưa phát huy hiệu quả; sự gắn kết của một vài đơn vị trong công tác cải tiến chất lượng chưa chặt chẽ, một số khâu chưa vận hành theo hệ thống; đồng thời, nguồn tài chính để đầu tư cho những hoạt động cải thiện chất lượng và khắc phục những hạn chế còn hạn hẹp.

Nhà trường chưa biên soạn tài liệu hướng dẫn riêng về đảm bảo chất lượng trong nội bộ Trường mà đang sử dụng các hướng dẫn chung của Tổng cục giáo dục nghề nghiệp.

Năm 2019 nhà trường tiến hành thực hiện đánh giá theo tiến độ Kế hoạch 157/KH-CĐBT ngày 26/02/2019.

Định kỳ hàng năm, Nhà trường thực hiện công tác báo cáo sơ kết, tổng kết đánh giá đầy đủ các hoạt động, những mặt làm được, chưa làm được và đề ra biện pháp khắc phục.

Cử cán bộ đi tập huấn hoặc đào tạo dài hạn, chuyên sâu để phụ trách công tác đảm bảo chất lượng giáo dục nghề nghiệp.

Hàng năm thực hiện cải tiến phương pháp, công cụ để đánh giá, kiểm tra, giám sát các hoạt động của trường theo quy định nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7, tiêu chí 1: 1 điểm – Đạt

Tiêu chuẩn 1.8: Trường có bộ phận phụ trách thực hiện công tác quản lý, đảm bảo chất lượng đào tạo và hàng năm hoàn thành nhiệm vụ được giao

Mô tả

Trường ban hành Quyết định thành lập phòng Thanh tra – Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục theo Quyết định số 295/QĐ-CĐBT-TCCB ngày 16 tháng 5 năm 2018 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Bến Tre trên cơ sở sáp nhập phòng Thanh tra và phòng

Khảo thí & Đảm bảo chất lượng giáo dục với phòng có 8 cán bộ, trong đó có 3 thạc sĩ, 05 Đại học và có 02 cán bộ được tập huấn nghiệp vụ đảm bảo chất lượng giáo dục.

Phòng có chức năng tham mưu cho Hiệu trưởng thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát thường xuyên hoạt động đào tạo và quản lý đào tạo tất cả các bậc học, các hệ đào tạo của Trường đối với các đơn vị trực thuộc nhằm đảm bảo đúng pháp luật, đúng quy chế của Nhà nước và các quy định của Nhà trường; Tham mưu và đề xuất các biện pháp tổ chức, quản lý công tác khảo thí và đảm bảo chất lượng giáo dục các hệ, các trình độ đào tạo toàn trường; Tổ chức, quản lý các hoạt động khảo thí và công tác đánh giá đảm bảo chất lượng giáo dục đào tạo của Nhà trường.

Phòng có nhiệm vụ nghiên cứu, soạn thảo và trình Hiệu trưởng ký duyệt, ban hành các văn bản quy định về công tác thanh tra, khảo thí theo đúng quy định của Bộ Lao động thương binh và xã hội. Nghiên cứu, đề xuất và tổ chức các hình thức thi phù hợp với yêu cầu của các ngành, các hệ, các trình độ đào tạo nhằm nâng cao chất lượng hiệu quả đánh giá đào tạo.

Phối hợp với các khoa, bộ môn; xây dựng, quản lý, sử dụng và lưu trữ ngân hàng câu hỏi thi, quỹ đề thi kết thúc môn học, mô đun toàn trường.

Lập kế hoạch coi thi (điều động cán bộ coi thi, tổ chức và giám sát kỳ thi...)

Chủ động phối hợp với các khoa, bộ môn tổ chức thực hiện kế hoạch thi kết thúc môn học, mô đun theo học kỳ cho tất cả các hệ, các trình độ đào tạo trong toàn trường. Cụ thể là: Phối hợp với các khoa, bộ môn giảng dạy tổ chức kỳ thi kết thúc môn học, mô đun lần 1 và chủ trì tổ chức kỳ thi các môn học, mô đun lần 2.

Thu nhận bài thi. Tổ chức đảo túi bài thi, làm phách. Bàn giao đề thi, bài thi cho các khoa, bộ môn chấm. Tổ chức, quản lý công tác làm phách, chấm thi tập trung.

Hàng kỳ báo cáo kết quả khảo sát của học sinh, sinh viên về giáo viên giảng dạy các bộ môn trong học kỳ.

Phân tích

Để thực hiện tốt nhiệm vụ được giao, Phòng Thanh tra - Khảo thí & ĐBCLGD luôn nhận được sự quan tâm, khích lệ kịp thời về vật chất cũng như tinh thần từ Ban lãnh đạo nhà trường cũng như các phòng chức năng cùng sự nỗ lực cố gắng hết mình của tập thể cán bộ, nhân viên phòng. Đội ngũ cán bộ phòng Thanh tra - Khảo thí đa số là cán bộ có năng lực và trình độ chuyên môn, năng động nhiệt tình và có trách nhiệm trong công

việc. Cán bộ trong phòng luôn đoàn kết, thống nhất, có ý thức học hỏi và trau dồi kiến thức chuyên môn nghiệp vụ để hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Trường đã xây dựng Kế hoạch số 1091/KH-CĐBT ngày 06/12/2018 Triển khai thực hiện khảo sát lấy ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên, giáo viên năm học 2018 - 2019 [1.8.01]. Số giáo viên được đánh giá 216, số học phần 325, tổng số phiếu khảo sát 10835. Kết quả: Đạt mức 1: 22/10835 (0,21%); mức 2 đạt 58/10835 (0,57%); mức 3 đạt 503/10835 (3,22%) và mức 4 đạt 10252 (96%) chiếm tỷ lệ rất cao, cho thấy đại đa số người học hài lòng về hoạt động giảng dạy của giáo viên, ngoài ra còn một số đóng góp nhỏ, các khoa sẽ tổ chức rút kinh nghiệm và có hướng khắc phục trong thời gian tới [1.8.02].

Nhận định

Đội ngũ viên chức phụ trách công tác Đảm bảo chất lượng giáo dục còn thiếu kinh nghiệm, chưa được đào tạo, tập huấn chuyên môn nghiệp vụ, còn nhiều lúng túng trong giải quyết công việc.

Năm học 2019 - 2020 Trường cử cán bộ tham gia tập huấn các lớp theo thông báo chiêu sinh của Tổng cục GDNN.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 8, tiêu chí 1: 1 điểm – Đạt

Tiêu chuẩn 1.9: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam trong Trường phát huy được vai trò lãnh đạo, hoạt động đúng điều lệ và theo quy định của Hiến pháp và pháp luật

Mô tả

Đảng bộ Trường Cao đẳng Bến Tre thành lập năm 2004 trên cơ sở hợp nhất 3 tổ chức cơ sở Đảng: Đảng bộ Trường Cao đẳng **Sư phạm** Bến Tre, Chi bộ Trường Trung học Kỹ thuật – Công nghiệp Bến Tre và Chi bộ Trường Trung học Kinh tế - Kỹ thuật Bến Tre trực thuộc Đảng bộ Khối Các cơ quan tỉnh Bến Tre và năm **2018** tiếp tục sáp nhập **Chi bộ** Trường Trung cấp Văn hóa nghệ thuật Bến Tre và Chi bộ Trường Trung cấp Y tế Bến Tre vào **Đảng bộ** Trường Cao đẳng Bến Tre. Đảng bộ Trường hiện nay gồm 15 chi bộ trực thuộc, với tổng số 168 đảng viên; Đảng ủy gồm 15 đồng chí, được bầu chọn từ lãnh đạo, cán bộ quản lý tiêu biểu của Đảng bộ, là hạt nhân của khối đoàn kết thống nhất trong hệ thống chính trị nhà trường.

Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Trường nhiệm kỳ 2015 – 2020 [1.9.01] và các nghị quyết hàng năm chỉ rõ các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp thực hiện toàn diện các mặt hoạt động của Nhà trường [1.9.02].

Hoạt động của Đảng ủy và các chi bộ theo đúng quy định của Trung ương và Quy chế làm việc, đảm bảo nguyên tắc tập trung dân chủ, tập thể lãnh đạo cá nhân phụ trách. Từ đó, vai trò lãnh đạo của tập thể luôn được phát huy, thâm sâu đời sống chính trị của cán bộ, viên chức, thu hút đông đảo đoàn viên, thanh niên ưu tú, công đoàn viên tích cực phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ, trở thành những đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam [1.9.03].

Trong 5 năm qua các chi bộ luôn được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên, Đảng bộ luôn được công nhận hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên [1.9.04].

Phân tích

Tổ chức Đảng trong Trường Cao đẳng Bến Tre đã phát huy tốt vai trò lãnh đạo Nhà trường hoàn thành nhiệm vụ chính trị, hoạt động đúng quy định

Đảng ủy chưa có những nghị quyết chuyên đề về một số lĩnh vực như: Cải thiện cảnh quan môi trường; cải thiện đời sống cán bộ, viên chức.

Nhận định

Đảng bộ Trường

Nâng cao hơn nữa vai trò lãnh đạo toàn diện của tổ chức Đảng trong nhà trường; tập trung xây dựng Nghị quyết chuyên đề về cải thiện cảnh quan môi trường và cải thiện đời sống cán bộ, viên chức.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 9, tiêu chí 1: 1 điểm – Đạt

Tiêu chuẩn 1.10: Các đoàn thể, tổ chức xã hội trong Trường hoạt động theo đúng điều lệ của tổ chức mình và theo quy định của pháp luật, góp phần đảm bảo và nâng cao chất lượng đào tạo của Trường

Mô tả

Tổ chức Công đoàn, Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, Hội Cựu chiến binh, Hội Sinh viên Việt Nam, Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam Trường Cao đẳng Bến Tre trong nhiều năm qua đã góp phần không nhỏ cùng Nhà trường thực hiện tốt sứ mạng và mục tiêu đào tạo nguồn nhân lực phục vụ cho sự nghiệp công nghiệp hóa - hiện đại hóa Tỉnh nhà [1.10.01].

- Công đoàn cơ sở Trường Cao đẳng Bến Tre dưới sự lãnh đạo của Đảng ủy, sự quan tâm của Công đoàn viên chức tỉnh, sự hỗ trợ của Lãnh đạo trường, sự phối hợp của các đoàn thể khác, thực sự đảm đương được sứ mệnh là ngọn cờ đoàn kết, tập hợp đội ngũ cán bộ, viên chức trường học lớn nhất tỉnh, vươn lên hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao,

góp phần rèn luyện, trau dồi, nâng cao phẩm chất đạo đức, năng lực cho cán bộ, viên chức, đáp ứng yêu cầu trong thời kỳ đổi mới .

- Kế hoạch công tác hàng tháng của Công đoàn đề ra luôn luôn bám sát các hoạt động của Nhà trường. Công đoàn đã triển khai các cuộc vận động “Kỷ cương, tình thương, trách nhiệm”; “Mỗi cán bộ, viên chức thật sự là tấm gương sáng đạo đức, tực học và sáng tạo cho HS-SV noi theo”; phong trào thi đua “Hai tốt”; “Gia đình nhà giáo văn hoá”; phong trào “Giỏi việc trường, đảm việc nhà”; tích cực tham gia đóng góp các quỹ: “Đền ơn đáp nghĩa”, “Vì người nghèo”; thực hiện quy chế dân chủ cơ sở [1.10.2]. . . Thông qua các phong trào này, Công đoàn Trường đã bồi dưỡng, giới thiệu 30 công đoàn viên ưu tú đứng vào hàng ngũ Đảng Cộng sản Việt Nam, được Liên đoàn Lao động tỉnh tặng bằng khen “Công đoàn cơ sở vững mạnh xuất sắc” nhiều năm liền [1.10.03].

- Hội Cựu chiến binh Trường được thành lập năm 2012, trực thuộc Hội Cựu chiến binh tỉnh Bến Tre. Từ ngày thành lập đến nay, Hội có nhiều nỗ lực trong hoạt động và phát triển hội viên, góp phần tuyên truyền, giáo dục truyền thống “Bộ đội cụ Hồ” đối với thế hệ trẻ; tích cực tham gia các hoạt động xã hội, từ thiện trong và ngoài Trường, được UBND Tỉnh tặng bằng khen, Hội Cựu chiến binh Tỉnh công nhận “Hội Cựu chiến binh vững mạnh,” [1.10.04].

- Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, Hội Sinh viên Việt Nam, Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam Trường Cao đẳng Bến Tre Bến Tre phát huy tốt vai trò xung kích của tuổi trẻ, không ngừng tìm tòi, đổi mới phương thức hoạt động; tập hợp thế hệ trẻ nhà trường xoay quanh khẩu hiệu “Thi đua học tập và rèn luyện vì ngày mai lập nghiệp”. Bằng những cố gắng, nỗ lực đầy sáng tạo của mình, tuổi trẻ Trường Cao đẳng Bến Tre đã góp phần không nhỏ vào việc thực hiện tốt mục tiêu, nguyên lý giáo dục trong một trường cao đẳng địa phương.

Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, Hội Sinh viên Việt Nam, Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam Trường Cao đẳng Bến Tre là lực lượng tuổi trẻ đông đảo của nhà trường đã thể hiện rõ vai trò xung kích, sáng tạo của mình trên mọi lĩnh vực hoạt động. Từ phong trào “Học tập, rèn luyện vì ngày mai lập nghiệp”, chiến dịch “Thanh niên tình nguyện hè” đến các cuộc vận động “Đoàn viên thanh niên phấn đấu trở thành đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam”, cuộc vận động “Xây dựng môi trường sư phạm, phòng chống tội phạm ma túy, HIV/AIDS”, cuộc vận động “Nói không với tiêu cực trong thi cử và bệnh thành tích

trong giáo dục”, “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”, các hoạt động văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao.

Công tác Đoàn và phong trào thanh niên trong nhiều năm qua đã có nhiều đổi mới trên các lĩnh vực từ quy mô, phương thức hoạt động đến hiệu quả các phong trào. Đoàn Trường luôn được Tỉnh đoàn Bến Tre công nhận là đơn vị vững mạnh. Nhiều tập thể và cá nhân được nhận giấy khen, bằng khen của UBND Tỉnh, của Trung ương Đoàn, Trung ương Hội Sinh viên Việt Nam với thành tích nổi bật trong quá trình thực hiện nhiệm vụ [1.10.05].

Phân tích

Điểm mạnh nổi bật của các đoàn thể, tổ chức xã hội trong Trường Cao đẳng Bến Tre từ năm 2016 đến năm 2018 là đã duy trì nền nếp sinh hoạt, triển khai và thực hiện tốt các phong trào đặc biệt là các hoạt động văn hóa văn nghệ được đầu tư quy mô thu hút hàng nghìn học sinh, sinh viên tham gia và theo dõi, các cuộc vận động do cấp trên phát động, góp phần không nhỏ trong việc thực hiện thắng lợi mục tiêu, nguyên lý giáo dục và hoạt động theo quy định của luật pháp.

Các tổ chức đoàn thể trong Trường thiếu nhạy bén trong việc đề xuất các phương thức hoạt động mới để thu hút đội ngũ cán bộ, viên chức và lực lượng tuổi trẻ tham gia thực hiện các phong trào.

Nhận định

Các tổ chức đoàn thể phát huy hơn nữa những thành quả đã đạt được, chủ động tìm ra những phương thức, mô hình hoạt động mới; huy động tối đa tiềm năng về tinh thần và vật chất của các lực lượng, góp phần tạo lập và nâng cao vị thế “thương hiệu” Trường Cao đẳng Bến Tre trong hệ thống các trường cao đẳng.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 10, tiêu chí 1: 1 điểm – Đạt

Tiêu chuẩn 1.11: Trường có quy định và thực hiện công tác kiểm tra, giám sát các hoạt động của trường theo quy định nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo. Hằng năm rà soát, cải tiến phương pháp, công cụ kiểm tra, giám sát

Mô tả

Do điều kiện sáp nhập cơ sở đào tạo theo Quyết định số 345/QĐBLĐTBXH ngày 29 tháng 3 năm 2018 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc sáp nhập Trường Trung cấp Văn hóa nghệ thuật và Trường Trung cấp Y tế Bến Tre vào Trường Cao đẳng Bến Tre; Quyết định thành lập phòng Thanh tra - Khảo thí và Đảm bảo chất

lượng giáo dục theo Quyết định số 295/QĐ-CĐBT-TCCB ngày 16 tháng 5 năm 2018 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Bến Tre trên cơ sở sáp nhập phòng Thanh tra và phòng Khảo thí & Đảm bảo chất lượng giáo dục; Nhà trường phải lo củng cố ổn định các phòng, khoa và nhân sự các bộ phận để tiếp tục quy trình đào tạo các ngành nghề hiện có của các cơ sở nên năm 2018 Nhà trường hoàn lại công tác đánh giá kiểm định chất lượng.

Trong các năm học vừa qua, các hình thức kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học trong từng môn học được quy định trong đề cương chi tiết môn học của mỗi môn học trong chương trình khung ứng với từng ngành học. Theo quy định của Nhà trường, mỗi môn học chỉ có lý thuyết, thực hành hoặc có cả lý thuyết và thực hành được đánh giá bằng các điểm kiểm tra thường xuyên, điểm kiểm tra định kỳ và một bài thi kết thúc môn học phân;

Phân tích

Công tác kiểm tra, thanh tra chuyên môn và tổ chức thi kết thúc các môn học, mô đun học kỳ, thi tốt nghiệp đảm bảo nền nếp, nghiêm túc, đúng quy chế; bài thi, điểm thi, điểm kết thúc môn học, mô đun của học sinh, sinh viên đều được lưu giữ trong hệ thống máy tính và kho lưu trữ của phòng Thanh tra - Khảo thí & Đảm bảo chất lượng giáo dục; việc thực hiện chủ trương của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục trường cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp được triển khai nghiêm túc, chặt chẽ.

- Công tác Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục hoạt động ngày càng hiệu quả dưới sự giám sát của Thanh tra và CB-VC.

- Công tác xây dựng, hướng dẫn thực hiện quy chế đào tạo, quy chế thi được thực hiện tốt, được phổ biến đến người học vào đầu khóa học và trong quá trình học tập. Quy chế tổ chức thi luôn được phổ biến trước mỗi đợt thi.

Qua đó, xác lập được quy trình tổ chức kỳ thi chặt chẽ; công tác kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của người học được Nhà trường thực hiện nghiêm túc, khách quan, chính xác, công bằng; việc chấm thi và công bố kết quả kịp thời nhanh chóng, hạn chế khiếu nại về đánh giá kết quả bài thi, kiểm tra; Điểm bài thi, điểm tổng kết môn học, mô đun của học sinh, sinh viên được công khai trên diễn đàn, Website đúng với quy trình.

Từ đầu năm học 2018 - 2019, Trường xây dựng Kế hoạch kiểm tra nền nếp dạy học [1.11.01] và thành lập Ban kiểm tra nền nếp dạy học [1.11.02] nhằm theo dõi, kiểm tra giám sát tình hình giảng dạy của giảng viên và học tập của HSSV; trên cơ sở đánh giá hiệu quả, chất lượng đào tạo của trường.

Nhằm củng cố nền nếp, nâng cao hiệu quả hoạt động giảng dạy của đội ngũ giảng viên và công tác quản lý chuyên môn của các khoa, bộ môn theo chức năng nhiệm vụ và chuẩn hóa các hoạt động đào tạo của Nhà trường theo Quy chế, quy định chuyên môn và các tiêu chuẩn kiểm định chất lượng. Trường xây dựng kế hoạch kiểm tra chuyên môn, năm học 2018 - 2019 số 113/KH-CĐBT ngày 15/02/2019 [1.11.03]; Quyết định số 57/QĐ-CĐBT ngày 15/02/2019 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Bến Tre về việc Thành lập Ban kiểm tra chuyên môn – Năm học 2018-2019 [1.11.04] và Thông báo lịch Kiểm tra chuyên môn năm học 2018 – 2019 số 129/TB-CĐBT ngày 18/02/2019 [1.11.05]. Kết quả kiểm tra chuyên môn và nền nếp đều đạt theo yêu cầu [1.11.06].

Nhận định

- Nhà trường tiếp tục xây dựng lộ trình áp dụng hình thức thi trắc nghiệm khách quan, biên soạn Ngân hàng câu hỏi thi, phổ biến cho nhiều học phần, tăng cường dạng bài tập nghiên cứu, tiểu luận để phát huy khả năng tự học và sáng tạo của HS-SV.

- Nhà trường tiếp tục tổ chức khảo sát lấy ý kiến phản hồi đối với người dạy và người học về công tác kiểm tra, đánh giá bằng nhiều hình thức phong phú, đa dạng.

- Việc khai thác các biểu mẫu theo quy định chưa đồng bộ;

- Trong theo dõi, quản lý và kiểm tra người học từng buổi lên lớp còn thiếu sót; tinh thần, thái độ học tập của HSSV còn lơ là, chưa tích cực, tự giác rèn luyện trong học tập, tự ý nghỉ học không rõ lý do, chấp hành nội quy học tập còn miễn cưỡng.

- Chấp hành giờ giấc chưa nghiêm theo thời khóa biểu, còn hạn chế việc thực hiện những quy định chung trong công tác đào tạo.

Việc quản lý, tổ chức thi có mặt chưa nghiêm túc, nhất là đối với cán bộ coi thi; công tác kiểm định chất lượng giáo dục có triển khai thực hiện nghiêm túc, bài bản, song tổ chức chỉ đạo khắc phục hạn chế, tồn tại sau kiểm định chưa kiên quyết, mạnh mẽ.

Năm học 2019 - 2020, tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc thực hiện công tác chuyên môn, đào tạo, công tác tổ chức thi, kiểm tra đánh giá môn học, mô

đun; đồng thời có biện pháp chỉ đạo kiên quyết, mạnh mẽ trong xây dựng, thực hiện kế hoạch khắc phục hạn chế, tồn tại sau kiểm định chất lượng giáo dục.

Xây dựng biểu mẫu sử dụng trong đào tạo theo Thông tư số 23/2018/TT-BLĐTĐ ngày 06/12/2018 của Bộ Trưởng Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội về việc Quy định về hồ sơ, sổ sách trong đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 11, tiêu chí 1: 1 điểm – Đạt

***Tiêu chuẩn 1.12:** Trường có văn bản và thực hiện chế độ, chính sách ưu đãi của nhà nước cho các đối tượng được thụ hưởng; thực hiện chính sách bình đẳng giới theo quy định*

Mô tả

Thực hiện Nghị định số 113/2015/NĐ-CP ngày 09/10/2015 của Chính phủ Quy định phụ cấp đặc thù, phụ cấp ưu đãi, phụ cấp trách nhiệm công việc và phụ cấp nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm đối với nhà giáo trong các cơ sở giáo dục công lập; Thông tư số 22/2017/TT-BLĐTĐ ngày 10/8/2017 của Bộ Lao động thương binh và Xã hội về Hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 113/2015/NĐ-CP ngày 09/11/2015 của Chính phủ Nhà trường đã ban hành các văn bản hướng dẫn thực hiện chế độ, chính sách ưu đãi đối với các đối tượng được thụ hưởng. Cụ thể như: phụ cấp trực tiếp đứng lớp, phụ cấp thâm niên nhà giáo, phụ cấp trách nhiệm công việc, phụ cấp nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm đối với nhà giáo, cán bộ viên chức... các phụ cấp này đều được điều chỉnh kịp thời theo hướng dẫn của Bộ LĐTB&XH, Bộ Tài chính.

Thực hiện Luật Bình đẳng giới ngày 29 tháng 11 năm 2006 của Quốc hội khóa XI, Kỳ họp lần thứ 10. Các tài liệu, báo cáo của nhà trường cho thấy việc phân công nhiệm vụ, bố trí nhân sự, học tập nâng cao trình độ chuyên môn, lý luận chính trị đều có sự cân nhắc đảm bảo quyền lợi, tỷ lệ hài hòa đối với nhà giáo, cán bộ quản lý khoa/phòng/trung tâm để đảm bảo thực hiện các chương trình đào tạo, các hoạt động khác của nhà trường.

Phân tích

Nhà trường đã tổ chức thực hiện các Nghị định, Thông tư, Luật theo quy định và theo hướng dẫn của các cấp nhằm đảm bảo đầy đủ, đúng quy định về chế độ được thụ hưởng của nhà giáo, cán bộ viên chức, người lao động. Cụ thể như ban hành các văn bản: Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Bến Tre [1.12.01]; Quy chế chi tiêu nội bộ [1.12.02]

Hàng năm nhà trường đều rà soát để điều chỉnh chế độ chính sách cho CBVC kịp thời, đúng quy định, hướng dẫn; không để quyền lợi CBVC không được thực hiện hoặc sai sót.

Văn bản thực hiện chế độ chính sách ưu đãi của nhà nước cho các đối tượng được thụ hưởng đôi khi chưa được phổ biến kịp thời, rộng rãi. Nhà trường phải vận dụng các văn bản của Chính phủ, Bộ; hướng dẫn của Tỉnh để xây dựng các quy định, quy chế

Việc vận dụng cho một số đối tượng trong những trường hợp cụ thể phải xin ý kiến các cấp và tham chiếu các văn bản, tư liệu khác.

Nhận định

Nhà trường đang hoàn thiện các văn bản để thực hiện chế độ chính sách cho các đối tượng được thụ hưởng kịp thời, đúng quy định; bổ sung kịp thời các đối tượng được thụ hưởng theo chế độ, chính sách đã quy định.

Thực hiện đúng, đầy đủ chính sách bình đẳng giới theo Luật định.

Hàng năm tổ chức rà soát để bổ sung chế độ, chính sách mới vào các quy định, quy chế của nhà trường.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 11, tiêu chí 1: 1 điểm – Đạt

3.2.2. Tiêu chí 2 - Hoạt động đào tạo

Mở đầu

Sau khi thực hiện chuyển đổi chương trình đào tạo theo Luật giáo dục nghề nghiệp và các văn bản hướng dẫn của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội, Trường Cao đẳng Bến Tre đã tiến hành xây dựng, thẩm định và ban hành 12 chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, 12 chương trình đào tạo trình độ trung cấp. Đến năm 2018, sau khi sáp nhập trường Trung cấp Văn hóa – Nghệ thuật và Du lịch, trường Trung cấp Y tế vào trường Cao đẳng Bến Tre, Nhà trường đã tiếp tục xây dựng, thẩm định và ban 06 chương trình đào tạo trình độ trung cấp, 01 chương trình đào tạo Sơ cấp nghề và đã được Bộ Lao động Thương binh và Xã hội cấp giấy Chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp vào năm 2017 và 2019. Nhà trường xây dựng Chương trình đào tạo thể hiện sự đa dạng hóa cho các đối tượng được đào tạo như học sinh tốt nghiệp Trung học cơ sở, Trung học phổ thông hay các đối tượng đã tốt nghiệp từ Trung cấp trở lên để học liên thông. **Chính vì thế, sau khi ban hành chương trình đào tạo Nhà trường đã thực hiện phổ biến chuẩn đầu ra cho 31 ngành, nghề đào tạo (kể cả ngành**

Cao đẳng Mầm non) đến học sinh, sinh viên qua hoạt động sinh hoạt đầu khóa cũng như phổ biến rộng rãi trên website của nhà trường. Về công tác tuyển sinh Nhà trường đã xây dựng và ban hành quy chế tuyển sinh để qua đó xác định chỉ tiêu tuyển sinh hàng năm đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội Nông nghiệp là cơ quan chủ quản thông qua.

Hàng năm, Nhà trường tiến hành lập kế hoạch, tiến độ đào tạo cho từng khóa học, lớp học của mỗi ngành, nghề cụ thể theo từng học kỳ, năm học và được bộ phận có thẩm quyền phê duyệt. Các kỳ thi học kỳ, thi tốt nghiệp, xét công nhận và cấp bằng tốt nghiệp cho các Khóa học đã hoàn thành chương trình đào tạo cũng được Nhà trường thực hiện đầy đủ theo đúng các văn bản hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động Thương binh và Xã hội đã ban hành.

Những điểm mạnh

Nhà trường đã xây dựng, thẩm định, điều chỉnh và ban hành đầy đủ chương trình đào tạo theo quy định và được Bộ Lao động Thương binh và Xã hội cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp. Các hoạt động tuyển sinh, lập kế hoạch đào tạo hàng năm, từng học kỳ, tổ chức hoạt động đào tạo, tổ chức thi kết thúc môn học, thi học kỳ, thi tốt nghiệp cũng như xét công nhận tốt nghiệp và cấp bằng cho học sinh sinh viên sau khi hoàn thành chương trình đào tạo đều được thực hiện nghiêm chỉnh đúng theo các quy định.

Những tồn tại

Năm học 2017, Nhà trường chuyển sang đào tạo theo Luật Giáo dục nghề nghiệp và sự quản lý của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội nên chưa xây dựng được chương trình đào tạo liên thông giữa các trình độ; trong công tác đánh giá kết quả học tập người học chưa có sự tham gia của nhà tuyển dụng lao động. Bên cạnh đó, cơ sở vật chất chưa thật sự đảm bảo cho việc ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động dạy và học.

Kế hoạch nâng cao chất lượng

Hàng năm nhà trường sẽ tiếp tục thực hiện theo các hướng dẫn của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội cũng như Tổng cục dạy nghề rà soát các văn bản của Nhà trường để từng bước hoàn thiện hoạt động đào tạo của Nhà trường. Từng bước xây dựng và tổ chức đào tạo chương trình đào tạo liên thông giữa các trình độ. Và Nhà trường quan tâm đầu tư nâng cấp trang thiết bị phục vụ cho việc ứng dụng công nghệ

thông tin vào hoạt động dạy và học nhằm góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng được nhu cầu lao động của xã hội.

Điểm đánh giá tiêu chí 2:

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 2	14/17
Tiêu chuẩn 1	1
Tiêu chuẩn 2	1
Tiêu chuẩn 3	1
Tiêu chuẩn 4	1
Tiêu chuẩn 5	1
Tiêu chuẩn 6	1
Tiêu chuẩn 7	1
Tiêu chuẩn 8	1
Tiêu chuẩn 9	0
Tiêu chuẩn 10	1
Tiêu chuẩn 11	1
Tiêu chuẩn 12	1
Tiêu chuẩn 13	0
Tiêu chuẩn 14	1
Tiêu chuẩn 15	1
Tiêu chuẩn 16	0
Tiêu chuẩn 17	1

***Tiêu chuẩn 2.1.** Các ngành, nghề đào tạo của nhà trường được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp. Trường ban hành chuẩn đầu ra của từng chương trình đào tạo và công bố công khai để người học và xã hội biết.*

Mô tả

- Nhà trường đào tạo trình độ Cao đẳng theo Luật Giáo dục đối với ngành Giáo dục Mầm non, do Bộ Giáo dục và Đào tạo quản lý. đối với trường Cao đẳng đào tạo ngành giáo viên.

- Đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp theo Luật giáo dục nghề nghiệp của nhà trường đã được Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp cấp phép đăng ký hoạt động cho 12 ngành, nghề cao đẳng: Anh văn, Tin học ứng dụng, Công nghệ Kỹ thuật điện, điện tử, Công nghệ kỹ thuật xây dựng, Công nghệ kỹ thuật ô tô, Kế toán, Quản trị kinh doanh, Quản trị văn phòng, Tài chính ngân hàng, Nuôi trồng thủy sản, Chế biến và bảo quản thủy sản, Việt Nam học; 18 ngành nghề trung cấp: Bảo trì và sửa chữa ô tô, Xây dựng dân dụng và công nghiệp, Điện tử công nghiệp và dân dụng, Điện công nghiệp và dân dụng, Công nghệ kỹ thuật phân cứng máy tính, Công nghệ thực phẩm, Chế biến và bảo quản thủy sản, Nuôi trồng thủy sản, Bảo vệ thực vật, Chăn nuôi - Thú y [2.1.01], Quản lý và bán hàng siêu thị [2.1.02], ngành Điều dưỡng, Dược, Y sĩ, Thanh nhạc, Hội họa, Hướng dẫn du lịch, Quản lý văn hóa [2.1.03] và 01 nghề sơ cấp: Lái xe ô tô hạng B2.[2.1.04].

Phân tích

- Nhà trường đã xây dựng Kế hoạch số 131/KH-CĐBT ngày 18/02/2019 về việc Cập nhật, đánh giá chương trình đào tạo năm 2019. Trung cấp cho các ngành đã có khóa tốt nghiệp ra trường: Bảo trì sửa chữa ô tô, Chăn nuôi - Thú y, Điện dân dụng và công nghiệp. Nhà trường đã ban hành chương trình đào tạo áp dụng cho khóa tuyển sinh 2019 vào tháng 6/2019.

- Đối với ngành Giáo dục Mầm non đã đánh giá, điều chỉnh cập nhật và ban hành chương trình đào tạo mới áp dụng từ khóa tuyển sinh 2019 cho hệ đào tạo chính quy và hệ vừa làm vừa học.

Nhận định

Nhà trường đã triển khai thành lập ban biên soạn, Hội đồng thẩm định đối với các ngành nghề đào tạo của nhà trường và Hiệu trưởng phê duyệt quyết định ban hành chương trình đào tạo của tất cả các ngành trình độ cao đẳng, trung cấp, sơ cấp.

Chương trình đào tạo và chuẩn đầu ra của tất cả các ngành, các trình độ đào tạo đều được nhà trường công bố công khai tại website của trường.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1, tiêu chí 2: 1 điểm - Đạt

Tiêu chuẩn 2.2. Trường xây dựng và ban hành quy chế tuyển sinh theo quy định.

Mô tả

Trường Cao đẳng Bến Tre đã ban hành Quy chế tuyển sinh Cao đẳng, Trung cấp năm 2019 của Trường Cao đẳng Bến Tre tuân thủ các quy định của Quy chế tuyển sinh của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội[2.2.01], Quy chế tuyển sinh đại học chính quy, tuyển sinh cao đẳng, tuyển sinh trung cấp nhóm ngành đào tạo giáo viên hệ chính quy của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Đề án tuyển sinh ngành Giáo dục Mầm non của Trường đã báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo [2.2.02].

Phân tích

Nhà trường đã xây dựng, lấy ý kiến và ban hành quy chế tuyển sinh của nhà trường theo từng năm và công khai thông tin trên cổng thông tin của nhà trường để thí sinh biết và thực hiện khi đăng ký thi tuyển và xét tuyển sinh nhằm đảm bảo tính công khai, minh bạch và công bằng cho mọi thí sinh tham gia xét tuyển và thi tuyển.

Nhận định

Trong công tác tuyển sinh 2019, nhà trường đã thực hiện quy chế tuyển sinh theo quy định tại TT 05/2017/TT Bộ LĐTB XH về việc quy định quy chế tuyển sinh và xác định chỉ tiêu tuyển sinh trình độ Trung cấp, cao đẳng. thực hiện Quy chế tuyển sinh đại học chính quy, tuyển sinh cao đẳng, tuyển sinh trung cấp nhóm ngành đào tạo giáo viên hệ chính quy của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2, tiêu chí 2: 1 điểm - Đạt

Tiêu chuẩn 2.3. Hàng năm, trường xác định chỉ tiêu và thực hiện công tác tuyển sinh theo quy định, đảm bảo nghiêm túc, công bằng, khách quan.

Mô tả

Căn cứ vào giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp, phòng Đào tạo tham mưu cho lãnh đạo nhà trường trên nhu cầu nguồn lao động của xã hội và khả năng đào tạo của các khoa để xây dựng và đăng ký chỉ tiêu tuyển sinh hàng năm. Đối với ngành Giáo dục Mầm non, Nhà trường xây dựng đề án tuyển sinh và báo cáo về Bộ GD&ĐT để xác định chỉ tiêu đào tạo hệ chính quy và hệ vừa làm vừa học [2.3.01]; các ngành nghề hoạt động GDNN sẽ trình ủy ban nhân tỉnh để giao chỉ tiêu hàng năm [2.3.02]. Công tác tuyển sinh hàng năm luôn được nhà trường giám sát chặt chẽ, thực hiện đúng quy chế, đảm bảo nghiêm túc, công bằng, khách quan, minh bạch từ xây dựng kế hoạch cho đến tổ chức thực hiện như: tiếp nhận hồ sơ, tổ chức xét tuyển, công nhận danh sách trúng tuyển... [2.3.03].

Phân tích

Ngành Giáo dục Mầm non: Chỉ tiêu hệ chính quy 105 chỉ tiêu, hệ vừa làm vừa học 30% so với chỉ tiêu chính quy. Hoạt động Giáo dục nghề nghiệp: Cao đẳng 385 chỉ tiêu, Trung cấp 460 chỉ tiêu, Sơ cấp 510 chỉ tiêu.

Nhận định

Công tác đăng ký chỉ tiêu đảm bảo được khả năng tuyển sinh và năng lực đào tạo của nhà trường. Tuy nhiên, kết quả tuyển sinh thực tế chỉ đạt ở một số ngành, một số ngành không tuyển sinh được. Kết quả thi tuyển sinh năm 2019 có 322 SV cao đẳng, 112 học sinh trung cấp và 420 học viên sơ cấp và được công khai trên website của Nhà trường và báo cáo cho cơ quan chủ quản bằng văn bản (thực hiện thống kê về khu vực, dân tộc, chính sách...của tất cả các thí sinh đăng ký, dự thi tuyển, xét tuyển, nhập học). Trong thời gian qua, chưa có bất kỳ trường hợp nào khiếu nại về công tác tuyển sinh của trường.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3, tiêu chí 2: 1 điểm - Đạt

Tiêu chuẩn 2.4. Thực hiện đa dạng hóa các phương thức tổ chức đào tạo đáp ứng yêu cầu học tập của người học.

Mô tả

Trường Cao đẳng Bến Tre đã và đang tích cực thực hiện đa dạng hóa các phương thức, loại hình đào tạo: chính quy, vừa làm vừa học, liên kết, liên thông, đào tạo theo địa chỉ. Nhìn chung, trong hoạt động đào tạo, Nhà trường đã thực hiện đúng quy định của Bộ Giáo dục – Đào tạo và Bộ LĐTB&XH về nội dung chương trình đào tạo các ngành nghề và luôn có sự điều chỉnh thường kỳ nhằm đáp ứng đòi hỏi nguồn nhân lực có chất lượng cao trong nhiều lĩnh vực và đáp ứng nhu cầu người học.

Việc đổi mới công tác kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh, sinh viên cũng được chỉ đạo triển khai nhằm mục đích vừa bảo đảm được yêu cầu chính xác, khách quan, công bằng lại vừa có tác dụng khuyến khích người học. [2.4.01; 2.4.02], [2.4.03; 2.4.04].

Vào đầu năm học, Nhà trường xây dựng Kế hoạch đào tạo hàng năm [2.4.05], [4.4.06; 4.4.07; 4.4.08]

Nhà trường có đầy đủ danh sách người học và phương thức tổ chức đào tạo của trường: ngành/ngành, trình độ, số lượng tuyển sinh. [2.4.09]

Phân tích

Nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình tích lũy kiến thức của người học,

trong những năm qua trường đã áp dụng học chế học phần một cách mềm dẻo, đồng thời tổ chức đào tạo theo học chế tín chỉ. Trường quan tâm chỉ đạo tăng cường nghiên cứu đổi mới phương pháp dạy học theo hướng phát triển năng lực tự học, tự nghiên cứu cho người học.

Nhận định

Chương trình đào tạo của trường có mục tiêu rõ ràng, cấu trúc hợp lý, được định kỳ bổ sung, điều chỉnh và ngày càng đa dạng hóa theo hướng mở rộng các phương thức đào tạo đáp ứng tốt nhu cầu nguồn lao động của địa phương và khu vực.

Trong hoạt động đào tạo, Nhà trường đã hình thành được một cơ chế phối hợp khá chặt chẽ, đồng bộ từ tổ bộ môn, khoa quản lý, phòng chức năng và Ban Giám hiệu trong việc giám sát thực hiện những quy định, quy chế chuyên môn.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4, tiêu chí 2: 1 điểm - Đạt

Tiêu chuẩn 2.5. Trường xây dựng và phê duyệt kế hoạch, tiến độ đào tạo cho từng lớp, từng khóa học của mỗi ngành hoặc nghề, theo từng học kỳ, năm học. Kế hoạch đào tạo chi tiết đến từng mô đun, môn học, giờ học lý thuyết, thực hành, thực tập phù hợp với từng hình thức, phương thức tổ chức đào tạo và đúng quy định.

Mô tả

Khi đã có Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp, và các Quyết định ban hành chương trình đào tạo [2.5.01; 2.5.02; 2.5.03; 2.5.04], hàng năm, Nhà trường xây dựng kế hoạch, tiến độ đào tạo toàn trường cho cả năm học [2.5.05], [2.5.06; 2.5.07; 2.5.08]; Kế hoạch đào tạo toàn khoá [2.5.09; 2.5.10; 2.5.11; 2.5.12]; Kế hoạch giảng dạy từng năm học cho từng ngành nghề [2.4.05; 2.4.06; 2.4.07], [2.4.08]. Các Kế hoạch giảng dạy môn học, mô đun chi tiết đến từng môn học, mô đun; cụ thể cho các giờ học lý thuyết, thực hành, thực tập lao động sản xuất do giáo viên, giảng viên **xây dựng dựa trên chương trình đào tạo** và Chương trình môn học, mô đun đã được Hiệu trưởng phê duyệt, ban hành.

Nhà trường đã giao nhiệm vụ cho phòng đào tạo phối hợp với các khoa, bộ môn xây dựng kế hoạch giảng dạy, lịch học vụ, thời khóa biểu cho từng học kỳ, đợt học đảm bảo tiến độ đào tạo. [2.5.13; 2.5.14]. Kế hoạch học tập cho từng lớp do Bộ môn, Khoa xây dựng và thực hiện.

Phân tích

Trên cơ sở Quyết định ban hành chương trình đào tạo và chương trình chi tiết các ngành đào tạo, Nhà trường đã xây dựng kế hoạch, tiến độ đào tạo toàn trường cho cả năm học, Kế hoạch đào tạo toàn khoá, Kế hoạch giảng dạy năm học cho từng ngành nghề và chi tiết đến từng môn học, mô-đun; cụ thể cho các giờ học lý thuyết, thực hành, thực tập lao động sản xuất.

Đây là hồ sơ do khoa quản lý, thực hiện và là cơ sở để trường kiểm tra, theo dõi chung.

Nhận định

Nhà trường đã xây dựng và phê duyệt kế hoạch đào tạo toàn khoá, tiến độ đào tạo cho cả năm học, kế hoạch giảng dạy năm học cho từng lớp, từng khóa học của mỗi ngành hoặc nghề. Kế hoạch đào tạo chi tiết đến từng mô đun, môn học, giờ học lý thuyết, thực hành, thực tập phù hợp với từng hình thức, phương thức tổ chức đào tạo và đúng quy định.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5, tiêu chí 2: 1 điểm - Đạt

Tiêu chuẩn 2.6. Trường tổ chức thực hiện theo kế hoạch đào tạo, tiến độ đào tạo đã được phê duyệt.

Mô tả

Nhà trường giao cho Phòng đào tạo phối hợp với các khoa thực hiện kế hoạch đào tạo [2.4.05; 2.4.06; 2.4.07; 2.4.08]; tiến độ đào tạo đã được phê duyệt [2.5.05; 2.5.06; 2.5.07; 2.5.08]. Các Khoa triển khai thực hiện phân công cụ thể từng giảng viên đảm nhận các lớp và giảng dạy theo đúng tiến độ đào tạo đề ra.

Các khoa triển khai thực hiện kế hoạch đào tạo, tiến độ đào tạo được cụ thể hóa và thể hiện theo Thông tư số 23/20018/TT-BLĐT BXH, ngày 06/12/2018 quy định về hồ sơ, sổ sách, trong đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng. Giảng viên, giáo viên giảng dạy theo thời khóa biểu [2.6.01]; ghi chép Sổ lên lớp đầy đủ [2.6.02]; có đầy đủ Kế hoạch nhà giáo [2.6.03]; Giáo án giảng dạy [2.6.04] và có đầy đủ Sổ tay nhà giáo của các lớp được phân công giảng dạy [2.6.05].

Việc kiểm tra giám sát, đánh giá công tác của Khoa và giảng viên, giáo viên được thực hiện định kỳ trong kiểm tra chuyên môn [2.6.06; 2.6.07], hoặc thanh tra đột xuất [2.6.08] theo sự chỉ đạo của Ban giám hiệu.

Phân tích

Các đơn vị trong trường thực hiện tốt **tiến độ**, kế hoạch, chương trình được đảm bảo thực hiện đúng, đủ và đạt mục tiêu đề ra đối với người học.

Nhận định

Nhà trường **đã thực hiện** kế hoạch đào tạo, tiến độ đào tạo phù hợp với thực tế thực hiện và đảm bảo đúng quy định.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6, tiêu chí 2: 1 điểm - Đạt

***Tiêu chuẩn 2.7.** Các hoạt động đào tạo được thực hiện theo mục tiêu, nội dung chương trình đào tạo đã được phê duyệt; có sự phối hợp với đơn vị sử dụng lao động trong việc tổ chức, hướng dẫn cho người học thực hành, thực tập các ngành, nghề tại đơn vị sử dụng lao động; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành (nếu có).*

Mô tả

Hoạt động đào tạo của Nhà trường luôn thực hiện đúng mục tiêu, nội dung chương trình từng ngành nghề đào tạo đã được phê duyệt.

Nhà trường xác định **học sinh**, sinh viên tốt nghiệp chính là sản phẩm của quá trình đào tạo. Chất lượng **học sinh**, sinh viên tốt nghiệp thể hiện rõ nhất chất lượng đào tạo của Nhà trường. Do đó, hàng năm Trường đã xây dựng kế hoạch gắn kết với các doanh nghiệp nhằm kiểm tra, đánh giá trong quá trình đào tạo.

Hàng năm, các Khoa đều chủ động xây dựng kế hoạch thực tập, liên hệ với các đơn vị để đưa học sinh, sinh viên đến thực tập tốt nghiệp nhằm giúp học sinh, sinh viên có điều kiện vận dụng những kiến thức đã học ở trường vào môi trường làm việc thực tế, nâng cao chất lượng đào tạo và đáp ứng chuẩn đầu ra trường đã xây dựng. [2.7.01; 2.7.02; 2.7.05; 2.7.04; 2.7.05].

Phân tích

Nhà trường rất quan tâm đến việc nâng cao chất lượng đào tạo thông qua việc chỉ đạo rà soát, đánh giá và điều chỉnh các hoạt động đào tạo nhằm đáp ứng ngày càng cao nhu cầu xã hội.

Sự điều chỉnh chương trình đào tạo của các ngành học có sự tham gia **giáo viên, giảng viên, cán bộ quản lý** nhà trường, một số doanh nghiệp và cựu HS-SV trường.

Duy trì tổ chức gặp gỡ, giao lưu với các doanh nghiệp và họp mặt cựu HS-SV để Nhà trường bổ sung, cải tiến nội dung chương trình đào tạo đáp ứng nhu cầu xã hội và thị trường nhân lực đồng thời nắm bắt được tình hình HS-SV có việc làm sau khi

tốt nghiệp.

Nhận định

Trong năm 2019, Nhà trường đã thực hiện đúng nội dung, mục tiêu đào tạo đã ban hành; phối hợp tốt với các công ty, xí nghiệp, cơ sở sản xuất trong việc đào tạo sinh viên, học sinh.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7, tiêu chí 2: 1 điểm - Đạt

Tiêu chuẩn 2.8. Phương pháp đào tạo được thực hiện kết hợp rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn; phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập của người học, tổ chức làm việc theo nhóm.

Mô tả

Chương trình đào tạo các ngành nghề có số lượng giờ bài tập, thảo luận, thực hành, thực tập chiếm từ 55% – 70% tổng số giờ đào tạo toàn khóa. Trong hoạt động đào tạo của trường luôn kết hợp rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn nhằm phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của học sinh, sinh viên. Các khoa, tổ chuyên môn luôn nghiêm túc trong việc tổ chức thao giảng dự giờ theo từng chuyên ngành đào tạo, thường xuyên đổi mới phương pháp giảng dạy theo hướng phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, chú trọng khả năng làm việc độc lập của người học, tổ chức làm việc theo nhóm.

Phân tích

Các đề cương chi tiết môn học, môn học trong chương trình đào tạo đều thể hiện rõ các yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng cần đạt, phương pháp dạy học, qui định về số giờ lý thuyết, thực hành, thực tập, thảo luận nhóm... [2.5.01; 2.5.02; 2.5.03; 2.5.04]. Điều này tạo điều kiện để phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập của người học và tổ chức làm việc theo nhóm. Các giờ dạy lý thuyết, thực hành được thể hiện cụ thể trên Sổ lên lớp [2.6.02], Giáo án giảng dạy [2.6.04] và Sổ tay nhà giáo [2.6.05].

Hàng năm, Nhà trường triển khai công tác kiểm tra chuyên môn, đánh giá giờ giảng của giáo viên, giảng viên các khoa, tổ chuyên môn [2.8.01; 2.8.02]. Đồng thời, Nhà trường tổ chức lấy ý kiến học sinh, sinh viên về chất lượng giảng dạy của giáo viên, giảng viên từ đó tạo cơ sở để người dạy tự điều chỉnh nội dung và đổi mới phương pháp dạy học nhằm phát huy tính năng động, sáng tạo của học sinh, sinh viên phù hợp từng chuyên ngành đào tạo [2.8.03].

Nhận định

Khi chuyển đổi sang thực hiện theo Luật Giáo dục nghề nghiệp, Nhà trường đã xây dựng chương trình đào tạo theo hướng tăng tỷ lệ giờ bài tập, thảo luận, thực hành, thực tập theo quy định. Đồng thời, khi triển khai chương trình đào tạo, Nhà trường đã kiểm tra, giám sát chặt chẽ công tác dạy và học. Đây là một trong những yếu tố góp phần tạo điều kiện giúp học sinh, sinh viên có điều kiện và thời gian để thực hành luyện tập những kỹ năng cần thiết đáp ứng được yêu cầu của môn học và yêu cầu sử dụng lao động của xã hội ở từng ngành nghề đào tạo.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 8, tiêu chí 2: 1 điểm - Đạt

Tiêu chuẩn 2.9. Trường thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động dạy và học.

Mô tả

Trong quá trình xây dựng và phát triển, nhà trường đã ưu tiên nguồn kinh phí trang bị nhiều thiết bị tin học nhằm hỗ trợ cho hoạt động dạy, học, trường đã tin học hóa công tác quản lý thông qua việc sử dụng các phần mềm chuyên dùng: quản lý đào tạo, quản lý cán bộ viên chức, quản lý học phí, quản lý tài chính, quản lý thư viện, quản lý HSSV, quản lý công văn. Đồng thời, để tạo điều kiện cho giảng viên áp dụng công nghệ thông tin vào giảng dạy một cách thuận lợi.

Phân tích

Các phòng, ban, trung tâm có đầy đủ máy tính và các thiết bị tin học khác. Số máy tính nhà trường kết nối mạng Internet đạt 100%. Hệ thống mạng được duy trì ổn định và có bộ phận chuyên theo dõi và bảo trì. Cán bộ, giảng viên và HSSV thuận tiện trong việc truy cập mạng để tìm tư liệu giảng dạy, học tập và NCKH. Trường đã trang bị phần mềm quản lý đào tạo, nhưng mấy năm qua phần mềm này vận hành không đạt yêu cầu. Mặc dù, Nhà trường đã có một số Kế hoạch và Công văn về việc vận hành phần mềm quản lý đào tạo [2.9.01; 2.9.02; 2.9.03].

Số lượng phòng máy còn thiếu so với yêu cầu đào tạo; số lượng máy tính cấu hình cao còn ít so với nhu cầu.

Hiện nay, một số dịch vụ và tiện ích công nghệ thông tin cung cấp cho giảng viên, HS-SV chưa được sử dụng nhiều như: dạy học trực tuyến, thư viện online.

Đặc biệt phần mềm quản lý đào tạo chưa vận hành tốt.

Nhận định

Tuy, Nhà trường đã quan tâm đầu tư trang thiết bị công nghệ thông tin phục vụ cho công tác dạy và học nhưng chưa thật sự đáp ứng được nhu cầu. Phần mềm quản lý đào tạo chưa vận hành tốt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 9, tiêu chí 2: 0 điểm – Chưa Đạt

Tiêu chuẩn 2.10. Hàng năm, trường có kế hoạch và tổ chức kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học theo đúng kế hoạch.

Mô tả

Nhà trường giao nhiệm vụ cho Phòng đào tạo phối hợp với các khoa giám sát kế hoạch và nội dung giảng dạy theo đúng chương trình đào tạo của từng ngành nghề. Việc kiểm tra giám sát công tác của khoa và giáo viên, **giảng viên** được thực hiện định kỳ hoặc đột xuất theo sự chỉ đạo của Ban Giám hiệu bằng các biện pháp như: Kiểm tra chuyên môn [2.10.01; 2.10.02], Kiểm tra nền nếp **dạy học** [2.10.03; 2.10.04]. Phòng Thanh tra, khảo thí và đảm bảo chất lượng giáo dục thực hiện việc thanh tra tình hình, kết quả thực hiện công tác chuyên môn, thực hiện Quy chế đào tạo [2.10.05; 2.10.06].

Phân tích

Phòng đào tạo phối hợp với các khoa giám sát kế hoạch và nội dung giảng dạy theo đúng chương trình đào tạo của từng ngành nghề. Việc kiểm tra giám sát công tác của khoa và giáo viên, **giảng viên** được thực hiện với các nội dung cụ thể như: Kiểm tra hồ sơ sổ sách, kế hoạch giáo viên của khoa, kiểm tra giáo án, **nội dung bài giảng**, sổ tay giáo viên, kiểm tra sổ đầu bài, **phiếu điểm môn học, mô đun**, dự giờ giáo viên...Phòng Đào tạo chủ trì, phối hợp với các phòng chức năng kiểm tra nền nếp: việc thực hiện giờ ra, vào lớp của giảng viên, **giảng viên**, học sinh, sinh viên, việc thực hiện tiến độ đào tạo. Ngoài ra, Phòng Thanh tra, khảo thí và đảm bảo chất lượng giáo dục thực hiện việc thanh tra tình hình, kết quả thực hiện công tác chuyên môn, thực hiện Quy chế đào tạo [2.10.07; 2.10.08].

Nhận định

Trường đã có kế hoạch và tổ chức kiểm tra, giám sát, thanh tra hoạt động dạy và học theo đúng kế hoạch.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 10, tiêu chí 2: 1 điểm - Đạt

Tiêu chuẩn 2.11. Hàng năm, trường có báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học; có đề xuất các biện pháp nâng cao chất lượng hoạt động dạy và học; kịp thời điều chỉnh các hoạt động dạy và học theo đề xuất nếu cần thiết.

Mô tả

Trong công tác quản lý đào tạo, phòng Đào tạo thường xuyên báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học [2.11.01; 2.11.02]. Trong đó là những cập nhật về tình hình, tiến độ dạy theo đúng kế hoạch, những bất cập xảy ra trong quá trình dạy và học. Báo cáo được trình bày trong các cuộc họp giao ban hàng tháng để kịp thời giải quyết, điều chỉnh cũng như có những đề xuất biện pháp nâng cao chất lượng đào tạo [2.11.03].

Phân tích

Thực hiện công tác quản lý đào tạo, phòng Đào tạo báo cáo đầy đủ kết quả kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học. Hàng tháng, phòng Đào tạo luôn có những báo cáo về tiến độ đào tạo **chính quy** tại trường cũng như những lớp liên kết ngoài tỉnh. Báo cáo kiểm tra chuyên môn từng năm đã chỉ ra những ưu điểm cần duy trì, phát huy và tồn tại, hạn chế cần khắc phục. Phòng Thanh tra, khảo thí và đảm bảo chất lượng giáo dục triển khai kế hoạch thanh tra tình hình, kết quả thực hiện công tác chuyên môn [2.10.07; 2.10.08]. Trong đó là những cập nhật, đánh giá về tình hình, tiến độ dạy theo đúng kế hoạch, những bất cập xảy ra trong quá trình dạy và học.

Nhận định

Phòng Đào tạo luôn cập nhật và báo cáo kịp thời hoạt động dạy và học. Phòng Thanh tra, khảo thí và đảm bảo chất lượng giáo dục giám sát các hoạt động dạy và học chặt chẽ. Nhờ đó, Nhà trường nắm rõ tình hình hoạt động và những khó khăn mà trường đang gặp phải để có những điều chỉnh thích hợp.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 11, tiêu chí 2: 1 điểm - Đạt

***Tiêu chuẩn 2.12.** Trường ban hành đầy đủ các quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ theo quy định.*

Mô tả

Năm 2017 đã có sự chuyển đổi cơ quan quản lý từ Bộ Giáo dục và Đào tạo sang Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. Vì thế, Nhà trường cũng đã thay đổi, thực hiện quy chế đào tạo theo Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp.

Phân tích

Đến nay Trường đã ban hành Quy định về việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, xét công nhận tốt nghiệp của Trường Cao đẳng Bến Tre [2.12.01]; Quy định về đào tạo liên thông giữa các trình độ trong giáo dục nghề nghiệp của Trường Cao đẳng Bến Tre [2.12.02]; Quy định về đào tạo sơ cấp của Trường Cao đẳng Bến Tre [2.12.03]; Quy định về đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp, sơ cấp theo hình thức vừa làm vừa học của Trường Cao đẳng Bến Tre [2.12.04]; Quy định về quy trình thực hiện việc in ấn, quản lý, cấp phát, thu hồi, hủy bỏ văn bằng, chứng chỉ của Trường Cao đẳng Bến Tre [2.12.05].

Nhận định

Nhờ ban hành Quy chế đào tạo và các quy định áp dụng cho Trường Cao đẳng Bến Tre mà nhà trường đã thực hiện quản lý đào tạo một cách chặt chẽ, có hệ thống và vừa sát với tình hình thực tế của trường vừa tuân theo những quy định do Bộ ban hành.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 12, tiêu chí 2: 1 điểm - Đạt

Tiêu chuẩn 2.13. Trong quá trình đánh giá kết quả học tập của người học có sự tham gia của đơn vị sử dụng lao động và theo quy định đặc thù của ngành nếu có.

Mô tả

Trong quá trình đánh giá kết quả học tập của người học tuy có sự tham gia của đơn vị sử dụng lao động và theo quy định đặc thù của ngành nhưng chưa đảm bảo yêu cầu.

Phân tích

Hiện nay việc đánh giá kết quả học tập của người học chủ yếu do thầy, cô giáo tham gia giảng dạy đánh giá [2.13.01].

Mặt khác, khi đi thực tập, người học được làm việc trực tiếp tại các xưởng, cơ sở SX. Tại đây người học được hướng dẫn tận tình, cuối đợt thực tập, người học được nhận xét, đánh giá cụ thể [2.13.02].

Nhận định

Nhà trường luôn giữ được mối liên hệ với các đơn vị sử dụng lao động. Tuy nhiên, trong quá trình đánh giá kết quả học tập của người học chưa có đại diện của đơn vị sử dụng lao động tham gia đánh giá.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 13, tiêu chí 2: 0 điểm – Chưa Đạt

***Tiêu chuẩn 2.14.** Tổ chức thực hiện kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ theo quy định đảm bảo nghiêm túc, khách quan.*

Mô tả

Nhà trường thực hiện kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ theo quy định đảm bảo nghiêm túc, khách quan.

Phân tích

Mỗi môn học, mô-đun đều được đánh giá bằng nhiều cột điểm kiểm tra thường xuyên và định kỳ, nếu các điểm kiểm tra không đạt yêu cầu sẽ không đủ điều kiện thi kết thúc môn học, mô-đun [2.14.01].

Nhà trường tổ chức một kỳ thi kết thúc môn học/ mô-đun vào cuối mỗi học kỳ cho tất cả các lớp chính quy và cuối mỗi đợt học cho các lớp VLVH [2.14.02].

Quy trình kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp được thực hiện một cách nghiêm túc đúng quy định, từ khâu lên kế hoạch thi tốt nghiệp [2.14.03]; xét điều kiện thi [2.14.04]; đến tổ chức thi [2.14.05]; chấm thi [2.14.06] và họp xét công nhận tốt nghiệp [2.14.07].

Thực hiện cấp bằng, chứng chỉ tốt nghiệp luôn theo đúng quy định [2.14.08]. Thông tin trên bằng tốt nghiệp được ghi chính xác đúng với thông tin gốc của học sinh và được quản lý, theo dõi trên sổ cấp bằng tốt nghiệp. Sổ cấp bằng tốt nghiệp được ghi một cách chính xác, rõ ràng, đóng dấu giáp lai, có chữ ký người nhận và được quản lý chặt chẽ [2.14.09].

Nhận định

Nhà trường có đầy đủ các quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ theo quy định.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 14, tiêu chí 2: 1 điểm - Đạt

***Tiêu chuẩn 2.15.** Hàng năm, trường thực hiện rà soát các quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ và kịp thời điều chỉnh nếu cần thiết.*

Mô tả

Việc thực hiện rà soát, điều chỉnh các quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ của nhà trường luôn kịp thời.

Phân tích

Trong các kỳ thi tốt nghiệp hàng năm (hệ Trung cấp), hội đồng xét điều kiện dự thi [2.15.01]; xét tốt nghiệp [2.15.02] theo đúng quy chế, qua đó nhìn nhận, rà soát lại những vấn đề phát sinh trong quá trình đào tạo để kịp thời đề xuất những giải pháp phù hợp.

Mỗi học kỳ, nhà trường đều tổ chức đợt đánh giá kết quả rèn luyện [2.15.03].

Thanh tra nhà trường tổ chức thanh tra đơn vị phụ trách cấp văn bằng, chứng chỉ theo kế hoạch từng năm về việc thực hiện Quy định về quy trình thực hiện việc in ấn, quản lý, cấp phát, thu hồi, hủy bỏ văn bằng, chứng chỉ của Trường [2.15.04].

Nhận định

Nhà trường luôn thực hiện nghiêm túc quy chế đào tạo cũng như những quy định về đánh giá rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ. Nhà trường thường xuyên có những cuộc họp hội đồng, qua đó luôn giám sát chặt chẽ quá trình đào tạo, rà soát kịp thời phát hiện những vấn đề phát sinh trong các quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện và cấp văn bằng, chứng chỉ.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 15, tiêu chí 2: 1 điểm - Đạt

Tiêu chuẩn 2.16. Trường có hướng dẫn và tổ chức thực hiện về đào tạo liên thông theo quy định.

Mô tả

Năm 2017 đã có sự chuyển đổi cơ quan quản lý từ Bộ Giáo dục và Đào tạo sang Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. **Nhà trường chỉ mới xây dựng, chuyển đổi chương trình đào tạo các ngành nghề đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp hệ chính quy.** Các chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng đều xây dựng theo hướng tạo điều kiện thuận lợi cho người học được đào tạo liên thông lên trình độ cao đẳng, đại học [2.5.01; 2.5.02; 2.5.04]. Nhưng chưa xây dựng chương trình đào tạo liên thông theo quy định đào tạo liên thông giữa các trình độ trong giáo dục nghề nghiệp theo Thông tư 27/2017/TT-BLĐTBXH ngày 27/9/2017.

Phân tích

Do có sự chuyển đổi cơ quan quản lý từ Bộ GD&ĐT sang Bộ LĐTB&XH, thực hiện theo Luật Giáo dục nghề nghiệp nên Nhà trường chưa xây dựng chương trình đào tạo liên thông, chưa đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp trình độ trung cấp, cao đẳng đối với những ngành nghề trường đào tạo liên thông ở trình độ tương ứng. Vì vậy, Nhà trường **chưa có hướng dẫn, tổ chức thực hiện về đào tạo liên thông theo quy định.**

Nhận định

Nhà trường chưa có hướng dẫn, tổ chức thực hiện về đào tạo liên thông theo quy định.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 16, tiêu chí 2: 0 điểm – Chưa Đạt

Tiêu chuẩn 2.17. Trường có cơ sở dữ liệu về các hoạt động đào tạo và tổ chức quản lý, sử dụng có hiệu quả.

Mô tả

Hàng năm vào đầu khoá học, Phòng Đào tạo và Phòng Công tác HSSV nhập thông tin của HSSV vào cơ sở dữ liệu về hồ sơ HSSV theo quyết định mở lớp đào tạo [2.17.01]. Hệ thống sổ sách lưu trữ kết quả học tập của người học đã được thực hiện và quản lý đúng theo quy chế tổ chức đào tạo, được lưu trên máy tính và bản in. Nơi quản lý và lưu trữ kết quả học tập và công nhận tốt nghiệp của HS-SV là các khoa có HS-SV theo học, phòng Đào tạo và phòng Thanh tra - Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục [2.17.02]. Quy định về quy trình thực hiện việc in ấn, quản lý, cấp phát, thu hồi, hủy bỏ văn bằng chứng chỉ của Trường Cao đẳng Bến Tre [2.17.03].

Trong quá trình tổ chức đào tạo, tất cả các dữ liệu về quá trình giảng dạy, học tập. Hệ thống phần mềm quản lý đào tạo đã được đầu tư khai thác phục vụ cho công tác đào tạo đã được tập huấn, triển khai và ứng dụng.

Phân tích

Cơ sở dữ liệu về các hoạt động đào tạo bao gồm: xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo, chương trình môn học, dữ liệu tuyển sinh và kết quả tuyển sinh, tiến độ đào tạo, chương trình đào tạo toàn khóa, thời khóa biểu từng học kỳ, quy định về kiểm tra, thi, xét và công nhận tốt nghiệp, quản lý cấp phát văn bằng, chứng chỉ cho người học; khảo sát việc làm, thu nhập của học sinh, sinh viên sau tốt nghiệp.

Hệ thống dữ liệu thư viên điện tử phục vụ cho giảng dạy của nhà giáo và học tập của học sinh, sinh viên được đầu tư nâng cấp.

Nhận định

Quá trình quản lý, thực hiện các hoạt động đào tạo của nhà trường: tuyển sinh, thành lập lớp, xếp thời khoá biểu, giảng viên nhập nhật ký giảng dạy, sinh viên đăng ký học phần, tổ chức thi; quản lý điểm; xét tốt nghiệp; cấp phát văn bằng chứng chỉ... Tất cả các hoạt động này đều được thực hiện và lưu trữ thông qua phần mềm quản lý đào tạo phù hợp với hình thức đào tạo theo học chế tín chỉ Toàn bộ cơ sở dữ liệu về tình hình học sinh, sinh viên tốt nghiệp được lưu trữ đầy đủ tại quản lý đào tạo của nhà trường và công bố công khai trên website của trường.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 17, tiêu chí 2: 1 điểm - Đạt

3.2.3. Tiêu chí 3 - Nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động

Mở đầu

Nguồn lực con người luôn có vị trí quan trọng, yếu tố quyết định thắng lợi các mục tiêu, kế hoạch, chương trình, là khâu then chốt đảm bảo cho các hoạt động dạy và học của nhà trường có chất lượng. Chính vì vậy, nhà trường luôn chú trọng xây dựng đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của công tác đào tạo và xu thế cạnh tranh chất lượng đào tạo với những cơ sở đào tạo trong tỉnh.

Những điểm mạnh

Trường Cao đẳng Bến Tre đã và đang từng bước xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý đạt chuẩn về trình độ chuyên môn nghiệp vụ, đảm bảo đủ điều kiện, tiêu chuẩn quy định khi bổ nhiệm, đủ năng lực đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao. Đây là điều kiện thuận lợi trong công tác quản lý và điều hành hoạt động của nhà trường ngày càng hiệu quả.

Nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, Trường chú trọng xây dựng đội ngũ giảng viên, giáo viên và chuyên viên đạt yêu cầu về số lượng, chuẩn về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu giảng dạy và công tác hành chính. Công tác tuyển dụng, sử dụng, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại đội ngũ CBVC của Trường ngày càng nền nếp, đúng quy định. Công tác đánh giá, phân loại công chức, viên chức hàng năm được thực hiện công khai minh bạch, khách quan ngày càng đã trở thành động lực thúc đẩy sự nỗ lực của mỗi cá nhân phấn đấu hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao.

Nhà trường luôn thực hiện đầy đủ chế độ chính sách đối với cán bộ viên chức và

người lao động theo quy định hiện hành của Nhà nước và quy chế, quy định của nhà trường.

Có thể nói, đội ngũ CBVC của nhà trường được nâng cao về chất lượng và đủ về số lượng như hiện nay là kết quả của quá trình tập trung đẩy mạnh công tác đào tạo bồi dưỡng đồng bộ với thực hiện kịp thời các chính sách thu hút, hỗ trợ của Tỉnh và quy định của nhà trường tạo điều kiện về thời gian và kinh phí cho viên chức đi học tập bồi dưỡng chuyên môn, nâng cao trình độ. Kết quả công tác đào tạo bồi dưỡng đã góp phần tạo nguồn cán bộ dồi dào, bổ sung vào nguồn cán bộ quy hoạch ngày càng có chất lượng đáp ứng điều kiện, tiêu chuẩn khi bổ nhiệm.

Những tồn tại

Trên thực tế, do kinh phí còn hạn chế nên nhà trường chưa tổ chức được nhiều lớp bồi dưỡng về nghiệp vụ, chuyên môn cho CBGV. Bên cạnh đó, một số ít CBGV còn chưa tích cực tự học tập nâng cao trình độ, cập nhật kiến thức chuyên môn, làm giàu trí tuệ và nâng cao tay nghề. Một số viên chức quản lý và nhà giáo chưa đủ chuẩn chức danh nghề nghiệp, thiếu điều kiện, tiêu chuẩn chức vụ lãnh đạo, quản lý.

Một số ít giảng viên thực hiện chưa tốt nội quy, quy chế chuyên môn của nhà trường như lên lớp không đúng giờ, cho học sinh, sinh viên về sớm hơn giờ quy định, viên chức chưa đảm bảo giờ làm việc hành chính, còn đi trễ về sớm, chưa tập trung trong giờ làm việc.

Kế hoạch nâng cao chất lượng:

Để khắc phục những hạn chế trên, trong những năm học tới, Trường tập trung xây dựng kế hoạch đưa CBVC đi bồi dưỡng về kỹ năng tay nghề, nâng cao trình độ lý luận chính trị, ngoại ngữ, tin học, đảm bảo đủ chuẩn chức danh nghề nghiệp, chức vụ khi bổ nhiệm. Thực hiện nhiều hơn các chính sách nhằm khuyến khích cán bộ giảng viên tham gia học tập nâng cao trình độ, tự trau dồi, bồi dưỡng kiến thức; khuyến khích giảng viên học ngoại ngữ nhằm gia tăng cơ hội học tập nâng cao trình độ; tăng cường công tác dự giờ nhằm đánh giá đúng chất lượng giảng dạy.

Điểm đánh giá tiêu chí 3:

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 3	14/15
Tiêu chuẩn 1	1
Tiêu chuẩn 2	1

Tiêu chuẩn 3	1
Tiêu chuẩn 4	1
Tiêu chuẩn 5	1
Tiêu chuẩn 6	1
Tiêu chuẩn 7	1
Tiêu chuẩn 8	1
Tiêu chuẩn 9	1
Tiêu chuẩn 10	0
Tiêu chuẩn 11	1
Tiêu chuẩn 12	1
Tiêu chuẩn 13	1
Tiêu chuẩn 14	1
Tiêu chuẩn 15	1

Tiêu chuẩn 1: Có quy định về việc tuyển dụng, sử dụng, quy hoạch, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động theo quy định.

Mô tả

Công tác tuyển dụng, sử dụng, quy hoạch, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động được nhà trường thực hiện đúng theo quy định.

Để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ chính trị của Trường giai đoạn mới, hàng năm, Trường Cao đẳng Bến Tre đều rà soát, sắp xếp, bố trí lại đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên để phát huy hết năng lực, sở trường mỗi người.

Trường luôn quan tâm đặc biệt đến xây dựng đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động có trình độ, năng lực, nhiệt tình và có trách nhiệm trên các mặt: đạo đức nghề nghiệp, năng lực chuyên môn giỏi, có phương pháp giảng dạy và năng lực quản lý. Trường đã xây dựng và phê duyệt danh sách nguồn cán bộ quy hoạch lãnh đạo phòng, khoa, trung tâm giai đoạn 2020-2025 [3.1.01]. Bên cạnh đó, hàng năm Trường đều xây dựng kế hoạch, đào tạo bồi dưỡng [3.1.02], có kế hoạch và hướng dẫn đánh giá, phân loại nhà giáo, cán bộ quản lý và người lao động đúng quy định [3.1.03].

Trong công tác quy hoạch, bồi dưỡng cũng như đánh giá, phân loại nhà giáo, cán

bộ quản lý và nhân viên luôn được đảm bảo thực hiện đúng quy định, công khai, minh bạch góp phần nâng cao chất lượng dạy và học của Trường; nâng cao hiệu quả, hiệu suất hoạt động của các đơn vị trong Trường.

Phân tích

Cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của mình và được đảm bảo các quyền theo quy định của Điều lệ trường cao đẳng, đặc biệt là trong đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu khoa học và thực hiện Quy chế dân chủ trong cơ quan, đơn vị.

Phòng Thanh tra – **Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục** và Ban Thanh tra nhân dân đã phát huy vai trò và thực hiện tốt chức năng thanh tra, giám sát việc thực thi nghĩa vụ, chế độ, chính sách và quyền lợi có liên quan đến cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên.

Nhận định

Mặc dù Trường căn cứ vào các quy định của Nhà nước, song trên thực tế công tác đánh giá, phân loại còn có một số hạn chế nhất định, chưa thực sự đánh giá đúng thực chất năng lực đội ngũ CBVC. Vì vậy, công tác đánh giá, xếp loại, chưa thật sự trở thành động lực thúc đẩy nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình một cách nhiệt tình, phát huy hết năng lực. Điều này đặt ra yêu cầu rất cần nhà trường sớm xây dựng bộ tiêu chí đánh giá xếp loại nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động làm căn cứ cho công tác đánh giá, xếp loại tương đối đúng thực chất, tạo động lực thật sự thúc đẩy đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý phát huy năng lực chuyên môn, kỹ năng lãnh đạo quản lý nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy và công tác quản lý ngày càng hiệu quả hơn.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3, tiêu chí 3: 1 điểm – Đạt

Tiêu chuẩn 2: Tổ chức thực hiện tuyển dụng, sử dụng, quy hoạch, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động theo quy định, đảm bảo công khai, minh bạch, khách quan; thực hiện đầy đủ chính sách, chế độ cho nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động theo quy định.

Mô tả

Việc tuyển dụng viên chức hàng năm xuất phát từ nhu cầu vị trí việc làm của các đơn vị trong nhà trường. Trên cơ sở đề xuất nhu cầu viên chức của các đơn vị trực thuộc được phê duyệt của Sở Nội vụ, Trường xây dựng kế hoạch tuyển dụng và triển

khai nghiêm túc quy trình tuyển dụng theo quy định. Mỗi kỳ xét tuyển Trường có thông báo rộng rãi nhu cầu tuyển dụng, công khai các danh sách những người đăng ký dự tuyển và danh sách trúng tuyển. Viên chức khi tuyển vào làm việc được bố trí công việc phù hợp với năng lực, chuyên môn và sở trường.

Trong năm học qua, Trường tiến hành xây dựng kế hoạch tuyển dụng viên chức phục vụ nhu cầu giảng dạy và công tác chuyên môn nhằm đảm bảo số lượng và chất lượng đáp ứng yêu cầu công tác giảng dạy, hành chính và phục vụ đào tạo giảng dạy.

Song song với công tác tuyển dụng, công tác bồi dưỡng CBGV được triển khai. Hàng năm, Trường đều xây dựng kế hoạch bồi dưỡng trên cơ sở yêu cầu công tác, nhiệm vụ chuyên môn.

Công tác nhận xét, đánh giá, xếp loại viên chức hàng năm được thực hiện đúng quy trình và hướng dẫn. Công tác này được đảm bảo sẽ là động lực thúc đẩy nỗ lực phấn đấu của mỗi cá nhân trong thực thi nhiệm vụ được giao. Trong những năm qua Trường đã thực hiện tốt công tác này. Nhà trường có hướng dẫn đánh giá, xếp loại cụ thể hàng năm gửi đến các đơn vị triển khai thực hiện. Hoạt động đánh giá, bình xét được tổ chức công khai, minh bạch rõ ràng. Để đảm bảo được tính minh bạch rõ ràng, Trường đã và đang tiến hành xây dựng hệ thống các tiêu chí đánh giá cho từng đối tượng: giảng viên giảng dạy, giáo viên chủ nhiệm, cán bộ quản lý, nhân viên.

Công tác quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý được Trường quan tâm chú trọng. Để thực hiện tốt và đúng quy định công tác quy hoạch, Trường thực hiện đúng quy trình từ bước lấy phiếu giới thiệu rộng rãi, lựa chọn cán bộ có uy tín, trách nhiệm và có kế hoạch đưa đi đào tạo, bồi dưỡng tạo nguồn cán bộ đủ chuẩn đáp ứng yêu cầu khi bổ nhiệm.

Phân tích

Trường Cao đẳng Bến Tre là đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo một phần kinh phí hoạt động và thực hiện cơ chế tài chính theo quy định của Chính phủ. Trường luôn thực hiện tốt chế độ chính sách đối với nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức theo đúng quy định của pháp luật. Đồng thời cũng thực hiện tốt các chế độ về bảo hiểm, an sinh xã hội cũng như xây dựng các tổ chức đoàn thể vững mạnh hoạt động đều nhằm tạo điều kiện thu hút CBVC tham gia các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao, nâng cao đời sống văn hóa tinh thần, góp phần tạo động lực thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị của nhà trường [3.2.01].

Nhận định

Bên cạnh những mặt tích cực đạt được, công tác đánh giá, phân loại, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động nói chung chưa được thực hiện một cách công bằng và đúng thực chất. Điều này sẽ khắc phục trong thời gian tới khi nhà trường ban hành bộ tiêu chí đánh giá cụ thể, rõ ràng làm căn cứ thực hiện công tác đánh giá xếp loại sẽ đi vào nề nếp và đúng thực chất hơn, tạo động lực to lớn hơn trong thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ của mỗi cán bộ, viên chức. Trong thực tế, việc thực hiện chế độ tiền lương đối với người lao động làm việc theo hợp đồng nhà trường chưa đảm bảo [3.2.02]. Điều này sẽ sớm khắc phục khi nhà trường thực hiện chi trả lương cho người lao động theo mức lương tối thiểu vùng theo quy định của Chính phủ.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2, tiêu chí 3: 1 điểm – Đạt

Tiêu chuẩn 3: Đội ngũ nhà giáo của trường tham gia giảng dạy đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ và các tiêu chuẩn hiện hành khác nếu có.

Mô tả

Giảng viên, giáo viên là lực lượng góp phần quan trọng, quyết định bảo đảm và nâng cao chất lượng đào tạo của nhà trường. 100% nhà giáo của nhà trường đạt chuẩn về chuyên môn, về nghiệp vụ chưa đáp ứng theo tiêu chuẩn theo Luật Giáo dục nghề nghiệp. Là những nhà giáo có tri thức và hiểu biết sâu chuyên môn, năng lực tay nghề giỏi và nhiều kinh nghiệm, có phương pháp và nhiệt tình truyền đạt kiến thức cho học sinh sinh viên. Chất lượng đào tạo của nhà trường được khẳng định không chỉ thể hiện ở nội dung chương trình đào tạo tiên tiến, phù hợp mà còn phụ thuộc phần lớn vào phương pháp giảng dạy của đội ngũ nhà giáo.

Trường có đủ giảng viên và được đào tạo theo đúng chuyên ngành. 100% giảng viên, giáo viên được phân công giảng dạy đúng chuyên môn được đào tạo, đảm bảo cơ cấu chuyên môn và trình độ theo quy định [3.3.01]. Nhằm không ngừng nâng cao trình độ chuyên môn cho giảng viên, ngoài việc thực hiện chính sách hỗ trợ của Tỉnh khi có bằng thạc sĩ, tiến sĩ, nhà trường cũng quy định những chính sách ưu tiên cho giảng viên có trình độ sau đại học khi tuyển dụng, giảm tỷ lệ phần trăm giờ chuẩn đối với nhà giáo đi đào tạo sau đại học, đi học trung cấp, cao cấp lý luận chính trị, tạo điều kiện giảng viên, giáo viên đi thực tế. Về trình độ ngoại ngữ và tin học, tất cả giảng viên đều có trình độ B trở lên đảm bảo trên 90% đều đạt trình độ chuẩn theo quy định, hầu hết giảng viên của Trường đều ứng dụng tin học trong công việc, trong chuyên môn, sử dụng powerpoint trong giảng dạy [3.3.02].

Phân tích

Có thể khẳng định đội ngũ nhà giáo của Trường đảm bảo trình độ chuẩn theo chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định, giảng dạy theo đúng chuyên môn đào tạo; có trình độ chuyên môn, trình độ ngoại ngữ, tin học đáp ứng được cơ bản yêu cầu về nhiệm vụ đào tạo và nghiên cứu khoa học.

Nhận định

Tuy vậy, khả năng sử dụng ngoại ngữ thành thạo của giảng viên phục vụ công tác chuyên môn còn hạn chế. Nguyên nhân là do chưa có nhiều chuyến đi tìm hiểu thực tế, trao đổi kinh nghiệm, khảo sát trình độ sử dụng tiếng Anh áp dụng vào giảng dạy.

Từ năm học 2017 – 2018, Trường tiếp tục có kế hoạch, chính sách để tạo điều kiện cho giảng viên đi học sau đại học để nâng cao trình độ đặc biệt là đào tạo trình độ tiến sỹ trở lên. Tiếp tục mở các lớp bồi dưỡng nâng cao năng lực ngoại ngữ và tin học phục vụ giảng dạy và quản lý.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3, tiêu chí 3: 1 điểm – Đạt

Tiêu chuẩn 4: Nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định và không vi phạm quy chế, nội quy và quy định của Nhà trường

Mô tả

Trên cơ sở nhận thức được quyền và nghĩa vụ của mình, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động của Trường nghiêm chỉnh chấp hành chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; các nghĩa vụ theo quy định tại Quy chế tổ chức hoạt động của Trường như: giảng viên đã thực hiện giảng dạy theo đúng nội dung, chương trình đào tạo ban hành; biên soạn giáo trình, bài giảng phục vụ giảng dạy học tập theo sự phân công của Trường, khoa, bộ môn; cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên Trường không ngừng bồi dưỡng nghiệp vụ, cải tiến phương pháp giảng dạy để nâng cao chất lượng đào tạo [3.4.01]

CBGV được hưởng mọi quyền lợi về vật chất, tinh thần theo các chế độ chính sách quy định; được hưởng các chế độ nghỉ lễ theo quy định của Nhà nước và được nghỉ hè, nghỉ Tết, nghỉ thường niên theo quy định của Nhà nước và Luật Lao động. Bên cạnh đó, CBGV được tham gia NCKH, được cử đi đào tạo và bồi dưỡng để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ; được nâng lương thường xuyên hàng năm, nâng

lượng trước hạn theo đúng quy định của Nhà nước và Trường. Ngoài ra, các cá nhân, tập thể CBGV được xét tặng danh hiệu thi đua hàng năm [3.4.02]. Đây là một trong khuyến khích tinh thần có giá trị tạo động lực cho toàn thể CBGV và nhân viên Trường trong hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Để đánh giá năng lực đội ngũ giảng viên, Trường đã xây dựng và ban hành bộ tiêu chí đánh giá trên tất cả các mặt: Chính trị, tư tưởng, chấp hành pháp luật, nội quy, quy định; năng lực giảng dạy; năng lực nghiên cứu khoa học và tổ chức triển khai đánh giá [3.4.03].

Phân tích

Đội ngũ cán bộ quản lý, nhà giáo, nhân viên của Trường có phẩm chất, đạo đức, tư tưởng tốt; có trình độ chuyên môn, có tinh thần trách nhiệm trong công tác và hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Nhiều năm qua, Trường đã thực hiện tốt Quy chế trong trường học, từ đó đã tạo điều kiện cho mọi cán bộ, giảng viên và nhân viên thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình. Các ý kiến phản ánh, góp ý được tôn trọng và giải quyết kịp thời, thỏa đáng, không xảy ra kiến nghị, thắc mắc, đơn thư khiếu nại, tố cáo.

Nhận định

Một bộ phận nhỏ CBGV chưa thực hiện tốt các nghĩa vụ của mình như còn đi muộn, về sớm, dạy không đủ thời gian quy định môn học. Nguyên nhân khách quan có nhiều, song một phần do ý thức tự giác của một số viên chức chưa cao.

Do vậy, trong những năm học tới, Trường sẽ tích cực kiểm tra, đôn đốc cán bộ, viên chức, nhân viên thực hiện tốt hơn nữa các nghĩa vụ theo quy định. Ban Giám hiệu sẽ tiếp tục quan tâm hơn nữa tới công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quy hoạch lãnh đạo, quản lý các đơn vị, tạo điều kiện và hỗ trợ để đội ngũ này ngày càng phát huy hết năng lực và trách nhiệm trong công tác.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4, tiêu chí 3: 1 điểm – Đạt

Tiêu chuẩn 5: Trường có đội ngũ nhà giáo đảm bảo tỷ lệ quy đổi; số lượng nhà giáo cơ hữu đảm nhận chương trình mỗi ngành, nghề đào tạo theo quy định; trường đảm bảo tỷ lệ nhà giáo có trình độ sau đại học theo quy định.

Mô tả

Trong những năm qua, Trường luôn chú trọng, phát triển đội ngũ nhà giáo để đáp ứng chiến lược, định hướng tuyển sinh và đào tạo. Trường luôn bám sát các quy định mới về xác định chỉ tiêu tuyển sinh đối với các cơ sở đào tạo của Bộ Giáo dục & Đào tạo,

Bộ Lao động, Thương binh & Xã hội, từ đó làm căn cứ, áp dụng đối với Trường.

Căn cứ vào tổng số nhà giáo, trình độ chuyên môn, quy mô tuyển sinh, tỷ lệ học sinh sinh viên chính quy/giáo viên, giảng viên quy đổi hàng năm, Trường đưa ra số lượng nhà giáo cơ hữu đảm nhận khối lượng chương trình.

Nhìn chung, chất lượng đội ngũ giáo viên, giảng viên không ngừng được nâng cao, thông qua việc đào tạo, bồi dưỡng hàng năm. Điều này, là một tín hiệu tốt cho công tác đánh giá đội ngũ nhà giáo đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ [3.5.01].

Hiện nay, số lượng nhà giáo cơ hữu của trường đảm nhận chương trình mỗi ngành, nghề đào tạo theo quy định, đảm bảo tỷ lệ quy đổi đáp ứng cho tất cả các ngành và trình độ đào tạo.

Hàng năm, trong phân công chuyên môn, nhà trường chú ý đảm bảo khối lượng công việc của nhà giáo phù hợp với chế độ làm việc theo Quy định chế độ làm việc của nhà giáo nhà trường đã ban hành [3.5.02].

Phân tích

Đầu mỗi năm học, nhà trường đều xây dựng kế hoạch giảng dạy cho từng khóa và có bảng phân công giảng dạy của giáo viên, giảng viên toàn trường [3.5.03]. Đây là căn cứ pháp lý từ đó thực hiện các quy định chế độ chính sách cho nhà giáo.

Kết thúc năm học, nhà trường có thống kê giờ giảng của giảng viên các từng tổ, khoa chuyên môn, từ đó làm căn cứ thanh toán tiền vượt giờ cho nhà giáo theo quy định [3.5.04].

Nhận định

Nhìn chung, trường đảm bảo nhà giáo đảm bảo tỷ lệ quy đổi, số lượng nhà giáo cơ hữu đủ để đảm nhận chương trình mỗi ngành, nghề đào tạo theo quy định và nhà giáo có trình độ sau đại học theo quy định.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5, tiêu chí 3: 1 điểm – Đạt

Tiêu chuẩn 6: Nhà giáo giảng dạy theo nội dung, mục tiêu của chương trình đào tạo và thực hiện đầy đủ các yêu cầu của chương trình đào tạo.

Mô tả

Đội ngũ giảng viên của Trường đa số là nhà giáo cơ hữu, một số ít là nhà giáo thỉnh giảng, giảng dạy các môn chung, các môn chuyên môn ngành/ nghề, các môn văn hóa theo đúng nội dung, mục tiêu của chương trình đào tạo và thực hiện đầy đủ các yêu cầu của chương trình đào tạo.

Giảng viên thực hiện giảng dạy theo đúng nội dung, chương trình được quy định, cụ thể như số giờ lên lớp của chương trình, có giáo án đầy đủ, thực hiện đầy đủ quy định biểu mẫu như: Sổ ghi chép, Sổ tay lên lớp,... [3.6.01]

Giảng viên thực hiện đúng theo kế hoạch đào tạo của nhà trường theo biên chế năm học được xây dựng hàng năm [3.6.02]. Đồng thời, thực hiện giờ thao giảng hàng năm theo quy định trong tổ chuyên môn và công tác kiểm tra chuyên môn được Nhà trường toor chức thực kỳ hàng năm.

Phân tích

Nhìn chung, với lợi thế giảng viên, giáo viên có trình độ chuyên môn cao, tâm huyết với nghề và luôn xác định đúng mục tiêu của bài giảng, do đó việc giảng dạy theo đúng mục tiêu chương trình đào tạo, đầy đủ các yêu cầu bài giảng là nhiệm vụ luôn được các giảng viên hoàn thành tốt khi lên lớp.

Nhận định

Bên cạnh số giảng viên có nhiều kinh nghiệm, tâm huyết với nghề, có phương pháp truyền đạt tốt, vẫn còn một số ít giảng viên chưa thật sự đầu tư nhiều cho bài giảng lên lớp, chưa sáng tạo, chưa cập nhật kiến thức dẫn đến bài giảng còn theo lối mòn, ít có sức hấp dẫn đối với người học dẫn đến chất lượng của bài giảng chưa cao.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6, tiêu chí 3: 1 điểm – Đạt

Tiêu chuẩn 7: Trường có chính sách, biện pháp và thực hiện các chính sách, biện pháp khuyến khích nhà giáo học tập và tự bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đổi mới phương pháp giảng dạy.

Mô tả

Đội ngũ giảng viên Trường Cao đẳng Bến Tre đảm bảo trình độ chuẩn được đào tạo của nhà giáo theo quy định và được phân công giảng dạy đúng theo chuyên môn đào tạo. Có được đội ngũ đạt chuẩn chuyên môn cao như hiện nay là kết quả trong những năm vừa qua Trường có nhiều chính sách khuyến khích nhà giáo học tập và tự bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đổi mới phương pháp giảng dạy.

Trường đã có những quy định về các chế độ, chính sách tạo điều kiện về thời gian cũng như hỗ trợ về tài chính cho đội ngũ giảng viên tham gia học tập trong và ngoài nước.

Phân tích

Trường đã có quy định rõ ràng cụ thể về quyền lợi và nghĩa vụ của người tham gia

học tập nâng cao chuyên môn nghiệp vụ, đồng thời trong các văn bản của Trường có quy định về việc giảm giờ chuẩn giảng dạy trong năm học cho giảng viên tham gia học tập nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ, lý luận chính trị [3.7.01].

Nhận định

Những quy định đã được phổ biến rộng rãi tới toàn thể CBGV được biết thông qua triển khai tới từng đơn vị, họp phổ biến chủ trương trong từng cuộc họp chuyên môn, họp giao ban hay hội nghị cán bộ, giảng viên nhà trường.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 8, tiêu chí 3: 1 điểm – Đạt

Tiêu chuẩn 8: Hàng năm, Trường có kế hoạch và triển khai kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ và phương pháp giảng dạy cho đội ngũ nhà giáo.

Mô tả

Nâng cao chất lượng của đội ngũ GV, tích cực thực hiện đề án đào tạo GV có trình độ Tiến sĩ, Thạc sĩ với ba phương án: đào tạo trong nước, đào tạo ở nước ngoài và kết hợp đào tạo trong nước với ngoài nước gắn liền với tuyển chọn, bố trí, đánh giá GV theo quy định của ngành.

Để đạt được yêu cầu trên, Nhà trường đề ra yêu cầu nâng cao chất lượng GV đạt định mức quy định về tỷ lệ HS-SV trên GV trong các nhóm ngành nghề đào tạo; đảm bảo cơ cấu chuyên môn và trình độ GV theo quy định, có trình độ ngoại ngữ, tin học đáp ứng yêu cầu chuẩn nhà giáo giáo dục nghề nghiệp theo quy định.

Chủ trương của Trường là xây dựng và phát triển đội ngũ giảng viên có chất lượng, phục vụ nhiệt tình và có trách nhiệm trên cả các mặt: đạo đức nghề nghiệp, năng lực chuyên môn và phương pháp giảng dạy. Trường đã xây dựng và ban hành kế hoạch đào tạo ngũ giảng viên giai đoạn 2015 – 2020 [3.8.01]. Một trong những biện pháp nhằm phát triển đội ngũ nhà giáo có chất lượng và hiệu quả nhất đó là thông qua hoạt động đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ và phương pháp giảng dạy. Trong những năm học vừa qua, Trường đã thực hiện rất tốt công tác đào tạo, bồi dưỡng đối với cán bộ, giảng viên nhà trường nói chung và đối với nhà giáo nói riêng. Việc xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đối với giảng viên được Trường thực hiện đầu mỗi năm học nhằm tránh tình trạng thiếu giảng viên đứng lớp đồng thời tránh những kế hoạch bồi dưỡng chồng chéo gây khó khăn cho giảng viên [3.8.02]. Trên cơ sở kế hoạch đã xây dựng, các khoa, bộ môn căn cứ nhiệm vụ cụ thể của khoa, số lượng giảng viên từng khoa

và kế hoạch của khoa để cử từng đối tượng giảng viên tham gia khóa đào tạo hay bồi dưỡng. Sau mỗi năm học, công tác đào tạo, bồi dưỡng cho giảng viên thường được tổng kết đánh giá thông qua báo cáo tổng kết năm học; đặc biệt công tác đổi mới phương pháp giảng dạy có những năm được nhà trường tiến hành thành hội thảo khoa học, các buổi sinh hoạt bàn bạc trao đổi kinh nghiệm về các phương pháp giảng dạy mới nhằm khuyến khích cá nhân mỗi giảng viên tự tìm tòi những phương pháp mới cải tiến và nâng cao chất lượng công tác giảng dạy.

Phân tích

Trong thời gian vừa qua, với những chính sách khuyến khích về học tập, nâng cao trình độ mà số lượng giảng viên, đặc biệt là cán bộ, giảng viên trẻ tham gia đào tạo bồi dưỡng trong nước ngày càng tăng. Hiện có 05 giảng viên đang tham gia nghiên cứu sinh trong nước, 01 giảng viên đang thực hiện nghiên cứu sinh tại Vương Quốc Anh và 07 cán bộ, giảng viên đi học thạc sĩ trong nước, 04 CBVC tham gia bồi dưỡng về QLNN, 04 CBVC tham dự Bồi dưỡng Giáo dục quốc phòng, 01 viên chức tham gia học lớp cao cấp lý luận chính trị, 06 viên chức đang học trung cấp lý luận chính trị và 04 CBVC bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, kỹ năng quản lý để cập nhật kiến thức và nâng cao năng lực điều hành. .

Nhận định

Mặc dù, hiệu quả của công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ viên chức, giảng viên được thể hiện rõ thông qua hiệu quả công tác quản lý, điều hành và nâng cao chất lượng giảng dạy, song bên cạnh đó vẫn còn tồn tại một bộ phận rất ít giảng viên dạy học theo phương pháp truyền thống, thụ động nên chưa phát huy hiệu quả quá trình dạy và học. Trong những năm học tới, Trường cần tiếp tục tăng cường hơn nữa công tác đánh giá giờ giảng đối với giảng viên nhằm khắc phục được hạn chế nói trên.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 8, tiêu chí 3: 1 điểm – Đạt

Tiêu chuẩn 9: Nhà giáo được bồi dưỡng, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động để cập nhật kiến thức, công nghệ, phương pháp tổ chức quản lý sản xuất theo quy định và thực hiện theo quy định đặc thù của ngành.

Mô tả

Ngoài công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo, nhà trường rất quan tâm khuyến khích, tạo điều kiện cho giảng viên đi tham gia các lớp bồi dưỡng, tập huấn để nâng cao trình độ chuyên môn, nâng cao kỹ năng tay nghề, cũng như học hỏi kinh

nghiệm thực hành, thực tế áp dụng, bổ sung vào các bài giảng.

Công tác bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo rất phong phú và đa dạng, thông qua các hình thức khác nhau như: tập huấn, hội thảo các chuyên đề liên quan đến ngành nghề đào tạo. Ngoài ra, hàng năm, Trường có kế hoạch cử giảng viên, giáo viên tham gia đi thực tế tại cơ sở sử dụng người lao động để cập nhật kiến thức, công nghệ, phương pháp tổ chức quản lý sản xuất [3.9.01].

Phân tích

Sau khi kết thúc thời gian tham gia thực tế, các giáo viên, giảng viên làm bản thu hoạch để báo cáo kết quả đạt được, thu hoạch những kết quả tích cực áp dụng vào công tác giảng dạy, nâng cao chất lượng bài giảng và sức thu hút đối người học [3.9.02].

Nhận định

Công tác cập nhật kiến thức, công nghệ, phương pháp tổ chức quản lý sản xuất được giáo viên thực hiện tốt ở các ngành nghề.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 9, tiêu chí 3: 1 điểm – Đạt

Tiêu chuẩn 10: Hàng năm, trường thực hiện tổng kết, đánh giá hiệu quả công tác đào tạo, bồi dưỡng đối với đội ngũ nhà giáo

Mô tả

Để đánh giá hiệu công tác đào tạo, bồi dưỡng của nhà giáo, Trường tiến hành tổng kết thông qua các báo cáo tổng kết hàng năm [3.10.01].

Công tác tổng kết, đánh giá hiệu quả công tác đào tạo, bồi dưỡng đối với đội ngũ nhà giáo, phần lớn được nhà trường thực hiện qua các báo cáo kết quả công tác chuyên của phòng Đào tạo hàng tháng, qua đó lãnh đạo các khoa chuyên môn nắm bắt tình hình hoạt động dạy và học của đội ngũ nhà giáo và tình hình học tập của học sinh, sinh viên.

Trường giao cho Phòng Khảo thí khảo sát công tác giảng dạy của giáo viên trong từng năm học để nâng cao chất lượng giảng dạy, phục vụ nhu cầu của người học, thông qua lấy ý kiến khảo sát của HSSV về hoạt động giảng dạy của giáo viên [3.10.02]. Đa số các giáo viên được đánh giá khá tốt về công tác tổ chức quản lý lớp học, phương pháp giảng dạy cũng như tác phong sư phạm.

Phân tích

Công tác tổ chức khảo sát lấy ý kiến phản hồi của người học đối với hoạt động

giảng dạy của giáo viên được Nhà trường tổ chức thực hiện thường xuyên theo từng học kỳ trong năm học

Nhận định

Nhìn chung, Trường chưa thực hiện tổng kết, đánh giá hiệu quả công tác đào tạo, bồi dưỡng đối với đội ngũ nhà giáo một cách quy mô, riêng biệt. Nhưng những hoạt động đánh giá hiệu quả công tác đào tạo, bồi dưỡng đối với đội ngũ nhà giáo được thực hiện thông qua chức năng các phòng chuyên môn

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 10, tiêu chí 3: 0 điểm – Chưa Đạt

Tiêu chuẩn 11. Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng của trường đáp ứng các tiêu chuẩn theo quy định và thực hiện đúng quyền hạn, trách nhiệm được giao .

Mô tả

Ban lãnh đạo trường, gồm Hiệu trưởng và 3 Phó Hiệu trưởng.

Hiệu trưởng được bổ nhiệm đảm bảo các tiêu chuẩn theo Điều lệ trường cao đẳng: phẩm chất chính trị, đạo đức tốt; đã qua tham gia quản lý giáo dục, đặc biệt là có quá trình tham gia lãnh đạo ngành giáo dục đào tạo của tỉnh; có học vị tiến sĩ, có trình độ cao cấp chính trị; trình độ quản lý nhà nước ngạch chuyên viên cao cấp, tuổi đời bổ nhiệm dưới 55 tuổi [3.11.01].

Hiệu trưởng đồng thời là Chủ tịch Hội đồng trường, là người chịu trách nhiệm trực tiếp, quản lý và điều hành mọi hoạt động của Trường theo các quy định. Hiệu trưởng thực hiện đầy đủ quyền hạn, trách nhiệm được giao theo đúng quy định Điều lệ trường Cao đẳng và các quy chế đã được xây dựng và phê duyệt [3.11.02]

Các Phó Hiệu trưởng được bổ nhiệm đảm bảo các tiêu chuẩn theo Điều lệ trường cao đẳng: phẩm chất chính trị, đạo đức tốt; có uy tín; đã qua giảng dạy và tham gia quản lý giáo dục; có học vị thạc sĩ trở lên (trong đó, Phó Hiệu trưởng phụ trách công tác đào tạo và nghiêm cứu khoa học có học vị tiến sĩ); tuổi đời khi bổ nhiệm dưới 50 tuổi [3.11.03].

Hiệu trưởng và các Phó Hiệu trưởng ý thức rõ trách nhiệm, quyền hạn, đoàn kết quy tụ được sức mạnh của tập thể sư phạm, giúp nhà trường từng bước phát triển theo mục tiêu, nhất là việc duy trì và mở rộng quy mô đào tạo, bồi dưỡng; quan tâm đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên; đầu tư sửa chữa, bổ sung trang thiết bị phục vụ cho các hoạt động dạy và học, xây dựng cảnh quang môi trường xanh, sạch, đẹp.

Hiệu trưởng và các Phó Hiệu trưởng đều là ủy viên BCH Đảng bộ. Chính vì vậy, mọi chủ trương đường lối, chỉ thị, nghị quyết của Đảng các cấp đều được quán triệt, học tập và cụ thể hóa vào hoạt động của nhà trường. Hàng năm Hiệu trưởng và các Phó Hiệu trưởng đều được cấp có thẩm quyền quản lý đánh giá, xếp loại là Đảng viên hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên, 1 Phó Hiệu trưởng hai năm liền được công nhận là chiến sĩ thi đua cơ sở [3.11.04].

Phân tích

Với trình độ và năng lực của Hiệu trưởng và các Phó Hiệu trưởng, trong những năm qua việc điều hành tổ chức và hoạt động của Trường luôn đúng kế hoạch. Tuy nhiên với đặc thù là trường công lập, Hiệu trưởng và các Phó Hiệu trưởng phải làm nhiều công tác kiêm nhiệm nên khối lượng công việc nhiều, do đó đôi khi một số công việc giải quyết chưa kịp thời, được triệt để.

Nhận định

Trong hoạt động lãnh đạo toàn diện của Hiệu trưởng và vai trò giúp việc của các Phó Hiệu trưởng, vẫn còn hạn chế trong khâu kiểm tra, đôn đốc nên một số quy định, quy chế về chuyên môn, văn hóa công sở, dân chủ nội bộ chưa được thực hiện nghiêm tại một vài đơn vị. Một vài nhà giáo, viên chức chưa nghiêm trong thực hiện nội quy, nề nếp, quy chế, quy định nhưng chưa được lãnh đạo Trường phê bình, nhắc nhở để khắc phục.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 11, tiêu chí 3: 1 điểm – Đạt

Tiêu chuẩn 12: Đội ngũ cán bộ quản lý của các đơn vị thuộc trường được bổ nhiệm và miễn nhiệm theo quy định

Mô tả

Quy chế tổ chức hoạt động của Trường đã xác định rõ nhiệm vụ, chức năng và trách nhiệm của từng đơn vị trực thuộc trường. Nhằm triển khai thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ, nhà trường luôn chú trọng đến việc nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý có trình độ chuyên môn, có phẩm chất tốt của một người lãnh đạo từ Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng, trưởng khoa, phòng, trung tâm, bộ môn [3.12.01] .

Căn cứ danh sách cán bộ quy hoạch được phê duyệt, nhà trường thực hiện quy trình bổ nhiệm theo đúng quy định. Trường đã tiến hành bổ nhiệm cán bộ có năng lực quản lý theo đúng quy trình như sau: cán bộ được luân chuyển đến các bộ phận được phân công, qua thời gian đào tạo, qua thực tiễn công tác, học hỏi kinh nghiệm, đạt các

tiêu chuẩn, điều kiện thực vụ bổ nhiệm. Nhà trường căn cứ vị trí bổ nhiệm, khả năng, sở trường của từng cán bộ để bổ nhiệm phù hợp với trình độ, khả năng nhằm phát huy tối đa tiềm năng của từng cán bộ.

Phân tích

Hàng năm, Trường luôn có kế hoạch rà soát, đánh giá và phân loại cán bộ quản lý để làm cơ sở cho việc bổ nhiệm lại cán bộ quản lý của nhà trường.

Nhận định

Trong năm học vừa qua, Trường thực hiện trẻ hóa đội ngũ cán bộ quản lý bằng việc bổ nhiệm các cán bộ trẻ có năng lực, có trình độ chuyên môn làm lãnh đạo một số phòng, khoa, bộ môn. Song chính đó cũng là một nhược điểm của đội ngũ quản lý. Đó là một số cán bộ bổ nhiệm còn trẻ nên vẫn thiếu kinh nghiệm, phân công nhiệm vụ và quản lý chưa khoa học dẫn đến tình trạng công việc chưa được giải quyết triệt để.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 12, tiêu chí 3: 1 điểm – Đạt

Tiêu chuẩn 13: Đội ngũ cán bộ quản lý của trường đạt chuẩn về chuyên môn nghiệp vụ; thực hiện đúng quyền hạn và nhiệm vụ được giao.

Mô tả

Nhìn chung, đội ngũ cán bộ quản lý của trường hiện nay có năng lực chuyên môn, nghiệp vụ quản lý đảm bảo tính kế thừa về kinh nghiệm, công tác chuyên môn, độ tuổi đáp ứng được yêu cầu công tác quản lý. Đa số cán bộ quản lý thực hiện đúng chức năng, quyền hạn và nhiệm vụ, điều hành tốt hoạt động của đơn vị, tạo sự phối hợp gắn kết giữa các bộ phận, nên thời gian qua đã đạt được hiệu quả. Đội ngũ cán bộ quản lý đảm bảo 100% đạt chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ theo Quy chế tổ chức hoạt động của Trường đã ban hành. Tính tới thời điểm tự đánh giá, Trường có tổng số 37 cán bộ quản lý trong đó có hơn 70% đạt trình độ thạc sĩ (28/37) và 9/37 (24%) đạt trình độ đại học (trong đó có 2 đang học cao học).

Với tỉ lệ 100 % cán bộ quản lý có trình độ đại học trở lên, được bồi dưỡng qua các lớp bồi dưỡng kỹ năng, lãnh đạo, quản lý, lý luận chính trị, quản lý nhà nước,... đã đáp ứng yêu cầu quản lý trong những năm qua. Các trường, phó khoa, bộ môn đều có trình độ chuyên môn đạt chuẩn đúng chuyên ngành và được giáo viên, giảng viên tín nhiệm. Hàng năm, Trường tổ chức đánh giá, xếp loại, bình xét thi đua cho toàn thể cán bộ viên chức. Kết quả, đội ngũ cán bộ quản lý luôn thực hiện đúng quyền hạn, nhiệm vụ được giao, có thành tích xuất sắc trong năm học, đa số cán bộ quản lý được đánh giá

hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên, trong đó đạt nhiều danh hiệu chiến sĩ thi đua cấp cơ sở, giáy khen, bằng khen các cấp [3.13.01].

Phân tích

Các cán bộ quản lý là người điều hành các hoạt động tại đơn vị do mình phụ trách và chịu trách nhiệm về hiệu quả hoạt động của đơn vị đảm bảo đúng với chủ trương của lãnh đạo Trường, đúng pháp luật; có mối quan hệ phối hợp để giải quyết những công việc mang tính chất liên quan đến nhiều đơn vị do đó công việc được giải quyết đúng tiến độ và hiệu quả. Đây chính là sự thể hiện công tác phối hợp tốt trong công việc và xây dựng được quy trình làm việc chặt chẽ giữa các đơn vị trong Trường.

Nhận định

Tuy nhiên bên cạnh đó còn có một số cán bộ quản lý chưa chủ động, linh hoạt trong điều hành công tác chuyên môn, nghiệp vụ tại đơn vị phụ trách. Còn tình trạng chưa đều tay trong thực hiện nhiệm vụ của đơn vị, trong giải quyết công việc dẫn đến nhiều việc giải quyết chưa kịp thời, chưa mang lại hiệu quả.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 13, tiêu chí 3: 1 điểm – Đạt

Tiêu chuẩn 14: Hàng năm, trường có kế hoạch và triển khai kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Đội ngũ cán bộ quản lý của Trường được học tập, bồi dưỡng các kiến thức về quản lý nhà nước, kỹ năng lãnh đạo quản lý, kiến thức quốc phòng, lý luận chính, ... đảm bảo đủ điều kiện, tiêu chuẩn của chức vụ bổ nhiệm.

Vào đầu năm học các phòng, khoa, trung tâm đều có kế hoạch, đăng ký tham gia học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ, Trên cơ sở đề xuất của các đơn vị, nhà trường lập kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý về chuyên môn nghiệp vụ và thông qua hội nghị cán bộ viên chức.

Đội ngũ cán bộ quản lý Trường đảm bảo về số lượng và chất lượng, có trách nhiệm, nhiệt tình công tác được thể hiện trên các mặt: đạo đức nghề nghiệp; năng lực chuyên môn và năng lực quản lý. Trong những năm qua, Trường luôn tạo điều kiện cử các cán bộ, giảng viên, tham gia các đợt tập huấn, trao đổi về chuyên môn, nghiệp vụ do các đơn vị tổ chức. Bên cạnh đó, cán bộ quản lý đi đào tạo nâng cao trình độ, theo học các khóa học bồi dưỡng kiến thức kỹ năng lãnh đạo, quản lý cấp phòng, kiến thức quản lý nhà nước, kiến thức an ninh quốc phòng, lý luận chính trị,...ngày càng nhiều.

Trường có nhiều chính sách tạo điều kiện về thời gian cũng như hỗ trợ về tài chính đối với cán bộ quản lý, cán bộ quy hoạch tham gia học tập nâng cao trình độ chuyên môn, bồi dưỡng nghiệp vụ cho cán bộ quản lý.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 14, tiêu chí 3: 1 điểm – Đạt

Tiêu chuẩn 15: Đội ngũ viên chức, người lao động của trường có đủ số lượng, có năng lực chuyên môn đáp ứng yêu cầu công việc được giao, được định kỳ bồi dưỡng, nâng cao trình độ.

Mô tả

Hiện nay, đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên của nhà trường đủ về số lượng, đảm bảo trình độ chuyên môn theo quy định và ngày càng được trẻ hóa, đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ công tác đào tạo, quản lý của nhà trường. Đội ngũ cán bộ quản lý có phẩm chất đạo đức và có chuyên môn đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ đang đảm nhận. Đội ngũ giảng viên nhiệt tình công tác và luôn có tâm huyết, giảng viên có trình độ chuyên môn cao ngày càng tăng, hầu hết đạt trình độ thạc sĩ và tiến sĩ. Trường luôn quan tâm, tạo mọi điều kiện để CBGV học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn và kỹ năng nghề nghiệp nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ; góp phần nâng cao chất lượng đào tạo.

Trường đã chủ trương xây dựng đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý và nhân viên có chất lượng, có trách nhiệm, nhiệt tình công tác được thể hiện trên các mặt: đạo đức nghề nghiệp; năng lực chuyên môn; phương pháp giảng dạy và năng lực quản lý. Trong những năm qua, Trường luôn tạo điều kiện để CBGV, nhân viên tham gia đào tạo, bồi dưỡng các lớp ngắn hạn do nhà trường tổ chức và tham gia đi học sau đại học. Đặc biệt đã có giảng viên đi nghiên cứu sinh tại các nước phát triển. Ngoài ra nhà trường còn cử các cán bộ, giảng viên, nhân viên tham gia các đợt tập huấn, trao đổi về chuyên môn, nghiệp vụ do Bộ GD&ĐT, Bộ LĐ, TB&XH. Trường đặc biệt quan tâm động viên, khuyến khích đội ngũ giảng viên trẻ tham gia các lớp bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, học thạc sĩ, tiến sĩ. Vì vậy, số lượng giảng viên trẻ tham gia các hoạt động nâng cao nghiệp vụ chuyên môn ngày càng tăng [3.15.01].

Phân tích

Việc định kỳ bồi dưỡng nâng cao trình độ cho đội ngũ CBGV còn chưa nhiều do điều kiện kinh phí còn hạn chế. Ngoài ra, khả năng ngoại ngữ của đội ngũ cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và nhân viên chưa cao. Vì vậy không có nhiều điều kiện

để tham gia hoạt động chuyên môn ở nước ngoài. Việc thu hút nhân tài chưa thực sự đạt hiệu quả vì chế độ đãi ngộ của nhà nước chưa đủ để khuyến khích nhân tài.

Nhận định

Trong năm học tới Trường sẽ tiếp tục có kế hoạch khuyến khích đội ngũ CBGV, nhân viên học tập nâng cao trình độ. Cố gắng tranh thủ mọi nguồn lực trong đó chủ yếu là tự túc nhằm có thêm kinh phí mở các lớp đào tạo, bồi dưỡng và thu hút, khuyến khích nhân tài. Trường sẽ xây dựng bộ tiêu chí cho từng vị trí tuyển dụng, từ đó ban hành các văn bản cụ thể về quy trình tuyển dụng người lao động để đáp ứng được nhu cầu ngày càng phát triển của Trường.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 15, tiêu chí 3: 1 điểm – Đạt

3.2.4. Tiêu chí 4 - Chương trình, giáo trình

Mở đầu

Sau khi có các văn bản hướng dẫn chuyển đổi chương trình đào tạo theo Luật giáo dục nghề nghiệp, Trường Cao đẳng Bến Tre đã thực hiện theo đúng trình tự, quy trình của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội cũng như Tổng cục dạy nghề đưa ra. Các chương trình đào tạo, chương trình môn học, mô đun xây dựng, cập nhật, điều chỉnh đều được Nhà trường mời các chuyên gia, nhà giáo và đại diện doanh nghiệp đang hoạt động trong từng lĩnh vực của nghề đến tham dự thẩm định chương trình. Tuy chưa tổ chức biên soạn giáo trình, nhưng trong quá trình xây dựng chương trình môn học, mô đun, giáo viên, giảng viên đã chủ động, linh hoạt lựa chọn, sử dụng tài liệu, giáo trình của các trường cao đẳng, đại học khác phù hợp với chương trình đào tạo. Vì vậy, chương trình và giáo trình của trường luôn được cập nhật phù hợp với nhu cầu phát triển của nguồn nhân lực, nhu cầu học tập của người học và thị trường lao động.

Những điểm mạnh

Các chương trình dạy nghề của nhà trường có mục tiêu đào tạo đáp ứng được với yêu cầu kỹ thuật, công nghệ sản xuất, dịch vụ hiện tại, đảm bảo mục tiêu đào tạo, quy định chuẩn về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm; phương pháp, hình thức đào tạo.

Chương trình đào tạo của nhà trường được tổ chức biên soạn, thẩm định phê duyệt, điều chỉnh với quy trình chặt chẽ; có văn bản phản biện của các thành viên trong hội đồng thẩm định, nhận xét đánh giá của giáo viên, giảng viên, chuyên gia của

các doanh nghiệp và của người học về chất lượng chương trình đào tạo để hoàn thiện từng bước đáp ứng yêu cầu đổi mới về nội dung và phương pháp dạy học.

Nhà trường đã lựa chọn, sử dụng các giáo trình phù hợp với chương trình đào tạo và phương pháp dạy học, đáp ứng được nhu cầu lao động của xã hội.

Những tồn tại

Chưa thu thập được nhiều ý kiến đóng góp, nhận xét của các chuyên gia từ các doanh nghiệp sản xuất về chương trình đào tạo ở một số nghề. Với đối tượng là người học chưa có đóng góp tích cực về chương trình đào tạo. Chưa tổ chức biên soạn giáo trình. Mặt khác, việc tham khảo các chương trình dạy nghề nước ngoài còn hạn chế.

Kế hoạch nâng cao chất lượng

Trong những năm học tiếp theo, Nhà trường tiếp tục rà soát, cập nhật, điều chỉnh chương trình đào tạo theo quy định. Đặc biệt chú trọng đến kiến thức chuyên môn, kỹ năng nghề và có tính liên thông. Tăng cường các mối quan hệ với các chuyên gia từ các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có uy tín để thúc đẩy họ tham gia trực tiếp vào Hội đồng biên soạn, Hội đồng thẩm định chương trình, giáo trình. Động viên, khuyến khích giáo viên, giảng viên biên soạn giáo trình phục vụ cho công tác dạy và học. Đồng thời tích cực tham khảo các chương trình, giáo trình dạy nghề của các nước tiên tiến để cập nhật chương trình, giáo trình nhằm nâng cao chất lượng đào tạo.

Điểm đánh giá tiêu chí 4

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 4	12/15
Tiêu chuẩn 1	1
Tiêu chuẩn 2	1
Tiêu chuẩn 3	1
Tiêu chuẩn 4	1
Tiêu chuẩn 5	1
Tiêu chuẩn 6	1
Tiêu chuẩn 7	1
Tiêu chuẩn 8	1
Tiêu chuẩn 9	0
Tiêu chuẩn 10	1

Tiêu chuẩn 11	0
Tiêu chuẩn 12	1
Tiêu chuẩn 13	1
Tiêu chuẩn 14	1
Tiêu chuẩn 15	0

Tiêu chuẩn 1. Có đầy đủ chương trình đào tạo các chuyên ngành hoặc nghề mà trường đào tạo.

Mô tả

Trường đang tổ chức đào tạo **13** ngành nghề trình độ **cao đẳng**; trình độ **trung cấp** **18** ngành nghề và 01 ngành nghề trình độ **sơ cấp** [4.1.01]. Cụ thể:

- Cao đẳng: Giáo dục Mầm non; Tiếng Anh; Việt Nam học; Tin học ứng dụng; Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử; Công nghệ kỹ thuật xây dựng; Công nghệ kỹ thuật ô tô; Kế toán; Quản trị kinh doanh; Quản trị văn phòng; **Tài chính – Ngân hàng**; Chế biến và bảo quản thủy sản; Nuôi trồng thủy **sản**.

- Trung cấp: Công nghệ kỹ thuật phân cứng máy tính; Điện công nghiệp và dân dụng; Bảo trì và sửa chữa ô tô; Xây dựng dân dụng và công nghiệp; **Điện tử công nghiệp và dân dụng**; Công nghệ thực phẩm; Chăn nuôi – Thú y; Nuôi trồng thủy sản; Chế biến và bảo quản thủy sản; **Bảo vệ thực vật**; **Kế toán doanh nghiệp**; Quản lý và bán hàng siêu thị; Y sĩ; Điều dưỡng; Dược; Thanh nhạc; Hội họa; Quản lý văn hóa.

- Sơ cấp: **Lái xe ô tô hạng B2**.

Phân tích

Các ngành nghề đào tạo nêu trên được Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp, Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp [4.1.02].

Nhận định

Trường có đầy đủ các chương trình đào tạo các ngành nghề đang tạo tạo; các chương trình đào tạo này được Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp, Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp; Hiệu trưởng phê duyệt, ban hành [4.1.03].

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1, tiêu chí 4: 1 điểm - Đạt

Tiêu chuẩn 4.2. 100% chương trình đào tạo được xây dựng hoặc lựa chọn theo quy định.

Mô tả

Chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp, trình độ sơ cấp được Nhà trường tổ chức xây dựng nghiêm túc, đúng quy trình về tổ chức biên soạn, thẩm định, phê duyệt ban hành.

- Về chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp:

Khi xây dựng chương trình đào tạo, Trường thành lập Tổ biên soạn [4.2.01], Hội đồng thẩm định [4.2.02] để xây dựng, thẩm định chương trình đào tạo. Các thành viên Tổ biên soạn, Hội đồng thẩm định bảo đảm cơ cấu, thành phần theo quy định tại khoản 3 Điều 11 Thông tư số 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 01/3/2017 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội quy định về xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng.

Tổ biên soạn, Hội đồng thẩm định làm việc nghiêm túc, đúng quy trình, có biên bản làm việc đầy đủ [4.2.03].

Hiệu trưởng Nhà trường quyết định ban hành 13 ngành nghề trình độ cao đẳng và 18 ngành nghề trình độ trung cấp [4.2.04] theo quy định tại Thông tư số 03/2017/TT-BLĐTB&XH.

- Về chương trình đào tạo trình độ sơ cấp:

Năm học 2017 – 2018, Nhà trường sử dụng chương trình đào tạo nghề Lái xe ô tô hạng B2 trình độ sơ cấp do Bộ Giao thông vận tải quyết định ban hành kèm theo Thông tư số 58/2015/TT-BGTVT ngày 20/10/2015 và Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15/4/2017 quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ. Khi được Đoàn Thanh tra Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp khuyến nghị, năm học 2018 – 2019.

Phân tích

Nhà trường đã tổ chức **xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ Sơ cấp nghề Lái xe ô tô** để tổ chức đào tạo trong Trường theo quy định tại khoản 1 Điều 10 Thông tư số 42/2015/TT-BLĐTBXH ngày 20/10/2015 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội quy định về đào tạo trình độ sơ cấp.

Nhận định

Tất cả các chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp, trình độ sơ cấp được Nhà trường xây dựng nghiêm túc, đúng theo quy định của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2, tiêu chí 4: 1 điểm - Đạt

Tiêu chuẩn 3. Chương trình đào tạo của trường thể hiện được mục tiêu đào tạo của trình độ tương ứng; quy định chuẩn kiến thức, kỹ năng của người học đạt được sau tốt nghiệp, phạm vi và cấu trúc nội dung, phương pháp và hình thức đào tạo, cách thức đánh giá kết quả học tập đối với từng mô đun, môn học, từng chuyên ngành hoặc nghề và từng trình độ theo quy định.

Mô tả

Trường có các quyết định ban hành chương trình đào tạo trình độ trung cấp và cao đẳng cho các ngành đào tạo của Trường, như Quyết định ban hành CTĐT trình độ Cao đẳng [4.3.01]: Số 261/QĐ-CĐBT chương trình ngành Tiếng anh; Số 262/QĐ-CĐBT chương trình ngành Tin học ứng dụng; Số 263/QĐ-CĐBT chương trình ngành Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử; Số 264/QĐ-CĐBT chương trình ngành Công nghệ kỹ thuật xây dựng; Số 265/QĐ-CĐBT chương trình ngành Công nghệ kỹ thuật ô tô; Số 266/QĐ-CĐBT chương trình ngành Kế toán; Số 267/QĐ-CĐBT chương trình ngành Quản trị kinh doanh; Số 268/QĐ-CĐBT chương trình ngành Quản trị văn phòng; Số 269/QĐ-CĐBT chương trình ngành Chế biến và bảo quản thủy sản; Số 270/QĐ-CĐBT chương trình ngành Nuôi trồng thủy sản; Số 271/QĐ-CĐBT chương trình ngành Việt Nam học; Số 272/QĐ-CĐBT chương trình ngành Tài chính ngân hàng. Các Quyết định ban hành CTĐT trình độ trung cấp [4.3.02]: Số 248/QĐ-CĐBT chương trình ngành Kế toán doanh nghiệp; Số 249/QĐ-CĐBT chương trình ngành Quản lý và bán hàng siêu thị; Số 250/QĐ-CĐBT chương trình ngành Điện tử công nghiệp và dân dụng; Số 251/QĐ-CĐBT chương trình ngành Điện công nghiệp và dân dụng; Số 252/QĐ-CĐBT chương trình ngành Xây dựng dân dụng và công nghiệp; Số 253/QĐ-CĐBT chương trình ngành Bảo trì và sửa chữa ô tô; Số 254/QĐ-CĐBT chương trình ngành Công nghệ kỹ thuật và phần cứng máy tính; Số 255/QĐ-CĐBT chương trình ngành Chế biến và bảo quản thủy sản; Số 256/QĐ-CĐBT chương trình ngành Nuôi trồng thủy sản; Số 257/QĐ-CĐBT chương trình ngành bảo vệ thực vật; Số 258/QĐ-CĐBT chương trình ngành Công nghệ thực phẩm; Số 259/QĐ-CĐBT chương trình ngành Chăn nuôi thú y.

Năm học 2018 – 2019, về mặt đào tạo, Trường đa dạng hóa các loại hình đào tạo: tập trung, vừa làm vừa học, liên kết, liên thông, đào tạo theo địa chỉ. Nhìn chung, trong hoạt động đào tạo, trường đã thực hiện đúng quy định của Bộ LĐTBXH về nội dung CTĐT các ngành nghề và luôn có sự điều chỉnh thường kì để đáp ứng tốt nhu cầu sử dụng nhân lực của xã hội.

CTĐT của Trường được xây dựng trên cơ sở chương trình khung do Bộ LĐTBXH ban hành và được HT phê duyệt. Tổ chức đào tạo của trường thực hiện đúng theo các quy chế đào tạo trình độ CĐ và trung cấp chuyên nghiệp của Bộ LĐTBXH. Trong năm học, căn cứ vào kế hoạch giảng dạy toàn khóa học của từng ngành đào tạo, Phòng Đào tạo cụ thể hóa kế hoạch giảng dạy từng học kì (khối lượng các học phần, tổng số tiết của học phần, số tiết phải dạy trong tuần và gởi về từng đơn vị khoa. Trên cơ sở đó, lãnh đạo các khoa có sự chọn lọc các học phần và phân về các tổ bộ môn đúng với chuyên ngành giảng dạy. Ban quản lí các tổ chuyên môn sẽ trực tiếp phân công GV dạy các học phần và thông qua sự phê duyệt của lãnh đạo khoa, trường. Chương trình giảng dạy từng học phần, môn học được cụ thể hóa qua đề cương chi tiết của GV và được thẩm định lại từng năm theo quy định của lãnh đạo trường (xem xét, đánh giá, điều chỉnh thường năm ở tổ chuyên môn, khoa quản lí trực tiếp và thông qua Hội đồng khoa học-Đào tạo của trường.

Quy trình thẩm định CTĐT và ban hành CTĐT theo đúng quy định tại Điều 3, Điều 4, Điều 5, Điều 6, Điều 7, Điều 8 của Thông tư 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 01/3/2017 ngày 01/3/2017 [4.3.03].

Việc điều chỉnh chương trình giảng dạy nhằm hướng vào phục vụ tốt nhu cầu sử dụng lao động của xã hội được thực hiện trên cơ sở nắm bắt sâu sắc các thông tin phản hồi từ thực tiễn: thông qua các nhà sử dụng lao động trong và ngoài tỉnh; qua những HS-SV tốt nghiệp; qua các hoạt động thực tập tốt nghiệp, thực tế bộ môn; qua các GV trực tiếp giảng dạy (tại các cuộc họp tổ chuyên môn, hội nghị CBCC..) và qua giao lưu, trao đổi với các trường ĐH, CĐ trong - ngoài nước trong những đợt hội thảo, tập huấn ...Việc đào tạo gắn kết với nhu cầu sử dụng lao động của xã hội không chỉ thể hiện qua định kì điều chỉnh CTĐT mà còn thể hiện rõ qua việc trường đã và sẽ mở thêm nhiều mã ngành đào tạo mới trên cơ sở nắm bắt nhu cầu nhân lực địa phương.

Trong quá trình đào tạo, *kế hoạch giảng dạy học phần* của từng ngành đào tạo được thực hiện thông qua *thời khóa biểu* và ghi nhận cụ thể bằng *Sổ theo dõi giảng*

dạy và học tập hàng ngày của từng lớp. Tổ chuyên môn, Khoa trực tiếp chịu trách nhiệm giám sát, nhắc nhở việc thực hiện quy định, quy chế chuyên môn của GV; Phòng Đào tạo và Lãnh đạo trường quản lý, giám sát, hiệu chỉnh việc thực hiện chuyên môn thông qua các cuộc họp trưởng phó phòng – khoa, các cuộc họp của Hội đồng KH&ĐT thường kì và nhất là qua các kì Thanh tra chuyên môn hàng năm.

Phân tích

Trong từng chương trình đào tạo của Nhà trường đều thể hiện rõ mục tiêu đào tạo, quy định chuẩn kiến thức, kỹ năng, phạm vi và cấu trúc nội dung, phương pháp và hình thức đào tạo, cách thức đánh giá kết quả học tập của người học đạt được sau tốt nghiệp đối với từng mô đun, môn học, từng chuyên ngành và từng trình độ theo quy định.

Nhận định

Quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành các chương trình đào tạo tại Trường đều đáp ứng được các điều kiện: yêu cầu về chương trình đào tạo, cấu trúc chương trình đào tạo, thời gian khóa học và đơn vị thời gian trong chương trình đào tạo, quy trình xây dựng CTĐT.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3, tiêu chí 4: 1 điểm - Đạt

Tiêu chuẩn 4. Chương trình đào tạo được xây dựng có sự tham gia của nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục nghề nghiệp, cán bộ khoa học kỹ thuật của đơn vị sử dụng lao động; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.

Mô tả

Trường CĐBT là một trường đa ngành, đa hệ, đào tạo và bồi dưỡng giáo viên, cán bộ kinh tế, kỹ thuật,... ở trình độ CĐ và các trình độ thấp hơn.

Tất cả chương trình giáo dục trình độ CĐ mà nhà trường đào tạo đều được xây dựng trên cơ sở chương trình khung do Bộ LĐTBXH ban hành. Các Chương trình giáo dục này đều được xây dựng với sự tham gia của các GV và CBQL của nhà trường tương ứng với từng ngành đào tạo.

Nhà trường đã ban hành các Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo theo Luật giáo dục nghề nghiệp trình độ trung cấp và cao đẳng [4.4.01] như: số 187/QĐ-CĐBT về việc thẩm định chương trình đào tạo ngành Bảo trì và sửa chữa ô tô; số 188/QĐ-CĐBT về việc thẩm định chương trình đào tạo ngành Xây dựng dân dụng và công nghiệp; Số 189/QĐ-CĐBT về việc thẩm định chương trình đào tạo

ngành Điện tử công nghiệp; Số 190/QĐ-CĐBT về việc thẩm định chương trình đào tạo ngành Điện công nghiệp và dân dụng; Số 191/QĐ-CĐBT về việc thẩm định chương trình đào tạo ngành Bảo vệ thực vật; Số 192/QĐ-CĐBT về việc thẩm định chương trình đào tạo ngành Nuôi trồng thủy sản; số 193/QĐ-CĐBT về việc thẩm định chương trình đào tạo ngành Chăn nuôi thú y; Số 194/QĐ-CĐBT về việc thẩm định chương trình đào tạo ngành Chế biến và bảo quản thủy sản; Số 195/QĐ-CĐBT về việc thẩm định chương trình đào tạo ngành Công nghệ thực phẩm; Số 196/QĐ-CĐBT về việc thẩm định chương trình đào tạo ngành Kế toán doanh nghiệp; Số 197/QĐ-CĐBT về việc thẩm định chương trình đào tạo ngành Quản lý và bán hàng siêu thị; Số 198/QĐ-CĐBT về việc thẩm định chương trình đào tạo ngành Công nghệ kỹ thuật phần cứng máy tính; Số 199/QĐ-CĐBT về việc thẩm định chương trình đào tạo ngành Công nghệ kỹ thuật xây dựng; Số 200/QĐ-CĐBT về việc thẩm định chương trình đào tạo ngành Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử; Số 201/QĐ-CĐBT về việc thẩm định chương trình đào tạo ngành Công nghệ kỹ thuật ô tô; Số 202/QĐ-CĐBT về việc thẩm định chương trình đào tạo ngành Chế biến và bảo quản thủy sản; Số 203/QĐ-CĐBT về việc thẩm định chương trình đào tạo ngành Nuôi trồng thủy sản; Số 204/QĐ-CĐBT về việc thẩm định chương trình đào tạo ngành Tiếng Anh; Số 205/QĐ-CĐBT về việc thẩm định chương trình đào tạo ngành Việt Nam học; Số 206/QĐ-CĐBT về việc thẩm định chương trình đào tạo ngành Kế toán; Số 207/QĐ-CĐBT về việc thẩm định chương trình đào tạo ngành Quản trị kinh doanh; Số 208/QĐ-CĐBT về việc thẩm định chương trình đào tạo ngành Quản trị văn phòng; Số 209/QĐ-CĐBT về việc thẩm định chương trình đào tạo ngành Tài chính - Ngân hàng; Số 210/QĐ-CĐBT về việc thẩm định chương trình đào tạo ngành Tin học ứng dụng.

Trong quá trình thẩm định các chương trình đào tạo, nhà trường có đầy đủ các biên bản trong quá trình biên soạn, thẩm định các CTĐT trình độ trung cấp và cao đẳng.

Đồng thời, Nhà trường cũng ban hành các Quyết định thành lập Ban xây dựng và chuyển đổi các CTĐT theo luật GDNN (2017) [4.4.02] để phù hợp với Bộ LĐTĐ, như Số 58/QĐ-CĐBT về việc chuyển đổi chương trình đào tạo Ngành Tiếng Anh; Số 59/QĐ-CĐBT về việc chuyển đổi chương trình đào tạo Ngành Việt Nam học; Số 60/QĐ-CĐBT về việc chuyển đổi CTĐT ngành Chế biến và bảo quản thủy sản; 61/QĐ-CĐBT về việc chuyển đổi CTĐT ngành Nuôi trồng thủy sản; Số

62/QĐ-CĐBT về việc chuyển đổi CTĐT ngành Công nghệ kỹ thuật xây dựng; Số 63/QĐ-CĐBT về việc chuyển đổi CTĐT ngành Công nghệ kỹ thuật ô tô; Số 64/QĐ-CĐBT về việc chuyển đổi CTĐT ngành Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử; Số 65/QĐ-CĐBT về việc chuyển đổi CTĐT ngành Kế toán; Số 66/QĐ-CĐBT về việc chuyển đổi CTĐT ngành Quản trị văn phòng; Số 67/QĐ-CĐBT về việc chuyển đổi CTĐT ngành Quản trị kinh doanh; Số 68/QĐ-CĐBT về việc chuyển đổi CTĐT ngành Tài chính ngân hàng; Số 69/QĐ-CĐBT về việc chuyển đổi CTĐT ngành Tin học ứng dụng; Số 70/QĐ-CĐBT về việc chuyển đổi CTĐT ngành Chăn nuôi thú y; Số 71/QĐ-CĐBT về việc chuyển đổi CTĐT ngành Bảo vệ thực vật; Số 72/QĐ-CĐBT về việc chuyển đổi CTĐT ngành Chế biến và bảo quản thủy sản; Số 73/QĐ-CĐBT về việc chuyển đổi CTĐT ngành Nuôi trồng thủy sản; Số 74/QĐ-CĐBT về việc chuyển đổi CTĐT ngành Công nghệ thực phẩm; Số 75/QĐ-CĐBT về việc chuyển đổi CTĐT ngành Xây dựng dân dụng và công nghiệp; Số 76/QĐ-CĐBT về việc chuyển đổi CTĐT ngành Điện công nghiệp và dân dụng; Số 77/QĐ-CĐBT về việc chuyển đổi CTĐT ngành Bảo trì và sửa chữa ô tô; Số 78/QĐ-CĐBT về việc chuyển đổi CTĐT ngành Điện tử công nghiệp và dân dụng; Số 79/QĐ-CĐBT về việc chuyển đổi CTĐT ngành Kế toán doanh nghiệp; Số 80/QĐ-CĐBT về việc chuyển đổi CTĐT ngành Quản lý và bán hàng siêu thị; Số 81/QĐ-CĐBT về việc chuyển đổi CTĐT ngành Công nghệ kỹ thuật phần cứng máy tính.

Phân tích

Về đào tạo trình độ TCCN và Dạy nghề, đến năm học 20198 - 2019 trường đào tạo 13 ngành TCCN. Chương trình giáo dục của tất cả các ngành này đều được xây dựng lại theo quy trình chặt chẽ của Bộ LĐTBXH, đó là Quy định việc thẩm định CTGD và giáo trình trường TCCN.

Nhận định

Việc tổ chức biên soạn, thẩm định các chương trình đào tạo, Nhà trường đều có sự thảo luận, góp ý với các thành viên là giáo viên có chuyên môn, kinh nghiệm trong giảng dạy. Đồng thời Nhà trường còn mời các doanh nghiệp, bệnh viện có trình độ chuyên môn phù hợp với ngành nghề để góp ý cho chương trình được hoàn thiện, phù hợp với thị trường lao động.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4, tiêu chí 4: 1 điểm - Đạt

Tiêu chuẩn 5. *Chương trình đào tạo đảm bảo tính thực tiễn và đáp ứng sự thay đổi của thị trường lao động.*

Mô tả

Năm 2017, khi chuyển sang Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội quản lý Nhà trường đã xây dựng chương trình đào tạo các ngành nghề trình độ trung cấp, cao đẳng theo hướng dẫn của Thông tư 03/2017/TT-BLĐTBXH [2.5.01] Năm 2018, sau khi sáp nhập các trường Trung cấp Y tế, Trung cấp Văn hóa – Nghệ thuật và du lịch vào Trường Cao đẳng Bến Tre, Nhà trường tiếp tục xây dựng, điều chỉnh chương trình đào tạo của các trường thành viên [2.5.02]. Năm 2019, Nhà trường xây dựng Kế hoạch số 131/KH-CĐBT ngày 18/12/2018 Cập nhật, đánh giá, **điều chỉnh và ban hành** chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng năm 2019 và các môn chung để điều chỉnh chương trình phù hợp với thực tiễn đào tạo, góp phần nâng cao chất lượng, đáp ứng nhu cầu nhà tuyển dụng. [2.5.04; 4.5.01].

Phân tích

Tất cả các chương trình đào tạo đều được xây dựng theo hướng tăng thời lượng thực hành, đảm bảo tính thực tiễn đáp ứng được yêu cầu của thị trường lao động. Chương trình được sự tham gia đánh giá của người sử dụng lao động, cựu học sinh, sinh viên đã đi làm [4.5.02]. Việc tổ chức lấy ý kiến bên ngoài về chương trình đào tạo để xem xét tính phù hợp của chương trình với nhu cầu thị trường lao động chưa nhiều. Khi xây dựng hay bổ sung, điều chỉnh chương trình cần tham khảo **rộng rãi hơn** ý kiến nhận xét, đánh giá của người sử dụng lao động và các chuyên gia.

Nhận định

Nhà trường **xây dựng**, cập nhật, điều chỉnh chương trình đào tạo **đảm bảo** tính thực tiễn và đáp ứng sự thay đổi của thị trường lao động. Tuy nhiên, cần tăng cường hơn nữa việc lấy ý kiến nhận xét, đánh giá của các doanh nghiệp sử dụng lao động, người học sau khi tốt nghiệp đã đi làm.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5, tiêu chí 4: 1 điểm - Đạt

Tiêu chuẩn 6. *Chương trình đào tạo được xây dựng bảo đảm việc liên thông giữa các trình độ đào tạo khác trong hệ thống giáo dục quốc dân theo quy định.*

Mô tả

Xu hướng học tập, thường xuyên suốt đời của người học buộc Trường CĐBT phải nghiên cứu đầy đủ các văn bản về tổ chức quá trình đào tạo theo hướng liên

thông. Đối với một trường đa ngành, đa hệ, nhiều trình độ đào tạo như Trường CĐBT hiện nay, việc tổ chức đào tạo liên thông trong nội bộ nhà trường và liên thông với các trường ĐH là cần thiết. Do vậy, trong năm học 2018 - 2019 nhà trường đã chú ý hoàn thiện nhiều khâu để có thể triển khai đào tạo liên thông như tăng cường mua sắm cơ sở vật chất, củng cố đội ngũ cán bộ quản lý, GV,... nhưng việc tổ chức xây dựng chương trình giáo dục của các ngành học để có thể liên thông được là khâu trọng yếu nhất. Bởi lẽ một chương trình giáo dục tốt không chỉ tiết kiệm được thời gian và kinh phí cho người học mà còn đem lại uy tín cho đội ngũ GV và CBQL nhà trường đối với xã hội nói chung và với trường liên kết liên thông nói riêng, đặc biệt là liên thông ĐH.

Do vậy, nhà trường đã chú ý đến mục tiêu của việc xây dựng và phát triển các chương trình giáo dục của nhà trường, không chỉ đào tạo HS-SV có đủ phẩm chất và năng lực để làm việc phù hợp với ngành nghề được đào tạo mà còn hướng cho người học phát triển nghề nghiệp sau khi ra trường.

Phân tích

Trường đã xây dựng CTĐT luôn đảm bảo tính liên thông giữa các trình độ giáo dục nghề nghiệp với các trình độ đào tạo khác trong hệ thống giáo dục quốc dân theo quy định nhằm tạo điều kiện cho người học có thể nâng cao trình độ chuyên môn của mình một cách thuận lợi. Khi xây dựng CTĐT cũng như chương trình môn học đều có một số học phần, mô đun môn học là kiến thức cơ sở ngành để HSSV sau khi học xong CTĐT trình độ trung cấp, cao đẳng có thể học tiếp ở bậc học cao hơn.

Nội dung các CTĐT đều xây dựng theo hướng liên thông từ trình độ trung cấp, cao đẳng với trình độ đại học.

Trường Cao đẳng Bến Tre đã và đang liên kết với các trường Đại học trong cả nước. Liên thông hệ trung cấp, cao đẳng lên đại học như: Đại học Đồng Tháp, Đại học Trà Vinh, Đại học kinh tế ...

Các học phần trong các CTĐT cũng được phân bố một cách hệ thống, có sự liên hệ và bổ trợ lẫn nhau. Các học phần giáo dục đại cương được thiết kế theo nhóm ngành liên quan và có sự thống nhất chung giữa các khoa chuyên môn, một số học phần bắt buộc người học phải hoàn thành các học phần tiên quyết, đặc biệt là khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp bao gồm phần kiến thức cơ sở ngành và phần kiến thức chuyên ngành. Trong quá trình liên thông lên đại học, người học sẽ được cơ sở giáo dục đại học miễn một số học phần có khối lượng kiến thức tương đương với khối

lượng kiến thức, kỹ năng đã tích lũy của người học được miễn trừ khi học chương trình đào tạo liên thông.

Nhận định

Các Chương trình ĐT của các ngành học ở mọi trình độ đều được nhà trường quan tâm xây dựng theo hướng liên thông nhằm tạo điều kiện cho HS-SV có thể học nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp.

Các Chương trình ĐT này được xây dựng đảm bảo tính kế thừa, tính hệ thống, logic, khoa học; và việc tổ chức nghiệm thu được thực hiện đúng quy trình, có nhiều đối tượng tham gia.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6, tiêu chí 4: 1 điểm - Đạt

Tiêu chuẩn 7. Ít nhất 3 năm 1 lần trường thực hiện đánh giá, cập nhật và điều chỉnh, nếu có đối với chương trình đào tạo đã ban hành.

Mô tả

Chương trình đào tạo của trường được định kỳ rà soát, bổ sung và điều chỉnh sau thời gian kết thúc một khóa học, hệ trung cấp 1,5 năm một lần, hệ cao đẳng 2,5 năm một lần. **Vì năm 2017 mới xây dựng chương trình [2.5.01] nên đến 2019 chỉ có 03 ngành nghề trình độ trung cấp và ngành cao đẳng Mầm non tốt nghiệp cần tổ chức đánh giá, cập nhật và điều chỉnh chương trình đào tạo. Nhà trường đã xây dựng kế hoạch đánh giá, cập nhật và điều chỉnh chương trình đào tạo đã ban hành [4.5.01].**

Năm 2019, Nhà trường đã tổ chức đánh giá, cập nhật, điều chỉnh và ban hành chương trình các ngành nghề trình độ trung cấp là: Bảo trì và sửa chữa ô tô, Điện công nghiệp và dân dụng và Chăn nuôi – Thú y. Đồng thời, Nhà trường đã cập nhật, ban hành chương trình môn chung của tất cả các ngành nghề trình độ cao đẳng và trung cấp theo hướng dẫn của Bộ LĐTB-XH; và đánh giá, cập nhật, điều chỉnh, ban hành chương trình đào tạo cao đẳng Mầm non theo quy định [2.5.04]. Việc tổ chức đánh giá, cập nhật, điều chỉnh và ban hành chương trình được thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư 03/2017/TT-BLĐTB-XH.

Phân tích

Trong quá trình đánh giá, cập nhật và điều chỉnh chương trình đào tạo luôn được các nhà giáo đang trực tiếp giảng dạy góp ý, chỉnh sửa, cập nhật cũng như người sử dụng lao động tham gia góp ý, đánh giá chương trình. Tuy nhiên, khi đánh giá, cập

nhật, điều chỉnh chương trình đào tạo cần lấy ý kiến của các doanh nghiệp, nhà tuyển dụng rộng rãi hơn.

Nhận định

Nhà trường đã đánh giá, cập nhật, điều chỉnh chương trình đào tạo cho phù hợp với xu thế, nhu cầu xã hội hiện nay.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7, tiêu chí 4: 1 điểm - Đạt

Tiêu chuẩn 8. Chỉnh sửa, bổ sung chương trình đào tạo có cập nhật những thành tựu khoa học công nghệ tiên tiến liên quan đến ngành, nghề đào tạo hoặc tham khảo các chương trình đào tạo tương ứng của nước ngoài.

Mô tả

Thực hiện chuyển đổi chương trình đào tạo theo Luật giáo dục nghề nghiệp và các văn bản của BLĐTBXH, Tổng cục giáo dục nghề nghiệp. Năm 2017, Nhà trường đã xây dựng, chuyển đổi và ban hành chương trình đào tạo của 12 ngành nghề trình độ trung cấp, 12 ngành nghề trình độ cao đẳng [2.5.01]; và năm 2018, sau khi thực hiện đề án sáp nhập các trường thành viên vào trường Cao đẳng Bến Tre, nhà trường tiếp tục xây dựng, chuyển đổi và ban hành chương trình đào tạo của 06 ngành nghề trình độ trung cấp [2.5.02]. Đến năm 2019, Nhà trường đã đánh giá, cập nhật, điều chỉnh các ngành đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng đã tốt nghiệp [4.5.01].

Nhà trường đã định kỳ rà soát, bổ sung và điều chỉnh chương trình đào tạo trên cơ sở tham khảo các chương trình đào tạo của một số trường đại học, cao đẳng trong nước; cập nhật những thành tựu khoa học công nghệ tiên tiến liên quan đến ngành, nghề đào tạo. Đồng thời, tiếp thu ý kiến đóng góp của các nhà tuyển dụng, người tốt nghiệp, giáo viên, giảng viên, cán bộ quản lý giáo dục nghề nghiệp để bổ sung, điều chỉnh chương trình đào tạo cho phù hợp [4.8.01]. Sau khi cập nhật, bổ sung, điều chỉnh chương trình đào tạo, Nhà trường đã ban hành 13 chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, 18 chương trình đào tạo trình độ trung cấp [2.5.04].

Phân tích

Các chương trình đào tạo của Nhà trường bổ sung, điều chỉnh được cập nhật các thành tựu khoa học công nghệ tiên tiến liên quan đến ngành, nghề đào tạo và được hội đồng thẩm định là các nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục nghề nghiệp và các cán bộ kỹ thuật của các doanh nghiệp, cựu HSV tham gia góp ý.

Nhận định

Chương trình đào tạo của các ngành nghề chưa được dựa trên cơ sở tham khảo các chương trình đào tạo của nước ngoài tương ứng.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 8, tiêu chí 4: 1 điểm - Đạt

Tiêu chuẩn 9. Trước khi tổ chức đào tạo liên thông, trường căn cứ chương trình đào tạo, thực hiện rà soát các mô đun, tín chỉ, môn học và có quyết định đối với các mô đun, tín chỉ, môn học mà người học không phải học để đảm bảo quyền lợi của người học.

Mô tả

Nhà trường chưa tổ chức đào tạo liên thông theo Thông tư 27/2012/TT-BLĐT BXH ngày 21/9/2017 quy định đào tạo liên thông giữa các trình độ trong giáo dục nghề nghiệp.

Phân tích

Do mới chuyển sang hoạt động theo Luật giáo dục nghề nghiệp và sự quản lý của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội nên Nhà trường chưa xây dựng, ban hành chương trình đào tạo liên thông. Hiện nay, Nhà trường chưa thực hiện việc đào tạo liên thông giữa các trình độ trong giáo dục nghề nghiệp. Vì chưa tổ chức đào tạo trình độ liên thông nên việc rà soát các mô đun, tín chỉ, môn học và có quyết định đối với các mô đun, tín chỉ, môn học mà người học không phải học để đảm bảo quyền lợi của người học cũng chưa được thực hiện.

Nhận định

Nhà trường chưa xây dựng chương trình đào tạo liên thông, chưa tổ chức đào tạo liên thông giữa các trình độ trong giáo dục nghề nghiệp.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 9, tiêu chí 4: 0 điểm – Chưa Đạt

Tiêu chuẩn 10. Có đủ giáo trình cho các mô đun, môn học của từng chương trình đào tạo.

Mô tả

Tất cả các mô đun, môn học của các chương trình đào tạo có tên trong Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp đều có đủ giáo trình để giáo viên và học sinh, sinh viên sử dụng làm tài liệu giảng dạy, học tập chính thức [2.1.01; 2.1.02; 2.1.03; 2.1.04].

Từ năm 2017, Nhà trường đã triển khai Kế hoạch xây dựng, điều chỉnh, bổ sung **ban hành** các chương trình đào tạo **theo quy định của** Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, gắn với nhu cầu học tập của người học và nhu cầu nguồn nhân lực của thị trường lao động, phù hợp với Luật Giáo dục nghề nghiệp [2.5.01; 2.5.02; 2.5.04]. **Trong mỗi chương trình đào tạo, các chương trình chi tiết môn học, mô đun đều có tài liệu bắt buộc, tài liệu tham khảo cho học sinh, sinh viên.**

Phân tích

Để có đủ giáo trình phục vụ cho giáo viên, **giảng viên** và học sinh, sinh viên trong giảng dạy, học tập, thư viện của trường thường xuyên bổ sung và cập nhật giáo trình mới ở từng ngành nghề đào tạo đủ về số lượng và đảm bảo về nội dung [4.10.01].

Nhận định

Nhà trường có đủ giáo trình, tài liệu tham khảo cho tất cả các môn học, mô đun đối với mỗi ngành nghề đào tạo. Trên cơ sở hệ thống giáo trình, tài liệu tham khảo đáp ứng quá trình dạy và học đối với mỗi ngành nghề đào tạo, chất lượng giáo dục được đảm bảo với tinh thần chuyển đổi sang giáo dục nghề nghiệp, trong đó tăng tỷ trọng giờ thực hành đối với người học.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4, tiêu chí 10: 1 điểm - Đạt

***Tiêu chuẩn 11.** 100% giáo trình đào tạo được xây dựng hoặc lựa chọn theo qui định để làm tài liệu giảng dạy, học tập chính thức.*

Mô tả

Trên cơ sở các chương trình đào tạo đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp, Nhà trường đã lựa chọn, sử dụng các giáo trình đào tạo phù hợp với từng ngành nghề để làm tài liệu giảng dạy, học tập chính thức cho giáo viên, **giảng viên và học sinh, sinh viên.**

Do vừa chuyển sang Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội quản lý, thực hiện theo Luật giáo dục nghề nghiệp nên Nhà trường chưa tổ chức biên soạn và thẩm định giáo trình cho các chuyên ngành đang đào tạo để làm tài liệu giảng dạy, học tập chính thức cho học sinh, **sinh viên**. **Chủ yếu Nhà trường chỉ sử dụng các giáo trình, tài liệu của các trường Cao đẳng, Đại học khác làm tài liệu giảng dạy. Các chương trình đào tạo từng chuyên ngành, môn học đều xác định rõ giáo trình, tài liệu bắt buộc và hệ thống tài liệu tham khảo [2.5.01; 2.5.02; 2.5.04].**

Phân tích

Để có đủ tài liệu giảng dạy phục vụ cho giáo viên, giảng viên và học sinh, **sinh viên** trong giảng dạy, học tập, Nhà trường đã **khuyến khích giáo viên, giảng viên ở** các khoa thực hiện biên soạn tài liệu giảng dạy gắn với công tác nghiên cứu khoa học hàng năm [4.10.01]. Việc biên soạn, thẩm định tài liệu giảng dạy và học tập được thực hiện theo đúng quy trình, quy định. Sau đó, tài liệu giảng dạy sẽ được nghiệm thu, phê duyệt làm tài liệu giảng dạy, học tập cho giáo viên, **giảng viên** và học sinh, sinh viên [4.11.02].

Nhận định

Nhà trường đã lựa chọn sử dụng giáo trình phù hợp cho từng ngành nghề đào tạo. Bên cạnh đó, Nhà trường cũng khuyến khích giảng viên, giảng viên biên soạn tài liệu giảng dạy và học tập phù hợp với năng lực và trình độ của học sinh, sinh viên. phục vụ cho công tác dạy và học. Nhưng Nhà trường chưa tổ chức việc thẩm định lựa chọn và phê duyệt giáo trình đào tạo.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 11, tiêu chí 4: 0 điểm – Chưa Đạt

Tiêu chuẩn 12. Giáo trình đào tạo cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô đun, môn học trong chương trình đào tạo.

Mô tả

Từ năm 2017, sau khi chuyển đổi cơ quan quản lý từ Bộ Giáo dục và Đào tạo sang Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Nhà trường đã xây dựng, thẩm định và ban hành kể cả cập nhật, điều chỉnh các chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng theo Thông tư 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 01/3/2017 [2.5.01; 2.5.02; 2.5.04]. Và các ngành nghề đào tạo đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động nghề nghiệp, Giấy chứng nhận bổ sung đăng ký hoạt động nghề nghiệp [2.1.01; 2.1.02; 2.1.03; 2.1.04]. Các chương trình đào tạo từng chuyên ngành, môn học đều xác **định rõ giáo trình, tài liệu bắt buộc và hệ thống tài liệu tham khảo.**

Phân tích

Nhà trường đã xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo của 12 ngành nghề trình độ cao đẳng, 18 ngành nghề trình độ trung cấp. Trong mỗi chương trình đào tạo đều có đầy đủ chương trình chi tiết môn học, mô đun. Mặt khác, chương trình đào tạo được xây dựng tăng thời lượng thực hành, thực tập phù hợp với thực tiễn đào tạo, góp phần nâng cao chất lượng, đáp ứng nhu cầu nhà tuyển dụng. Để có đầy đủ

giáo trình, tài liệu giảng dạy, thư viện trường đã tăng cường mua sách, giáo trình [4.12.01; 4.12.02; 4.12.03]. Đồng thời, Nhà trường đã khuyến khích giáo viên, giảng viên nghiên cứu khoa học thực hiện biên soạn tài liệu giảng dạy [4.11.01].

Nhận định

Nhà trường đã sử dụng các giáo trình đào tạo cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô đun, môn học trong chương trình đào tạo.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 12, tiêu chí 4: 1 điểm - Đạt

Tiêu chuẩn 13. Giáo trình đào tạo tạo điều kiện để thực hiện phương pháp dạy học tích cực.

Mô tả

Từ năm 2017, sau khi chuyển sang thực hiện chương trình đào tạo theo Luật giáo dục nghề nghiệp, Nhà trường đã được cấp giấy chứng nhận và Giấy chứng nhận bổ sung cho 12 ngành nghề trình độ cao đẳng (và ngành Giáo dục mầm non trình độ cao đẳng) và 18 ngành nghề trình độ trung cấp. [2.1.01; 2.1.02; 2.1.03; 2.1.04]. Trong mỗi chương trình chi tiết môn học, mô đun đều có yêu cầu về tài liệu bắt buộc (giáo trình) và tài liệu tham khảo. Bên cạnh đó thư viện trường cũng thường xuyên cập nhật sách, giáo trình phục vụ cho công tác dạy và học [4.12.02; 4.12.03].

Giấy chứng nhận và Giấy chứng nhận bổ sung đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp đã cấp phép cho các chương trình đào tạo cụ thể sau:

- Cao đẳng: Giáo dục Mầm non; Tiếng Anh; Việt Nam học; Tin học ứng dụng; Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử; Công nghệ kỹ thuật xây dựng; Công nghệ kỹ thuật ô tô; Kế toán; Quản trị kinh doanh; Quản trị văn phòng; **Tài chính – Ngân hàng**; Chế biến và bảo quản thủy sản; Nuôi trồng thủy sản.

- Trung cấp: Công nghệ kỹ thuật phần cứng máy tính; Điện công nghiệp và dân dụng; Bảo trì và sửa chữa ô tô; Xây dựng dân dụng và công nghiệp; **Điện tử công nghiệp và dân dụng**; Công nghệ thực phẩm; Chăn nuôi – Thú y; Nuôi trồng thủy sản; Chế biến và bảo quản thủy sản; **Bảo vệ thực vật**; **Kế toán doanh nghiệp**; Quản lý và bán hàng siêu thị; Y sĩ; Điều dưỡng; Dược; Thanh nhạc; Hội họa; Quản lý văn hóa.

Phân tích

Trong mỗi chương trình chi tiết môn học, mô đun đều có yêu cầu về tài liệu bắt buộc (giáo trình) và tài liệu tham khảo theo hướng tăng thời lượng thực hành nhằm

đáp ứng yêu cầu thực tiễn của xã hội. Bên cạnh đó thư viện trường cũng thường xuyên cập nhật sách, giáo trình mới phục vụ cho công tác dạy và học.

Nhận định

Mặc dù, Nhà trường chưa tổ chức biên soạn giáo trình, nhưng trong quá trình xây dựng chương trình môn học, mô đun, giáo viên, giảng viên đã chủ động trong việc lựa chọn giáo trình đào tạo tạo điều kiện để thực hiện phương pháp dạy học tích cực.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 13, tiêu chí 4: 1 điểm - Đạt

Tiêu chuẩn 14. Hàng năm, trường thực hiện việc lấy ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý, cán bộ khoa học kỹ thuật của đơn vị sử dụng lao động, người tốt nghiệp về mức độ phù hợp của giáo trình đào tạo; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.

Mô tả

Trường đã xây dựng kế hoạch khảo sát lấy ý kiến sinh viên, **học sinh** tốt nghiệp về chất lượng đào tạo của Nhà trường và được triển khai bằng hình thức điều tra qua phát phiếu khảo sát trực tiếp đến từng cựu HS-SV về tình hình việc làm và thu nhập.

Bên cạnh việc xây dựng kế hoạch và triển khai hoạt động đánh giá chất lượng đào tạo đối với người học sau khi ra trường, Nhà trường còn tiến hành khảo sát ý kiến phản hồi trực tiếp của các nhà sử dụng lao động, các cơ quan, doanh nghiệp nơi tiếp nhận các HSSV thực tập, kiến tập.

Phân tích

Việc định kỳ thu thập những nhận xét đánh giá của nhà giáo, chuyên gia từ các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, người học về chất lượng giáo trình đáp ứng yêu cầu đổi mới về nội dung và phương pháp dạy học được thực hiện qua nhận xét đánh giá của nhà giáo về tài liệu giảng dạy thông qua các biên bản họp khoa [4.14.01]. Kế hoạch cập nhật, đánh giá chương trình đào tạo [4.14.02].

Hàng năm, nhà trường xây dựng kế hoạch tạo điều kiện để cán bộ giảng dạy được tiếp cận với công nghệ mới, kỹ thuật mới, nội dung và phương pháp làm việc thực tế tại cơ quan, doanh nghiệp. Từ đó tăng cường kinh nghiệm thực tiễn, nâng cao kỹ năng dạy thực hành/tích hợp, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo [4.14.03].

Nhận định

Kết quả khảo sát đối với nhà tuyển dụng bước đầu về khả năng đáp ứng yêu cầu công việc của cựu HS-SV Nhà trường cho thấy 65% cựu HS-SV đáp ứng ở mức độ tốt và 52% mức độ rất tốt.

Kết quả đi thực tế chuyên môn của CBVC tại các cơ quan, doanh nghiệp đã được kiểm tra, đánh giá, rút kinh nghiệm.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 14, tiêu chí 4: 1 điểm - Đạt

Tiêu chuẩn 15. Khi có sự thay đổi về chương trình đào tạo, trường thực hiện đánh giá, cập nhật và điều chỉnh nếu có đối với giáo trình đào tạo đảm bảo yêu cầu theo quy định.

Mô tả

Năm 2017, Bộ Giáo dục và Đào tạo thay đổi Chương trình Giáo dục quốc phòng và An ninh trong trường Trung cấp Sư phạm, Cao đẳng Sư phạm và cơ sở giáo dục đại học; năm 2018, Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội thay đổi chương trình các môn học thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng như: Chương trình môn học Giáo dục quốc phòng và An ninh, Chương trình môn học Tin học, Chương trình môn học Giáo dục thể chất, Chương trình môn học Giáo dục chính trị, Chương trình môn học Tiếng Anh.

- Trong thời gian thực hiện các chương trình đào tạo (lần đầu) [4.2.04] đến năm 2017, Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Thông tư số 03/2017/TT-BGDĐT ngày 13/01/2017 Chương trình Giáo dục quốc phòng và An ninh trong trường Trung cấp Sư phạm, Cao đẳng Sư phạm và cơ sở giáo dục đại học; năm 2018, Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội ban hành chương trình các môn học thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng như: Thông tư số 10/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/9/2018 Chương trình môn học Giáo dục quốc phòng và An ninh trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng; Thông tư số 11/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/9/2018 Chương trình môn học Tin học trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng; Thông tư số 12/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/9/2018 Chương trình môn học Giáo dục thể chất trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng; Thông tư số 13/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/9/2018 Chương trình môn học Pháp luật trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng; Thông tư số 24/2018/TT-BLĐTBXH ngày 06/12/2018 Chương trình môn học Giáo dục chính trị trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng; Thông tư số

03/2019/TT-BLĐT BXH ngày 17/01/2019 Chương trình môn học Tiếng Anh trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng.

Phân tích

Chương trình các môn học trên có sự thay đổi so với chương trình các môn học này trước đây; thực tế đó, Nhà trường xây dựng Kế hoạch số 131/KH-CĐBT ngày 18/12/2018 Cập nhật, đánh giá chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng năm 2019 để điều chỉnh chương trình phù hợp với thực tiễn đào tạo, góp phần nâng cao chất lượng, đáp ứng nhu cầu nhà tuyển dụng. Theo đó, Hiệu trưởng quyết định ban hành chương trình đào tạo sau khi có sự thay đổi và phê duyệt các chương trình chi tiết [4.15.01; 4.15.02].

Nhận định

Nhà trường từ trước đến nay không tổ chức biên soạn giáo trình (đối với các môn học không có giáo trình) mà chỉ tổ chức biên soạn tài liệu giảng dạy, học tập; đồng thời không tổ chức đánh giá, cập nhật và điều chỉnh giáo trình (đối với các môn học có giáo trình) theo sự thay đổi của chương trình khi người học được học nội dung này.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 15, tiêu chí 4: 0 điểm – Chưa Đạt

3.2.5. Tiêu chí 5 - Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện

Mở đầu

Trường Cao đẳng Bến Tre thành lập từ tháng 10 năm 2004 đến nay, vị trí xây dựng của trường trên nền đất cao ráo, địa điểm đặt gần trung tâm thành phố, phù hợp với quy hoạch các điểm dân cư mạng lưới trường nghề, đảm bảo điều kiện an toàn, yên tĩnh cho các hoạt động giảng dạy, học tập và thuận tiện cho việc đi lại.

Cơ sở vật chất phục vụ cho đào tạo của nhà trường cơ bản đáp ứng tốt nhu cầu học tập và đào tạo của nhà trường, đảm bảo đủ tiêu chuẩn quy định. Cụ thể: mặt bằng tổng thể của trường với tổng thể diện tích đất là 108.224,6 m² gồm: Nhà hiệu bộ 3 tầng với diện tích sàn 1.410 m²; giảng đường diện tích sàn 668 m²; 40 phòng học lý thuyết với diện tích 3.050 m², 19 phòng thực hành với diện tích 855 m², 01 nhà đa năng diện tích 979 m² đáp ứng dạy học thực hành và tập luyện thể dục thể thao, hệ thống trang thiết bị, máy móc phục vụ học tập, nghiên cứu và các hoạt động văn hóa, văn nghệ, TDTT đáp ứng đủ cho trên 2.000 HSSV học tập và nghiên cứu; 04 xưởng thực hành với diện tích 864 m²; 02 khu ký túc xá với 28 phòng; Các công trình phụ trợ: 01 trạm

biến áp, tường rào bao quanh sân, đường nội bộ và các công trình phụ trợ khác. Nhìn chung, cơ sở vật chất của nhà trường đáp ứng yêu cầu, đảm bảo ổn định theo chỉ tiêu và kế hoạch đào tạo cũng như cảnh quan môi trường sư phạm trong nhà trường.

Về trang thiết bị, phương tiện máy móc đáp ứng được nhu cầu đào tạo các nghề đang đào tạo trong trường.

Khuôn viên nhà trường được quy hoạch hợp lý, phù hợp với yêu cầu hoạt động và khả năng phát triển trong tương lai.

Trường có đầy đủ các khối công trình phục vụ nhu cầu đào tạo và các hoạt động khác.

Trong giai đoạn hiện nay, nhà trường tiếp tục xin chủ trương phê duyệt nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản trên cơ sở quy hoạch tổng thể của các trường thành viên nhằm đáp ứng yêu cầu mở rộng quy mô và nâng cao chất lượng đào tạo.

Trường đã đầu tư xây dựng Thư viện điện tử, trang bị các máy móc thiết bị hiện đại, thường xuyên cập nhật những cải tiến kỹ thuật, đảm bảo nhu cầu tra cứu của cán bộ quản lý, nhà giáo và người học đạt hiệu quả cao.

Các giáo trình, tài liệu tham khảo của trường được số hóa và tích hợp với thư viện điện tử phục vụ cho hoạt động đào tạo. Năm học 2018 – 2019, nhà trường chuyển sang sử dụng máy chủ ảo, góp phần nâng cao hệ thống thư viện của Trường Cao đẳng Bến Tre.

Những điểm mạnh

Trường có diện tích rộng, nằm trên nền đất cao ráo, không bị ngập úng, thuận tiện cho việc cung cấp điện và nước sinh hoạt. Vị trí xây dựng trường phù hợp với quy hoạch chung của khu vực dân cư và mạng lưới cơ sở dạy nghề, giao thông thuận tiện.

Cơ sở của trường có hệ thống hạ tầng cơ sở được trang bị tương đối đầy đủ và hoạt động tốt, phù hợp với chương trình đào tạo của nhà trường.

Các công trình đảm bảo quy chuẩn xây dựng và các yêu cầu về ngăn cách, vệ sinh, kiến trúc, chiếu sáng, thông gió, quy hoạch nội bộ thuận tiện cho vận chuyển, lắp đặt, vận hành thiết bị. Có hệ thống điện, hệ thống cấp, thoát nước chung, riêng cho các khu vực trong trường theo nhu cầu hoạt động học tập và sinh hoạt. Các công trình xây dựng đều được lắp đặt hệ thống thiết bị phòng chống cháy nổ đầy đủ và hiện đại.

Nhà trường có đầy đủ phương tiện, thiết bị và dụng cụ trong xưởng thực hành phong phú về số lượng, chủng loại và chất lượng. Đảm bảo các yêu cầu về sư phạm và

vệ sinh môi trường. Hệ thống phòng học, nhà xưởng được xây dựng ở những vị trí an toàn thuận tiện, hệ thống chiếu sáng, điện, nước đảm bảo yêu cầu về an toàn và phòng chống cháy nổ.

Vị trí trường đảm bảo các tiêu chuẩn địa lý, địa chất. Xây dựng các công trình phục vụ các ngành nghề đào tạo của Trường đạt hiệu quả cao nhất, đáp ứng mục tiêu đào tạo của Trường.

Nhà trường đã quan tâm đầu tư và trang bị các máy móc thiết bị hiện đại giúp thư viện có thể hoạt động tốt.

Cán bộ thư viện hầu hết đều không được đào tạo chuyên môn về công nghệ máy tính và hệ thống mạng, tuy nhiên trong quá trình làm việc, cán bộ thư viện chủ động tìm hiểu, học hỏi để khai thác tốt các thiết bị công nghệ.

Thái độ phục vụ của nhân viên thư viện nhiệt tình, chủ động giới thiệu thêm tài liệu và thu thập ý kiến của người đọc.

Những tồn tại

Nhà trường chuyển sang đào tạo nghề từ năm 2018, trong đó một số nghề chuyển sang đào tạo theo chương trình mới nên một số thiết bị chưa đủ về số lượng trên đầu người học.

Hầu hết cơ sở vật chất của nhà trường, kể cả các trường thành viên sau sáp nhập đều đã xuống cấp, trang thiết bị lạc hậu. Việc dừng thực hiện đề án nâng cấp trường Cao đẳng Bến Tre thành trường đại học cũng ảnh hưởng đến việc đầu tư xây dựng cơ sở vật chất; mặt khác, nguồn tuyển sinh hàng năm thấp ảnh hưởng đến nguồn thu nên việc đầu tư trang thiết bị mới, đồng bộ còn gặp nhiều khó khăn.

Trong năm học 2018-2019, thư viện gặp sự cố máy chủ, tê liệt toàn bộ hệ thống, thư viện chuyển sang sử dụng máy chủ ảo, mất 03 tháng để cài đặt, khôi phục và thử nghiệm cũng như làm quen với hệ thống, dẫn đến trong năm học này không tiến hành số hóa thêm tài liệu, số lượng thực tế số hóa là 06 tài liệu, chủ yếu phục vụ nhu cầu thử nghiệm hệ thống.

Việc khai thác các thiết bị công nghệ còn hạn chế, vì số lượng các thiết bị nhiều, vận hành phức tạp, nhưng đội ngũ cán bộ thư viện ít, không thể khai thác hết các chức năng của phần mềm và thiết bị.

Thư viện phân tán ở 2 cơ sở, với diện tích rộng 845m² với khối lượng sách lớn (11.088 tên sách, 83.350 bản sách), trong đó số lượng nhân viên thư viện ít, với 2

chuyên viên và 2 giảng viên hỗ trợ, phục vụ 02 phòng đọc (cơ sở 1 và cơ sở 2), 01 kho sách và 01 phòng truy cập internet, nên tốc độ phục vụ, thời gian sử lý sách còn chậm.

Kế hoạch nâng cao chất lượng

Đề xuất Ủy ban nhân dân Tỉnh đầu tư cơ sở vật chất đáp ứng yêu cầu mở rộng quy mô và nâng cao chất lượng đào tạo giai đoạn 2020-2025.

Tiếp tục thực hiện Đề án đầu tư nghề trọng điểm, trang bị thiết bị đào tạo thực hành cho các nghề trọng điểm nhằm đáp ứng nhu cầu thực tiễn đồng thời mở rộng quy mô đào tạo cho một số nghề mới như nghề: Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử; Chăn nuôi; Chế biến và bảo quản thủy sản; Điều dưỡng, Hướng dẫn Du lịch...

Năm 2020 nhà trường triển khai sửa chữa, nâng cấp Khối Nhà Hiệu bộ, xây mới khu vệ sinh phục vụ HSSV, sửa chữa Ký túc xá (cơ sở 1). Tiếp tục đề xuất Ủy ban nhân dân Tỉnh đầu tư cơ sở vật chất giai đoạn 2020-2025 đáp ứng yêu cầu đào tạo và quy mô phát triển của nhà trường: Xây mới các khối phòng học lý thuyết; khối phòng học thực hành và các nhà xưởng cho các khối ngành Kinh tế, Văn hóa, Y Dược, Kỹ thuật; xây dựng trại thực nghiệm Nông-Lâm-Thủy sản; Vườn thực hành; khu vui chơi VH-TDĐT, Ký túc xá, đường nội bộ và hàng rào kiên cố khuôn viên trường; sửa chữa, nâng cấp Khối phòng học D, Nhà thí nghiệm, Nhà tập đa năng, Giảng đường.

Đầu tư mua sắm bổ sung, thay thế các loại máy móc, thiết bị mới phù hợp với chương trình đào tạo và nhu cầu học tập, nghiên cứu của nhà trường.

Điểm đánh giá tiêu chí 5

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 5	12/15
Tiêu chuẩn 1	1 điểm
Tiêu chuẩn 2	1 điểm
Tiêu chuẩn 3	1 điểm
Tiêu chuẩn 4	1 điểm
Tiêu chuẩn 5	1 điểm
Tiêu chuẩn 6	1 điểm
Tiêu chuẩn 7	1 điểm
Tiêu chuẩn 8	1 điểm
Tiêu chuẩn 9	1 điểm

Tiêu chuẩn 10	0 điểm
Tiêu chuẩn 11	1 điểm
Tiêu chuẩn 12	0 điểm
Tiêu chuẩn 13	0 điểm
Tiêu chuẩn 14	1 điểm
Tiêu chuẩn 15	1 điểm

Tiêu chuẩn 1: Địa điểm xây dựng trường phù hợp với quy hoạch chung của khu vực và mạng lưới các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, khu đất xây dựng cần đảm bảo yên tĩnh cho việc giảng dạy và học tập; giao thông thuận tiện và an toàn; thuận tiện cho việc cung cấp điện, nước, đảm bảo khoảng cách đối với các xí nghiệp công nghiệp thải ra chất độc hại; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành.

Mô tả

Trường Cao đẳng Bến Tre có tổng diện tích đất đã được nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng là: 108.224,6 m² [5.1.01].

Cơ sở của trường được xây dựng tại 03 địa điểm: cơ sở 1 tọa lạc tại tỉnh lộ 884, ấp 1, xã Sơn Đông, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre với diện tích: 81.507 m²; cơ sở 2 tọa lạc tại số 78 Đoàn Hoàng Minh, phường 6, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre với diện tích: 21.073,3 m²; cơ sở 3 tọa lạc tại 610A, đường Nguyễn Thị Định, phường Phú Khương, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre với diện tích: 5644,3 m² [5.1.02]-*QĐ sáp nhập Trường*). Trường được xây dựng trên mặt bằng có độ cao vừa phải thuận lợi cho việc thiết kế hạ tầng kỹ thuật phù hợp với đặc thù các nghề đào tạo của trường. Các cơ sở đều nằm trên đường giao thông thuận tiện cho quá trình làm việc và học tập tại trường của CBCNV-GV và HSSV.

Về hệ thống điện: nhà trường đã lắp đặt 01 trạm biến áp 1250 KVA. Việc cung cấp điện phục vụ cho đào tạo và sinh hoạt trong trường rất ổn định. Hệ thống nước sạch được cung cấp đầy đủ về trường, đáp ứng đầy đủ nhu cầu nước sạch phục vụ cho sinh hoạt học sinh sinh viên và CBVC nhà trường [5.1.03].

Trường nằm trên địa bàn không có nhà máy xí nghiệp, hoặc cơ sở công nghiệp, không chịu ảnh hưởng của chất thải công nghiệp và ô nhiễm môi trường. Vị trí tọa lạc của 03 cơ sở trên địa bàn khu dân cư, thuận tiện giao thông (đường tỉnh 884; đường Đoàn Hoàng Minh; đường Nguyễn Thị Định) tiếp giáp Trường Trung cấp nghề Bến

Tre và Ban chỉ huy quân sự Tỉnh, bệnh viện Trần Văn An và khu dân cư, môi trường ổn định, không tiếng ồn, không bị ảnh hưởng bởi chất thải độc hại và ô nhiễm môi trường.

Phân tích,

Vị trí xây dựng trường đảm bảo các tiêu chuẩn địa lý, thuận tiện giao thông, mặt bằng thoáng, đảm bảo diện tích xây dựng các công trình phục vụ các ngành nghề đào tạo của trường, đáp ứng mục tiêu đào tạo của nhà trường.

Các cơ sở của nhà trường hiện nay chưa được đầu tư đồng bộ, hầu hết đã xuống cấp, đặc biệt là các công trình phục vụ trực tiếp cho hoạt động dạy và học như: phòng học lý thuyết, phòng thực hành. Cơ sở hạ tầng chưa được xây dựng hoàn chỉnh, hệ thống tường rào tạm bợ, thiếu an toàn.

Nhận định

Trường được xây trên nền đất cao ráo, địa điểm đặt ở thành phố Bến Tre, phù hợp với các điểm dân cư và mạng lưới trường nghề, đảm bảo điều kiện an toàn, yên tĩnh cho các hoạt động giảng dạy, học tập và thuận tiện cho việc đi lại.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1, tiêu chí 5: 1 điểm – Đạt

Tiêu chuẩn 2: Quy hoạch tổng thể mặt bằng khuôn viên hợp lý, phù hợp với công năng và các yêu cầu giao thông nội bộ, kiến trúc và môi trường sư phạm; diện tích đất sử dụng; diện tích cây xanh đảm bảo theo quy định.

Mô tả

Các cơ sở của nhà trường được xây dựng theo quy hoạch đã được phê duyệt [5.2.01]. Với đặc điểm diện tích rộng nên việc khảo sát, thiết kế và xây dựng các cơ sở hạ tầng như nhà hiệu bộ, giảng đường, hội trường, nhà đa năng, vườn thực hành, nhà thư viện, trạm điện, khu túc xá... được bố trí hợp lý, không ảnh hưởng lẫn nhau trong cùng một thời điểm hoạt động. Các cơ sở đều được bố trí phòng học lý thuyết, phòng học thực hành, nhà xưởng tách biệt, đảm bảo yêu cầu trong tổ chức hoạt động dạy và học.

Giao thông nội bộ trong trường với hệ thống đường bê tông kiên cố; đặc biệt tại cơ sở 1 với diện tích rộng (81.507 m²) được bố trí trục đường rộng 4m, đảm bảo giao thông nội bộ thuận tiện. Khuôn viên trường có bố trí cây xanh, không gian thông thoáng tạo vẻ mỹ quan và là nơi vui chơi, sinh hoạt, học tập thoáng mát cho HSSV [5.2.02].

Trường có các công trình, cơ sở hạ tầng phục vụ cho công tác đào tạo nghề, bao gồm:

- Khu làm việc bao gồm: 01 Nhà Hiệu bộ 3 tầng và 01 nhà làm việc 02 tầng bao gồm phòng làm việc Ban Giám hiệu, phòng chức năng, các phòng họp với diện tích sàn 1.410 m² và đang được Ủy ban nhân dân Tỉnh đầu tư sửa chữa, cải tạo đáp ứng yêu cầu làm việc; 01 Tòa nhà làm việc các khoa kết hợp Thư viện, Hội trường gồm 05 tầng với diện tích sử dụng 6.134 m².

- Khu học tập: giảng đường diện tích sàn 668 m²; 40 phòng học lý thuyết với diện tích 3.050 m², 19 phòng thực hành với diện tích 855 m², hệ thống trang thiết bị, máy móc phục vụ học tập, nghiên cứu và các hoạt động văn hóa, văn nghệ, TDTT đáp ứng đủ cho trên 2.000 HSSV học tập và nghiên cứu; 04 xưởng thực hành với diện tích 864 m². Nhà trường đang được đầu tư xây dựng 02 dãy phòng học lý thuyết với 24 phòng. Các phòng học được trang bị đầy đủ bàn ghế cho HSSV, bảng từ, quạt trần và hệ thống chiếu sáng lớp học đủ theo tiêu chuẩn quy định. Ngoài ra còn có nhiều các thiết bị phụ trợ khác phục vụ cho đào tạo: máy chiếu, ti vi, loa, ...; các phòng thí nghiệm, phòng thực hành, nhà xưởng có thiết bị thực hành, thí nghiệm cho HSSV.

+ 01 nhà đa năng diện tích 979 m² đáp ứng dạy học thực hành và tập luyện thể dục thể thao; Khu hoạt động thể dục thể thao: Gồm 03 sân bóng chuyên, 01 sân bóng đá, sân chơi cầu lông, bàn bóng bàn có kích thước theo tiêu chuẩn quốc gia.

+ Nhà để xe đạp, xe máy cho HSSV với diện tích 648 m².

+ Sa hình bãi tập lái xe với diện tích 7.840 m², nhà xe ô tô tập lái 480,3 m²; các phòng học lý thuyết và thực hành với đầy đủ trang thiết bị đáp ứng tiêu chuẩn đào tạo lái xe hạng A1, B2.

+ Các gara ô tô, nhà để xe của cán bộ công nhân viên Nhà trường và khách đến làm việc rộng rãi an toàn [5.2.03; 5.2.04].

Phân tích

Hiện tại trường đang quản lý và sử dụng 87.173.033 m² đất [5.1.01]-*Các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*), với diện tích đất trường được phép quản lý và sử dụng đã đáp ứng được nhu cầu hoạt động và phù hợp với quy định diện tích đất đối với trường Cao đẳng nghề.

Nhận định

Khuôn viên nhà trường được quy hoạch hợp lý, có đầy đủ các khối công trình thuận tiện cho hoạt động dạy, học và vui chơi cho HSSV trong nhà trường, phù hợp với yêu cầu hoạt động và khả năng phát triển trong tương lai.

Căn cứ chiến lược phát triển trường, quỹ đất nhà trường hiện có đủ khả năng đáp ứng nhu cầu sử dụng đất của trường trong tương lai.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2, tiêu chí 5: 1 điểm – Đạt

Tiêu chuẩn 3: *Có đủ các khu vực phục vụ hoạt động của trường theo tiêu chuẩn: Khu học tập và nghiên cứu khoa học (phòng học lý thuyết, phòng học thực hành, phòng thí nghiệm và phòng học chuyên môn); khu thực hành (xưởng thực hành, thực tập, trại trường, vườn thí nghiệm); khu vực rèn luyện thể chất; khu hành chính quản trị phụ trợ và khu phục vụ sinh hoạt cho người học và nhà giáo.*

Mô tả

Qua quá trình hình thành và phát triển, trường đã và đang xây dựng mới với mức độ và quy hoạch đúng tiêu chuẩn, hiện đại trong 3 khuôn viên của 3 cơ sở, 3 khuôn viên với tổng diện tích là 108.224,6 m². Trong đó tổng số phòng học lý thuyết là 40 phòng, với tổng diện tích là 3.050m²; 19 phòng học thực hành với diện tích 855 m²; 05 phòng thí nghiệm với tổng diện tích 961m²; 04 xưởng thực hành với tổng diện tích 864 m²; 01 vườn thí nghiệm trồng cây thuốc nam với tổng diện tích 200m²; 01 sân bóng đá với tổng diện tích 4.050m²; 01 nhà tập đa năng với tổng diện tích 979m²; 06 sân bóng chuyền với tổng diện tích 1.521m²; thư viện với tổng diện tích 845m²; ký túc xá với tổng diện tích 1.557m²; 01 nhà khách giáo viên với tổng diện tích 255m²; khu hành chính quản trị phụ trợ gồm: khu hiệu bộ cơ sở 1(3 tầng) với tổng diện tích 1.410 m² khu làm việc cơ sở 1 (5 tầng) với tổng diện tích 6.134 m² [5.1.01; 5.3.01].

Các công trình thực hiện theo đúng hồ sơ thiết kế. Các công trình được lắp đặt đầy đủ hệ thống điện nước đảm bảo tiêu chuẩn về chiếu sáng, với hệ thống quạt thông gió đảm bảo điều kiện thoáng mát đảm bảo phục vụ tốt việc học tập và giảng dạy [5.3.01].

Theo nhiệm vụ chức năng của từng đơn vị trong trường mà các công trình được xây dựng và khai thác sử dụng đúng công năng. Mỗi cá nhân phải tự trách nhiệm trước đơn vị về công tác quản lý, khai thác sử dụng và bảo trì, bảo dưỡng định kỳ các công trình hoặc thiết bị được giao. Trưởng các đơn vị chịu trách nhiệm trước ban giám hiệu về các công trình, thiết bị, tài sản mà đơn vị mình quản lý [5.3.02].

Trong xưởng thực hành, phòng thực hành đều có nội quy, quy định việc thực hiện, quy trình vận hành thiết bị, máy móc [5.3.03].

Phân tích

Nhà trường có hệ thống phòng học lý thuyết, phòng học chuyên môn, hội trường, phòng thí nghiệm, phòng thực hành, xưởng thực hành, nhà tập... đáp ứng được hoạt động đào tạo của Nhà trường.

Các công trình đảm bảo quy chuẩn xây dựng các yêu cầu ngăn cách giữa khu lý thuyết và thực hành, vệ sinh, kiến trúc, chiếu sáng, thông gió, quy hoạch nội bộ thuận tiện cho việc vận chuyển, vận hành, lắp đặt các thiết bị. các công trình được thực hiện đúng công năng và được bảo dưỡng thường xuyên đảm bảo hoạt động bình thường.

Nhận định

Hiện tại Nhà trường còn thiếu phòng chứa các thiết bị giảng dạy các môn học của khoa Nông - Lâm - Thủy sản.

Với quy mô đào tạo của trường hiện nay, hệ thống phòng học lý thuyết, phòng học thực hành, giảng đường, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, vườn thực hành, sân tập... đảm bảo đáp ứng tốt công tác đào tạo của Nhà trường.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3, tiêu chí 5: 1 điểm - Đạt

Tiêu chuẩn 4: Hệ thống hạ tầng kỹ thuật của trường (đường giao thông nội bộ; hệ thống điện; cấp thoát nước xử lý nước thải, chất thải; thông gió; phòng cháy chữa cháy) theo quy chuẩn và đáp ứng nhu cầu đào tạo, sản xuất, dịch vụ, sinh hoạt; được bảo trì bảo dưỡng theo quy định.

Mô tả

Trường Cao đẳng Bến Tre có hệ thống hạ tầng kỹ thuật bảo đảm đáp ứng nhu cầu làm việc và các hoạt động dạy nghề, thực nghiệm, thực hành.

Trường có hệ thống đường giao thông nội bộ rộng rãi, hai bên đường được trồng cây xanh để có bóng mát và tạo cảnh quan môi trường. Hệ thống giao thông nội bộ đảm bảo an toàn hợp lý trong việc vận chuyển và đi lại. Hệ thống điện với trạm biến áp 1250 KVA đảm bảo việc phân phối, truyền tải và tiêu thụ điện năng ổn định. Các vị trí cấp điện đều được trang bị đầy đủ các thiết bị an toàn và bố trí hợp lý tránh được tổn thất và lãng phí điện năng [5.4.01]. Hệ thống cấp nước sạch sinh hoạt cho toàn trường đầy đủ. [5.1.03]. Cùng với hệ thống cấp nước là hệ thống thoát nước được quy hoạch đảm bảo vệ sinh môi trường. Các phòng học, xưởng thực hành, ... đều có

hệ thống thông gió và được trang bị các thiết bị phòng chống cháy nổ theo quy định an toàn PCCC. Toàn bộ các khối nhà được trang bị các thiết bị chữa cháy tại chỗ như các bình CO₂, 02 hồ nước và hệ thống bơm, vòi rồng có công suất lớn [5.4.02; 5.4.03].

Hệ thống hạ tầng kỹ thuật được phân công rõ ràng theo từng đơn vị phòng, khoa, Trung tâm quản lý. Các công trình xây dựng, các thiết bị tài sản thường xuyên được kiểm tra bảo dưỡng, sửa chữa hoặc nâng cấp nhằm đảm bảo tốt nhất các điều kiện phục vụ công tác đào tạo và các hoạt động khác trong nhà trường: nhà trường đang được đầu tư xây dựng 02 dãy phòng học lý thuyết với 24 phòng học; được Ủy ban nhân dân Tỉnh đầu tư sửa chữa, cải tạo Khối nhà Hiệu hộ [5.4.04; 5.4.05; 5.4.06].

Phân tích

Hệ thống hạ tầng kỹ thuật của nhà trường đảm bảo được các hoạt động dạy nghề, thực hành, thực nghiệm trong nhà trường. Có đầy đủ các hệ thống điện, hệ thống cấp thoát nước, đường nội bộ, các xưởng đều có hệ thống thông gió, hệ thống phòng cháy chữa cháy được các cơ quan chức năng hàng năm kiểm tra, đánh giá đảm bảo tốt các điều kiện kỹ thuật.

Nhận định

Với hệ thống hạ tầng kỹ thuật hiện tại của nhà trường đảm bảo theo quy chuẩn và đáp ứng nhu cầu đào tạo, sản xuất, dịch vụ, sinh hoạt của nhà trường.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4, tiêu chí 5: 1 điểm – Đạt

Tiêu chuẩn 5: Phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa đảm bảo quy chuẩn xây dựng, tiêu chuẩn cơ sở vật chất hiện hành và các yêu cầu công nghệ của thiết bị đào tạo.

Mô tả

Trường đã có hệ thống phòng học lý thuyết, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, vườn thực hành cơ bản đáp ứng quy mô đào tạo theo các ngành nghề đào tạo gồm: 40 phòng lý thuyết, 19 phòng thực hành, 4 xưởng thực hành. Tổng diện tích toàn trường: 108.224,6 m² (cơ sở 1: 81.507m², cơ sở 2: 21.073,3m², cơ sở 3: 5.644,3m²)

- Phòng học lý thuyết: 3.050 m²,
- Phòng thực hành: 855 m²,
- phòng thí nghiệm: 961m²
- Các công trình phụ trợ:

- + Thư viện: 845m²
- + Ký túc xá: 1.557m²
- + Nhà đa năng: 979m² [5.5.01; 5.5.02]

Hệ thống các phòng lý thuyết và xưởng thực hành được bố trí riêng biệt, đảm bảo ngăn cách, không bị ảnh hưởng tiếng ồn giữa khu vực lý thuyết và thực hành, các công trình có quy chuẩn kết cấu, kiến trúc và nội thất đảm bảo các yêu cầu về an toàn, hệ thống chiếu sáng và thông gió đủ và đúng quy chuẩn thể hiện qua hồ sơ thiết kế các công trình của nhà trường. Nhà trường có đường giao thông nội bộ thuận tiện, các xưởng bố trí sơ đồ trang thiết bị hợp lý đảm bảo cho việc vận chuyển, lắp đặt và vận hành các thiết bị. Hệ thống các phòng học lý thuyết được xây dựng thoáng mát, thông gió tốt, bố trí các cửa sổ đảm bảo lấy được ánh sáng tối đa, ấm áp về mùa đông thoáng mát về mùa hè. Xưởng thực hành có bố trí đèn, quạt đảm bảo thông thoáng và đầy đủ ánh sáng để học sinh thực hành, thực tập. [5.5.03; 5.3.01].

Các công trình trong nhà trường được sử dụng đúng công năng, khu vực học tập và sinh hoạt vui chơi đều riêng biệt, có đội ngũ bảo vệ, quản lý thường xuyên kiểm tra các lớp sau giờ học và có nhân viên vệ sinh hàng ngày đảm bảo vệ sinh các khu vực. Trong xưởng thực hành có nội quy quy định việc thực hành tại xưởng, quy trình vận hành thiết bị, máy móc, các trang thiết bị được bảo dưỡng thường xuyên và định kỳ đảm bảo hoạt động bình thường. [5.3.03; 5.5.04; 5.5.05].

Phân tích

Trường Cao đẳng Bến Tre có hệ thống giảng đường với nhiều phòng học đảm bảo các tiêu chuẩn, quy định phù hợp với quy mô đào tạo. Các phòng thí nghiệm, thử nghiệm, xưởng thực hành được xây dựng đảm bảo diện tích, không gian thông thoáng thuận tiện vận chuyển, lắp đặt, vận hành và bảo dưỡng. Thường xuyên duy trì tốt công tác quản lý và bảo dưỡng. Có quy định trong sử dụng và bảo quản các công trình cũng như các thiết bị đào tạo.

Tuy nhiên, quy mô đào tạo giữa các nghề trong trường chưa được đồng đều do nhu cầu của xã hội nên việc điều chỉnh, đầu tư cơ sở vật chất trang thiết bị cho phù hợp với tất cả các nghề theo từng giai đoạn còn gặp nhiều khó khăn.

Nhận định

Cơ sở vật chất của nhà trường đảm bảo cho HSSV học tập và thực hành. Trong những năm tới, nhà trường tập trung cơ sở vật chất cho một số nghề trọng điểm và mũi nhọn: nghề sửa chữa xe máy, sửa chữa máy tính...

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5, tiêu chí 5: 1 điểm – Đạt

Tiêu chuẩn 6: Trường có quy định về quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo.

Mô tả

Công tác quản lý tài sản, trang thiết bị phục vụ đào tạo được thực hiện theo các quy định hiện hành, nhà trường đã ban hành quy chế quản lý, sử dụng tài sản công trong đó có quy định về phạm vi, trách nhiệm của cá nhân, đơn vị trong quản lý, sử dụng tài sản, trang thiết bị. Đối với công tác bảo dưỡng thường xuyên do đơn vị sử dụng trang thiết bị theo dõi và đề xuất thực hiện nhằm đảm bảo yêu cầu kỹ thuật khi vận hành, tăng cường tính hiệu quả sử dụng của máy móc thiết bị, cụ thể: thiết bị mua sắm mới được thực hiện bảo trì, bảo dưỡng theo hợp đồng ký kết; ngoài ra, đơn vị sử dụng đề xuất sửa chữa, bảo trì trang thiết bị khi có hư hỏng. [5.6.01].

Các trang thiết bị đều có hồ sơ theo dõi, có nội quy, quy trình sử dụng bảo quản. Các phòng khoa đều cử cán, giáo viên theo dõi và quản lý trang thiết bị tại phòng thực hành chuyên môn. Các cán bộ giáo viên được giao nhiệm vụ đều thực hiện tốt nhiệm vụ, nội quy, quy trình đảm bảo các trang thiết bị được bảo dưỡng đánh giá thường xuyên kịp thời. [5.6.02; 5.6.03].

Phân tích

Đa số CBGV, HSSV có ý thức thực hiện tốt trong việc quản lý và sử dụng các thiết bị đào tạo của nhà trường.

Hàng năm, các đơn vị phòng, khoa có kế hoạch đề xuất bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo, được Hiệu trưởng phê duyệt và triển khai thực hiện trong năm học.

Nhận định

Một số ít HSSV chưa thực hiện tốt nội quy sử dụng thiết bị. Thiết bị, dụng cụ thực hành hầu hết sử dụng lâu năm nên chất lượng không đảm bảo, đòi hỏi phải có sự đầu tư mua sắm đáp ứng yêu cầu đào tạo.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6, tiêu chí 5: 1 điểm – Đạt

Tiêu chuẩn 7. Phòng học, giảng đường, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa được sử dụng theo quy định hiện hành.

Mô tả

Trong công tác giáo dục và đào tạo, Nhà trường luôn quan tâm, chú trọng đặc biệt về chất lượng đào tạo và nghiên cứu khoa học. Muốn có chất lượng đào tạo tốt trước hết phải có chương trình đào tạo phù hợp với thực tiễn, học đi đôi với thực hành, vì vậy, chương trình đào tạo là yêu cầu bắt buộc của mỗi ngành đào tạo trong nhà trường.

Cơ sở vật chất phục vụ cho đào tạo của nhà trường đã được đầu tư đồng bộ, đáp ứng tốt nhu cầu học tập và NCKH. Cơ sở vật chất của nhà trường đảm bảo đủ tiêu chuẩn quy định. Cụ thể: Nhà hiệu bộ 3 tầng với diện tích sàn 1.410 m²; giảng đường diện tích sàn 668 m²; 40 phòng học lý thuyết với diện tích 3.050 m², 01 nhà đa năng diện tích 979 m² đáp ứng dạy học thực hành và tập luyện thể dục thể thao, hệ thống trang thiết bị, máy móc phục vụ học tập, nghiên cứu và các hoạt động văn hóa, văn nghệ, TDTT đáp ứng đủ cho trên 2.000 HSSV học tập và nghiên cứu; 02 khu ký túc xá với 28 phòng; Các công trình phụ trợ: 01 trạm biến áp, tường rào bao quanh sân, đường nội bộ và các công trình phụ trợ khác.

Các phòng thực hành, thí nghiệm được trang bị đầy đủ các trang thiết bị đáp ứng các tiêu chí thực hành cho chuyên ngành đào tạo. Trường có 19 phòng thực hành với diện tích 855 m²; 04 xưởng thực hành với diện tích 864 m². Nhằm nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng nhà trường cũng đã có những quy định về quản lý, sử dụng cơ sở vật chất cụ thể cho từng khu chức năng theo quy định. Nhà trường đang đề xuất chủ trương đầu tư cơ sở vật chất giai đoạn 2020-2025 đáp ứng yêu cầu đào tạo và quy mô phát triển: Xây mới khối phòng học lý thuyết; khối phòng học thực hành và các nhà xưởng cho các khối ngành Kinh tế, Văn hóa, Y Dược, Kỹ thuật; xây dựng trại thực nghiệm Nông-Lâm-Thủy sản; Vườn thực hành...

Phân tích

Các khu lớp học, các phòng thí nghiệm, thực hành được phân khu, phục vụ cho giảng dạy và học tập theo từng chuyên ngành đào tạo.

Các trang thiết bị trong phòng thực hành hiện đại, đáp ứng yêu cầu dạy và học, NCKH cho CBVC và người học.

Các hội trường và giảng đường có đầy đủ thiết bị phục vụ cho học tập và các hoạt động ngoại khóa . . .

Chưa khai thác tối đa hiệu quả sử dụng các phòng thực hành, thí nghiệm.

Một số trang thiết bị, máy móc phục vụ thực hành, thí nghiệm đã lạc hậu; chưa được đầu tư mua mới.

Nhận định

Hệ thống trang thiết bị, máy móc phục vụ học tập, nghiên cứu và các hoạt động văn hóa, văn nghệ, TDTT cũng được đầu tư đồng bộ đủ tiêu chuẩn quy định, đáp ứng đủ cho trên 2.000 HSSV học tập và nghiên cứu.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7, tiêu chí 5: 1 điểm – Đạt

Tiêu chuẩn 8: Thiết bị đào tạo đáp ứng danh mục và tiêu chuẩn thiết bị tối thiểu theo yêu cầu đào tạo của từng trình độ đào tạo theo chuyên ngành hoặc nghề do cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp ở trung ương quy định. Đối với các chuyên ngành hoặc nghề mà cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp ở trung ương chưa ban hành danh mục và tiêu chuẩn thiết bị tối thiểu thì trường đảm bảo thiết bị đào tạo đáp ứng yêu cầu chương trình đào tạo, tương ứng quy mô đào tạo của chuyên ngành hoặc nghề đó.

Mô tả

Các trang thiết bị hiện có của nhà trường đảm bảo chất lượng, phù hợp với công nghệ sản xuất, phù hợp với các ngành nghề đào tạo trong giai đoạn hiện nay. Thiết bị máy móc, dụng cụ, phục vụ các hoạt động giảng dạy thực hành đáp ứng đúng về chủng loại, công năng, thông số kỹ thuật, mỹ thuật và đảm bảo các yêu cầu về sức khỏe, vệ sinh an toàn. [5.3.02]. Hiện nay, nhà trường đang xin chủ trương đầu tư cơ sở vật chất (cơ sở 1 và cơ sở 2) giai đoạn 2020-2025 đáp ứng yêu cầu đào tạo.

Đa số các nghề đào tạo của nhà trường hiện nay đủ trang thiết bị thực hành, thực tập của HSSV. Thiết bị thực hành đáp ứng tiêu chuẩn theo yêu cầu đào tạo. Trong các giờ thực hành đảm bảo số lượng 15-20 HSSV trong một nhóm, vì thế xưởng thực hành cơ bản đều có đủ thiết bị, dụng cụ đảm bảo cho giờ học thực hành [5.8.01].

Phân tích

Nhà trường đã xây dựng đề án đầu tư nghề trọng điểm đến năm 2020, trong đó đề xuất đầu tư trang thiết bị hiện đại phục vụ các ngành nghề đào tạo trọng điểm của trường.

Nhà trường đã có đủ phòng học, đáp ứng cho việc xây dựng kế hoạch đào tạo tại từng cơ sở, có các phòng học lý thuyết, thực hành từng bước được trang bị thông

qua các chương trình mục tiêu quốc gia và sự đầu tư của nhà trường, từng bước đáp ứng yêu cầu trang thiết bị thực hành, thí nghiệm.

Nhận định

Các ngành nghề trọng điểm của Trường (Chăn nuôi thú y; Điện – Điện tử; Điều dưỡng) đã được đầu tư trang thiết bị hiện; các khối ngành Kinh tế, Kỹ thuật có trang thiết bị, dụng cụ đáp ứng yêu cầu đào tạo. Các ngành nghề còn lại chưa đáp ứng danh mục và tiêu chuẩn thiết bị tối thiểu theo yêu cầu.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 8, tiêu chí 5: 1 điểm – Đạt

Tiêu chuẩn 5.9: Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo được bố trí hợp lý, an toàn thuận tiện cho việc đi lại vận hành, bảo dưỡng và tổ chức hướng dẫn thực hành đảm bảo các yêu cầu sự phạm an toàn vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường.

Mô tả

Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo được bố trí hợp lý, an toàn, thuận tiện. tất cả được được trang bị hệ thống điện, hệ thống cấp thoát nước [5.9.01; 5.1.03; 5.4.01; 5.9.02].

Để đảm bảo vệ sinh chung trường có nhân viên thực hiện vệ sinh hàng ngày, đảm bảo môi trường học tập vệ sinh sạch sẽ [5.9.03].

Trang thiết bị, dụng cụ tại xưởng thực hành được bố trí hợp lý, khoa học, đảm bảo không gian an toàn, vị trí kết nối máy móc thiết bị với các nguồn điện, nguồn nước an toàn và thuận tiện trong việc vận hành thiết bị. Đảm bảo an toàn tuyệt đối, dễ dàng cho việc đi lại, bảo hành và bảo dưỡng. [5.9.04;[5.6.03; 5.3.03].

Trang thiết bị, vật tư trong xưởng tại trường được sắp xếp đảm bảo các yêu cầu về mỹ thuật công nghiệp, mang tính thẩm mỹ nghề nghiệp của từng nghề phù hợp trong môi trường sự phạm và mang tính học tập, thực hành sự phạm. Các thiết bị nặng được bố trí cố định, các thiết bị rời di chuyển được để vào các vị trí thuận lợi để dễ di chuyển, dễ lấy; các khối thiết bị được sắp xếp theo nguyên tắc cao thấp, dài ngắn để có tầm nhìn trong không gian. Trong quá trình học tập và giảng dạy tại xưởng thực hành, công tác đảm bảo an toàn khi thực tập và vệ sinh công nghiệp khi học tập, đảm bảo vệ sinh môi trường trong quá trình lắp đặt, vận hành bảo dưỡng trang thiết bị dụng cụ trong xưởng thực hành đều được chú trọng và tuân thủ nghiêm ngặt theo đúng quy định nội quy của xưởng thực hành [5.6.02; 5.6.03].

Phân tích

Trang thiết bị dụng cụ được bố trí hợp lý, an toàn, thuận tiện cho việc đi lại, vận hành và bảo dưỡng. Đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật, mỹ thuật công nghiệp, thẩm mỹ nghề nghiệp, vệ sinh và môi trường sư phạm.

Nhận định

Việc bố trí, lắp đặt trang thiết bị trong nhà xưởng, phòng thực hành vệ sinh, an toàn, khoa học và hợp lý đảm bảo được các yêu cầu thuận lợi cho công tác đào tạo. Thiết bị nhà xưởng được thiết kế lắp đặt theo tiêu chuẩn nên đảm bảo thẩm mỹ công nghiệp, vệ sinh an toàn lao động và đảm bảo điều kiện môi trường tốt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 9, tiêu chí 5: 1 điểm – Đạt

Tiêu chuẩn 10: Trường có quy định về quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo, trong đó có quy định về việc định kỳ đánh giá và đề xuất biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng thiết bị đào tạo.

Mô tả

Nhà trường có đủ kho bảo quản, lưu giữ vật tư, thiết bị cho trường, và có nhân viên phụ trách việc bảo quản và lưu giữ kho. Kho lưu trữ thiết bị đào tạo của nhà trường được bố trí trong khu nhà làm việc. Các hội trường và giảng đường có đầy đủ thiết bị phục vụ cho học tập và các hoạt động ngoại khóa. Kho chứa vật tư, thiết bị riêng cho mỗi khoa được bố trí ngay trong các phòng thực hành nên rất thuận tiện cho việc thường xuyên kiểm tra, bảo quản, phòng chống mất mát thiết bị, vật tư, hàng hoá, đảm bảo các điều kiện như tránh mưa, nắng, có đầy đủ ánh sáng, chống ẩm mốc, bảo vệ cẩn thận. Tại các phòng thực hành, xưởng thực hành đều có kho bảo quản vật tư thiết bị riêng cho mỗi xưởng và có nội quy, quy chế sử dụng riêng niêm yết ở cửa. Hàng năm nhà trường thực hiện kế hoạch tổng kiểm kê tài sản, trang thiết bị, đánh giá mức độ % còn sử dụng, phân loại, thanh lý những thiết bị cũ, hư hỏng, lạc hậu không còn phù hợp cho công tác đào tạo của nhà trường [5.10.01; 5.10.02].

Trong các xưởng thực hành, phòng chuyên môn đều có nội quy quy định việc thực hành tại xưởng, quy trình vận hành thiết bị, máy móc, sổ bàn giao các ca thực tập tại các xưởng, các trang thiết bị được bảo dưỡng thường xuyên và định kỳ đảm bảo hoạt động bình thường.

Phân tích

Vật tư, thiết bị, nguyên vật liệu thực hành luôn được bảo quản tốt và an toàn.

Nhà trường chưa thực hiện báo cáo tình hình khai thác, sử dụng tài sản hàng năm của các đơn vị phòng, khoa, trung tâm, chưa xây dựng các giải pháp khai thác, sử dụng hiệu quả hơn nữa trang thiết bị phục vụ thực hành, thí nghiệm.

Nhận định

Đầu tư mua sắm bổ sung, thay thế các loại máy móc, thiết bị mới phù hợp với chương trình đào tạo và nhu cầu học tập, nghiên cứu của nhà trường chưa đồng bộ, còn thiếu trang thiết bị phục vụ đào tạo một số ngành nghề.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 10, tiêu chí 5: 0 điểm – Chưa Đạt

Tiêu chuẩn 11: Thiết bị đào tạo có hồ sơ quản lý rõ ràng, được sử dụng đúng công năng, quản lý, bảo trì, bảo dưỡng theo quy định của trường và sản xuất; hàng năm đánh giá và đề xuất biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng theo quy định.

Mô tả

Hệ thống quản lý trang thiết bị tại trường được thực hiện theo quy định quản lý và sử dụng tài sản công, trong đó quy định rõ phân loại tài sản, quy mô tài sản, quy trình quản lý tài sản từ khi đề xuất mua bán, giao nhận, sử dụng thanh lý thu hồi. Các đơn vị thực hiện việc thu nhận và cấp phát vật tư, hàng hóa có sổ theo dõi, giám sát của cán bộ phụ trách, khi xuất thiết bị vật tư thực hành đều có sổ theo dõi quản lý. Hàng năm nhà trường đều có tiến hành tổng kiểm kê tài sản, trang thiết bị, đánh giá phân loại và thanh lý những thiết bị cũ hỏng. Lập kế hoạch mua sắm thiết bị đồ dùng bổ sung [5.11.01; 5.3.02; 5.11.02].

Phân tích

Các thiết bị được sử dụng đúng công năng có cán bộ quản lý thường xuyên kiểm tra, vệ sinh các thiết bị sau mỗi giờ thực hành. Các thiết bị thường xuyên được kiểm tra, bảo dưỡng, sửa chữa hoặc nâng cấp nhằm đảm bảo tốt nhất các điều kiện phục vụ công tác đào tạo và các hoạt động khác trong nhà trường [5.11.03; 5.9.04].

Nhận định

Nhà trường có hệ thống quản lý việc cấp phát, thu nhận trang thiết bị hàng hóa, vật liệu đúng quy định, thiết bị hàng hóa được bảo quản tốt.

Nhà trường đảm bảo đủ chủng loại các thiết bị dạy nghề và các thiết bị dạy nghề chính đảm bảo chất lượng, công năng và thông số kỹ thuật. Được bảo dưỡng theo định kì.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 11, tiêu chí 5: 1 điểm – Đạt

Tiêu chuẩn 12: Trường có định mức tiêu hao vật tư hoặc định mức kinh tế - kỹ thuật trong đào tạo và có quy định về quản lý, cấp phát, sử dụng vật tư, phục vụ đào tạo; tổ chức thực hiện theo quy định đảm bảo kịp thời, đáp ứng kế hoạch và tiến độ đào tạo; vật tư được bố trí sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp thuận tiện cho việc bảo quản và sử dụng.

Mô tả

Trong năm học 2018 – 2019, Nhà trường có kế hoạch và đã tiến hành lập văn bản quy định về định mức tiêu hao vật tư hoặc định mức kinh tế - kỹ thuật trong đào tạo và có quy định về quản lý, cấp phát, sử dụng vật tư, phục vụ đào tạo nhưng chưa có sản phẩm.

Phân tích

Việc xác định số lượng, khối lượng vật tư phục vụ đào tạo hàng năm được nêu ra trong Kế hoạch hoạt động năm học của các đơn vị Khoa – Phòng và được phê duyệt của Lãnh đạo trường.

Nhận định

quy định về quản lý, cấp phát, sử dụng vật tư, phục vụ đào tạo nhưng chưa có sản phẩm.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 12, tiêu chí 5: 0 điểm – Chưa Đạt

Tiêu chuẩn 13: Thư viện bao gồm phòng đọc, phòng lưu trữ đảm bảo theo tiêu chuẩn thiết kế. Thư viện có đủ chương tình, giáo trình đã được Nhà trường phê duyệt, mỗi loại giáo trình đảm bảo tối thiểu 05 bản in.

Mô tả

Thư viện trường có tổng diện tích 845 m² bao gồm 02 phòng đọc (cơ sở 01 – và cơ sở 04), 01 phòng lưu trữ (với 11088 tên sách, 83.350 bản sách), 01 Phòng truy cập internet miễn phí. So với năm học 2017- 2018, số lượng phòng đọc của thư viện tăng lên 01 phòng, do sáp nhập với Trường Trung cấp Văn hóa – Nghệ thuật và Trường Trung cấp Y tế [5.13.01].

Thư viện hàng năm đều tiếp nhận danh mục tài liệu học tập dựa trên Chương trình đã được Nhà trường phê duyệt các chuyên ngành để lập kế hoạch bổ sung; tiếp nhận sách tặng từ các cá nhân và tổ chức, cũng như tài liệu nghiên cứu khoa học, giáo trình, báo cáo tốt nghiệp, sáng kiến kinh nghiệm... được chuyển giao từ Phòng Nghiên cứu khoa học và Hợp tác quốc tế, từ các Khoa chuyên môn.

Chủ động bổ sung sách dựa trên các chương trình đào tạo đã được Nhà trường phê duyệt và nhu cầu thực tế tại thư viện để đảm bảo đáp ứng nhu cầu của bạn đọc.

Danh mục giáo trình trong các chương trình đào tạo cập nhật mới theo từng năm, có nhiều giáo trình đã không còn xuất bản hoặc là tài liệu trực tuyến nên không thể bổ sung.

Các chuyên ngành đào tạo của Trường đa dạng, kinh phí có hạn, bên cạnh sách chuyên ngành phải đảm bảo xây dựng tủ sách Đảng, Pháp luật, và Báo Tạp chí. Nên mỗi năm, thư viện chỉ tập trung bổ sung cho một số chuyên ngành nhất định. VD: 2017 tập trung bổ sung sách cho Khoa Kinh tế, 2018 Khoa Sư phạm, 2019 Khoa Y Dược [5.13.02].

Những cuốn sách mới bổ sung tuy số lượng không nhiều, nhưng kết hợp với những đầu sách đang có tại thư viện, vẫn đảm bảo đủ tài liệu phục vụ hoạt động giảng dạy và học tập tại Trường [5.13.03].

Phân tích

Các chuyên ngành đào tạo của Trường đa dạng, kinh phí có hạn, bên cạnh sách chuyên ngành phải đảm bảo xây dựng tủ sách Đảng, Pháp luật, và Báo Tạp chí.

Nhận định

Những cuốn sách mới bổ sung tuy số lượng không nhiều, nhưng kết hợp với những đầu sách đang có tại thư viện, vẫn đảm bảo đủ tài liệu phục vụ hoạt động giảng dạy và học tập tại Trường

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 13, tiêu chí 5: 0 điểm – Chưa Đạt

Tiêu chuẩn 14: Tổ chức hoạt động, hình thức phục vụ của thư viện trường phù hợp với nhu cầu tra cứu của cán bộ quản lý, nhà giáo và người học

Mô tả

Thư viện có bảng niêm yết thời gian hoạt động, nội quy và hướng dẫn tra cứu rõ ràng. Tổ chức thành 2 kho mở, 1 kho đóng, 1 phòng truy cập internet miễn phí, tạo điều kiện thuận lợi cho cán bộ, giáo viên, và sinh viên nhà trường sử dụng các dịch vụ thư viện [5.14.01].

Tổng số bạn đọc đến thư viện:

Năm học	Tổng số bạn đọc đến thư viện	Tổng số đầu sách mượn về
2016-2017	117	286
2017-2018	107	356

2018-2019	169	475
-----------	-----	-----

Phân tích

Thái độ phục vụ của nhân viên thư viện luôn nhiệt tình, chủ động giới thiệu thêm tài liệu và thu thập ý kiến của người đọc.

Nhận định

Thư viện phân tán ở 2 cơ sở, với diện tích rộng 845m² với khối lượng sách lớn (11.088 tên sách, 83.350 bản sách), trong đó số lượng nhân viên thư viện ít, với 2 chuyên viên và 2 giảng viên hỗ trợ, phục vụ 02 phòng đọc (cơ sở 1 và cơ sở 2), 01 kho sách và 01 phòng truy cập internet, nên tốc độ phục vụ, thời gian sử lý sách còn chậm.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 14, tiêu chí 5: 1 điểm – Đạt

***Tiêu chuẩn 15:** Trường có thư viện điện tử, có phòng máy tính đáp ứng nhu cầu tra cứu, truy cập thông tin của nhà giáo và người học; các giáo trình, tài liệu tham khảo của nhà trường được số hóa và tích hợp với thư viện điện tử phục vụ hiệu quả cho hoạt động đào tạo.*

Mô tả

Trường có thư viện điện tử, có phòng máy tính đáp ứng nhu cầu tra cứu, truy cập thông tin của nhà giáo và người học; các giáo trình, tài liệu tham khảo của trường được số hóa và tích hợp với thư viện điện tử phục vụ cho hoạt động đào tạo.

Từ năm học 2016- 2017, phòng truy cập Internet được trang bị 15 máy tính. Số lượng bạn đọc đăng ký sử dụng phòng truy cập Internet giảm so với những năm trước, số lượng cụ thể như sau:

Năm học 2016-2017: 257 lượt

Năm học 2017-2018: 93 lượt

Năm học 2018-2019: 68 lượt

Thư viện đã số hóa 657 tài liệu, vẫn đang tiến hành chỉnh sửa file để đưa vào phục vụ. Đã biên mục 7498 biểu ghi, tăng hơn 1000 biểu ghi so với năm học trước đó. Website thư viện hoạt động ổn định, trung bình mỗi tháng có hơn 100 lượt truy cập. [5.15.01].

Nhà trường quan tâm đầu tư và trang bị các máy móc thiết bị hiện đại giúp thư viện có thể hoạt động tốt.

Cán bộ thư viện hầu hết đều không được đào tạo chuyên môn về công nghệ máy tính và hệ thống mạng, tuy nhiên trong quá trình làm việc, cán bộ thư viện chủ động tìm hiểu, học hỏi để khai thác tốt các thiết bị công nghệ.

Phân tích

Trong năm học 2018-2019, thư viện gặp sự cố máy chủ, tê liệt toàn bộ hệ thống, thư viện chuyển sang sử dụng máy chủ ảo, mất 03 tháng để cài đặt, khôi phục và thử nghiệm cũng như làm quen với hệ thống, dẫn đến trong năm học này không tiến hành số hóa thêm tài liệu, số lượng thực tế số hóa là 06 tài liệu, chủ yếu phục vụ nhu cầu thử nghiệm hệ thống.

Nhận định

Việc khai thác các thiết bị công nghệ còn hạn chế, vì số lượng các thiết bị nhiều, vận hành phức tạp, nhưng đội ngũ cán bộ thư viện ít, không thể khai thác hết các chức năng của phần mềm và thiết bị.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 15, tiêu chí 5: 1 điểm – Đạt

3.2.6. Tiêu chí 6 – Nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và hợp tác quốc tế

Mở đầu

- *Nội dung tiêu chuẩn:* Trọng tâm của các tiêu chuẩn trong Tiêu chí 6 là đánh giá kết quả tham gia NCKH, SKKN của CB-GV thực hiện các đề tài cấp trường trở lên phục vụ thiết thực công tác đào tạo, quản lý giáo dục của trường, được ứng dụng thực tiễn. Bao gồm cả việc CB-GV thực hiện luận văn Thạc sĩ, luận án Tiến sĩ, các bài nghiên cứu đăng trên các báo trung ương và địa phương, việc tổ chức các hội nghị chuyên đề, thông tin khoa học gắn với chuyên môn giảng dạy hoặc tự làm thiết bị, mô hình dạy học. Đồng thời, Nhà trường có liên kết đào tạo, triển khai các hoạt động hợp tác với các trường nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế; các hoạt động QHQT góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của trường.

- *Minh chứng:* bao gồm các Văn bản của trường quy định chính sách khuyến khích cán bộ quản lý, nhà giáo và nhân viên tham gia NCKH, SKKN thể hiện trong: Quy chế chi tiêu nội bộ, các Văn bản/tài liệu thể hiện các biện pháp, kết quả đã thực hiện khuyến khích cán bộ quản lý, nhà giáo và nhân viên tham gia NCKH, SKKN, các sản phẩm Luận văn thạc sĩ, tiến sĩ; Các báo cáo, biên bản tổ chức hội nghị chuyên đề nghiên cứu, thông tin khoa học và ý kiến của cán bộ quản lý, nhà giáo, nhân viên

Việc thực hiện hoạt động NCKH, SKKN thể hiện trong: Hồ sơ thuyết minh, sản phẩm sau nghiệm thu các đề tài NCKH, SKKN; Kết quả đánh giá đề tài (quyết định, giấy chứng nhận, giải thưởng,...). Văn bản các bài báo, ấn phẩm của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động.

Hoạt động hợp tác quốc tế của Trường thể hiện tại các văn bản các hợp đồng, thỏa thuận, biên bản ghi nhớ, hình ảnh, tài liệu...phản ánh việc liên kết đào tạo, triển khai hợp tác với các trường nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế.

Những điểm mạnh

- Nhà trường có chủ trương và tạo điều kiện cho CBGV, nhân viên và người học tham gia NCKH và phát huy sáng kiến, tìm kiếm ý tưởng, phát huy năng lực sáng tạo; Quan tâm đầu tư kinh phí dành cho NCKH, phát triển công nghệ trong khả năng nguồn thu của nhà trường; có chính sách khen thưởng, khuyến khích CBGV, SV tham gia NCKH. Đội ngũ CBGV được phổ biến về Quy định về nhiệm vụ NCKH, có nhiều đề tài mang tính ứng dụng trực tiếp phục vụ giảng dạy theo chuyên ngành, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo; đã hình thành các nhóm nghiên cứu thiết kế, ứng dụng đồ dùng dạy học tự làm.

- Các đề tài NCKH, SKKN thiết thực góp phần vào việc thực hiện đổi mới phương thức đào tạo, PPDH của Trường và được ứng dụng vào việc nâng cao chất lượng dạy học và quản lý của nhà trường, tạo bước chuyển biến rõ nét từ mô hình giáo dục chuyên nghiệp sang giáo dục nghề nghiệp.

- Nhiều CBGD tâm huyết, tích cực tham dự các hội thảo khoa học do các trường đại học, học viện tổ chức, thường xuyên viết bài báo khoa học đăng trên tạp chí chuyên ngành, làm cơ sở điều kiện học nâng cao trình độ Tiến sĩ, Thạc sĩ.

- Có nhiều hoạt động kết, triển khai các hoạt động hợp tác với các trường nước ngoài và các tổ chức quốc tế về đào tạo, NCKH.

Những tồn tại

- Nguồn kinh phí cho hoạt động NCKH, QHQT còn thấp, chưa ổn định, do phụ thuộc vào nguồn thu từ học phí, số lượng tuyển sinh giảm ảnh hưởng đến mức chi cho hoạt động NCKH; các đề tài ứng dụng còn hạn hẹp, nên qui mô, mức độ, hiệu quả đề tài còn giới hạn ở phạm vi trong trường. Số đề tài áp dụng khoa học kỹ thuật, công nghệ vào thực tiễn để đem lại hiệu quả kinh tế cụ thể còn ít.

- Kế hoạch NCKH của nhà trường chưa được phê duyệt từ đầu năm, ảnh hưởng đến công tác triển khai và quyết toán kinh phí cuối năm học.

- Vẫn còn đơn vị tỷ lệ giáo viên đăng ký thực hiện đề tài NCKH chưa cao; chưa có đề tài cấp tỉnh trở lên, việc tổ chức hội nghị thông tin khoa học còn lúng túng.

- Chưa có khảo sát, tổng kết, đánh giá hiệu quả việc ứng dụng các đề tài NCKH vào việc nâng cao chất lượng dạy học và đổi mới quản lý giáo dục.

- Số lượng CBGV viết sách, giáo trình và bài báo khoa học được đăng tải trên các tạp chí chuyên ngành còn chưa nhiều, chưa đồng đều giữa các đơn vị khoa, tầm ảnh hưởng của CBGD trong giới học thuật và cộng đồng còn hạn chế.

- Nhà trường chưa có những hội thảo chuyên đề về loại hình nghiên cứu ứng dụng. Một số CBGV còn lúng túng trong phương pháp dạy thực hành, tích hợp, có sử dụng thiết bị hiện đại.

- Chưa có cơ chế cụ thể cho hoạt động QHQT vốn rất năng động, chưa có các giải pháp và bước đi thích hợp phát huy tối đa nguồn lực bên trong tạo động lực huy động nguồn lực bên ngoài giúp công tác QHQT có hiệu quả.

Kế hoạch nâng cao chất lượng

- Nhà trường tiếp tục cải tiến chính sách khuyến khích CBGV, SV tham gia NCKH và ứng dụng kết quả NCKH, SKKN vào thực tiễn công tác, giảng dạy, học tập. Tập trung đăng ký thực hiện đề tài có tính ứng dụng cao, nhất là nghiên cứu nâng cao chất lượng đào tạo các nghề trọng điểm.

- Nâng cao chất lượng các hình thức sinh hoạt chuyên đề, thông tin khoa học tại đơn vị khoa.

- Tạo điều kiện, khuyến khích CB-GV tham gia các hội thảo khoa học do các trường đại học, học viện tổ chức, từ đó tăng số lượng, chất lượng các bài báo khoa học đăng trên tạp chí, kỷ yếu khoa học.

- Tăng cường đầu tư thực hiện loại hình đề tài NCKH ứng dụng phục vụ cho việc đổi mới phương pháp dạy học, rèn luyện kỹ năng cho người học; chú trọng loại hình nghiên cứu sáng tạo, tự làm đồ dùng, thiết bị dạy học mới phù hợp thực tiễn nghề nghiệp từng chuyên ngành.

- Có kế hoạch tổ chức khảo sát, tổng kết, đánh giá hiệu quả việc áp dụng các đề tài NCKH, SKKN vào việc nâng cao chất lượng đào tạo và đổi mới quản lý giáo dục.

- Các đơn vị phòng, khoa chủ động liên hệ, hợp tác với cơ quan, doanh nghiệp, cơ sở giáo dục ký kết hợp đồng ứng dụng, chuyển giao công nghệ, thương mại hóa sản phẩm nghiên cứu của CBGD của đơn vị.

- Tiếp tục thực hiện mô hình liên kết với các Trung tâm, Liên hiệp hội KH-Kỹ thuật, Sở KH-CN địa phương giúp CBGV có điều kiện tiếp cận sâu hơn những chương trình KHCN trọng điểm để định hướng nội dung nghiên cứu và địa chỉ áp dụng.

- Tổ chức các chuyến đi thực tế trường bạn nhằm trao đổi kinh nghiệm về nghiên cứu ứng dụng, đồng thời kết nối đối tác có nhiều tiềm năng để hợp tác NCKH, chuyển giao công nghệ.

- Nâng cấp và khai thác có hiệu quả website của trường, nâng cao hiệu quả truyền thông, quảng bá công tác, NCKH, QHQT.

- Trường cần có lộ trình đầu tư cho bộ phận QHQT từ cơ chế hoạt động, nhân lực, cơ sở vật chất đáp ứng yêu cầu mở rộng quan hệ hợp tác với các cơ sở đào tạo, NCKH và các tổ chức quốc tế.

Điểm Đánh giá tiêu chí 6

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 6	4/5
Tiêu chuẩn 1:	1
Tiêu chuẩn 2	1
Tiêu chuẩn 3:	1
Tiêu chuẩn 4:	1
Tiêu chuẩn 5:	0

***Tiêu chuẩn 1:** Trường có chính sách và thực hiện các chính sách khuyến khích cán bộ quản lý, nhà giáo và nhân viên tham gia nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến và chuyển giao công nghệ nhằm nâng cao hiệu quả, chất lượng đào tạo.*

Mô tả

Để hoàn thành nhiệm vụ NCKH gắn với nâng cao chất lượng đào tạo khi chuyển dần sang thực hiện Luật Giáo dục nghề nghiệp, nhà trường có chủ trương và biện pháp đẩy mạnh hoạt động NCKH ngày càng đi vào chiều sâu chất lượng, đồng

thời tạo điều kiện thuận lợi cho CBGV, người học tham gia NCKH, tìm kiếm ý tưởng, phát huy sáng kiến, sáng tạo. Cụ thể như sau:

+ *Trường có quy định chính sách khuyến khích cán bộ quản lý, nhà giáo và nhân viên tham gia NCKH, sáng kiến cải tiến và chuyển giao công nghệ*

- Nhà trường căn cứ Luật Giáo dục nghề nghiệp và Điều lệ trường cao đẳng do Bộ LĐ-TB và XH ban hành, đã biên soạn mới và tổ chức thực hiện hệ quy định về công tác NCKH-QHQT đối với CBGD và sinh viên (SV). Qua đó, đã nâng cao nhận thức nhiệm vụ NCKH trong đội ngũ giảng viên và HS-SV [6.1.01]

- Trong năm học 2018-2019, nhà trường quan tâm xây dựng chương trình môn học Phương pháp NCKH và đưa môn học này vào chương trình đào tạo các ngành khối Cao đẳng. Qua đó, nâng cao năng lực tự học, tự nghiên cứu của SV, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo [6.1.02]. Có nhiều lớp SV năm 3 được trường sắp xếp học môn PP NCKH, cụ thể các lớp 16 CĐKT1, 16 CĐKT 2, 16 CĐQT... Riêng với SV thì ngoài phần kinh phí hỗ trợ NCKH, khen thưởng theo Quy định còn được cộng thêm điểm thưởng vào điểm rèn luyện toàn năm học theo Quy định công tác HS-SV [6.1.03].

- Tại Hội nghị CB-VC năm học 2018-2019, nhà trường đã có đánh giá công tác NCKH, SKKN trong CB-GV. Các đề tài đã góp phần nâng cao hiệu quả đổi mới PPDH, hiệu quả quản lý, ứng dụng kiến thức vào chuyên ngành đào tạo. Đội ngũ CB-GV được qui hoạch, tạo điều kiện đi học sau đại học. Trong năm học, có 21 GV đang học Cao học, 08 GV học Nghiên cứu sinh. Đến cuối năm học, tỷ lệ CB-GV có trình độ Thạc sĩ 101/238 người (tỷ lệ 42,44%); số CB-GV có trình độ Tiến sĩ 04/238 người (tỷ lệ 0,17%) [6.1.04]. Nét mới trong nhiệm vụ NCKH trong năm học 2018-2019 là bên cạnh phát huy thế mạnh các nhóm nghiên cứu chuyên ngành các khoa, chú trọng hướng nghiên cứu gắn với phong trào Đồng khởi Khởi nghiệp, Khởi nghiệp doanh nghiệp của tỉnh [6.1.05].

+ *Nhà trường có CB-GV thực hiện, hoàn thành luận văn Thạc sĩ, luận án Tiến sĩ*

- Nhà trường có chính sách và thông qua dự toán kinh phí hàng năm cho công tác đào tạo nguồn nhân lực trình độ Tiến sĩ, Thạc sĩ theo qui hoạch đào tạo, bồi dưỡng của tỉnh, của trường. Năm học 2018-2019, các mức hỗ trợ này được biểu quyết thông qua và thể hiện trong Qui chế chi tiêu nội bộ. Cụ thể, kinh phí từ ngân sách đào tạo

Thạc sĩ, Tiến sĩ là 350 triệu đồng, trợ cấp đào tạo Thạc sĩ, Tiến sĩ là 250 triệu đồng (**6.1.06**). Riêng năm 2019, nhà trường dự toán nguồn chi ngân sách cho công tác NCKH (chi khoán) với số tiền trên 241 triệu đồng và chi đào tạo Thạc sĩ, Tiến sĩ là 120 triệu đồng. Về nguồn kinh phí chi cho việc thực hiện các đề tài mức M1, M2, NCKH SV thực hiện theo dự toán trong Qui chế chi tiêu nội bộ (2 % nguồn thu từ học phí) và được thông qua tại Hội nghị thẩm định kinh phí đề tài M2 và đề tài của SV [**6.1.07**].

Trong Qui chế chi tiêu nội bộ được phê duyệt năm 2019, CB-VC đi học sau đại học theo qui hoạch nhà trường được hưởng các chế độ về tàu xe, học phí, sinh hoạt, tài liệu, tiền hoa bảo vệ Luận văn, tiền thưởng cho Luận văn đạt loại Giỏi, Xuất sắc... với mức chi, mục chi cụ thể phù hợp nguồn thu của nhà trường. Với đối tượng CB-VC học sau đại học bằng kinh phí tự túc được Trường hỗ trợ 08 triệu đối với người được cấp bằng Thạc sĩ và 15 triệu đồng đối với người được cấp bằng Tiến sĩ [**6.1.08**]. Đến cuối năm học 2018-2019, nhà trường đã đưa đi đào tạo và hoàn thành các luận án, luận văn của 03 Tiến sĩ, 22 Thạc sĩ [**6.1.09**].

+ *CB-GV tích cực tham gia thực hiện các đề tài NCKH cấp trường trở lên:*

- Trên cơ sở Hội đồng KH-ĐT định hướng nội dung, mức độ NCKH, trong năm học 2018-2019, các đề tài NCKH, SKKN của CBGV, SV trường hoàn thành đúng kế hoạch, tiến độ đề ra. Đa số các đề tài thuộc cấp cơ sở (cấp trường) tập trung đổi mới phương pháp dạy học, viết tài liệu giảng dạy, biên soạn Ngân hàng Câu hỏi thi, cải tiến công tác quản lý đào tạo, thư viện, phát triển ngành đào tạo trọng điểm, thu chi tài chính.... Công tác hướng dẫn SV tập dượt NCKH được quan tâm, có nét đổi mới gắn NCKH và tư vấn khởi nghiệp, trên cơ sở thành lập mới Trung tâm Quan hệ Doanh nghiệp- Hỗ trợ HS-SV. Thống kê cụ thể [**6.1.10**]:

+ Đề tài NCKH mức M1 của CB-GV: 16

+ Đề tài NCKH mức M2 của CB-GV: 4

+ Biên soạn Ngân hàng Câu hỏi thi của CB-GV: 16

+ SKKN của CB-GV: 04

+ Đề tài NCKH của SV: 06

+ Tập huấn NCKH, tư vấn khởi nghiệp HS-SV: 365 lượt HS-SV.

- Nhà trường kịp thời phổ biến các thông báo của Sở KH-CN tỉnh về đăng ký đề tài, dự án cấp tỉnh, cấp cơ sở năm 2019, kèm theo định hướng nội dung và các biểu

mẫu; vận động CB-GV, các nhóm nghiên cứu theo chuyên ngành đăng ký tham gia. Qua đó, có 03 nhóm tác giả đăng ký đề tài cấp cơ sở, gửi hồ sơ về Sở KH-CN tỉnh [6.1.11].

- Trong năm học, gắn với chủ trương của tỉnh, nhà trường kịp thời phổ biến các chỉ đạo của Tổng cục GDNN, UBND tỉnh về các phong trào tham gia hội thi Sáng tạo KHKT cấp tỉnh, hội thi sáng tạo thiết kế đồ dùng dạy học tự làm, góp phần phục vụ giảng dạy và nâng cao chất lượng đào tạo [6.1.12].

+ *Trường có hình thức tổ chức các chuyên đề khoa học gắn với chuyên môn giảng dạy*

Trong năm học, trên cơ sở định hướng của Hội đồng KH-ĐT, các khoa đã tiến hành tổ chức hội nghị thông tin khoa học theo các chuyên đề phù hợp với đặc thù chuyên ngành đào tạo. Nội dung sinh hoạt chuyên đề phong phú với hình thức linh hoạt như: báo cáo kết quả luận văn Tiến sĩ, Thạc sĩ của CBGV trong khoa, phổ biến các bài báo KH về chuyên ngành, đổi mới PPDH, kinh nghiệm đăng ký và thực hiện đề tài NCKH, biên soạn Tài liệu giảng dạy, Ngân hàng Câu hỏi thi, giới thiệu tài liệu khoa học mới có trong thư viện trường...Đã có 5/8 khoa tổ chức 9 lượt (học kỳ I, học kỳ II) hội nghị thông tin KH có tính chất chuyên đề, góp phần nâng cao tính cập nhật thông tin KH, hỗ trợ nâng cao chất lượng đào tạo HS-SV các khoa [6.1.16].

+ *Trường có CB-GV tham gia phong trào tự làm thiết bị, mô hình dạy học*

Hưởng ứng phong trào Làm đồ dùng dạy học tự làm và Hội thi giáo viên giỏi của Tổng cục GDNN, nhà trường chỉ đạo phòng Đào tạo, phòng NCKH-QHQT lựa chọn đối ngũ giảng viên khoa Kỹ thuật- Công nghiệp nghiên cứu, thiết kế đồ dùng dạy học tự làm về ngành Điện- điện tử. Được nhà trường hỗ trợ kinh phí, 02 nhóm tác giả gồm 07 CBGV khoa Kỹ thuật- Công nghiệp đã thực hiện 02 sản phẩm dự thi “Bộ điều khiển thiết bị điện nâng cao” và “Mô hình thực hành Điện - Khí nén” do Sở LĐ- TB và XH tỉnh tổ chức. Kết quả 02 sản phẩm do CBGV khoa Kỹ thuật- Công nghiệp đạt giải Khuyến khích, được nhận Giấy khen của Ban tổ chức Hội thi và Giấy khen của nhà trường. Các sản phẩm đồ dùng dạy học tự làm trên là sự thể hiện năng lực sáng tạo, khai thác trang thiết bị, đồ dùng dạy học tự làm phục vụ giảng dạy, nhất là các ngành còn thiếu nhiều trang thiết bị thực hành cho HS-SV [6.1.17].

Phân tích

- Nhà trường có chủ trương và tạo điều kiện cho CBGV, nhân viên và người học tham gia NCKH và phát huy sáng kiến, tìm kiếm ý tưởng, phát huy năng lực sáng tạo.

- Quan tâm đầu tư kinh phí dành cho NCKH, phát triển công nghệ trong khả năng nguồn thu của nhà trường; có chính sách khen thưởng, khuyến khích CBGV, SV tham gia NCKH.

Nhận định

- Đội ngũ CBGV được phổ biến về Quy định về nhiệm vụ NCKH, có nhiều đề tài mang tính ứng dụng trực tiếp phục vụ giảng dạy theo chuyên ngành, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo; đã hình thành các nhóm nghiên cứu thiết kế, ứng dụng đồ dùng dạy học tự làm.

- Nguồn kinh phí cho hoạt động NCKH còn thấp, chưa ổn định, do phụ thuộc vào nguồn thu từ học phí, số lượng tuyển sinh giảm ảnh hưởng đến mức chi cho hoạt động NCKH.

- Một số đơn vị khoa (khoa KTCN, khoa VH-NT và DL) còn lúng túng trong tổ chức hội nghị thông tin khoa học theo chuyên đề gắn với chuyên ngành đào tạo.

- Kế hoạch NCKH của nhà trường chưa được phê duyệt từ đầu năm, ảnh hưởng đến công tác triển khai và quyết toán kinh phí cuối năm học.

- Vẫn còn đơn vị khoa (khoa Y Dược) chưa triển khai đầy đủ các qui định, qui chế về nhiệm vụ NCKH của giảng viên, giáo viên, do vậy tỷ lệ giáo viên đăng ký thực hiện đề tài NCKH chưa cao; chưa có đề tài cấp tỉnh trở lên.

Điểm tự đánh giá Tiêu chuẩn 1- Tiêu chí 6: 1 điểm – Đạt

Tiêu chuẩn 2: Trường có đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến từ cấp trường trở lên phục vụ thiết thực công tác đào tạo của trường

Mô tả

+ Nhà trường có hồ sơ thuyết minh các đề tài NCKH, sáng kiến cải tiến

- Trên cơ sở định hướng công tác NCKH, SKKN từ đầu năm học, các khoa đăng ký đề tài và triển khai, tổ chức các hội đồng thông qua Thuyết minh đề tài theo quyết định của Ban Giám hiệu. Hồ sơ và kết quả làm việc của hội đồng được lưu tại phòng NCKH-QHQT, có phân công CB-VC phụ trách công việc này [6.2.01].

- Sau khi các hội đồng thông qua Thuyết minh đề tài, nhà trường ban hành quyết định công nhận danh mục các đề tài của CBGV, SV làm căn cứ triển khai theo

kế hoạch của tác giả, nhóm tác giả và làm cơ sở thẩm định kinh phí cho các đề tài mức M 2 của CBGV và đề tài của SV [6.2.02].

+ Công bố kết quả đánh giá đề tài (quyết định, giấy chứng nhận..)

- Nhà trường có thống kê, ban hành quyết định và triển khai ứng dụng các đề tài NCKH, SKKN đã được nghiệm thu trong năm học. Các quyết định được công bố trên Website, I-Office của nhà trường, phổ biến đến từng khoa, phòng, CB-VC. Kết quả cụ thể [6.1.10]:

+ Đề tài NCKH mức M1 của CB-GV: 16 (Xuất sắc 1/16, tỷ lệ 6,25 %; Giỏi 6/16, tỷ lệ 37,50 %; Khá 9/16, tỷ lệ 56,25 %).

+ Đề tài NCKH mức M2 của CB-GV: 4 (Giỏi 3/4, tỷ lệ 75%; Khá 1/4, tỷ lệ 25%).

+ Biên soạn Ngân hàng Câu hỏi thi của CB-GV: 16 (Đạt 16/16, tỷ lệ 100 %).

+ SKKN của CB-GV: 04 (Đạt 4/4, tỷ lệ 100 %).

+ Đề tài NCKH của SV: 06 (Giỏi 4/6, tỷ lệ 66,67%; Khá 2/6, tỷ lệ 33,33 %).

2.2.3. Các đề tài NCKH, sáng kiến cải tiến được ứng dụng trong công tác quản lý, nâng cao chất lượng đào tạo

- Qua đánh giá của các hội đồng nghiệm thu đề tài, xét duyệt SKKN, các đề tài của CBGV, SV nhà trường gắn với đổi mới PPDH, nâng cao hiệu quả quản lý chuyên môn, từ đó giá trị khoa học, giá trị thực tiễn từng bước được nâng cao, được ứng dụng vào việc nâng cao chất lượng đào tạo và quản lý trong quá trình thực hiện chương trình đào tạo mới tại trường theo định hướng Luật Giáo dục nghề nghiệp.

- Các đề tài sau khi nghiệm thu được bàn giao cho thư viện nhà trường lưu giữ và tiếp tục khai thác, vận dụng. Riêng hệ thống sản phẩm Ngân hàng Câu hỏi thi được bàn giao cho bộ phận Khảo thí- Đảm bảo chất lượng giáo dục của nhà trường để bảo quản theo chế độ mật và khai thác, lựa chọn, tổ hợp đề khi cần thiết phục vụ các kỳ thi trong năm học [6.2.03].

- Điểm mới trong hoạt động NCKH của Trường năm học 2018-2019 là thành lập Tổ công tác chuẩn bị cho quá trình tổng kết thực tiễn việc thực hiện Chiến lược phát triển Trường giai đoạn 2011-2015, tầm nhìn đến năm 2020 và Xây dựng Chiến lược phát triển Trường giai đoạn 2020-2025, tầm nhìn đến năm 2030. Trong đó có chiến lược phát triển khoa học công nghệ và hợp tác quốc tế về NCKH, đào tạo, du học, thực tập sinh, xuất khẩu lao động [6.2.04].

Phân tích

Các đề tài NCKH, SKKN triển khai theo đúng định hướng của Ban Giám hiệu, Hội đồng KH-ĐT, thiết thực góp phần vào việc thực hiện đổi mới phương thức đào tạo, PPDH của Trường và được ứng dụng vào việc nâng cao chất lượng dạy học và quản lý của nhà trường, tạo bước chuyển biến rõ nét từ mô hình giáo dục chuyên nghiệp sang giáo dục nghề nghiệp.

Hoạt động NCKH của trường tiếp cận các chương trình KHCN trọng điểm của tỉnh, được các sở, ngành quan tâm khai thác, sử dụng.

Nhận định

- Trường còn khó khăn, chưa có khảo sát, tổng kết, đánh giá hiệu quả việc ứng dụng các đề tài NCKH vào việc nâng cao chất lượng dạy học và đổi mới quản lý giáo dục.

- Số đề tài áp dụng khoa học kỹ thuật, công nghệ vào thực tiễn để đem lại hiệu quả kinh tế cụ thể còn ít; chưa có những hợp đồng ứng dụng, chuyển giao công nghệ sản phẩm nghiên cứu của CBGD đến các cơ quan, doanh nghiệp, cơ sở giáo dục khác.

Điểm tự đánh giá Tiêu chuẩn 2- tiêu chí 6: 1điểm – Đạt

Tiêu chuẩn 3: Hằng năm, trường có các bài báo, ấn phẩm của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động đăng trên các báo, tạp chí khoa học ở trong nước hoặc quốc tế.

Mô tả

+ *CB-GV nhà trường có bài nghiên cứu đăng trên các báo trung ương và địa phương*

Nhà trường kịp thời ban hành các thông báo [6.1.13] khuyến khích CB-GV tham gia viết bài báo khoa học tham gia hội thảo khoa học các trường đại học, cao đẳng và các hội thảo chuyên đề cấp tỉnh, cấp ngành tổ chức, từ đó tăng cường tính chất học thuật và góp phần làm phong phú các nội dung hội nghị thông tin khoa học, sinh hoạt chuyên đề tại các khoa chuyên ngành, tổ bộ môn. Trong năm học đã có 15 sản phẩm sáng tạo, bài báo khoa học của CB-GV đăng các tạp chí khoa học, được xét duyệt hoàn thành nhiệm vụ NCKH [6.1.14]. Trường phát huy vai trò, trí tuệ của viên chức quản lý các khoa, phòng trong việc tham gia viết bài phục vụ hội nghị, hội thảo chuyên đề của các ngành trong tỉnh, nhất là gắn với nội dung đổi mới đào tạo nghề tại địa phương [6.1.15].

+ Trường có hình thức tổ chức các chuyên đề khoa học gắn với chuyên môn giảng dạy

Trong năm học, trên cơ sở định hướng của Hội đồng KH-ĐT, các khoa đã tiến hành tổ chức hội nghị thông tin khoa học theo các chuyên đề phù hợp với đặc thù chuyên ngành đào tạo. Nội dung sinh hoạt chuyên đề phong phú với hình thức linh hoạt như: báo cáo kết quả luận văn Tiến sĩ, Thạc sĩ của CBGV trong khoa, phổ biến các bài báo KH về chuyên ngành, đổi mới PPDH, kinh nghiệm đăng ký và thực hiện đề tài NCKH, biên soạn Tài liệu giảng dạy, Ngân hàng Câu hỏi thi, giới thiệu tài liệu khoa học mới có trong thư viện trường...Đã có 5/8 khoa tổ chức 9 lượt (học kỳ I, học kỳ II) hội nghị thông tin KH có tính chất chuyên đề, góp phần nâng cao tính cập nhật thông tin KH, hỗ trợ nâng cao chất lượng đào tạo HS-SV các khoa [6.1.16].

Phân tích

- Nhà trường có đội ngũ cán bộ CBGV thực hiện tốt công tác NCKH, thường xuyên bồi dưỡng nâng cao trình độ. CBGV nhiệt tình, nhiều kinh nghiệm trong hoạt động chuyên môn và thực tiễn dạy học, làm nòng cốt, cố vấn ở các tổ chuyên môn.

- Nhiều CBGD tâm huyết, tích cực tham dự các hội thảo khoa học do các trường đại học, học viện tổ chức, thường xuyên viết bài báo KH đăng trên tạp chí chuyên ngành, làm cơ sở điều kiện học nâng cao trình độ Tiến sĩ, Thạc sĩ.

Nhận định

- Số lượng CBGV viết sách, giáo trình và bài báo khoa học được đăng tải trên các tạp chí chuyên ngành còn chưa nhiều, chưa đồng đều giữa các đơn vị khoa, tầm ảnh hưởng của CBGD trong giới học thuật và cộng đồng còn hạn chế.

- Các đơn vị khoa, tổ bộ môn chưa tổng hợp đầy đủ về các tài liệu, tạp chí khoa học chuyên ngành, bài báo khoa học do CBGV trong đơn vị viết, số CBGV tham khảo tài liệu nghiên cứu tại thư viện trường chưa nhiều.

- Các đơn vị khoa, phòng chưa báo cáo kịp thời, đầy đủ số lượng CBGD của đơn vị có bài báo, tham luận KH và tham dự các hội thảo khoa học trong, ngoài nước.

Điểm tự đánh giá Tiêu chuẩn 3 - tiêu chí 6: 1 điểm – Đạt

Tiêu chuẩn 4: Các đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến của trường được ứng dụng thực tiễn

Mô tả

- Thực hiện phương châm chuyển đổi mô hình đào tạo theo Luật Giáo dục nghề nghiệp, các đề tài NCKH, SKKN trong năm học 2018-2019 chuyển hướng sang loại hình ứng dụng, giảm tính hàn lâm, lý thuyết, tăng tính ứng dụng, thực hành và hiệu quả thực tiễn quản lý giáo dục. trên cơ sở sản phẩm các đề tài và biên bản nghiệm thu các đề tài M1, M2 đã xác định, hầu hết các đề tài đã có thực nghiệm, áp dụng (bước 1) trong thực tế dạy học, công tác trong hoạt động của nhà trường [6.4.01].

- Nhà trường ban hành quyết định công nhận và triển khai ứng dụng (bước 2) các đề tài NCKH và SKKN đã nghiệm thu, từ đó khai thác giá trị đề tài trong các năm tiếp theo, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý giáo dục và nâng cao chất lượng đào tạo [6.4.02].

- Nổi bật về hiệu quả ứng dụng các đề tài NCKH trong năm học là hệ thống 04 đề tài loại hình làm đồ dùng dạy học của CBGV khoa Kỹ thuật – Công nghiệp về: Mô hình giảng dạy hệ thống báo nạp trên ô tô, Mô hình giảng dạy hệ thống chiếu sáng và tín hiệu trên ô tô, Chế tạo mô hình máy phay CNC Mini... [6.04.03]. Hệ thống 17 các Ngân hàng Câu hỏi thi của 6 khoa (Sư phạm, Nông-Lâm-Thủy sản, Ngoại ngữ-Tin học, Kỹ thuật-Công nghiệp, Kinh tế-Tài chính, Y Dược) sau khi được nghiệm thu, đã được Phòng Thanh tra- Khảo thí và ĐBCLGD bảo quản, khai thác để soạn đề thi các môn học cho các khoa theo tiến trình biên chế năm học [6.4.04].

Phân tích

- Các hoạt động NCKH gắn bó chặt chẽ hơn với mục tiêu đào tạo như: tổ chức hội thảo, hội nghị chuyên đề, đổi mới PPDH, ứng dụng thành tựu công nghệ thông tin trong dạy học, biên soạn Ngân hàng câu hỏi thi, viết tài liệu hướng dẫn SV tự học, tự nghiên cứu, ứng dụng SKKN về nâng cao hiệu quả quản lý giáo dục và chất lượng hoạt động các đoàn thể.

- Đã hình thành những nhóm nghiên cứu ứng dụng, nhất là khoa Kỹ thuật- Công nghiệp thiết kế các mô hình đồ dùng dạy học tự làm, có thể áp dụng ngay đối với nhiều môn học ngành Điện- Điện tử hiện tại còn thiếu nhiều thiết bị thực hành

Nhận định

- Nhà trường chưa có những hội thảo chuyên đề về loại hình nghiên cứu ứng dụng, do vậy một số CBGV còn lúng túng trong phương pháp dạy thực hành, tích hợp, có sử dụng thiết bị hiện đại.

- Nguồn kinh phí đầu tư cho các đề tài ứng dụng còn hạn hẹp, nên qui mô, mức độ, hiệu quả đề tài còn giới hạn ở phạm vi trong trường.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4, tiêu chí 6: 1 điểm – Đạt

Tiêu chuẩn 5: Nhà trường có liên kết đào tạo hoặc triển khai các hoạt động hợp tác với các trường nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế; các hoạt động QHQT góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của trường.

Mô tả

Trong điều kiện hạn chế của một trường Cao đẳng địa phương, với quy mô và nguồn lực rất hạn chế, nhất là nguồn tuyển sinh giảm nhiều năm liền, Trường Cao đẳng Bến Tre chưa xây dựng được các mối liên kết đào tạo và hợp tác với các trường nước ngoài, tổ chức quốc tế một cách hữu hiệu, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của trường. Đây là hạn chế lớn của trường thời gian qua so với các trường bạn trong khu vực. Song với sự cố gắng lớn, Trường Cao đẳng Bến Tre đã đạt được một số thành tựu bước đầu đáng khích lệ:

+ Nhà trường đã khảo sát, đánh giá và củng cố, xây dựng các mối quan hệ đối ngoại, trước hết là các sở ngành, tổ chức đoàn thể, doanh nghiệp có quan hệ với trường để gắn kết chặt chẽ công tác đào tạo với nhu cầu xã hội và bước đầu đã thiết lập mối quan hệ với các đối tác giàu tiềm năng thông qua tổ chức hội nghị tổng kết công tác QHQT năm 2018 [6.5.01].

+ Đặc biệt, từ tháng 7/2018, được sự đồng ý của UBND tỉnh, nhà trường đã tổ chức các cuộc làm việc, đàm phán xúc tiến quan hệ, ghi nhớ làm việc với các tổ chức như: Seed to Table (Nhật Bản) [6.5.02], Chương trình Fulbright tại Việt Nam (6.05.03), Trung tâm Giáo dục Hoa Kỳ, Tổng Lãnh sự quán Hoa Kỳ tại Tp Hồ Chí Minh (6.05.04), trường CĐ Kinh doanh Tổng hợp Matsue, Nhật Bản [6.5.05]; Cty JaViLink - Hội Hữu nghị Việt Nam – Nhật Bản vùng Kan Sai [6.5.06], Cty PM Works Việt Nam (6.05.07), Đại học Miyagi Nhật Bản [6.5.08]... Đoàn các nhà đầu tư tỉnh Aichi, Nhật Bản [6.5.09].

+ Được sự đồng ý của UBND tỉnh, tháng 9/2018, nhà trường đã tiếp và làm việc với đại diện Tổng lãnh sự quán Hoa Kỳ tại Tp Hồ Chí Minh, Trung tâm Giáo dục Hoa Kỳ. Tháng 1/2019, tiếp và làm việc với Tổ chức Sj Vietnam; ngày 16/01/2019 Trường đã được UBND tỉnh cho phép làm việc và ký Ghi nhớ hợp tác với Tổ chức Sj Vietnam (Pháp) [6.5.10] xúc tiến nguồn lực hỗ trợ dạy – học tiếng Anh trong quá trình

thực hiện Đề án Ngoại ngữ Quốc gia đáp ứng thực tiễn đào tạo của nhà trường và nhu cầu xã hội.

+ Ngoài ra, nhà trường đã trao đổi thông tin và làm việc thường xuyên Liên hiệp các Tổ chức Hữu nghị tỉnh Bến Tre nhằm xúc tiến cơ hội hợp tác, đầu tư với các đối tác nước ngoài. Qua đó, đã vận động Tổ chức Global Vision Hàn Quốc [6.5.11] tại Việt Nam tài trợ 3 suất học bổng dài hạn (đến khi ra trường) cho SV có hoàn cảnh khó khăn của khoa Sư phạm, hoạt động này đã thực hiện cho 1 khóa SV ra trường năm 2017 và tiếp tục đến 2019.

Tuy nhiên, hoạt động QHQT vẫn trong giai đoạn đầu hình thành và đầu tư, xúc tiến mức hạn chế trong điều kiện của trường Cao đẳng địa phương nên việc liên kết đào tạo và hợp tác quốc tế chưa có những đóng góp cụ thể góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của nhà trường.

Phân tích

- Có nhiều hoạt động kết nối thông qua nhiều đối tác trong nước để xây dựng các mối quan hệ, liên kết đào tạo, triển khai các hoạt động hợp tác với các trường nước ngoài và các tổ chức quốc tế như tiến hành các cuộc tiếp và làm việc với đối tác, tham dự các hội thảo, hội nghị, các lớp tập huấn có liên quan.

- Có CBGV là lực lượng nòng cốt tham gia các Hội Hữu nghị Việt – Hàn tỉnh, mở ra tiềm năng kết nối mạng lưới, huy động nguồn lực trong và ngoài nước, mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế trong đào tạo.

Nhận định

Chưa có cơ chế cụ thể cho hoạt động QHQT vốn rất năng động, chưa có các giải pháp và bước đi thích hợp phát huy tối đa nguồn lực bên trong tạo động lực huy động nguồn lực bên ngoài giúp công tác NCKH và QHQT có hiệu quả; từ đó có các hoạt động góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của trường.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5, tiêu chí 6: 0 điểm – Chưa Đạt

3.2.7. Tiêu chí 7- Quản lý tài chính

Mở đầu

Về tài chính, Trường Cao đẳng Bến Tre là đơn vị sự nghiệp có thu, tự bảo đảm một phần chi hoạt động thường xuyên, thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính theo tinh thần Nghị định số 43/2006/NĐ-CP, Thông tư số 71/2006/TT-BTC hướng dẫn thực hiện Nghị định số 43/2006/NĐ-CP, Thông tư số 113/2007/TT-BTC

sửa đổi bổ sung Thông tư số 71/2006/TT-BTC và Hướng dẫn số 4294/HD-STC ngày 30 tháng 12 năm 2006 của Sở Tài chính Bến Tre về việc thực hiện Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25 tháng 4 năm 2006 của Chính phủ qui định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập.

Toàn bộ nguồn thu, nội dung chi, Trường thống nhất quản lý và hạch toán theo quy định của Luật Kế toán số 88/2015/QH13 ngày 20/11/2015; Nghị định số 174/2016/NĐ-CP ngày 30/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật Kế toán; Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ Kế toán hành chính, sự nghiệp và các văn bản có liên quan.

Nhà trường thực hiện việc công khai tài chính theo Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ. Hình thức công khai được thực hiện đa dạng thông qua website, phần mềm Quản lý văn bản và điều hành VNPT-iOffice, trên bảng thông báo đặt tại phòng Kế hoạch tài chính và hàng năm thông qua Hội nghị Cán bộ viên chức để toàn đơn vị biết, tham gia và giám sát.

Những điểm mạnh

Việc thực hiện các chế độ và quy định về tài chính, kế toán trong năm theo nguyên tắc quản lý tập trung; cấp phát, thanh toán đúng mục đích, tiết kiệm chi có hiệu quả. Trong quá trình thực hiện luôn bám sát, chấp hành đúng dự toán đã được duyệt và thực hiện theo đúng những nội dung chi trong Quy chế chi tiêu nội bộ được thông qua tại Hội nghị cán bộ viên chức hàng năm.

Trường có quy định về quản lý, sử dụng, thanh quyết toán về tài chính theo quy định và công bố công khai.

Quản lý, sử dụng các nguồn thu từ hoạt động dịch vụ đào tạo; tham gia sản xuất, kinh doanh, dịch vụ đúng theo quy định

Thực hiện việc quản lý, sử dụng và thanh quyết toán đúng quy định.

Thực hiện công tác tự kiểm tra tài chính kế toán; thực hiện kiểm toán theo quy định; xử lý, khắc phục kịp thời các vấn đề còn vướng mắc trong việc thực hiện các quy định về quản lý và sử dụng tài chính khi có kết luận của các cơ quan có thẩm quyền; thực hiện công khai tài chính theo quy định.

Hằng năm, trường có đánh giá hiệu quả sử dụng nguồn tài chính của trường; có các biện pháp nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng tài chính nhằm nâng cao chất lượng các hoạt động của trường.

Những tồn tại

Năm 2018, công tác bàn giao tài chính của trường Trung cấp Y tế và Trung cấp Văn hoá Nghệ thuật còn nhiều khó khăn, vướng mắc nên công tác quyết toán của nhà trường với Sở Tài chính chưa thực hiện xong, báo cáo tài chính năm 2018 chưa được công bố công khai.

Kế hoạch nâng cao chất lượng

Khai thác nguồn kinh phí từ các đề tài, Dự án, chương trình hợp tác quốc tế và chuyển giao công nghệ gia tăng nguồn lực cho nhà trường.

Tăng cường công tác quản lý, khai thác thiết bị thực hiện liên doanh, liên kết đào tạo với thực tế sản xuất nhằm rèn luyện kỹ năng cho HSSV, nâng cao chất lượng đào tạo.

Trong các năm tiếp theo, Nhà trường giao quyền chủ động cho các Trung tâm, các Khoa thực hiện các biện pháp tích cực tăng nguồn thu hợp pháp cho trường.

Triển khai thực hiện quy chế quản lý, sử dụng tài sản công có hiệu lực từ 01/01/2020, trong đó thực hiện tốt các quy định về quản lý, lập và theo dõi hồ sơ tài sản, thiết bị dụng cụ; bảo dưỡng, sửa chữa trang thiết bị và báo cáo tình hình khai thác, sử dụng trang thiết bị của các đơn vị hàng năm.

Xây dựng các giải pháp khai thác, sử dụng hiệu quả hơn nữa trang thiết bị phục vụ thực hành, thí nghiệm.

Điểm đánh giá tiêu chí 7

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 7	6/6
Tiêu chuẩn 1	1
Tiêu chuẩn 2	1
Tiêu chuẩn 3	1

Tiêu chuẩn 4	1
Tiêu chuẩn 5	1
Tiêu chuẩn 6	1

Tiêu chuẩn 1: Trường có quy định về quản lý, sử dụng, thanh quyết toán về tài chính theo quy định và công bố công khai.

Mô tả

Tài chính và quản lý tài chính của Trường thực hiện theo Điều lệ trường Cao đẳng ban hành theo Thông tư số 46/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Bộ Lao động Thương binh và xã hội. Trường chịu sự kiểm soát của Kho bạc Nhà nước và cơ quan quản lý tài chính cấp trên (Sở Tài chính) và các cơ quan Thanh tra, Kiểm toán theo quy định [7.1.01].

Trường vận dụng hệ thống văn bản tài chính [7.1.02] để xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ và hàng năm được bổ sung, điều chỉnh phù hợp với tình hình thực tế. Quy chế chi tiêu nội bộ được thảo luận, góp ý tại các đơn vị Phòng, Khoa và được biểu quyết thông qua tại Hội nghị Cán bộ viên chức của trường theo từng năm học trước khi ban hành. Đây là cơ sở và là căn cứ trong việc quản lý và chi tiêu tài chính trong đơn vị.

Trường Cao đẳng Bến Tre thực hiện công khai tài chính theo Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ [7.1.03].

Hình thức công khai: Công khai trên website của nhà trường; Gửi văn bản công khai đến viên chức Lãnh đạo các phòng, khoa qua hệ thống nhận và gửi văn bản ioffice; Dán tại phòng Kế hoạch tài chính, Trường Cao đẳng Bến Tre

Trường Cao đẳng Bến Tre tổ chức Hội nghị cán bộ viên chức năm 2017 ngày 04/11/2017 [7.1.04] và Hội nghị cán bộ viên chức năm 2018 ngày 30/11/2018 [7.1.05].

Hội nghị năm 2017 đã biểu quyết thông qua và ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2018 [7.1.06].

Trong năm, nhà trường có 02 lần điều chỉnh Quy chế cho phù hợp với tình hình thực tế. Ngày 21/3/2018 điều chỉnh Quy chế chi tiêu nội lần thứ 1 năm 2018 [7.1.07]. Ngày 03/10/2018, nhà trường tiếp tục điều chỉnh Quy chế chi tiêu nội bộ lần thứ 2 sau khi có Quyết định sáp nhập trường Trung cấp Văn hoá nghệ thuật và Trường Trung cấp Y tế vào trường Cao đẳng Bến Tre [7.1.08].

Hội nghị năm 2018 đã biểu quyết thông qua và ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2019 [7.1.09], là cơ sở trong việc quản lý và chi tiêu tài chính trong toàn trường.

Phân tích

Trong năm 2018, nhà trường thực hiện công khai tài chính theo các nội dung: Công khai số liệu dự toán thu, chi ngân sách nhà nước [7.1.10], công khai số liệu xét duyệt quyết toán ngân sách nhà nước [7.1.11].

Nhận định

Nhìn chung, Trường Cao đẳng Bến Tre đã thực hiện tốt việc ban hành các quy định về quản lý, sử dụng, thanh quyết toán về tài chính và công bố công khai.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1, tiêu chí 7: 1 điểm – Đạt

Tiêu chuẩn 2: Quản lý, sử dụng các nguồn thu từ hoạt động dịch vụ đào tạo; tham gia sản xuất, kinh doanh, dịch vụ đúng theo quy định

Mô tả

Nguồn thu của trường bao gồm:

- Nguồn Ngân sách Nhà nước cấp
- + Kinh phí hoạt động thường xuyên;
- + Kinh phí thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học (cấp Nhà nước, cấp bộ, cấp ngành, chương trình mục tiêu và các nhiệm vụ đột xuất khác được cấp có thẩm quyền giao) (nếu có);
- + Kinh phí cấp để thực hiện tinh giảm biên chế theo chế độ do Nhà nước quy định đối với số lao động trong biên chế thuộc diện tinh giảm, nghỉ hưu theo Nghị định 108/2014/NĐ-CP ngày 20 tháng 11 năm 2014 của Chính phủ;
- Vốn đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị phục vụ hoạt động sự nghiệp (nếu có);
- Kinh phí cấp bù học phí theo Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục

thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015 – 2016 đến năm học 2020 – 2021.

- *Nguồn thu sự nghiệp của đơn vị:*

- Thu từ học phí, lệ phí: Thu học phí các lớp chính qui và vừa làm, vừa học; các lớp đào tạo nghề; thu từ các trung tâm trực thuộc; các lớp ngắn hạn; các khoản lệ phí tuyển sinh, xét tuyển theo quy định, lệ phí học lại, thi lại học phần, lệ phí thi tốt nghiệp, lệ phí xét tốt nghiệp cao đẳng theo học chế tín chỉ, lệ phí chấm phúc khảo, lệ phí văn bằng chứng chỉ;

- Thu sự nghiệp khác: Thu từ nguồn học phí, lệ phí liên kết đào tạo được để lại theo quy định ghi trong hợp đồng;

- Thu khác: Thu từ các khoản cho thuê căn tin, đấu thầu bãi giữ xe; thu cho thuê mặt bằng, kiốt sinh viên; thu từ bán dừa, cây, thanh lý tài sản; cho thuê hội trường (nếu có), tiền lãi ngân hàng; thu tiền huê hồng trong các dịch vụ và tiền tài trợ từ các tổ chức, cá nhân doanh nghiệp có quan hệ đối tác với nhà trường; cho thuê lễ phục, vở bằng, thu từ hoạt động các trung tâm phục vụ sinh viên; hoa hồng bảo hiểm y tế, bảo hiểm tai nạn của HSSV và CBVC, phí nội trú HSSV, phí giữ xe...

Nhà trường bám sát quy chế chi tiêu nội bộ đã được ban hành, kịp thời bổ sung, điều chỉnh để kiểm soát các mục chi đảm bảo đúng quy định.

Báo cáo chi tiết nguồn thu qua các năm như sau:

- Báo cáo chi tiết nguồn thu sự nghiệp: [7.2.01]

+ Năm 2016: 8.432.048.711 đồng;

+ Năm 2017: 8.560.390.543 đồng;

+ Năm 2018: 10.580.177.400 đồng.

- Báo cáo chi tiết thu hoạt động sản xuất, dịch vụ: [7.2.02]

+ Năm 2016: 3.012.736.650 đồng;

+ Năm 2017: 3.175.193.354 đồng;

+ Năm 2018: 2.178.074.377 đồng.

Sau khi hoàn thành các hồ sơ, sổ sách theo quy định, trường có báo cáo tình hình hoạt động tài chính đến Sở tài chính vào thời điểm quyết toán năm [7.2.03].

Việc quản lý, sử dụng các nguồn thu từ hoạt động đào tạo, sản xuất kinh doanh, dịch vụ đảm bảo tiêu chuẩn đề ra.

Việc thực hiện Quy chế chi tiêu nội bộ được nhà trường kiểm tra và có báo cáo kết quả thanh tra [7.2.04].

Phân tích

Công tác quản lý tài chính từ hoạt động đào tạo, sản xuất kinh doanh, dịch vụ được Trường Cao đẳng Bến Tre thực hiện đúng quy định.

Nhận định

Trong những năm qua, Trường Cao đẳng Bến Tre đã quản lý, sử dụng các nguồn thu từ hoạt động đào tạo, sản xuất kinh doanh, dịch vụ chặt chẽ, đúng quy định.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2, tiêu chí 7: 01 điểm

Tiêu chuẩn 3: Trường có các nguồn lực về tài chính đảm bảo đủ kinh phí phục vụ các hoạt động của trường.

Mô tả

Trường Cao đẳng Bến Tre là đơn vị sự nghiệp có thu, đảm bảo một phần kinh phí chi thường xuyên. Hàng năm, nhà trường trích 40% từ nguồn thu để làm nguồn cải cách tiền lương.

Thực hiện dự toán kinh phí được duyệt hàng năm và bám sát quy chế chi tiêu nội bộ, Trường thực hiện việc phân bổ kinh phí cho các hoạt động trọng yếu của trường, tập trung vào các mục chi lương và các khoản đóng góp theo lương cho cán bộ, viên chức và người lao động; chi phí quản lý, nghiệp vụ chuyên môn, các dịch vụ công cộng...[7.3.01].

Nhìn chung nguồn tài chính của trường đáp ứng đủ yêu cầu cần thiết cho công tác đào tạo, mua sắm các trang thiết bị cần thiết phục vụ chuyên môn và sửa chữa nhỏ cơ sở vật chất. Báo cáo kết quả hoạt động năm 2018, trường có thặng dư trong năm là: 2.078.610.182 đồng [7.2.03].

Việc thực hiện Quy chế chi tiêu nội bộ được nhà trường kiểm tra và có báo cáo kết quả thanh tra. [7.2.04]

Phân tích

Ngân sách Nhà nước đảm bảo một phần chi phí hoạt động của nhà trường. Nguồn thu học chủ yếu của Trường là học phí, lệ phí các lớp Trung cấp; Cao đẳng hệ chính quy, Cao đẳng hệ Vừa làm vừa học. Ngoài ra, để tăng nguồn thu, nhà trường đã tích cực trong việc Liên kết đào tạo đại học, sau đại học với các trường Đại học ngoài

tính, các lớp bồi dưỡng ngắn hạn, dạy lái xe mô tô, ô tô, các dịch vụ giữ xe, căn tin, ký túc xá, cho thuê hội trường, phòng học...

Nhận định

Hàng năm, căn cứ vào Quy mô đào tạo và số lượng biên chế được duyệt, Trường lập dự toán kinh phí trình Sở Tài chính phê duyệt để nhà nước cấp kinh phí sử dụng và Trường triển khai thực hiện theo dự toán đã được duyệt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3, tiêu chí 7: 1 điểm – Đạt

***Tiêu chuẩn 4:** Thực hiện việc quản lý, sử dụng và thanh quyết toán đúng quy định.*

Mô tả

Tất cả các chứng từ phát sinh trong năm, sổ kế toán được lưu tại phòng Kế hoạch tài chính, Trường Cao đẳng Bến Tre và tiến hành lưu trữ theo quy định [7.4.01]

Tình hình thu, chi của nhà trường đều bám sát Quy chế chi tiêu nội bộ, căn cứ vào các văn bản quy định hiện hành của Nhà nước.

Việc thu học phí học sinh sinh viên chính quy và hệ vừa làm vừa học thực hiện theo quy định của Chính phủ và Nghị quyết của Hội đồng nhân dân Tỉnh [7.4.02].

Ngân sách Nhà nước cấp bù cho học sinh, sinh viên thuộc đối tượng được miễn, giảm học phí theo quy định. Nguồn kinh phí này được sử dụng cho việc chi các hoạt động thường xuyên phục vụ giảng dạy, học tập của học sinh, sinh viên. [7.4.03].

Hạn chế: Năm 2018, do thời điểm sáp nhập trường và bàn giao kinh phí của 02 trường Trung cấp Y tế và Trung cấp Văn hoá Nghệ thuật còn nhiều vướng mắc nên Sở Tài chính chưa thực hiện quyết toán kinh phí của nhà trường năm 2018. Trường Cao đẳng Bến Tre đã hoàn tất báo cáo tài chính năm 2018 và gửi về Sở Tài chính chờ quyết toán [7.4.04].

Phân tích

Trường Cao đẳng Bến Tre đã thực hiện nghiêm việc quản lý, sử dụng và thanh quyết toán đúng theo quy định [7.2.03].

Việc thực hiện Quy chế chi tiêu nội bộ được nhà trường kiểm tra và có báo cáo kết quả thanh tra. [7.2.04].

Nhận định

Hàng năm, vào cuối năm tài chính, nhà trường dựa trên hệ thống chứng từ, sổ sách được lập trong năm, xây dựng báo cáo tài chính gửi đến Sở Tài chính để thực hiện quyết toán.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4, tiêu chí 7: 1 điểm – Đạt

Tiêu chuẩn 5: Thực hiện công tác tự kiểm tra tài chính kế toán; thực hiện kiểm toán theo quy định; xử lý, khắc phục kịp thời các vấn đề còn vướng mắc trong việc thực hiện các quy định về quản lý và sử dụng tài chính khi có kết luận của các cơ quan có thẩm quyền; thực hiện công khai tài chính theo quy định.

Mô tả

Hàng năm, phòng Kế hoạch tài chính phối hợp với Ban thanh tra nhân dân tiến hành xây dựng Kế hoạch tự kiểm tra tài chính, kế toán và thông qua Hiệu trưởng phê duyệt.

Căn cứ Kế hoạch tự kiểm tra tài chính hàng năm, Phòng Kế hoạch tài chính cùng Ban thanh tra nhân dân kiểm tra những cá nhân, nội dung công việc được nêu trong Kế hoạch.

Hàng năm, tại Hội nghị Cán bộ viên chức, nhà trường thực hiện công khai tình hình sử dụng, phân bổ kinh phí hoạt động của trường, đảm bảo khách quan và minh bạch.

Nhà trường thực hiện đúng quy định việc công khai tài chính theo Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ [7.1.04].

Hình thức công khai được thực hiện đa dạng thông qua website, phần mềm Quản lý văn bản và điều hành VNPT-iOffice, trên bảng thông báo đặt tại phòng Kế hoạch tài chính, Trường Cao đẳng Bến Tre.

Về việc thực hiện công tác tự kiểm tra tài chính kế toán: Phòng Kế hoạch tài chính phối hợp với Ban thanh tra nhân dân xây dựng Kế hoạch tự kiểm tra tài chính, kế toán năm 2017, 2018, 2019 và tiến hành triển khai tổ chức các cuộc thanh tra, cụ thể:

- Năm 2017, nhà trường tổ chức 04 cuộc thanh tra [7.5.01];
- Năm 2018, nhà trường tổ chức 02 cuộc thanh tra [7.5.02]. Tháng 6 năm 2018, sau khi có quyết định sáp nhập trường, nhà trường tổ chức lại bộ máy, phòng Kế hoạch

tài chính tiếp nhận nhân sự mới và phân công lại nhiệm vụ của các thành viên cho phù hợp với tình hình thực tế.

- Năm 2019: nhà trường tổ chức các cuộc thanh tra theo Kế hoạch đã được ban hành, thực hiện đến ngày 31/12/2019. [7.5.03]

Việc tổ chức thực hiện về tự kiểm tra tài chính, kế toán được nhà trường kiểm tra và có báo cáo kết quả thanh tra. [7.2.04]

Việc thực hiện công khai tài chính theo quy định:

Những năm qua, việc công khai được nhà trường thực hiện đúng nội dung, hình thức và thời gian công khai.

Về nội dung công khai gồm:

- Công bố công khai số liệu xét duyệt quyết toán ngân sách nhà nước [7.5.04]. Năm 2019, nhà trường chưa thực hiện công khai xét duyệt quyết toán ngân sách nhà nước năm 2018 do Sở Tài chính chưa quyết toán;

- Công bố công khai số liệu dự toán thu, chi ngân sách nhà nước [7.5.05];

Việc thực hiện chế độ công khai tài chính được nhà trường kiểm tra và có báo cáo kết quả thanh tra. [7.2.04].

Phân tích

Quá trình bàn giao cũng là việc mỗi thành viên tự kiểm tra, rà soát lại công việc và được lãnh đạo phòng kiểm tra trước khi bàn giao, vì vậy một số nội dung tuy không được phòng Kế hoạch tài chính và Ban Thanh tra nhân dân kiểm tra nhưng qua theo dõi các cá nhân được phân công hoàn thành tốt công việc của mình, không xảy ra sai sót.

Nhận định

Kế hoạch tự kiểm tra tài chính hàng năm được Phòng Kế hoạch tài chính cùng Ban thanh tra nhân dân tổ chức và đúng quy định.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5, tiêu chí 7: 1 điểm – Đạt

Tiêu chuẩn 6: Hàng năm, trường có đánh giá hiệu quả sử dụng nguồn tài chính của trường; có các biện pháp nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng tài chính nhằm nâng cao chất lượng các hoạt động của trường.

Mô tả

Hàng năm, thực hiện chỉ đạo của Sở Tài chính Bến Tre, Trường Cao đẳng Bến Tre đánh giá và báo cáo tình hình thực hiện cơ chế tự chủ tại nhà trường theo tinh thần

của Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25 tháng 4 năm 2006 của Chính phủ quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập [7.1.01]. Trong đó tập trung nêu rõ kết quả đạt được, hiệu quả thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập, từ đó nêu ra những đề xuất, kiến nghị để nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn tài chính của nhà trường.

Nhằm nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm, hành động cụ thể, thiết thực trong cán bộ viên chức và học sinh, sinh viên về việc thực hiện phòng, chống lãng phí nguồn tài chính của nhà trường, Trường Cao đẳng Bến Tre đã ban hành Kế hoạch về phòng, chống tham nhũng [7.6.02]; Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí [7.6.02].

Hàng năm, lập và gửi báo cáo tình hình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí về Sở Tài chính.

Trong những năm qua, Trường Cao đẳng Bến Tre đã thực hiện đánh giá và báo cáo kết quả thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính gửi cơ quan tài chính cấp trên để kịp thời theo dõi, chỉ đạo [7.6.03].

Tại báo cáo hàng năm, nhà trường đều tập trung đề ra các biện pháp thực hành tiết kiệm, tăng nguồn thu cho nhà trường như:

- Tuân thủ và thực hiện nghiêm các quy định trong việc lập, thẩm định, phê duyệt dự toán, quyết toán, quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước;

- Thực hiện sử dụng tiết kiệm tối đa nguồn kinh phí ngân sách nhà nước, nguồn thu của đơn vị. Thực hiện các biện pháp tiết kiệm điện theo Thông tư liên tịch số 111/2009/TTLT/BTC-BCT ngày 01 tháng 6 năm 2009 của liên Bộ Tài chính – Bộ Công thương; khoán định mức sử dụng điện thoại cho các đơn vị phòng, khoa; tiết kiệm nước trong sử dụng và cải tạo hệ thống nước đã xuống cấp nhằm tránh thất thoát nước gây lãng phí; tiết kiệm tối đa các khoản chi liên quan đến khánh tiết, hội nghị, đi công tác...

- Mở rộng liên kết với các đơn vị ngoài trường, các trường đại học có uy tín ngoài tỉnh để mở đào tạo các lớp liên thông, liên kết, các lớp đào tạo ngắn hạn nhằm tăng nguồn thu của nhà trường;

- Đổi mới công tác tuyển sinh, tăng cường quan hệ với các doanh nghiệp, mở thêm ngành đào tạo và đa dạng hoá các hình thức đào tạo,... nhằm thu hút học sinh sinh viên và nhiều đối tượng khác, tăng nguồn thu cho nhà trường.

Phân tích

Qua các năm, nhà trường đều có báo cáo gửi Sở Tài chính để báo cáo kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và đề ra các biện pháp quản lý có hiệu quả nguồn tài chính về các nội dung cụ thể sau: [7.6.04.]

- Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong việc ban hành, thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ;

- Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong việc lập, thẩm định, phê duyệt dự toán, quyết toán, quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước

- Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong mua sắm, sử dụng phương tiện đi lại và phương tiện, thiết bị làm việc của cơ quan, tổ chức trong khu vực nhà nước

- Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong đầu tư xây dựng; quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, nhà ở công vụ và công trình phúc lợi công cộng

- Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong tổ chức bộ máy, quản lý, sử dụng lao động và thời gian lao động trong khu vực nhà nước.

Nhận định

Nhìn chung, Đơn vị đã hoàn thành nhiệm vụ được giao. Toàn thể cán bộ viên chức nhà trường có trách nhiệm thực hành tiết kiệm kinh phí theo nhiệm vụ công việc và dự toán được giao.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6, tiêu chí 7: 1 điểm – Đạt

3.2.8. Tiêu chí 8 – Dịch vụ người học

Mở đầu

Trường CĐBT đã xác định người học là trung tâm của hoạt động dạy học, sản phẩm đào tạo của trường chủ yếu cung cấp nguồn nhân lực phát triển kinh tế-xã hội cho địa phương. Trường CĐBT có những biện pháp cụ thể nhằm đảm bảo quyền lợi và nghĩa vụ của người học; tạo điều kiện cho người học phấn đấu, tu dưỡng, rèn luyện để đạt kết quả cao trong học tập. Người học được hướng dẫn đầy đủ về mục tiêu đào tạo, CTĐT và các yêu cầu kiểm tra, đánh giá, thực tế bộ môn, thi tốt nghiệp... Với tinh thần thực hiện phương châm “Xây dựng trường học thân thiện, HSSV tích cực”, người học được đảm bảo các chế độ chính sách xã hội và được chăm sóc sức khỏe theo quy định

y tế học đường, được tạo điều kiện tham gia các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao, được đảm bảo an toàn trong trường học.

Những điểm mạnh

Người học được tuyên truyền giáo dục, chủ trương của Đảng; chính sách, pháp luật của Nhà nước. Kết quả đánh giá HS-SV cuối năm, hầu hết HSSV nhà trường chấp hành tốt quy chế đào tạo, quy chế rèn luyện, nhận thức chính trị được nâng cao. HSSV có tư tưởng, đạo đức và lối sống lành mạnh, có tinh thần trách nhiệm, có ý thức rõ hơn về nghề nghiệp. Người học gắn bó và tích cực tham gia các hoạt động Đoàn-Hội thông qua nhiều hoạt động xã hội chung sức vì cộng đồng. Các đơn vị khoa, phòng quan tâm nâng cao kiến thức khoa học và năng lực nghề nghiệp giúp HS-SV ngày càng đáp ứng nhu cầu lao động tại địa phương

Những tồn tại

Một số trang thiết bị chưa được mua sắm, sân tập luyện chưa được xây dựng đầy đủ để đáp ứng được nhu cầu của HSSV. Các cơ sở vật chất dành cho sinh hoạt văn hóa, nghệ thuật, hoạt động thể dục thể thao nhìn chung còn thiếu, còn chưa được đồng bộ

Việc tìm hiểu thông tin về tình hình HS-SV có việc làm và thu nhập sau khi tốt nghiệp được tổ chức thực hiện một cách chủ động và thường xuyên sau 6 tháng và 01 năm nhưng chưa chính xác cao do biến động về việc làm.

Việc triển khai khảo sát đánh giá việc làm của người học sau khi tốt nghiệp đáp ứng nhu cầu sử dụng nhân lực của địa phương và của ngành chưa có kế hoạch khảo sát về mức độ người tốt nghiệp đáp ứng nhu cầu sử dụng nhân lực của địa phương và của ngành.

Kế hoạch hành động

- Duy trì tổ chức gặp gỡ, giao lưu với các doanh nghiệp và họp mặt cựu HS-SV để Nhà trường bổ sung, cải tiến chất lượng đào tạo đáp ứng nhu cầu xã hội và thị trường nhân lực đồng thời nắm bắt được tình hình HS-SV có việc làm sau khi tốt nghiệp.

- Xây dựng kế hoạch liên hệ thường xuyên với doanh nghiệp, cựu HSSV nhà trường để nắm được thông tin về người học sau khi tốt nghiệp và việc làm thu nhập ban đầu.

Hàng năm, trường định kỳ khảo sát tỷ lệ HS-SV sau khi tốt nghiệp có việc làm và việc làm phù hợp chuyên ngành được đào tạo; tăng cường nghiên cứu, ứng dụng công nghệ thông tin để khai thác thông tin phản hồi của các cơ quan, nhà tuyển dụng về chất lượng đào tạo của trường, đánh giá năng lực của người tốt nghiệp và phản hồi của người học về mức độ đáp ứng yêu cầu công việc sau khi tốt nghiệp. Từ đó, nhà trường có sự điều chỉnh nâng cao chất lượng đào tạo theo chuẩn đầu ra đã cam kết.

Điểm đánh giá tiêu chí 8

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 8	8/9
Tiêu chuẩn 1	1
Tiêu chuẩn 2	1
Tiêu chuẩn 3	1
Tiêu chuẩn 4	1
Tiêu chuẩn 5	1
Tiêu chuẩn 6	1
Tiêu chuẩn 7	1
Tiêu chuẩn 8	1
Tiêu chuẩn 9	0

***Tiêu chuẩn 8.1.** Người học được cung cấp đầy đủ thông tin về mục tiêu, chương trình đào tạo; quy chế kiểm tra, thi và xét công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế của trường; các chế độ, chính sách hiện hành đối với người học; các điều kiện đảm bảo chất lượng dạy và học theo quy định.*

Mô tả

Trường CĐBT đã xác định người học là trung tâm của hoạt động dạy học, tạo điều kiện cho người học phấn đấu, tu dưỡng, rèn luyện để đạt kết quả cao trong học tập. Người học được hướng dẫn đầy đủ về mục tiêu đào tạo, CTĐT và các yêu cầu kiểm tra, đánh giá, thực tế bộ môn, thi tốt nghiệp...Người học được thông tin tuyên truyền giáo dục, chủ trương của Đảng; chính sách, pháp luật của Nhà nước, đảm bảo các chế độ chính sách xã hội và được chăm sóc sức khỏe theo quy định y tế học

đường, được tạo điều kiện tham gia các tổ chức Đoàn-Hội, các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao, được đảm bảo an toàn trong trường học.

Đầu năm học nhà trường đã tổ chức “Tuần sinh hoạt công dân HSSV” cho toàn thể HSSV hệ chính quy tập trung của trường [8.1.01]. Phòng Đào tạo, phòng Công tác HSSV đã phổ biến đến HSSV quyền lợi, nghĩa vụ, nhiệm vụ, các chế độ, chính sách hiện hành đối với người học, những quy định, quy chế về đào tạo, quy định kiểm tra, thi và xét công nhận tốt nghiệp, về công tác HSSV. Hướng dẫn HSSV nắm rõ chương trình đào tạo, kiểm tra, thi... [8.1.02; 8.1.03; 8.1.04]. Trong từng thời điểm thi kết thúc môn học, mô-đun HSSV tiếp tục được Hội đồng thi quán triệt nội quy, quy chế thi, kiểm tra. Cuối mỗi học kỳ và cuối năm học, nhà trường đều công khai kết quả học tập, điểm rèn luyện của người học.

Nhà trường trang bị “Sổ tay HSSV” cho người học [6.1.05], trong đó cung cấp những nội dung cần thiết đối với người học về quy chế đào tạo, quy chế công tác HSSV, quy định của nhà trường.

Phân tích

Trường CĐBT đã sử dụng nhiều hình thức, cấp độ khác nhau nhằm truyền đạt đầy đủ, kịp thời thông tin về chương trình, quy chế đào tạo thông qua bản tin của trường, thông báo ở các khoa, nội dung phổ biến của phòng công tác HSSV, của giáo vụ khoa và sinh hoạt định kỳ của giáo viên chủ nhiệm, cố vấn học tập.

Nhận định

Trường CĐBT đã sử dụng nhiều biện pháp cụ thể, nhiều kênh thông tin giúp HSSV hiểu rõ về mục tiêu đào tạo, CTĐT và các yêu cầu về kiểm tra, đánh giá, quyền và nghĩa vụ của HSSV trong quá trình đào tạo.

Đội ngũ giáo vụ các khoa, giáo viên chủ nhiệm, cố vấn học tập, các phòng chức năng có tinh thần trách nhiệm cao, luôn tạo điều kiện giúp HSSV hiểu rõ về mục tiêu, CTĐT, yêu cầu kiểm tra đánh giá, giúp người học thực hiện tốt các qui định trong quy chế đào tạo. Tuy nhiên thông tin, công bố kết quả học tập chậm so với qui định.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1, tiêu chí 8: 1 điểm - Đạt

Tiêu chí 8.2. Người học được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định.

Mô tả

Trường CĐBT cập nhật thường xuyên, thực hiện đúng, phổ biến đầy đủ các văn bản hướng dẫn chế độ chính sách đến tất cả HSSV, đồng thời công khai trên website để HSSV theo dõi.

Phòng Công tác HS-SV tham mưu lãnh đạo trường ban hành các biểu mẫu, hướng dẫn các khoa và HS-SV thực hiện thủ tục hành chính đúng quy trình để được hưởng chế độ chính sách hiện hành, cụ thể như xét nhận học bổng, vay vốn tín dụng đào tạo, tạm hoãn gọi nhập ngũ, miễn học phí. Danh sách HSSV hưởng chế độ chính sách được công bố công khai về các khoa, phòng có liên quan ...[8.2.01;8.2.02; 8.2.03].

Người học được chăm sóc sức khỏe theo quy định y tế học đường. Tuyên truyền, vận động HSSV tham gia bảo hiểm y tế và bảo hiểm tai nạn nhằm đảm bảo quyền lợi cho HSSV. Có phòng y tế chăm sóc, đảm bảo sơ cứu và bảo vệ sức khỏe cho người học. Nhà trường kết hợp với Trung tâm phòng chống HIV/AIDS của Tỉnh, Chi cục DSKHHGD Tỉnh sinh hoạt chuyên đề về phòng chống HIV/AIDS, chăm sóc SKSS vị thành niên, mời các chuyên gia tư vấn sinh hoạt góc truyền thông dân số hàng tháng [8.1.01; 8.2.04].

Đối với công tác an ninh trật tự, nhà trường chủ động phối hợp với công an giáo dục đấu tranh phòng chống tội phạm, bạo lực học đường, tệ nạn xã hội, Phối hợp Công an Tỉnh tuyên truyền, tập huấn phòng chống ma túy, bạo lực học đường, kỹ năng tự vệ cho HSSV (H8.01.01). Phối hợp với Đoàn thanh niên tăng cường bắt tình hình tư tưởng, dư luận trong HSSV thông qua hoạt động của mô hình tự quản, kiểm tra HSSV ở ngoại trú, nội trú để có nắm bắt, uốn nắn và xử lý kịp thời các tình huống xảy ra [8.2.05; 8.2.06].

Đầu năm học hàng năm nhà trường xây dựng Kế hoạch Liên tịch với Công đoàn, Đoàn thanh niên tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao xuyên suốt năm học tạo mọi trường học tập, sinh hoạt lành mạnh trong HSSV [8.2.07; 8.2.08].

Phân tích

Nhà trường luôn đảm bảo các chế độ chính sách đối với HSSV, chăm sóc sức khỏe, đảm bảo an toàn cho sinh viên trong trường. Triển khai thực hiện nhiều biện pháp hiệu quả hỗ trợ sinh viên học tập, nhận học bổng từ nguồn quỹ khuyến học của nhà trường và sự đóng góp của các nhà tài trợ.

Nhận định

Trường CĐBT thường xuyên quan tâm và tạo điều kiện để người học tham gia các hoạt động văn hóa-văn nghệ, thể dục thể thao nhằm nâng cao sức khỏe và đáp ứng nhu cầu vui chơi, giải trí của HSSV trường. Đồng thời tham gia các hoạt động xã hội chung sức cùng cộng đồng. Tuy nhiên kinh phí, cơ sở vật chất, phương tiện của trường còn hạn chế khi phục vụ nhu cầu văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao của HSSV. Số lượng chỗ ở và điều kiện phục vụ trong khu ký túc xá **chưa đáp ứng yêu cầu HSSV**.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2, tiêu chí 8: 1 điểm - Đạt

***Tiêu chí 8.3.** Có chính sách và thực hiện chính sách khen thưởng, khuyến khích kịp thời đối với người học đạt kết quả cao trong học tập, rèn luyện. Người học được hỗ trợ kịp thời trong quá trình học tập tại trường để hoàn thành nhiệm vụ học tập.*

Mô tả

Phong trào thi đua trong học tập và rèn luyện được tổ chức rộng khắp trong HSSV. Nhà trường xác định HSSV là đối tượng được “chăm sóc và phục vụ” nên đã thực hiện nhiều biện pháp hỗ trợ sinh viên học tập, rèn luyện. Nhà trường đã ban hành các tiêu chí thi đua, khen thưởng đồng thời dành kinh phí phù hợp cụ thể hóa vào trong quy chế chi tiêu nội bộ để khen tặng, trao học bổng những HSSV có thành tích tốt trong thi đua học tập, rèn luyện.

Đầu năm học nhà trường xây dựng kế hoạch phát động thi đua trong học tập và rèn luyện triển khai đến toàn thể HSSV. Các khoa tổng hợp danh sách đăng ký thi đua cá nhân và tập thể gửi về phòng Công tác HSSV. Căn cứ vào kết quả học tập và rèn luyện của người học từng học kỳ và cuối năm học, Hội đồng thi đua nhà trường xem xét tuyên dương, khen thưởng cá nhân và tập thể HSSV có thành tích cao trong học tập và rèn luyện.[8.3.01; 8.3.02; 8.3.03] Phòng công tác HSSV phối hợp Đoàn thanh niên đã đề xuất cho nhiều lượt HSSV nhận học bổng tài trợ, giới thiệu nhà trọ, ký túc xá; vận động HSSV nuôi heo đất thành lập được “Quỹ khuyến học” giúp bạn vượt khó ở nhiều Chi đoàn, Liên chi đoàn khoa tạo động lực cho HSSV phấn đấu học tập tốt [H8.03.04].

Trong từng năm học, lãnh đạo nhà trường tổ chức đối thoại với đại diện HSSV để lắng nghe ý kiến từ người học, giải đáp thắc mắc đồng thời tiếp thu những kiến nghị chính đáng của HSSV để tạo mọi điều kiện thuận lợi cho người học phát huy năng lực trong học tập, rèn luyện và các hoạt động bổ trợ khác. [8.3.05].

Phân tích

Hoạt động thi đua được triển khai nền nếp, HSSV đã có ý thức hơn trong đăng ký thi đua trong học tập, rèn luyện và tham gia các hoạt động.

Nhận định

Nhà trường đã đa dạng hóa các hình thức tuyên dương, khen thưởng HSSV thông qua bảng vàng danh dự, website trường, cộng điểm thưởng khi đánh giá rèn luyện...kinh phí khen thưởng được cụ thể trong quy chế chi tiêu nội bộ nhà trường. Tuy nhiên kinh phí nhà trường hạn hẹp nên tỷ lệ HSSV được xét khen thưởng chưa nhiều so với số lượng HSSV đạt thành tích tốt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3, tiêu chí 8: 1 điểm - Đạt

Tiêu chuẩn 8.4: Người học được tôn trọng và đối xử bình đẳng, không phân biệt giới tính, tôn giáo, nguồn gốc xuất thân.

Mô tả

Trường Cao đẳng Bến Tre luôn quan tâm đến việc đối xử bình đẳng với người học tạo điều kiện cho người học một cách toàn diện và không phân biệt giới tính, tôn giáo.

Tiêu chuẩn này, đã được nêu ra trong Quy chế của HSSV trong nhà trường [8.4.01]. Trong mỗi năm học, nhà trường đều tổ chức buổi đối thoại cho HSSV, thông qua đó HSSV có cơ hội đối thoại trực tiếp với lãnh đạo nhà trường để nhà trường sẽ giải đáp thắc mắc và lắng nghe ý kiến phản ánh của các em HSSV về các chế độ chính sách và những vấn đề khác liên quan đến HSSV [8.4.02]. Trong quá trình học tập và rèn luyện tại trường, HSSV luôn được tạo điều kiện thuận lợi để tham gia các hoạt động do Đảng ủy và các đoàn thể của nhà trường tổ chức. Mọi HSSV không phân biệt giới tính, tôn giáo luôn được tạo cơ hội phấn đấu để trở thành Đảng viên Đảng Cộng Sản Việt Nam ngay từ khi ngồi trong ghế nhà trường. Hằng năm, Đảng ủy nhà trường chỉ đạo Đoàn TNCS Hồ Chí Minh theo dõi các đoàn viên ưu tú và đưa đi học lớp Bồi dưỡng Kết nạp Đảng cho không ít đoàn viên thanh niên ưu tú là HSSV được xem xét, kết nạp vào Đảng [8.4.03].

Phân tích

HSSV được đề đạt trực tiếp những vướng mắc của mình trong quá trình học tập, rèn luyện đến BGH, trưởng các khoa, phòng và nhận được sự giải đáp, giải quyết, tư vấn một cách kịp thời, phù hợp và thỏa đáng.

Nhận định

Nhiều HSSV còn rụt rè ngại phát biểu ý kiến trong các buổi đối thoại với lãnh đạo nhà trường.

Do ảnh hưởng của lịch học tại Trường nhiều cho nên nhiều hoạt động của Trường các em tham gia chưa đầy đủ.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4, tiêu chí 8: 1 điểm - Đạt

Tiêu chuẩn 8.5: Ký túc xá đảm bảo đủ diện tích nhà ở và các điều kiện tối thiểu (chỗ ở, điện nước, vệ sinh, các tiện nghi khác) cho sinh hoạt và học tập của người học.

Mô tả

Trường Cao đẳng Bến Tre luôn quan tâm đến điều kiện ăn ở sinh hoạt của người học trong khu vực ký túc xá của nhà trường nhằm tạo những điều kiện tốt nhất cho người học.

Hiện nay, khu ký túc xá của nhà trường được xây dựng với 1 dãy nhà với 1 trệt 2 lầu tầng. Kí túc xá được trang bị đầy đủ hệ thống điện nước, vệ sinh đảm bảo điều kiện ở, học tập và nghiên cứu cho HSSV: mỗi phòng đều có nhà vệ sinh khép kín và được trang bị đầy đủ ánh sáng, quạt điện để phục vụ cho học sinh. Hàng năm Nhà trường cũng thường xuyên sửa chữa, tu bổ sân, nhà, hệ thống cấp thoát nước; nâng cấp các thiết bị sử dụng tại ký túc xá nhằm đảm bảo nhu cầu sinh hoạt và học tập cho HSSV nội trú. Khu kí túc xá có chỗ xem tivi của HSSV. Các dãy nhà ký túc xá đều có Wifi miễn phí giúp cho HSSV kết nối mạng thuận lợi để tìm kiếm thông tin trên các Website, trao đổi thông tin giữa bạn bè với nhau, với giáo viên và để giải trí.... Để đảm bảo an ninh cho HSSV, tại ký túc xá luôn có nhân viên trực 24/24 giờ [8.5.01]

Phân tích

Nhà trường luôn quan tâm tạo điều kiện về nhu cầu ở của học sinh sinh viên có hoàn cảnh khó khăn. Tạo điều kiện bố trí cho các em có chỗ ở trong ký túc xá để thuận lợi trong việc sinh hoạt học tập.

Ký túc xá nhà trường được xây dựng đã lâu nên nay đã xuống cấp làm ảnh hưởng đến điều kiện sinh hoạt của học sinh sinh viên.

Nhận định

Do điều kiện kinh phí còn hạn hẹp cho nên việc sửa chữa trang bị điều kiện tiện nghi cho ký túc xá chưa đầy đủ.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5, tiêu chí 8: 1 điểm - Đạt

Tiêu chuẩn 8.6: Có dịch vụ y tế chăm sóc và bảo vệ sức khỏe, dịch vụ ăn uống của trường đáp ứng nhu cầu của người học và đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm.

Mô tả

Trường Cao đẳng Bến Tre luôn quan tâm đến công tác chăm sóc sức khỏe được đảm bảo theo đúng quy định của y tế học đường và đảm bảo tốt về vấn đề an toàn vệ sinh thực phẩm.

Về dịch vụ y tế và ăn uống, nhà trường có 03 y sĩ, có tủ thuốc và đủ điều kiện chăm sóc sức khỏe ban đầu cho HSSV. Dưới sự quản lý của phòng Quản trị, y tế của nhà trường thường xuyên chủ động kiểm tra, đôn đốc vệ sinh khu ký túc xá, giảng đường, kiểm tra công tác vệ sinh an toàn thực phẩm của các bếp ăn trong nhà trường nhằm phòng chống dịch bệnh. HSSV có hồ sơ về sức khỏe và được khám sức khỏe định kỳ, khám sức khỏe khi nhập học và cuối khoá học. HSSV tham gia bảo hiểm y tế và bảo hiểm thân thể dưới sự tư vấn của cán bộ y tế. Trong quá trình học tập và rèn luyện tại trường, HSSV được tuyên truyền, tham gia tích cực các chương trình y tế nhân đạo như hiến máu tình nguyện, HSSV tình nguyện tham gia vệ sinh môi trường [8.6.01].

Phân tích

Cán bộ phụ trách công tác y tế cơ quan thường xuyên được tập huấn cập nhật các kiến thức về y học. Nguồn thuốc của nhà trường chưa phong phú, còn thiếu nhiều chủng loại thuốc

Nhận định

Khu vực căn tin dịch vụ ăn uống của nhà trường cần đầu tư thêm kang trang để đáp ứng đầy đủ so với số lượng học sinh sinh viên hiện tại của nhà Trường.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6, tiêu chí 8: 1 điểm - Đạt

Tiêu chí 8.7 : Người học được tạo điều kiện hoạt động, tập luyện văn nghệ, thể dục thể thao, tham gia các hoạt động xã hội; được đảm bảo an toàn trong khuôn viên trường.

Mô tả

- Diện tích sân bãi tập phục vụ hoạt động thể dục, thể thao như: sân bóng chuyền, sân cầu lông, sân bóng rổ **2.398 m²**; nhà tập đa chức năng diện tích: **971 m²** [8.7.01]. Có trang thiết bị phục vụ đầy đủ cho các hoạt động thể dục thể thao trong nhà trường, qua việc mua sắm trang bị bổ sung trong từng năm học và được sự hỗ trợ

của các dự án phát triển giáo dục Việt Nam các năm qua [8.7.01]. Hội trường với đầy đủ âm thanh ánh sáng và các trang thiết bị phục vụ cho hoạt động văn hóa, nghệ thuật.

- Nhà trường đã quy hoạch chi tiết, chuẩn bị mua sắm các trang thiết bị phục vụ cho đào tạo, học tập, rèn luyện bộ môn Giáo dục thể chất theo đề án được phê duyệt.

Phân tích

Diện tích sân bãi, hội trường cho hoạt động văn nghệ, thể dục thể thao cơ bản đáp ứng được nhu cầu học tập, rèn luyện và sinh hoạt cho HSSV. Nhà trường đang có kế hoạch tiến hành triển khai xây dựng theo đề án phát triển nhà trường đã được UBND tỉnh Bến Tre phê duyệt.

Hàng năm nhà trường đều có kế hoạch phối hợp giữa Công đoàn, Đoàn thanh niên, Hội Sinh viên tổ chức thi đấu thể dục thể thao, với các đối tượng là CBGV và HSSV, Hội thi Cắm Hoa nghệ thuật dành cho HSSV [8.7.02]. Riêng Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên, Hội Liên hiệp thanh niên nhà trường tổ chức nhiều hoạt động xã hội cho HSSV như : Hội thi “ Én vàng, Oanh vàng” làm báo Tường chào mừng ngày nhà giáo Việt Nam, Hội thi trang trí “ Tiểu cảnh xuân”, Hội thi “ Gương mặt truyền thông” [8.7.03].

Phân tích

Do nguồn kinh phí của tỉnh cung cấp còn hạn chế, cho nên một số cơ sở vật chất, sân tập xây dựng chưa hoàn thành, thậm chí có công trình chưa được triển khai. Một số trang thiết bị chưa được mua sắm, sân tập luyện chưa được xây dựng đầy đủ để đáp ứng được nhu cầu của HSSV.

Các cơ sở vật chất dành cho sinh hoạt văn hóa, nghệ thuật, hoạt động thể dục thể thao nhìn chung còn thiếu, còn chưa được đồng bộ. Sắp tới đây, do việc xây dựng thêm các công trình mới trên nền các sân tập luyện đã có từ trước. Do đó, một phần diện tích sân tập luyện thể dục thể thao sẽ bị thu hẹp.

Nhận định

Nhà trường cần triển khai xây dựng diện tích sân tập phục vụ cho việc học tập môn học Giáo dục thể chất, các hoạt động thể dục thể thao và sinh hoạt văn hóa, nghệ thuật cho HSSV theo kế hoạch của dự án đã được phê duyệt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7, tiêu chí 8: 1 điểm - Đạt

Tiêu chí 8.8. Trường thực hiện việc tư vấn việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp.

Mô tả

Về tình hình sinh viên tốt nghiệp, kết quả HS-SV tốt nghiệp được Nhà trường công bố công khai ở bản tin Phòng Đào tạo và trên diễn đàn của Nhà trường kịp thời và chính xác (H8 08.01) Hàng quý, nhà trường giới thiệu Học sinh – Sinh viên tham gia phiên giao dịch việc làm và xuất khẩu lao động tại Trung tâm dịch vụ việc làm Bến Tre, giúp cho HS-SV có cơ hội nắm bắt thông tin về thị trường lao động, đồng thời các doanh nghiệp cũng có thể tuyển chọn ngay những HS-SV đáp ứng được yêu cầu [8.8.02; 8.8.03; 8.8.04]. Nhà trường cũng có kế hoạch cụ thể và phối hợp tư vấn và giới thiệu việc làm tại trường [8.8.05; 8.8.06], và khảo sát trực tiếp bằng điện thoại để nắm thông tin về HS-SV sau khi tốt nghiệp về tình hình việc làm và thu nhập sau 6 tháng và sau 01 năm tốt nghiệp ra trường.

Phân tích

- Dữ liệu về việc làm của Học sinh - Sinh viên tốt nghiệp của Nhà trường được lưu trữ một cách hệ thống, khoa học, đầy đủ và chính xác bằng văn bản và bằng những tập tin Excel lưu trên máy tính.

- Việc tìm hiểu thông tin về tình hình HS-SV có việc làm và thu nhập sau khi tốt nghiệp được tổ chức thực hiện một cách chủ động và thường xuyên sau 6 tháng và 01 năm nhưng chưa chính xác cao do biến động về việc làm.

- Chưa có danh sách giáo viên hoặc cán bộ thực hiện tư vấn việc làm sau khi tốt nghiệp hàng năm.

Nhận định

- Công tác tổ chức gặp gỡ, giao lưu với các doanh nghiệp và họp mặt cựu HS-SV để Nhà trường bổ sung, cải tiến chất lượng đào tạo đáp ứng nhu cầu xã hội và thị trường nhân lực giúp Nhà trường nắm bắt được tình hình HS-SV có việc làm sau khi tốt nghiệp.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 8, tiêu chí 8: 1 điểm - Đạt

Tiêu chí 8.9. Hàng năm, trường tổ chức hoặc phối hợp tổ chức hội chợ việc làm để người học tiếp xúc với các nhà tuyển dụng.

Mô tả

Nhà trường rất quan tâm đến việc nâng cao chất lượng đào tạo, tình hình việc làm của người học sau khi tốt nghiệp ra trường, năng lực của HS-SV khi xin việc và làm việc tại các cơ quan, doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh.

Trung tâm quan hệ doanh nghiệp và hỗ trợ HS-SV phối hợp các đơn vị tổ chức tư vấn việc làm của HSSV chuẩn bị tốt nghiệp ra trường; Ngày Hội việc làm [8.9.01, 8.9.02, 8.9.03]. Qua các buổi tư vấn giúp HSSV được gặp gỡ, trao đổi với Công ty, doanh nghiệp những điều còn băn khoăn, lo lắng về nơi thực tập, việc làm sau khi tốt nghiệp, kỹ năng, tác phong nghề nghiệp giúp HSSV tự tin với bản thân, trang bị cho mình những kiến thức, kỹ năng cần thiết trong cuộc sống đồng thời tăng cường mối quan hệ gắn kết giữa nhà trường với doanh nghiệp trong quá trình đào tạo, sử dụng, góp ý "sản phẩm" của nhà trường để có cơ sở khoa học đánh giá chất lượng, có hướng điều chỉnh nội dung, chương trình đào tạo, phương pháp dạy-học.

Bước đầu nhà trường đã công khai số liệu việc làm của sinh viên ngành đào tạo mầm non trên trang website của trường [8.9.04].

Phân tích

Trường đã thống kê tỷ lệ người tốt nghiệp tự tạo việc làm cho mình và cho người khác ở các huyện cũng như thành phố Bến Tre.

Nhà trường chỉ triển khai khảo sát đánh giá việc làm của người học sau khi tốt nghiệp đáp ứng nhu cầu sử dụng nhân lực của địa phương và của ngành; chưa có kế hoạch khảo sát về mức độ người tốt nghiệp đáp ứng nhu cầu sử dụng nhân lực của địa phương và của ngành.

Nhận định

Chưa công khai số liệu HSSV các ngành đào tạo có việc làm trên trang thông tin điện tử của Trường.

Trong năm học 2018 - 2019, Thành lập Trung tâm Quan hệ doanh nghiệp, bổ sung nhân sự, đưa đi đào tạo bồi dưỡng chuyên nghiệp nhằm nâng cao hiệu quả công tác hướng nghiệp, tư vấn việc làm cho người học.

Hàng năm, trường định kỳ khảo sát tỷ lệ HS-SV sau khi tốt nghiệp có việc làm và việc làm phù hợp chuyên ngành được đào tạo; tăng cường nghiên cứu, ứng dụng công nghệ thông tin để khai thác thông tin phản hồi của các cơ quan, nhà tuyển dụng về chất lượng đào tạo của trường, đánh giá năng lực của người tốt nghiệp và phản hồi

của người học về mức độ đáp ứng yêu cầu công việc sau khi tốt nghiệp. Từ đó, nhà trường có sự điều chỉnh nâng cao chất lượng đào tạo theo chuẩn đầu ra đã cam kết.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 9, tiêu chí 8: 0 điểm – Chưa Đạt

3.2.9. Tiêu chí 9 - Giám sát, đánh giá chất lượng

Mở đầu

Đối với công tác giám sát và đánh giá chất lượng trong những năm luôn luôn được Nhà trường đặc biệt quan tâm, nhà trường đã tiến hành Tự đánh giá 5 năm 2011-2016 (theo Bộ GD&ĐT). Khi chuyển đổi sang hệ thống giáo dục nghề nghiệp từ năm học 2017-2018 Trường đồng thời xây dựng đề án sáp nhập Trường Trung cấp Văn hóa nghệ thuật Bến Tre và Trường Trung cấp y tế Bến Tre vào Trường Cao đẳng Bến Tre. Do đó năm 2017 Trường không tổ chức Tự đánh giá cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

Ngày 29 tháng 3 năm 2018 Quyết định số 345/QĐ-LĐTĐ của Bộ Trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã Hội về việc sáp nhập Trường Trung cấp Văn hóa nghệ thuật Bến Tre và Trường Trung cấp y tế Bến Tre vào Trường Cao đẳng Bến Tre. Nhà trường lại tiếp tục thực hiện việc bàn giao, sắp xếp nhân sự cho các đơn vị, xây dựng chương trình và xin cấp phép mở các mã ngành của trường. Do đó, trong năm 2018 Nhà trường không tổ chức Tự đánh giá cơ sở giáo dục nghề nghiệp,

Chất lượng đào tạo của Trường vẫn được quan tâm của lãnh đạo và đội ngũ cán bộ giảng dạy toàn trường, thể hiện rõ qua sự tin tưởng của các doanh nghiệp, đối tác qua việc tiếp nhận HSSV đến thực tập cũng như tuyển dụng sau khi tốt nghiệp ra. Hầu như, các học sinh, sinh viên sau khi tốt nghiệp mỗi năm đều có việc làm ổn định và phù hợp với ngành, nghề được đào tạo.

Những điểm mạnh

Nhà trường luôn quan tâm đến công tác kiểm định chất lượng đào tạo, thực hiện việc rà soát các tiêu chuẩn, tiêu chí để hoàn thiện các nội dung quản lý công tác nhà trường. Nhà trường cũng là đơn vị đào tạo có chất lượng của các doanh nghiệp khi các học sinh sau khi tốt nghiệp đa số đều được nhận vào làm việc với các ngành, nghề phù hợp.

Nhà trường đã thực hiện việc lấy ý kiến phản hồi người học đối với hoạt động của giáo viên 02 học kỳ của năm học và làm một kênh thông tin giúp giáo viên, và Nhà trường điều chỉnh công tác giảng dạy của giáo viên .

Những tồn tại

Việc đánh giá ý kiến của các đơn vị sử dụng lao động đối với học sinh, sinh viên sau khi tốt nghiệp hay thu thập thông tin về việc làm của học sinh sau khi tốt nghiệp thông thường được Nhà trường hỏi thăm qua các đơn vị đối tác và thực hiện qua Phiếu khảo sát nhưng có quá ít đơn vị tham gia.

Số lượng học sinh, sinh viên có việc làm được thống kê trên phiếu khảo sát và chưa có điều kiện để kiểm tra một cách chính xác.

Kế hoạch nâng cao chất lượng

Trong năm học 2019-2020 ngoài việc tiếp tục phát huy những mặt mạnh, Nhà trường sẽ tiến hành thực hiện thống kê, thăm dò một cách chính xác hơn về tình hình học sinh tốt nghiệp có việc làm cũng như các đánh giá về chất lượng, hiệu quả, phương thức dạy học.

Điểm đánh giá tiêu chí 9

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 9	4/6
Tiêu chuẩn 1	1
Tiêu chuẩn 2	0
Tiêu chuẩn 3	0
Tiêu chuẩn 4	1
Tiêu chuẩn 5	1
Tiêu chuẩn 6	1

***Tiêu chuẩn 9.1.** Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 10 đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động.*

Mô tả

Trong năm học 2018-2019, Nhà trường đã xây dựng kế hoạch số 728/KH-CĐBT ngày 22/8/2019 Triển khai thực hiện khảo sát lấy ý kiến nhà tuyển dụng năm 2019 [9.1.01]. Phòng Thanh tra-Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục kết hợp với Trung tâm Quan hệ DN và Hỗ trợ HSSV lấy ý kiến 30 doanh nghiệp, nhà tuyển dụng [9.1.02].

Phân tích

Học sinh được đào tạo đạt chuẩn đầu ra, phù hợp với nhu cầu xã hội tại và được

các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất đến tư vấn tuyển dụng sau khi tốt nghiệp..

Nhận định

Các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất có nhu cầu tuyển dụng học sinh, sinh viên đã nhiệt tình tiếp nhận HSSV đến thực tập cũng như nhiệt tình trong việc hướng dẫn HSSV

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1, tiêu chí 9: 1 điểm - Đạt

Tiêu chuẩn 9.2. *Hàng năm, thu nhập ý kiến đánh giá tối thiểu 50% cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động về các chính sách liên quan đến dạy và học, chính sách tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại, bổ nhiệm cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động. (Đạt)*

Mô tả

- Năm 2019 Trường xây dựng kế hoạch số 872/KH-CĐBT ngày 04/10/2019 về việc tổ chức Hội nghị Công chức, viên chức năm 2019 và kèm theo các dự thảo: Báo cáo Tổng kết kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học 2018-2019; Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học 2019-2020; kế hoạch đào tạo bồi dưỡng; Điều chỉnh chi tiêu nội bộ năm 2020; Báo cáo tổng kết của Ban Thanh tra Nhân dân về các phòng, khoa và các Trung tâm tổ chức hội nghị tại đơn vị [9.2.01].

- Nhà trường tiến hành tổng hợp ý kiến rà soát về các chính sách, quy định, quy chế hiện hành và thống nhất ý kiến trong phiên Hội nghị chính thức ngày 08/11/2019 và ban hành Mục lục các văn bản về Kết quả Hội nghị cán bộ viên chức Trường Cao đẳng Bến Tre năm học 2019-2020 bao gồm Quyết định số 737/QĐ-CĐBT ngày 20/11/2019 về việc Ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường Cao đẳng Bến Tre. [9.2.02]

Phân tích

Tinh thần dân chủ được phát huy, các chính sách được công khai, đồng thuận trong toàn đơn vị. Các quy định, chế độ thường xuyên được rà soát, chỉnh sửa đảm bảo tính phù hợp với yêu cầu thực tế qua từng năm

Nhận định

Các nội dung về chính sách đều được công khai, minh bạch. Tuy nhiên Trường chưa xây dựng các tiêu chí để thu nhập ý kiến đánh giá tối thiểu 50% cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động về các chính sách liên quan đến dạy và học, chính sách tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại, bổ nhiệm cán bộ quản

lý, nhà giáo, viên chức và người lao động chưa làm được

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2, tiêu chí 9: 0 điểm - Chưa Đạt

Tiêu chuẩn 9.3. Hằng năm, thu thập ý kiến đánh giá tối thiểu 30% của người học đại diện các ngành, nghề đào tạo về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo, chất lượng dịch vụ, giảng dạy và việc thực hiện chính sách liên quan đến người học của trường.

Mô tả

Trong năm 2019, Nhà trường đã xây dựng kế hoạch số 728/KH-CĐBT ngày 22/8/2019 Triển khai thực hiện khảo sát lấy ý kiến nhà tuyển dụng năm 2019 [9.1.01]. Đồng thời triển khai thu thập ý kiến của người học các ngành, nghề đào tạo trình độ cao đẳng tốt nghiệp năm 2019 (K16CD), học sinh ngành Y sĩ (Y Sĩ 18) và ngành Dược 29A,B về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo, chất lượng dịch vụ, giảng dạy và việc thực hiện chính sách liên quan đến người học của trường và tiến hành khảo sát lấy ý kiến các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất có nhu cầu tuyển dụng học sinh, sinh viên của Trường về làm việc.

Từng năm học, Trường xây dựng kế hoạch khảo sát lấy ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên, giáo viên và có thông báo kết quả khảo sát đến khoa, bộ môn trong trường [9.1.01]

Phân tích

Dự kiến số phiếu khảo sát là 335 phiếu tuy nhiên Phòng Thanh tra-Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục kết hợp với Trung tâm Quan hệ DN và Hỗ trợ HSSV lấy ý kiến 180 HSSV tốt nghiệp ra trường [9.1.02]. Hầu hết trên 80% HSSV hài lòng với kết quả đào tạo của nhà trường.

Nhận định

Học sinh được đào tạo đạt chuẩn đầu ra, phù hợp với nhu cầu xã hội tại và được các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất đến tư vấn tuyển dụng sau khi tốt nghiệp.

Thời điểm lấy ý kiến là ngày HSSV làm lễ nhận bằng tốt nghiệp nên kết quả phản ánh chưa chính xác, vì tất cả nội dung đều đạt tỷ lệ cao là trên 80%. Đồng thời, công tác khảo sát chưa thực hiện thường xuyên hằng năm và với tất cả HSSV ra trường.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3, tiêu chí 9: 0 điểm - Chưa đạt

Tiêu chuẩn 9.4. Trường thực hiện hoạt động tự đánh giá chất lượng và kiểm

định chất lượng theo quy định.

Mô tả

- Trước năm 2017, Nhà trường thực hiện Báo cáo tự đánh giá kiểm định chất lượng giáo dục từng năm và Tự đánh giá chu kỳ 5 năm (2011-2016) lần 1. Sau khi có các hướng dẫn chuyển đổi Trường cao đẳng theo luật giáo dục nghề nghiệp, Nhà trường đã tiến hành các thủ tục cần thiết để thực hiện theo các hướng dẫn của BLĐT BXH.

- Trong năm 2019, Trường thực hiện theo hướng dẫn của Công văn số 453/TCĐN-KĐCL ngày 25/3/2019 của Tổng cục Trường Tổng cục dạy nghề về việc hướng dẫn tự kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp đối với trường trung cấp, trường cao đẳng.

- Trường đã xây dựng Kế hoạch Tự đánh giá chất lượng giáo dục nghề nghiệp năm 2019 số 157/KH-CĐBT ngày 26/02/2019 [9.4.01]; ban hành Quyết định số 76/QĐ-CĐBT ngày 26/02/2019 thành lập Hội đồng Tự đánh giá năm 2019 gồm 23 thành viên [9.4.02]; Quyết định số 77/QĐ-CĐBT ngày 26/02/2019 thành lập Ban Thư ký Hội đồng Tự đánh giá năm 2019 gồm 11 thành viên [9.4.03] và Quyết định số 78/QĐ-CĐBT ngày 26/02/2019 thành lập 5 Nhóm công tác Tự đánh giá chất lượng năm 2019 gồm 37 thành viên [9.4.04]. Trong từng phiên họp đều có biên bản ghi nhận và hình ảnh lưu lại [9.4.05]

Phân tích.

Trong năm 2019 Trường đã thực hiện hướng dẫn của Tổng cục Trường Tổng cục dạy nghề về việc hướng dẫn tự kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp đối với trường trung cấp, trường cao đẳng về xây dựng Kế hoạch , Hội đồng, Ban Thư ký và phân công các Nhóm công tác để thực hiện Tự đánh giá từ tháng 02/2019 ,

Nhận định.

Công tác Tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp đã được Nhà trường chuẩn bị tốt từ đầu năm 2019 và đã phân công đến từng nhóm công tác và cá nhân để thực hiện viết báo cáo từng tiêu chí, tiêu chuẩn theo quy định.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4, tiêu chí 9: 1 điểm - Đạt

Tiêu chuẩn 9.5. Hàng năm, trường có kế hoạch cụ thể và các biện pháp thực hiện việc cải thiện, nâng cao chất lượng đào tạo trên cơ sở kết quả tự đánh giá và kết quả đánh giá ngoài nếu có.

Mô tả

- Năm 2017 Trường Cao đẳng Bến Tre chuyển sự quản Nhà nước từ Bộ GD&ĐT sang Bộ LĐTBXH. Năm 2018, thực hiện Quyết định số 345/QĐ-LĐTBXH ngày 29/3/2018 của Bộ Trưởng Bộ Lao động –Thương binh và Xã hội về việc sáp nhập Trường Trung cấp Văn hóa nghệ thuật Bến Tre và Trường Trung cấp y tế Bến Tre vào Trường cao đẳng Bến Tre nên Trường thực hiện Tự đánh giá.

- Năm 2019 là năm đầu tiên Trường cao đẳng Bến Tre xây dựng kế hoạch Tự đánh giá chất lượng nên chưa có kế hoạch cụ thể và các biện pháp thực hiện việc cải thiện, nâng cao chất lượng đào tạo trên cơ sở kết quả tự đánh giá.

Phân tích

Đây là lý do khách quan do Trường mới chuyển đổi hệ thống quản lý và là năm đầu khi sáp nhập hai trường trung cấp vào trường Cao đẳng Bến Tre.

Nhận định

Khi Tự đánh giá cơ sở giáo dục của Trường cao đẳng trong năm 2019 thì Trường sẽ tiến hành có kế hoạch cụ thể và các biện pháp thực hiện việc cải thiện, nâng cao chất lượng đào tạo.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5, tiêu chí 9: 1 điểm - Đạt

Tiêu chuẩn 9.6. *Trường có tỉ lệ 80% người học có việc làm phù hợp với chuyên ngành hoặc nghề đào tạo sau 6 tháng kể từ khi tốt nghiệp.*

Mô tả

Hoạt động đào tạo đáp ứng nhu cầu của người học và thị trường lao động là mục tiêu trọng tâm được Nhà trường quan tâm, việc điều tra người học có việc làm sau khi tốt nghiệp ra trường nhằm thu thập thông tin về tình hình người học ra trường tham gia vào thị trường lao động, để thông qua đó nhà trường có cơ sở đánh giá chất lượng đào tạo, nội dung, chương trình đào tạo. Nhà trường đã xây dựng kế hoạch khảo sát học sinh tốt nghiệp ra trường [9.1.01], nhà trường còn tiếp xúc với các doanh nghiệp xin ý kiến các doanh nghiệp về chất lượng đào tạo, kiến thức, kỹ năng của học sinh [9.1.01]. Tuy nhiên việc khảo sát 80% người học có việc làm phù hợp với chuyên ngành hoặc nghề đào tạo sau 6 tháng kể từ khi tốt nghiệp chưa có kế hoạch cụ thể mà chỉ có theo dõi qua gọi điện cho HSSV [9.6.01]

Phân tích

Qua khảo sát Trường nhận biết được nhu cầu đào tạo nhà trường đã đáp ứng nhu cầu xã hội. Nhưng Trường chưa trực tiếp khảo sát bằng phiếu HSSV có việc làm sau khi tốt nghiệp ra trường 6 tháng sau và việc làm của HSSV có phù hợp với ngành nghề đào tạo hay không.

Nhận định

Đa số học sinh tốt nghiệp ra trường có việc làm phù hợp với ngành nghề đào tạo. Nhà trường thường xuyên giữ mối liên lạc với học sinh để nắm bắt về tình hình việc làm của học sinh sau khi tốt nghiệp, thông qua đó để biết người học có việc làm và mức độ phát huy kiến thức chuyên môn đã học ở trong nhà trường.

Hoạt động khảo sát, điều tra học sinh tốt nghiệp ra trường mới thực hiện trên điện thoại, chưa thực bằng phiếu khảo sát nên việc đánh giá chưa sâu, tính thuyết phục chưa cao.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6, tiêu chí 9: 1 điểm – Đạt

PHẦN III. TỔNG HỢP KẾ HOẠCH NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP

Qua tổng hợp kết quả tự đánh giá, Nhà trường đã đạt 86/100 tiêu chuẩn trong tổng số 9 tiêu chí theo quy định của BLĐTBXH về chất lượng trường cao đẳng. Trong thời gian tới, ngoài việc tiếp tục phát huy những thế mạnh đã có qua các tiêu chuẩn đạt yêu cầu. Nhà trường sẽ bổ sung, hoàn thành những tiêu chuẩn còn chưa đạt trong báo cáo này để từng bước hoàn thiện đủ 100 tiêu chuẩn của Bộ LĐTBXH đưa ra đạt chuẩn trường Cao đẳng.

Để đáp ứng được yêu cầu đòi hỏi về nhân lực của xã hội đối với lực lượng lao động qua đào tạo, trong năm tiếp theo trên cơ sở Chính sách, mục tiêu bảo đảm chất lượng, các đơn vị phòng ban, khoa, trung tâm trong nhà trường tiếp tục phát huy những ưu điểm đã có đồng thời xây dựng và thực hiện các kế hoạch công việc chưa làm được hoặc thực hiện chưa thành công trong năm qua. Cụ thể

1. Tổ chức và quản lý

Nhà trường tiến hành xây dựng Chiến lược Phát triển Trường Cao đẳng Bến Tre giai đoạn 2020 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030. Tiếp tục ổn định công tác tổ chức; tăng cường chỉ đạo thanh tra, kiểm tra công tác quản lý chuyên môn, công tác giảng dạy của giảng viên. Tăng cường bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý và bố trí nhân sự cho

đầy đủ, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ được phân công. Nhà trường tăng cường công tác đào tạo, liên kết đào tạo để tạo nguồn kinh phí ổn định, tiến đến lộ trình tự chủ theo quy định. Nhà trường sẽ hoàn chỉnh các thủ tục về thành lập Hội đồng trường. Nâng cao hơn nữa vai trò lãnh đạo toàn diện của tổ chức Đảng trong nhà trường.

2. Công tác tuyển sinh, giảng dạy, đào tạo

- Tăng cường hơn nữa công tác tuyên truyền, tư vấn hướng nghiệp tại các trường THPT, các trường THCS, mở rộng địa bàn tuyển sinh, tiếp tục đa dạng hóa ngành nghề và hình thức đào tạo, Tăng số lượng doanh nghiệp liên kết với trường, hợp tác cùng nhau tuyển sinh theo địa chỉ để tạo nguồn học sinh cho nhà trường và nhân lực cho doanh nghiệp qua đào tạo đồng thời giải quyết việc làm sau khi tốt nghiệp cho người học.

- Xây dựng kế hoạch tổ chức thu thập ý kiến đánh giá định kỳ trong về việc đổi mới phương pháp giảng dạy theo hướng tăng số lượng bài giảng tích hợp, tăng thời gian thực hành, luyện tập kỹ năng và giảm bớt thời gian giảng dạy lý thuyết.

- Áp dụng công nghệ thông tin một cách triệt để trong công tác xây dựng, quản lý kế hoạch đào tạo, kiểm soát tiến độ giảng dạy của giáo viên, quản lý cơ sở dữ liệu của đào tạo.

- Tiếp tục tổ chức xây dựng các chương trình đào tạo liên thông cho các nghề ở các cấp trình độ khác nhau và mở rộng đào tạo tới mọi đối tượng có nhu cầu.

- Đầu tư thiết bị đa phương tiện, đồ dùng dạy học cho các phòng học tạo điều kiện tốt cho hoạt động dạy và học. Phấn đấu 100% giáo viên sử dụng thành thạo thiết bị đa phương tiện, ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy.

- Tăng cường liên kết với các doanh nghiệp, công ty, các đơn vị để phối hợp đào tạo gắn với doanh nghiệp, thực hành, thực tập nâng cao kỹ năng tay nghề cho người học và giúp cho giáo viên cập nhật những tiến bộ khoa học kỹ thuật mới với mục đích đáp ứng được yêu cầu của các công ty, doanh nghiệp về chất lượng lao động qua đào tạo của nhà trường.

3. Giáo viên và cán bộ quản lý

Trường tập trung xây dựng kế hoạch đưa CBVC đi bồi dưỡng về kỹ năng tay nghề, nâng cao trình độ lý luận chính trị, ngoại ngữ, tin học, đảm bảo đủ chuẩn chức

đánh nghề nghiệp, chức vụ khi bổ nhiệm. Thực hiện nhiều hơn các chính sách nhằm khuyến khích cán bộ giảng viên tham gia học tập nâng cao trình độ, tự trau dồi, bồi dưỡng kiến thức; khuyến khích giảng viên học ngoại ngữ nhằm gia tăng cơ hội học tập nâng cao trình độ; tăng cường công tác dự giờ nhằm đánh giá đúng chất lượng giảng dạy.

- Chủ động đẩy mạnh việc liên kết với các đơn vị, nhất là các đơn vị thuộc lĩnh vực các ngành nghề trọng điểm của nhà trường để giáo viên có điều kiện đi thực tế tiếp cận công nghệ, Khoa học kỹ thuật mới được doanh nghiệp ứng dụng, kỹ năng mới,...nhằm nâng cao kỹ năng tay nghề, trình độ chuyên môn cho giáo viên, đặc biệt là hợp tác liên kết đào tạo và việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp ra trường.

4. Chương trình, giáo trình

Nhà trường tiếp tục rà soát, cập nhật, điều chỉnh chương trình đào tạo theo quy định. Đặc biệt chú trọng đến kiến thức chuyên môn, kỹ năng nghề và có tính liên thông. Tăng cường các mối quan hệ với các chuyên gia từ các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có uy tín để thúc đẩy họ tham gia trực tiếp vào Hội đồng biên soạn, Hội đồng thẩm định chương trình, giáo trình. Động viên, khuyến khích giáo viên, giảng viên biên soạn giáo trình phục vụ cho công tác dạy và học. Đồng thời tích cực tham khảo các chương trình, giáo trình dạy nghề của các nước tiên tiến để cập nhật chương trình, giáo trình nhằm nâng cao chất lượng đào tạo.

5. Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và Thư viện

Đề xuất Ủy ban nhân dân Tỉnh đầu tư cơ sở vật chất đáp ứng yêu cầu mở rộng quy mô và nâng cao chất lượng đào tạo giai đoạn 2020-2025.

Tiếp tục thực hiện Đề án đầu tư nghề trọng điểm, trang bị thiết bị đào tạo thực hành cho các nghề trọng điểm nhằm đáp ứng nhu cầu thực tiễn đồng thời mở rộng quy mô đào tạo cho một số nghề mới như nghề: Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử; Chăn nuôi; Chế biến và bảo quản thủy sản; Điều dưỡng, Hướng dẫn Du lịch...

Năm 2020 nhà trường triển khai sửa chữa, nâng cấp Khối Nhà Hiệu bộ, xây mới khu vệ sinh phục vụ HSSV, sửa chữa Ký túc xá (cơ sở 1). Tiếp tục đề xuất Ủy ban nhân dân Tỉnh đầu tư cơ sở vật chất giai đoạn 2020-2025 đáp ứng yêu cầu đào tạo và quy mô phát triển của nhà trường: Xây mới các khối phòng học lý thuyết; khối phòng học thực hành và các nhà xưởng cho các khối ngành Kinh tế, Văn hóa, Y Dược, Kỹ thuật; xây dựng trại thực nghiệm Nông-Lâm-Thủy sản; Vườn thực hành; khu vui chơi

VH-TDĐT, Ký túc xá, đường nội bộ và hàng rào kiên cố khuôn viên trường; sửa chữa, nâng cấp Khối phòng học D, Nhà thí nghiệm, Nhà tập đa năng, Giảng đường.

Đầu tư mua sắm bổ sung, thay thế các loại máy móc, thiết bị mới phù hợp với chương trình đào tạo và nhu cầu học tập, nghiên cứu của nhà trường.

6. Nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và hợp tác quốc tế

- Nhà trường tiếp tục cải tiến chính sách khuyến khích CBGV, SV tham gia NCKH và ứng dụng kết quả NCKH, SKKN vào thực tiễn công tác, giảng dạy, học tập. Tập trung đăng ký thực hiện đề tài có tính ứng dụng cao, nhất là nghiên cứu nâng cao chất lượng đào tạo các nghề trọng điểm.

- Nâng cao chất lượng các hình thức sinh hoạt chuyên đề, thông tin khoa học tại đơn vị khoa.

- Tạo điều kiện, khuyến khích CB-GV tham gia các hội thảo khoa học do các trường đại học, học viện tổ chức, từ đó tăng số lượng, chất lượng các bài báo khoa học đăng trên tạp chí, kỷ yếu khoa học.

- Tăng cường đầu tư thực hiện loại hình đề tài NCKH ứng dụng phục vụ cho việc đổi mới phương pháp dạy học, rèn luyện kỹ năng cho người học; chú trọng loại hình nghiên cứu sáng tạo, tự làm đồ dùng, thiết bị dạy học mới phù hợp thực tiễn nghề nghiệp từng chuyên ngành.

- Có kế hoạch tổ chức khảo sát, tổng kết, đánh giá hiệu quả việc áp dụng các đề tài NCKH, SKKN vào việc nâng cao chất lượng đào tạo và đổi mới quản lý giáo dục.

- Các đơn vị phòng, khoa chủ động liên hệ, hợp tác với cơ quan, doanh nghiệp, cơ sở giáo dục ký kết hợp đồng ứng dụng, chuyển giao công nghệ, thương mại hóa sản phẩm nghiên cứu của CBGD của đơn vị.

- Tiếp tục thực hiện mô hình liên kết với các Trung tâm, Liên hiệp hội KH-Kỹ thuật, Sở KH-CN địa phương giúp CBGV có điều kiện tiếp cận sâu hơn những chương trình KH-CN trọng điểm để định hướng nội dung nghiên cứu và địa chỉ áp dụng.

- Tổ chức các chuyến đi thực tế trường bạn nhằm trao đổi kinh nghiệm về nghiên cứu ứng dụng, đồng thời kết nối đối tác có nhiều tiềm năng để hợp tác NCKH, chuyển giao công nghệ.

- Nâng cấp và khai thác có hiệu quả website của trường, nâng cao hiệu quả truyền thông, quảng bá công tác, NCKH, QHQT.

- Trường cần có lộ trình đầu tư cho bộ phận QHQT từ cơ chế hoạt động, nhân lực, cơ sở vật chất đáp ứng yêu cầu mở rộng quan hệ hợp tác với các cơ sở đào tạo, NCKH và các tổ chức quốc tế.

7. Quản lý tài chính

Khai thác nguồn kinh phí từ các đề tài, Dự án, chương trình hợp tác quốc tế và chuyển giao công nghệ gia tăng nguồn lực cho nhà trường.

Tăng cường công tác quản lý, khai thác thiết bị thực hiện liên doanh, liên kết đào tạo với thực tế sản xuất nhằm rèn luyện kỹ năng cho HSSV, nâng cao chất lượng đào tạo.

Trong các năm tiếp theo, Nhà trường giao quyền chủ động cho các Trung tâm, các Khoa thực hiện các biện pháp tích cực tăng nguồn thu hợp pháp cho trường.

Triển khai thực hiện quy chế quản lý, sử dụng tài sản công có hiệu lực từ 01/01/2020, trong đó thực hiện tốt các quy định về quản lý, lập và theo dõi hồ sơ tài sản, thiết bị dụng cụ; bảo dưỡng, sửa chữa trang thiết bị và báo cáo tình hình khai thác, sử dụng trang thiết bị của các đơn vị hàng năm.

Xây dựng các giải pháp khai thác, sử dụng hiệu quả hơn nữa trang thiết bị phục vụ thực hành, thí nghiệm.

8. Các dịch vụ cho người học nghề

- Duy trì tổ chức gặp gỡ, giao lưu với các doanh nghiệp và họp mặt cựu HS-SV để Nhà trường bổ sung, cải tiến chất lượng đào tạo đáp ứng nhu cầu xã hội và thị trường nhân lực đồng thời nắm bắt được tình hình HS-SV có việc làm sau khi tốt nghiệp.

- Xây dựng kế hoạch liên hệ thường xuyên với doanh nghiệp, cựu HSSV nhà trường để nắm được thông tin về người học sau khi tốt nghiệp và việc làm thu nhập ban đầu.

Hàng năm, trường định kỳ khảo sát tỷ lệ HS-SV sau khi tốt nghiệp có việc làm và việc làm phù hợp chuyên ngành được đào tạo; tăng cường nghiên cứu, ứng dụng công nghệ thông tin để khai thác thông tin phản hồi của các cơ quan, nhà tuyển dụng về chất lượng đào tạo của trường, đánh giá năng lực của người tốt nghiệp và phản hồi của người học về mức độ đáp ứng yêu cầu công việc sau khi tốt nghiệp. Từ đó, nhà trường có sự điều chỉnh nâng cao chất lượng đào tạo theo chuẩn đầu ra đã cam kết.

9. Giám sát , đánh giá chất lượng

Trong năm học 2020 ngoài việc tiếp tục phát huy những mặt mạnh, Nhà trường sẽ tiến hành thực hiện thống kê, thăm dò một cách chính xác hơn về tình hình học sinh tốt nghiệp có việc làm cũng như các đánh giá về chất lượng, hiệu quả, phương thức dạy học.

PHẦN IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Đề xuất

Qua kết quả tự đánh giá chất lượng trường năm 2019, Phòng Thanh tra - Khảo thí và Bảo đảm chất lượng chất lượng đưa ra một số kiến nghị nhằm mục đích đảm bảo chất lượng giáo dục nghề nghiệp của trường đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho công tác kiểm định, đánh giá, cho điểm chất lượng giáo dục nghề nghiệp đúng đắn, trung thực, khách quan như sau:

- Các đơn vị (phòng ban, khoa, bộ môn trực thuộc, trung tâm) nghiên cứu kết quả tự đánh giá chất lượng trường năm 2019 của Hội đồng để nhận thấy những thế mạnh, nhược điểm về hoạt động phục vụ đào tạo giáo dục nghề nghiệp của đơn vị để tiếp tục phát huy những mặt mạnh và đặc biệt bổ sung những hoạt động còn thiếu, củng cố những hoạt động còn yếu, có lưu lại minh chứng theo hướng dẫn số 453/TCGDNN-KĐCL ngày 25/3/2019 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội về việc hướng dẫn đánh giá tiêu chuẩn kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp đối với trường trung cấp, trường cao đẳng năm 2019.

Kiến nghị

- Trường các đơn vị cần phải xem hoạt động cung cấp minh chứng phục vụ tự kiểm định đánh giá chất lượng giáo dục nghề nghiệp là nhiệm vụ của tất cả các đơn vị chứ không của riêng của “Nhóm công tác”. Từ nhận thức đó Ban giám hiệu chỉ đạo toàn trường, Trưởng đơn vị chỉ đạo đơn vị mình các hoạt động đào tạo giáo dục nghề nghiệp bảo đảm chất lượng được thể hiện ở chỗ có đầy đủ minh chứng có sức thuyết phục cho vào hộp minh chứng và gửi về cho phòng Thanh tra - Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục lưu trữ.

Ngày tháng 03 năm 2020

HIỆU TRƯỞNG

Mẫu 3.1. TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP

STT	Tiêu chí, tiêu chuẩn, (ghi đầu đủ nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn)	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của cơ sở GDNN
	ĐỀ XUẤT KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC		<i>Đạt/Không đạt tiêu chuẩn kiểm định</i>
	Tổng điểm	100	86
1	Tiêu chí 1: Mục tiêu, sứ mạng, tổ chức và quản lý	12	12
1.1	Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và sứ mạng của trường được xác định cụ thể, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, thể hiện được vai trò của trường trong việc đáp ứng nhu cầu sử dụng nhân lực của địa phương, ngành và được công bố công khai	1	1
1.2	Tiêu chuẩn 2: Trường ban hành văn bản quy định về tổ chức và quản lý theo hướng đảm bảo quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị trong trường.	1	1
1.3	Tiêu chuẩn 3: Hàng năm, các văn bản quy định về tổ chức và quản lý của trường được rà soát, thực hiện điều chỉnh nếu cần thiết.	1	1
1.4	Tiêu chuẩn 4: Hàng năm, các văn bản quy định về tổ chức và quản lý của trường được rà soát, thực hiện điều chỉnh nếu cần thiết.	1	1
1.5	Tiêu chuẩn 5: Các phòng, khoa, Bộ môn và các đơn vị trực thuộc trường được phân công, phân cấp rõ ràng về chức năng, nhiệm vụ, phù hợp với cơ cấu ngành nghề, quy mô đào tạo và mục tiêu của trường.	1	1
1.6	Tiêu chuẩn 6: Hội đồng trường hoặc hội đồng quản trị, các Hội đồng tư vấn, các phòng, khoa, bộ môn và các đơn vị trực thuộc trường hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ theo quy định và có hiệu quả.	1	1
1.7	Tiêu chuẩn 7: Trường xây dựng và vận hành hệ thống đảm bảo chất lượng theo quy định.	1	1
1.8	Tiêu chuẩn 8: Trường có bộ phận phụ trách thực hiện công tác quản lý, đảm bảo chất lượng đào tạo và hàng năm hoàn thành nhiệm vụ được giao.	1	1
1.9	Tiêu chuẩn 9: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam trong trường phát huy được vai trò lãnh đạo, hoạt động đúng điều lệ và theo quy định của Hiến pháp và pháp luật.	1	1
1.10	Tiêu chuẩn 10: Các đoàn thể, tổ chức xã hội trong trường hoạt động theo đúng điều lệ của tổ chức mình và theo quy định của pháp luật, góp phần đảm bảo và nâng cao chất lượng đào tạo của trường.	1	1
1.11	Tiêu chuẩn 11: Trường có quy định và thực hiện công tác kiểm tra, giám sát các hoạt động của trường theo quy định nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo. Hàng	1	1

	năm rà soát, cải tiến phương pháp, công cụ kiểm tra, giám sát.		
1.12	Tiêu chuẩn 12: Trường có văn bản và thực hiện chế độ, chính sách ưu đãi của Nhà nước cho các đối tượng được thụ hưởng; thực hiện chính sách bình đẳng giới theo quy định.	1	1
2	Tiêu chí 2: Hoạt động đào tạo	17	14
2.1	Tiêu chuẩn 1: Các ngành, nghề đào tạo của trường được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp. Trường ban hành chuẩn đầu ra của từng chương trình đào tạo và công bố công khai để người học và xã hội biết.	1	1
2.2	Tiêu chuẩn 2: Trường xây dựng và ban hành quy chế tuyển sinh theo quy định.	1	1
2.3	Tiêu chuẩn 3: Hàng năm, trường xác định chỉ tiêu tuyển sinh và thực hiện công tác tuyển sinh theo quy định, đảm bảo nghiêm túc, công bằng, khách quan.	1	1
2.4	Tiêu chuẩn 4: Thực hiện đa dạng hoá các phương thức tổ chức đào tạo đáp ứng yêu cầu học tập của người học	1	1
2.5	Tiêu chuẩn 5: Trường xây dựng và phê duyệt kế hoạch, tiến độ đào tạo cho từng lớp, từng khóa học của mỗi ngành hoặc nghề, theo từng học kỳ, năm học. Kế hoạch đào tạo chi tiết đến từng mô đun, môn học, giờ học lý thuyết, thực hành, thực tập phù hợp với từng hình thức, phương thức tổ chức đào tạo và đúng quy định.	1	1
2.6	Tiêu chuẩn 6: Trường tổ chức thực hiện theo kế hoạch đào tạo, tiến độ đào tạo đã được phê duyệt.	1	1
2.7	Tiêu chuẩn 7: Các hoạt động đào tạo được thực hiện theo mục tiêu, nội dung chương trình đào tạo đã được phê duyệt; có sự phối hợp với đơn vị sử dụng lao động trong việc tổ chức, hướng dẫn cho người học thực hành, thực tập các ngành, nghề tại đơn vị sử dụng lao động; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.	1	1
2.8	Tiêu chuẩn 8: Phương pháp đào tạo được thực hiện kết hợp rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn; phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập của người học, tổ chức làm việc theo nhóm.	1	1
2.9	Tiêu chuẩn 9: Trường thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động dạy và học.	1	0
2.10	Tiêu chuẩn 10: Hàng năm, trường có kế hoạch và tổ chức kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học theo đúng kế hoạch.	1	1
2.11	Tiêu chuẩn 11: Hàng năm, trường có báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học; có đề xuất các biện pháp nâng cao chất lượng hoạt động dạy và học; kịp thời điều chỉnh các hoạt động dạy và học theo đề xuất nếu cần thiết.	1	1
2.12	Tiêu chuẩn 12: Trường ban hành đầy đủ các quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ theo quy định.	1	1

2.13	Tiêu chuẩn 13: Trong quá trình đánh giá Kết quả học tập của người học có sự tham gia của đơn vị sử dụng lao động và theo quy định đặc thù của ngành nếu có.	1	0
2.14	Tiêu chuẩn 14: Tổ chức thực hiện kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ theo quy định đảm bảo nghiêm túc, khách quan.	1	1
2.15	Tiêu chuẩn 15: Hàng năm, trường thực hiện rà soát các quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ và kịp thời điều chỉnh nếu cần thiết.	1	1
2.16	Tiêu chuẩn 16: Trường có hướng dẫn và tổ chức thực hiện về đào tạo liên thông theo quy định.	1	0
2.17	Tiêu chuẩn 17: Trường có cơ sở dữ liệu về các hoạt động đào tạo và tổ chức quản lý, sử dụng hiệu quả	1	1
3	Tiêu chí 3: Nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động	15	14
3.1	Tiêu chuẩn 1: Có quy định về việc tuyển dụng, sử dụng, quy hoạch, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động theo quy định.	1	1
3.2	Tiêu chuẩn 2: Tổ chức thực hiện tuyển dụng, sử dụng, quy hoạch, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động theo quy định, đảm bảo công khai, minh bạch, khách quan; thực hiện đầy đủ chính sách, chế độ cho nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động theo quy định.	1	1
3.3	Tiêu chuẩn 3: Đội ngũ nhà giáo của trường tham gia giảng dạy đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ và các tiêu chuẩn hiện hành khác nếu có.	1	1
3.4	Tiêu chuẩn 4: Nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định và không vi phạm quy chế, nội quy và quy định của trường.	1	1
3.5	Tiêu chuẩn 5: Trường có đội ngũ nhà giáo đảm bảo tỷ lệ quy đổi; số lượng nhà giáo cơ hữu đảm nhận khối lượng chương trình mỗi ngành, nghề đào tạo theo quy định; trường đảm bảo tỷ lệ nhà giáo có trình độ sau đại học theo quy định.	1	1
3.6	Tiêu chuẩn 6: Nhà giáo giảng dạy theo nội dung, Mục tiêu của chương trình đào tạo và thực hiện đầy đủ các yêu cầu của chương trình đào tạo.	1	1
3.7	Tiêu chuẩn 7: Trường có chính sách, biện pháp và thực hiện các chính sách, biện pháp khuyến khích nhà giáo học tập và tự bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đổi mới phương pháp giảng dạy.	1	1
3.8	Tiêu chuẩn 8: Hàng năm, trường có kế hoạch và triển khai kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và phương pháp giảng dạy cho đội ngũ nhà giáo.	1	1
3.9	Tiêu chuẩn 9: Nhà giáo được bồi dưỡng, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động để cập nhật kiến thức, công nghệ, phương pháp tổ chức quản lý sản xuất theo quy định và thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.	1	1

3.10	Tiêu chuẩn 10: Hàng năm, trường thực hiện tổng kết, đánh giá hiệu quả công tác đào tạo, bồi dưỡng đối với đội ngũ nhà giáo.	1	0
3.11	Tiêu chuẩn 11: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng của trường đáp ứng các tiêu chuẩn theo quy định và thực hiện đúng quyền hạn, trách nhiệm được giao.	1	1
3.12	Tiêu chuẩn 12: Đội ngũ cán bộ quản lý của các đơn vị thuộc trường được bổ nhiệm, miễn nhiệm theo quy định.	1	1
3.13	Tiêu chuẩn 13: Đội ngũ cán bộ quản lý của trường đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ; thực hiện đúng quyền hạn và nhiệm vụ được giao.	1	1
3.14	Tiêu chuẩn 14: Hàng năm, trường có kế hoạch và triển khai kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý.	1	1
3.15	Tiêu chuẩn 15: Đội ngũ viên chức, người lao động của trường đủ số lượng, có năng lực chuyên môn đáp ứng yêu cầu công việc được giao, được định kỳ bồi dưỡng nâng cao trình độ.	1	1
4	Tiêu chí 4: Chương trình, giáo trình	15	12
4.1	Tiêu chuẩn 1: Có đầy đủ chương trình đào tạo các chuyên ngành hoặc nghề mà trường đào tạo.	1	1
4.2	Tiêu chuẩn 2: 100% chương trình đào tạo được xây dựng hoặc lựa chọn theo quy định.	1	1
4.3	Tiêu chuẩn 3: Chương trình đào tạo của trường thể hiện được mục tiêu đào tạo của trình độ tương ứng; quy định chuẩn kiến thức, kỹ năng của người học đạt được sau tốt nghiệp; phạm vi và cấu trúc nội dung, phương pháp và hình thức đào tạo; cách thức đánh giá kết quả học tập đối với từng mô đun, môn học, từng chuyên ngành hoặc nghề và từng trình độ theo quy định.	1	1
4.4	Tiêu chuẩn 4: Chương trình đào tạo được xây dựng có sự tham gia của nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục nghề nghiệp, cán bộ khoa học kỹ thuật của đơn vị sử dụng lao động; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.	1	1
4.5	Tiêu chuẩn 5: Chương trình đào tạo đảm bảo tính thực tiễn và đáp ứng sự thay đổi của thị trường lao động.	1	1
4.6	Tiêu chuẩn 6: Chương trình đào tạo được xây dựng bảo đảm việc liên thông giữa các trình độ giáo dục nghề nghiệp với các trình độ đào tạo khác trong hệ thống giáo dục quốc dân theo quy định.	1	1
4.7	Tiêu chuẩn 7: Ít nhất 3 năm 1 lần trường thực hiện đánh giá, cập nhật và điều chỉnh nếu có đối với chương trình đào tạo đã ban hành.	1	1
4.8	Tiêu chuẩn 8: Chỉnh sửa, bổ sung chương trình đào tạo có cập nhật nhưng thành tựu khoa học công nghệ tiên tiến liên quan đến ngành, nghề đào tạo hoặc tham khảo các chương trình đào tạo tương ứng của nước ngoài.	1	1
4.9	Tiêu chuẩn 9: Trước khi tổ chức đào tạo liên thông, trường căn cứ chương trình đào tạo, thực hiện rà soát các mô đun, tín chỉ, môn học và có quyết định đối với các mô đun, tín chỉ, môn học mà người học không phải học để đảm bảo quyền lợi của	1	0

	người học.		
4.10	Tiêu chuẩn 10: Có đủ giáo trình cho các mô đun, môn học của từng chương trình đào tạo.	1	1
4.11	<i>Tiêu chuẩn 11: 100% giáo trình đào tạo được xây dựng hoặc lựa chọn theo quy định để làm tài liệu giảng dạy, học tập chính thức.</i>	1	0
4.12	Tiêu chuẩn 12: Giáo trình đào tạo cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô đun, môn học trong chương trình đào tạo.	1	1
4.13	Tiêu chuẩn 13: Giáo trình đào tạo tạo điều kiện để thực hiện phương pháp dạy học tích cực.	1	1
4.14	Tiêu chuẩn 14: Hàng năm, trường thực hiện việc lấy ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý, cán bộ khoa học kỹ thuật của đơn vị sử dụng lao động, người tốt nghiệp về mức độ phù hợp của giáo trình đào tạo; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.	1	1
4.15	<i>Tiêu chuẩn 15: Khi có sự thay đổi về chương trình đào tạo, trường thực hiện đánh giá, cập nhật và điều chỉnh nếu có đối với giáo trình đào tạo đảm bảo yêu cầu theo quy định.</i>	1	0
5	Tiêu chí 5: Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện	15	12
5.1	Tiêu chuẩn 1: Địa điểm xây dựng trường phù hợp với quy hoạch chung của khu vực và mạng lưới các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, khu đất xây dựng cần đảm bảo yên tĩnh cho việc giảng dạy và học tập; giao thông thuận tiện và an toàn; thuận tiện cho việc cung cấp điện, nước, đảm bảo khoảng cách đối với các xí nghiệp công nghiệp thải ra chất độc hại; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.	1	1
5.2	Tiêu chuẩn 2: Quy hoạch tổng thể mặt bằng khuôn viên hợp lý, phù hợp với công năng và các yêu cầu giao thông nội bộ, kiến trúc và môi trường sư phạm; diện tích đất sử dụng, diện tích cây xanh đảm bảo theo quy định.	1	1
5.3	Tiêu chuẩn 3: Có đủ các khu vực phục vụ hoạt động của trường theo tiêu chuẩn: khu học tập và nghiên cứu khoa học (phòng học lý thuyết, phòng học thực hành, phòng thí nghiệm và phòng học chuyên môn); khu thực hành (xưởng thực hành, thực tập, trại trường, vườn thí nghiệm); khu vực rèn luyện thể chất; khu hành chính quản trị, phụ trợ và khu phục vụ sinh hoạt cho người học và nhà giáo.	1	1
5.4	Tiêu chuẩn 4: Hệ thống hạ tầng kỹ thuật của trường (đường giao thông nội bộ; hệ thống điện; cấp thoát nước, xử lý nước thải, chất thải; thông gió; phòng cháy chữa cháy) theo quy chuẩn và đáp ứng nhu cầu đào tạo, sản xuất, dịch vụ, sinh hoạt; được bảo trì, bảo dưỡng theo quy định.	1	1
5.5	Tiêu chuẩn 5: Phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa bảo đảm quy chuẩn xây dựng, tiêu chuẩn cơ sở vật chất hiện hành và các yêu cầu công nghệ của thiết bị đào tạo.	1	1
5.6	Tiêu chuẩn 6: Trường có quy định về quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo.	1	1
5.7	Tiêu chuẩn 7: Phòng học, giảng đường, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa được sử dụng theo quy định hiện hành.	1	1

5.8	Tiêu chuẩn 8: Thiết bị đào tạo đáp ứng danh mục và tiêu chuẩn thiết bị tối thiểu theo yêu cầu đào tạo của từng trình độ đào tạo theo chuyên ngành hoặc nghề do cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp ở trung ương quy định. Đối với các chuyên ngành hoặc nghề mà cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp ở trung ương chưa ban hành danh mục và tiêu chuẩn thiết bị tối thiểu thì trường đảm bảo thiết bị đào tạo đáp ứng yêu cầu chương trình đào tạo, tương ứng quy mô đào tạo của chuyên ngành hoặc nghề đó.	1	1
5.9	Tiêu chuẩn 9: Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo được bố trí hợp lý, an toàn, thuận tiện cho việc đi lại, vận hành, bảo dưỡng và tổ chức hướng dẫn thực hành; đảm bảo các yêu cầu sự phạm, an toàn vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường.	1	1
5.10	Tiêu chuẩn 10: Trường có quy định về quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo, trong đó có quy định về việc định kỳ đánh giá và đề xuất biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng thiết bị đào tạo.	1	0
5.11	Tiêu chuẩn 11: Thiết bị đào tạo có hồ sơ quản lý rõ ràng, được sử dụng đúng công năng, quản lý, bảo trì, dưỡng theo quy định của trường và nhà sản xuất; Hàng năm đánh giá và đề xuất biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng theo quy định.	1	1
5.12	Tiêu chuẩn 12: Trường có định mức tiêu hao vật tư hoặc định mức kinh tế - kỹ thuật trong đào tạo và có quy định về quản lý, cấp phát, sử dụng vật tư, phục vụ đào tạo; tổ chức thực hiện theo quy định đảm bảo kịp thời, đáp ứng kế hoạch và tiến độ đào tạo; vật tư được bố trí sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp thuận tiện cho việc bảo quản và sử dụng.	1	0
5.13	Tiêu chuẩn 13: Trường có thư viện bao gồm phòng đọc, phòng lưu trữ bảo đảm theo tiêu chuẩn thiết kế. Thư viện có đủ chương trình, giáo trình đã được trường phê duyệt, mỗi loại giáo trình đảm bảo tối thiểu 05 bản in.	1	0
5.14	Tiêu chuẩn 14: Tổ chức hoạt động, hình thức phục vụ của thư viện trường phù hợp với nhu cầu tra cứu của cán bộ quản lý, nhà giáo và người học.	1	1
5.15	Tiêu chuẩn 15: Trường có thư viện điện tử, có phòng máy tính đáp ứng nhu cầu tra cứu, truy cập thông tin của nhà giáo và người học; các giáo trình, tài liệu tham khảo của trường được số hóa và tích hợp với thư viện điện tử phục vụ hiệu quả cho hoạt động đào tạo.	1	1
6	Tiêu chí 6: Nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và hợp tác quốc tế -	5	4
6.1	Tiêu chuẩn 1: Trường có chính sách và thực hiện các chính sách khuyến khích cán bộ quản lý, nhà giáo và nhân viên tham gia nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến và chuyển giao công nghệ nhằm nâng cao hiệu quả, chất lượng đào tạo.	1	1
6.2	Tiêu chuẩn 2: Hàng năm, trường có đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến từ cấp trường trở lên phục vụ thiết thực công tác đào tạo của trường (ít nhất 01 đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến đối với trường trung cấp, ít nhất 02 đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến đối với trường cao đẳng)	1	1
6.3	Tiêu chuẩn 3: Hàng năm, trường có các bài báo, ấn phẩm của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động đăng trên các báo, tạp chí khoa học ở trong nước hoặc quốc tế.	1	1
6.4	Tiêu chuẩn 4: Các đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến của trường được	1	1

	ứng dụng thực tiễn.		
6.5	Tiêu chuẩn 5: Có liên kết đào tạo hoặc triển khai các hoạt động hợp tác với các trường nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế; các hoạt động hợp tác quốc tế góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của trường.	1	0
7	Tiêu chí 7: Quản lý tài chính	6	6
7.1	Tiêu chuẩn 1: Trường có quy định về quản lý, sử dụng, thanh quyết toán về tài chính theo quy định và công bố công khai.	1	1
7.2	Tiêu chuẩn 2: Quản lý, sử dụng các nguồn thu từ hoạt động dịch vụ đào tạo; tham gia sản xuất, kinh doanh, dịch vụ đúng theo quy định.	1	1
7.3	Tiêu chuẩn 3: Trường có các nguồn lực về tài chính đảm bảo đủ kinh phí phục vụ các hoạt động của trường.	1	1
7.4	Tiêu chuẩn 4: Thực hiện việc quản lý, sử dụng và thanh quyết toán đúng quy định.	1	1
7.5	Tiêu chuẩn 5: Thực hiện công tác tự kiểm tra tài chính kế toán; thực hiện kiểm toán theo quy định; xử lý, khắc phục kịp thời các vấn đề còn vướng mắc trong việc thực hiện các quy định về quản lý và sử dụng tài chính khi có kết luận của các cơ quan có thẩm quyền; thực hiện công khai tài chính theo quy định.	1	1
7.6	Tiêu chuẩn 6: Hàng năm, trường có đánh giá hiệu quả sử dụng nguồn tài chính của trường; có các biện pháp nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng tài chính nhằm nâng cao chất lượng các hoạt động của trường.	1	1
8	Tiêu chí 8: Dịch vụ người học	9	8
8.1	Tiêu chuẩn 1: Người học được cung cấp đầy đủ thông tin về mục tiêu, chương trình đào tạo; quy chế kiểm tra, thi và xét công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế của trường; các chế độ, chính sách hiện hành đối với người học; các điều kiện đảm bảo chất lượng dạy và học theo quy định.	1	1
8.2	Tiêu chuẩn 2: Người học được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định	1	1
8.3	Tiêu chuẩn 3: Có chính sách và thực hiện chính sách khen thưởng, khuyến khích kịp thời đối với người học đạt kết quả cao trong học tập, rèn luyện. Người học được hỗ trợ kịp thời trong quá trình học tập tại trường để hoàn thành nhiệm vụ học tập.	1	1
8.4	Tiêu chuẩn 4: Người học được tôn trọng và đối xử bình đẳng, không phân biệt giới tính, tôn giáo, nguồn gốc xuất thân.	1	1
8.5	Tiêu chuẩn 5: Ký túc xá đảm bảo đủ diện tích nhà ở và các điều kiện tối thiểu (chỗ ở, điện, nước, vệ sinh, các tiện nghi khác) cho sinh hoạt và học tập của người học	1	1
8.6	Tiêu chuẩn 6: Có dịch vụ y tế chăm sóc và bảo vệ sức khỏe; dịch vụ ăn uống của trường đáp ứng nhu cầu của người học và đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm.	1	1
8.7	Tiêu chuẩn 7: Người học được tạo điều kiện hoạt động, tập luyện văn nghệ, thể dục thể thao, tham gia các hoạt động xã hội; được đảm bảo an toàn trong khuôn viên trường.	1	1

8.8	Tiêu chuẩn 8: Trường thực hiện việc tư vấn việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp.	1	1
8.9	Tiêu chuẩn 9: Hàng năm, trường tổ chức hoặc phối hợp tổ chức hội chợ việc làm để người học tiếp xúc với các nhà tuyển dụng.	1	0
9	Tiêu chí 9: Giám sát, đánh giá chất lượng	6	4
9.1	Tiêu chuẩn 1: Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 10 đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động.	1	1
9.2	<i>Tiêu chuẩn 2: Hàng năm, thu thập ý kiến đánh giá tối thiểu 50% cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động về các chính sách liên quan đến dạy và học, chính sách tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại, bổ nhiệm cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động.</i>	<i>1</i>	<i>1</i>
9.3	<i>Tiêu chuẩn 3: Hàng năm, thu thập ý kiến đánh giá tối thiểu 30% người học đại diện các ngành, nghề đào tạo về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo; chất lượng dịch vụ, giảng dạy và việc thực hiện chính sách liên quan đến người học của trường</i>	<i>1</i>	<i>0</i>
9.4	<i>Tiêu chuẩn 4: Trường thực hiện hoạt động tự đánh giá chất lượng và kiểm định chất lượng theo quy định.</i>	<i>1</i>	<i>0</i>
9.5	Tiêu chuẩn 5: Hàng năm, trường có kế hoạch cụ thể và các biện pháp thực hiện việc cải thiện, nâng cao chất lượng đào tạo trên cơ sở kết quả tự đánh giá và kết quả đánh giá ngoài nếu có.	1	1
9.6	Tiêu chuẩn 6: Trường có tỷ lệ 80% người học có việc làm phù hợp với chuyên ngành hoặc nghề đào tạo sau 6 tháng kể từ khi tốt nghiệp.	1	1